



NGÂN HÀNG THẾ GIỚI
TẠI VIỆT NAM

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

DỰ ÁN TF 051032

CHÍNH SÁCH AN TOÀN MÔI TRƯỜNG CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI

Hướng Dẫn Kỹ Thuật

các ngành Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ



NGÂN HÀNG THẾ GIỚI
TẠI VIỆT NAM

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

DỰ ÁN TF051032

CHÍNH SÁCH AN TOÀN MÔI TRƯỜNG CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI

Hướng dẫn kỹ thuật
các ngành Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ
Hà Nội, 12-2004

NHỮNG TỪ VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
BP	Thủ tục của Ngân hàng
CPO	Văn phòng Quản lý Dự án Trung ương
DONRE	Sở Tài nguyên và Môi trường
ĐM	Đánh giá Môi trường ^(*)
ĐTM	Đánh giá Tác động Môi trường
EMP	Kế hoạch Quản lý Môi trường
EMS	Hệ thống Quản lý Môi trường
GIS	Hệ thống Thông tin Địa lý
GOV	Chính phủ Việt Nam
GP	Chỉ dẫn Thực hành
IDF	Quỹ Phát triển Thể chế (của Ngân hàng Thế giới)
IPM	Quản lý Vật hại Tổng hợp
ISO	Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế
JBIC	Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
MOCI	Bộ Văn hoá - Thông tin
MONRE	Bộ Tài nguyên và Môi trường
NEPL	Luật Bảo vệ Môi trường Quốc gia
NHTG	Ngân hàng Thế giới
NGO	Tổ chức Phi Chính phủ
OP	Chính sách Tác nghiệp
PCDP	Kế hoạch Tham vấn Cộng đồng và Công khai hóa Thông tin
PEIA	Đánh giá Tác động Môi trường Sơ bộ

^(*) Chú ý trong tài liệu này, thuật ngữ ĐM được sử dụng để chỉ các hoạt động liên quan đến an toàn môi trường có thể nảy sinh trong quá trình chuẩn bị dự án. Cụ thể là, thuật ngữ này đề cập đến các nghiên cứu về an toàn môi trường được thực hiện cho các dự án Nhóm 1 (A) hoặc 2 (B) theo phân loại của Chính phủ Việt Nam (và Ngân hàng).

PIO	Văn phòng Thực hiện Dự án
PMU	Ban Quản lý Dự án
RP	Kế hoạch Tái định cư
SEA	Đánh giá Môi trường Chiến lược
TOR	Điều khoản Tham chiếu
VEPA	Cục Bảo vệ Môi trường Việt Nam

LỜI CẢM ƠN

Bộ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật thực hiện chính sách an toàn môi trường và xã hội của Ngân hàng Thế giới cho Ngành Giao thông vận tải và Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là sản phẩm chính của Dự án “*Tăng cường việc thực hiện các biện pháp an toàn về môi trường và xã hội ở Việt Nam*” do Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, phối hợp với Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam quản lý và thực hiện. Tài liệu này được biên soạn trên cơ sở tổng hợp từ các báo cáo của Dự án, các tài liệu hướng dẫn và sổ tay của Việt Nam, Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Châu Á, Chương trình Phát triển của Liên Hợp quốc, các tổ chức quốc tế khác và được hoàp thiện trên cơ sở ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành và các cơ quan liên quan, các tổ chức nghiên cứu và đào tạo, các chuyên gia trong nước và quốc tế.

Ban Quản lý Dự án trân trọng cảm ơn Ngân hàng Thế giới và Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tài trợ kinh phí và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện Dự án, cảm ơn tất cả các chuyên gia đã tham gia vào những hoạt động của Dự án, đặc biệt là các cán bộ trực tiếp biên soạn và xuất bản bộ tài liệu hướng dẫn này.

Lần đầu tiên các chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới được biên soạn như một bộ tài liệu Hướng dẫn Kỹ thuật tại Việt Nam nên không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định, Dự án xin tiếp thu các nhận xét và ý kiến đóng góp để tiếp tục hoàn thiện tài liệu.

Chúng tôi hy vọng bộ tài liệu này sẽ giúp ích cho việc đẩy mạnh thực hiện các biện pháp an toàn về môi trường và xã hội đối với các dự án đang và sẽ thực hiện tại Việt Nam, đặc biệt là các dự án do Ngân hàng Thế giới tài trợ, đóng góp một phần vào sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước.

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN QUỐC GIA

TS. Nguyễn Thế Phương

MỤC LỤC

	Trang
Những từ viết tắt	iii
Lời cảm ơn	v
Danh mục các hộp, bảng và hình	ix
Lời giới thiệu	xi
Chú giải thuật ngữ	xv
Phần 1- TỔNG QUAN	
1- Giới thiệu về an toàn môi trường	3
1.1- An toàn môi trường là gì?	3
1.2- Vì sao các chính sách an toàn môi trường lại quan trọng?	6
1.3- Khi nào áp dụng các chính sách an toàn môi trường?	7
2- Các chính sách an toàn môi trường	9
2.1- Chu kỳ dự án	9
2.2- Các quy định của Chính phủ Việt Nam	11
2.3- Các quy định của Ngân hàng Thế giới	18
2.4- So sánh các quy định của Việt Nam và Ngân hàng Thế giới	28
Phần 2- CÁC THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG	
3- Quy trình đánh giá môi trường	33
3.1- Giới thiệu	33
3.2- Sàng lọc	33
3.3- Xác định phạm vi	35
3.4- Đánh giá tác động	43
3.5- Xem xét các phương án thay thế	61
3.6- Giảm thiểu, quản lý và quan trắc các tác động	63
4- Báo cáo các kết quả nghiên cứu đánh giá môi trường	68
4.1- Giới thiệu	68
4.2- Khái quát các nội dung của Báo cáo	68
4.3- Các kỹ thuật trình bày	70

5- Tham vấn cộng đồng và công khai hoá thông tin	77
5.1- Giới thiệu	77
5.2- Vì sao tham vấn cộng đồng và công khai hoá thông tin là quan trọng?	77
5.3- Ai là "Cộng đồng"?	79
5.4- Các quy định và trách nhiệm trong tham vấn cộng đồng	81
5.5- Tóm tắt các kỹ thuật tham vấn cộng đồng	83
5.6- Các quy định và trách nhiệm trong công khai hoá thông tin	85
5.7- Báo cáo các kết quả về tham vấn cộng đồng và công khai hoá thông tin	86
6- Triển khai và thực hiện Kế hoạch Quản lý Môi trường	88
6.1- Giới thiệu	88
6.2- Xây dựng Kế hoạch Quản lý Môi trường	88
6.3- Các biện pháp giảm thiểu, quản lý và quan trắc	91
7- Quản lý quy trình Đánh giá Tác động Môi trường	96
7.1- Giới thiệu	96
7.2- Thời gian	96
7.3- Điều phối viên Đánh giá Môi trường	97
7.4- Hợp đồng với các Tư vấn Đánh giá Môi trường	98
7.5- Lịch trình và chi phí thực hiện	99
7.6- Đảm bảo chất lượng	101
7.7- Kết luận	103
Phần 3- CHÍNH SÁCH AN TOÀN VỀ TÀI SẢN VĂN HÓA	
8- Tài sản văn hoá	107
8.1- Mục tiêu của chính sách và việc áp dụng	107
8.2- Chính sách và thủ tục của Việt Nam và Ngân hàng Thế giới	109
Tài liệu tham khảo	117
Các phụ chương	121

DANH MỤC CÁC HỘP, BẢNG VÀ HÌNH

	Trang
Hộp 2.1: Tóm tắt các nội dung yêu cầu trong bản Đăng ký Đạt Tiêu chuẩn Môi trường đối với các dự án Nhóm 2	16
Hộp 2.2: Tóm tắt các nội dung yêu cầu trong báo cáo ĐTM của các dự án Nhóm 1	17
Hộp 3.1: Ví dụ về đặc điểm dự án của một dự án làm đường và các tác động môi trường có thể xảy ra	38
Hộp 3.2: Xây dựng Ma trận các Tác động Sơ bộ để Xác định phạm vi	39
Hộp 3.3: Mẫu nội dung của một Báo cáo Xác định phạm vi	41
Hộp 3.4: Nội dung chung cho TOR của một nghiên cứu ĐTM	42
Hộp 3.5: Ví dụ về dự báo tiếng ồn do dòng xe giao thông	55
Hộp 3.6: Ví dụ về sử dụng số liệu của các dự án tương tự khác khi thiếu số liệu cụ thể	56
Hộp 4.1: Các thông tin cần thiết trong phần Mô tả dự án	72
Hộp 4.2: Nội dung và các kỹ thuật mô tả môi trường nền	73
Hộp 5.1: Các lợi ích chính của Tham vấn cộng đồng và công khai hóa thông tin	78
Hộp 5.2: Ví dụ về những người có liên quan trong các dự án Phát triển Nông thôn	80
Hộp 5.3: Nội dung mẫu của một Báo cáo Tham vấn cộng đồng	87
Hộp 7.1: Các đặc trưng của một báo cáo ĐM hoàn chỉnh	102
Hộp 8.1: Tài sản văn hoá là gì?	107
Hộp 8.2: OP 4.11 - Chính sách tác nghiệp về Tài sản văn hoá	108
Bảng 1.1: Khái quát chung về quy trình ĐM và các thuật ngữ sử dụng	5
Bảng 2.1: Các chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới	18
Bảng 2.2: Tóm tắt các Quy định về An toàn Môi trường của Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Thế giới	23
Bảng 3.1: Các quy định chính cho công tác sàng lọc	34

Bảng 3.2:	Các quy định chính đối với việc xác định phạm vi	37
Bảng 3.3:	Các quy định chính về Đánh giá Tác động	45
Bảng 3.4:	Các yêu cầu về số liệu nền cơ bản	49
Bảng 3.5:	Các thuật ngữ về Đánh giá Tác động	52
Bảng 3.6:	Ví dụ về tiêu chí mức độ tác động đối với chất lượng không khí	57
Bảng 3.7:	Ví dụ về Tiêu chí mức độ tác động của hệ sinh thái dưới nước	58
Bảng 3.8:	Ví dụ về Tiêu chí mức độ tác động đối với Tác động Xã hội	59
Bảng 3.9:	Khái niệm về mức độ	60
Bảng 3.10:	Các quy định chính về Đánh giá Tác động	62
Bảng 3.11:	Các quy định chính về giảm thiểu, quản lý và quan trắc tác động	65
Bảng 3.12:	Trình tự các biện pháp giảm thiểu theo thứ tự ưu tiên	66
Bảng 4.1:	Tóm tắt các yêu cầu về nội dung của báo cáo đánh giá môi trường	69
Bảng 5.1:	Tham vấn cộng đồng trong quá trình ĐM	82
Bảng 5.2:	Lựa chọn các kỹ thuật tiến hành tham vấn cộng đồng	84
Bảng 6.1:	Các quy định cụ thể của Ngân hàng về thực hiện kế hoạch quản lý môi trường	92
Bảng 8.1:	Chính sách về tài sản văn hóa của NHTG và của Việt Nam	111
Hình 1.1:	Tổng quan về thời điểm áp dụng các Chính sách An toàn Môi trường trong chu kỳ dự án	8
Hình 2.1:	Chu kỳ Dự án của Ngân hàng Thế giới	9
Hình 2.2:	Chu kỳ Dự án của Việt Nam	10
Hình 2.3:	Khái quát các quy định pháp lý liên quan đến ĐTM ở Việt Nam	12
Hình 2.4:	Quy trình ĐTM theo quy định pháp lý của Việt Nam	14
Hình 2.5:	Khái quát (chung) Quy trình thực hiện an toàn môi trường của Ngân hàng Thế giới	22
Hình 3.1:	Ví dụ dự báo tác động đối với chất lượng không khí	54
Hình 7.1:	Một số yếu tố ảnh hưởng đến chi phí của một nghiên cứu ĐM	100
Hình 8.1:	Quy trình thực hiện chính sách an toàn về tài sản văn hóa	114

LỜI GIỚI THIỆU

Việt Nam đang thực hiện nhiều dự án lớn và phức tạp được tài trợ thông qua hình thức hỗ trợ phát triển quốc tế. Nhiều dự án trong số đó có những ảnh hưởng môi trường và xã hội quan trọng cần phải được đánh giá trước khi thực hiện dự án cũng như phải được giám sát trong suốt quá trình thực hiện.

Chính phủ Việt Nam áp dụng các công cụ pháp lý nhằm đảm bảo rằng các ảnh hưởng về môi trường và xã hội phải được đánh giá trước khi cho phép dự án tiến hành thi công và đi vào hoạt động. Đối với những dự án có các tác động được coi là không thể chấp nhận (chẳng hạn như chúng sẽ làm mất các khu cư trú tự nhiên quan trọng) thì chủ dự án phải đưa ra các biện pháp giảm thiểu để ngăn ngừa hoặc giảm các tác động đó đến mức có thể chấp nhận. Trong quá trình thực hiện/vận hành dự án, chủ dự án phải thường xuyên theo dõi các tác động môi trường và xã hội.

Các ngân hàng quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) cũng áp dụng một bộ các thủ tục hay “các chính sách an toàn” để đảm bảo các dự án và các hoạt động phát triển do họ tài trợ không gây ra các tác động xấu tới môi trường và xã hội. Ngân hàng yêu cầu phía đối tác dự án và các cơ quan đối tác khác phải tuân thủ những chính sách này trong quá trình chuẩn bị và thực hiện dự án.

Dự án TF051032 “Tăng cường các biện pháp an toàn môi trường và xã hội ở Việt Nam” do Quỹ Phát triển Thể chế của Ngân hàng Thế giới tài trợ, và được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện. Mục đích của Dự án này nhằm tăng cường thực hiện các chính sách an toàn ở Việt Nam, đặc biệt là hỗ trợ cho các tổ chức và cá nhân ở Việt Nam đang và sẽ thực hiện các dự án do Ngân hàng Thế giới tài trợ như các Văn phòng Quản lý Dự án Trung ương (CPOs) và các Ban quản lý Dự án (PMUs), các nhà tư vấn, nhà

thầu và các bên liên quan khác trong việc xây dựng, nâng cao năng lực thực hiện các hoạt động an toàn môi trường và xã hội.

Cuốn sách này là kết quả của sự nỗ lực phối hợp giữa Ngân hàng Thế giới và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Những hướng dẫn trong cuốn sách này được biên tập lại từ tất cả các sản phẩm của Dự án TF051032 bao gồm: Báo cáo Tổng quan; các Hướng dẫn kỹ thuật về thực hiện chính sách an toàn của Hợp phần 2. Cuốn sách cũng xem xét đến tất cả các ý kiến và phản hồi từ các cuộc hội thảo, tham vấn và các khoá đào tạo do dự án tổ chức.

Mục đích của cuốn sách

Mục đích của cuốn sách này là:

- Giúp người đọc hiểu được tầm quan trọng của các chính sách an toàn;
- Cung cấp các chỉ dẫn thực hiện việc áp dụng và tiến hành các nghiên cứu đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn chuẩn bị và thực hiện dự án theo yêu cầu của Việt Nam và Ngân hàng Thế giới;
- Trình bày và làm rõ các quy định về an toàn môi trường của Việt Nam và Ngân hàng Thế giới, thời điểm và những chính sách an toàn môi trường cần được áp dụng, cách thức thực hiện, báo cáo kết quả, người chịu trách nhiệm; và
- Cung cấp thêm các nguồn thông tin và tài liệu tham khảo liên quan.

Cuốn sách này cũng cung cấp những chỉ dẫn thực hành tốt khi áp dụng các chính sách an toàn môi trường vào trong quá trình thực thi dự án, bao gồm cả ý nghĩa của sự tham vấn cộng đồng và công khai hóa thông tin.

Đối tượng sử dụng cuốn sách

Cuốn sách này dùng cho:

- Các cán bộ cấp trung ương và địa phương, cán bộ của các CPO và PMU có tham gia vào quá trình xây dựng, thiết kế và thực hiện các dự án phát triển có khả năng ảnh hưởng tới môi trường, cụ thể là những người tham gia vào:

- + Xây dựng các Điều khoản Tham chiếu (TOR) và tuyển chọn các chuyên gia thực hiện các nghiên cứu ĐTM cho các dự án đó;
 - + Quản lý việc thực hiện các nghiên cứu ĐTM và đánh giá các kết quả nghiên cứu; và
 - + Quản lý và giám sát việc thực hiện các đề xuất liên quan đến ĐTM trong quá trình thực hiện dự án.
- Các chuyên gia tư vấn và nhóm nghiên cứu là những người trực tiếp thực hiện các nghiên cứu đánh giá tác động môi trường trong các ngành ở Việt Nam;
 - Những người đề xuất, xây dựng và thực hiện các dự án có khả năng gây ra các tác động môi trường.

Bố cục cuốn sách

Cuốn sách này gồm có ba phần chính:

Phần 1- Tổng quan

- *Mục 1:* Trình bày tổng quan về các chính sách an toàn môi trường, vì sao các chính sách này lại quan trọng và khi nào thì áp dụng các chính sách đó (theo chu trình dự án);
- *Mục 2:* Trình bày các khung pháp lý cho các chính sách an toàn, các quy định của Việt Nam và Ngân hàng Thế giới;

Phần 2- Các Thủ tục Đánh giá Môi trường

- *Mục 3:* Đưa ra các bước thực hiện nghiên cứu Đánh giá Môi trường (ĐM). Do không phải tất cả các dự án đều phải tiến hành ĐM, nên phần này được bắt đầu từ việc xem xét khi nào một dự án phải thực hiện ĐM và cung cấp chỉ dẫn thực hiện nghiên cứu này;
- *Mục 4:* Hướng dẫn cách báo cáo kết quả của một nghiên cứu ĐM;
- Tham vấn cộng đồng và công khai hóa thông tin là một công việc quan trọng của quá trình ĐM; và các phương pháp chỉ dẫn thực hiện để tiến hành tham vấn cộng đồng và công khai thông tin liên quan đến các tác động môi trường được trình bày trong *Mục 5*;

- Các kết quả của nghiên cứu ĐM thường phải được sử dụng trong suốt quá trình thực thi dự án. Vì vậy, *Mục 6* hướng dẫn việc đảm bảo thực hiện các kiến nghị về ĐTM;
- Trong *Mục 7*, phần này đưa ra một số lời khuyên đối với việc quản lý quá trình ĐM đứng trên góc độ của chủ dự án. Các lời khuyên chủ yếu về: khi nào thì cần bắt đầu quan tâm đến các chính sách an toàn, làm thế nào để lựa chọn các chuyên gia thực hiện nghiên cứu ĐM, các kỹ năng và chuyên môn cần thiết, làm sao để có được các đề xuất có chất lượng tốt, có tính thực tế và có khả năng áp dụng.

Phần 3- Chính sách an toàn về tài sản văn hoá

- *Mục 8*: Cung cấp nội dung yêu cầu về chính sách Tài sản văn hoá của Việt Nam và Ngân hàng Thế giới bởi tài nguyên văn hoá rất quan trọng vì đây là nguồn thông tin có giá trị về lịch sử và khoa học, là tài sản để phát triển kinh tế - xã hội, là những phần không thể thiếu của bản sắc và thực tiễn văn hoá nhân dân; và được thực hiện trong quá trình ĐTM.

Ngoài các phần trên, cuốn sách còn cung cấp:

- Các tài liệu tham khảo và tài liệu đọc thêm;
- Chú giải thuật ngữ; và
- Các Phụ chương giới thiệu một số công cụ và phương pháp mẫu sử dụng trong quá trình ĐM.

CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ

Nghiên cứu môi trường nền

Là các hoạt động thu thập và phân tích các thông tin về điều kiện/các xu hướng của môi trường hiện có.

Đa dạng sinh học

Sự đa dạng của các dạng sống, thực vật, động vật và các vi sinh vật, các gen và các hệ sinh thái do các sinh vật tạo ra. Thông thường có 3 cấp đa dạng: đa dạng gen, đa dạng loài và đa dạng sinh thái.

Phân tích chi phí - lợi ích

Là phương pháp so sánh các phương án thay thế theo chi phí tương đối phát sinh (kỹ thuật, môi trường và kinh tế) và lợi ích tương đối thu được. Trong phân tích cần bao hàm các hệ số chiết khấu nhằm tính toán đầy đủ yếu tố giá trị thời gian của đồng tiền.

Đánh giá tác động tài sản văn hoá

Thuật ngữ này đề cập đến các tác động có thể xảy ra, cả có lợi và bất lợi của một đề xuất phát triển tới các hình thức di sản văn hoá vật thể của cộng đồng bao gồm: các địa điểm, các công trình, và các di tích khảo cổ học, kiến trúc, lịch sử, tôn giáo, tâm linh, văn hoá, hoặc đến những giá trị thẩm mỹ.

Đánh giá tác động văn hoá

Thuật ngữ này đề cập đến việc đánh giá các tác động tới lối sống của một nhóm đặc biệt hoặc cộng đồng dân cư: một đánh giá tác động văn hoá sẽ xem xét tổng thể các tác động, có lợi và bất lợi của một đề xuất phát triển mà nó có thể tác động. Ví dụ: giá trị, hệ thống tín ngưỡng, phong tục, ngôn ngữ, nền kinh tế, các mối quan hệ với môi trường địa phương và các loài đặc biệt, các tổ chức xã hội và các truyền thống của cộng đồng bị ảnh hưởng.

Tài sản văn hoá

Thuật ngữ này đề cập đến các địa điểm, các công trình hoặc các vật thể có giá trị về khảo cổ học, cổ sinh vật, lịch sử, tôn giáo

hoặc giá trị văn hoá khác, và đề cập đến các đặc điểm môi trường tự nhiên có giá trị văn hoá (ví dụ: mồ mả và các điểm linh thiêng).

Tác động tích luỹ

Là các tác động xảy ra cùng với những tác động khác và ảnh hưởng tới cùng nguồn tài nguyên môi trường hoặc một điểm nhận.

Môi trường

Nhìn chung, không có một định nghĩa thống nhất nào về môi trường trong đánh giá tác động môi trường (ĐTM). Tuy nhiên (trong phạm vi của tài liệu hướng dẫn này) có thể hiểu môi trường là một chuỗi phức tạp các tác động tương hỗ giữa các nhân tố vật lý và sinh học có chức năng duy trì sự sống trên trái đất, bao gồm cả các khía cạnh xã hội và sức khỏe của con người.

Đánh giá Môi trường

Là một quy trình có tính hệ thống nhằm kiểm tra, đánh giá và ghi chép các tác động tiềm ẩn của các hoạt động phát triển đề xuất để các tác động đó được tính đến một cách đầy đủ trong quá trình thiết kế, thực hiện và ra quyết định của dự án. Thuật ngữ Đánh giá Môi trường (Environmental Assessment, viết tắt là “ĐM”) được sử dụng trong cuốn sách này như là một thuật ngữ tổng hợp để chỉ các hoạt động an toàn môi trường滋生 trong các dự án được phân loại Nhóm 1 (A) hoặc Nhóm 2 (B), nghĩa là ĐM bao gồm các nghiên cứu ĐTM đối với dự án Nhóm 1(A) và các ĐTM sơ bộ/Đánh giá môi trường ban đầu/Đăng ký đảm bảo tiêu chuẩn môi trường đối với các dự án Nhóm 2(B).

Đánh giá tác động môi trường

Là một công cụ để xác định và đánh giá các tác động môi trường tiềm ẩn của một dự án đề xuất, đánh giá các phương án thay thế và thiết kế các biện pháp giảm thiểu, quản lý và quan trắc phù hợp. Các dự án và tiểu dự án cần thực hiện ĐTM để giải quyết những vấn đề môi trường quan trọng mà đánh giá môi trường ngành hoặc vùng không đề cập tới.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường

Là tài liệu trong đó trình bày các kết quả của nghiên cứu ĐTM cho những người ra quyết định và cộng đồng.

Kế hoạch quản lý môi trường (EMP)

Là một kế hoạch quản lý có hệ thống nhằm trình bày cụ thể: (a) các biện pháp cần áp dụng trong quá trình thực hiện và vận hành dự án để loại bỏ hoặc khắc phục các tác động tiêu cực tới môi trường, hoặc giảm các tác động đó tới mức chấp nhận được; (b) các hoạt động cần thiết để thực thi các biện pháp đó. EMP là một phần không thể thiếu của ĐM Nhóm A (không kể đến những công cụ khác). ĐM của các dự án Nhóm B có thể có một EMP.

Hệ thống quản lý môi trường

Một cách tiếp cận có hệ thống nhằm khẳng định, thực hiện và đánh giá chính sách môi trường thông qua việc áp dụng một hệ thống có cơ cấu tổ chức, trách nhiệm, chỉ dẫn thực hiện, thủ tục, quy trình và nguồn lực. Thường được áp dụng để đáp ứng các yêu cầu của hệ tiêu chuẩn ISO 14001.

Động vật

Bao gồm tất cả các loài động vật có trong một khu vực nhất định.

Thực vật

Bao gồm tất cả các loài thực vật có trong một khu vực nhất định.

Khu cư trú tự nhiên

Là môi trường vật lý và sinh học trong đó các loài sống dựa trên sự tồn tại của môi trường đó, là nơi hoặc loại khu vực có sự sống tự nhiên của một loài sinh vật hoặc một quần thể.

Môi trường con người

Là các hệ thống và cơ sở vật chất do con người tạo ra, bao gồm các hệ thống kinh tế - xã hội, tài nguyên văn hóa và di sản.

Tác động

Là sự thay đổi trong một khía cạnh (đặc điểm hay xu hướng) của môi trường mà sẽ xảy ra nếu như không có hoạt động của con người.

Quan trắc tác động

Là sự theo dõi các thông số môi trường có khả năng thay đổi trong quá trình thực thi dự án (hoặc về sau) để kiểm tra xem liệu

những thay đổi quan sát được là do hoạt động của dự án tạo ra hay còn có những ảnh hưởng bên ngoài nào khác.

Giảm thiểu

Là việc thực hiện các quyết định hoặc các hoạt động được đưa ra nhằm giảm nhẹ các tác động không mong muốn của một hoạt động để xuất tới môi trường bị ảnh hưởng.

Quan trắc

Là hoạt động có sự quan sát một cách thường xuyên, thông qua việc đo đạc khách quan và theo một lịch trình được sắp đặt của một hoặc nhiều thành phần môi trường để nắm được đặc điểm của các thành phần đó (tình trạng hoặc xu hướng).

Tài nguyên thiên nhiên

Là những yếu tố có giá trị sinh thái học, kinh tế, giải trí, giáo dục hoặc thẩm mỹ học.

Môi trường vật lý

Là những yếu tố có trong tự nhiên nhưng không sống (khí hậu, thời tiết, tiếng ồn, địa hình, thủy văn, chất lượng nước, đất đá, v.v...).

Tham vấn cộng đồng

Là những phương pháp được sử dụng để thông báo, lấy ý kiến hoặc liên lạc với những người có liên quan bị ảnh hưởng bởi một dự án đề xuất.

Tác động tàn dư

Là tác động còn lại sau khi các biện pháp giảm thiểu được áp dụng cho hoạt động đề xuất.

Tài nguyên

Là những yếu tố được con người sử dụng trực tiếp. Tài nguyên có thể tự bản thân nó tái tạo lại hoặc được tái tạo lại một cách liên tục. Tài nguyên không thể tái tạo là tài nguyên mà quá trình sử dụng nó đi kèm với sự mất dần của tài nguyên đó.

Xác định phạm vi

Là hoạt động đầu tiên để xác định một cách sơ bộ các tác động được coi là quan trọng và cần tiến hành đánh giá thêm trong ĐTM.

Quá trình này cũng có thể được sử dụng để xác định các thiết kế/khu vực dự án thay thế cần được đánh giá, để thu thập kinh nghiệm của địa phương về khu vực của dự án cũng như các khu vực phụ cận, và lập kế hoạch cho sự tham gia của cộng đồng. Kết quả của việc xác định phạm vi thường được sử dụng để lập TOR cho DTM hoặc được trình bày trong Báo cáo DTM sơ bộ.

Sàng lọc

Là hoạt động ban đầu nhằm phân loại các dự án để xuất theo khả năng gây hại môi trường của nó và yêu cầu phải có đánh giá môi trường ở mức độ nhất định.

Những người có liên quan

Là những người có khả năng bị ảnh hưởng hoặc chịu tác động bởi một đề xuất dự án, chẳng hạn như người dân địa phương, chủ dự án, cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức liên quan khác.



1

TỔNG QUAN

1- Giới thiệu về an toàn môi trường

1.1- An toàn môi trường là gì?

An toàn môi trường là một tập hợp các hoạt động nhằm đảm bảo rằng các hoạt động phát triển được đề xuất, như: làm đường mới, khai thác rừng, xây dựng và vận hành các công trình thủy lợi v.v..., được thực hiện theo quan điểm môi trường bền vững. Tức là các hoạt động này sẽ không gây ra các tác động xấu tới môi trường sinh vật tự nhiên, môi trường vật lý và con người, bao gồm cả sức khỏe và sự an toàn cộng đồng.

Các hoạt động an toàn môi trường thường hay được áp dụng là:

- **Đánh giá môi trường (ĐTM) (còn gọi là Đánh giá tác động môi trường hoặc DTM):** là nghiên cứu được thực hiện trong quá trình chuẩn bị dự án (thường là một phần của nghiên cứu khả thi) để đánh giá xem liệu dự án có thể gây ra tác động tới môi trường hay không và đề xuất các biện pháp để tránh, ngăn ngừa hoặc giảm các tác động tiêu cực tối mức có thể chấp nhận cũng như tăng cường các tác động tích cực;
- **Kế hoạch quản lý môi trường (EMP):** Là một phần hay là kết quả của nghiên cứu ĐTM trong quá trình chuẩn bị dự án. EMP xác định các biện pháp quản lý và quan trắc cần được thực hiện trong quá trình thực thi dự án (ví dụ: trong quá trình xây dựng và vận hành một con đường mới) nhằm tránh, ngăn ngừa hoặc giảm thiểu các tác động tiêu cực;
- **Hệ thống quản lý môi trường (EMS):** Là một công cụ quản lý được xây dựng nhằm đảm bảo việc thực hiện đầy đủ EMP và các cam kết môi trường khác trong quá trình thực hiện dự án. EMS có thể được chứng nhận theo hệ tiêu chuẩn ISO 14001;
- **Kiểm toán môi trường:** Là đánh giá được thực hiện một lần (trong cả quá trình thực thi dự án) về sự ảnh hưởng của dự án tới môi trường, việc tuân thủ các quy định môi trường và/hoặc tuân thủ EMP hay EMS của dự án. Các kết quả của đánh giá này có thể sử dụng để điều chỉnh EMP và/hoặc đưa ra các hành động đề xuất để lồng ghép vào EMS.

Tài liệu này có nêu cụ thể các công cụ DTM và EMP là những quy định thủ tục/pháp lý của Việt Nam và Ngân hàng Thế giới. Các

EMS và kiểm toán môi trường là những công cụ có thể được áp dụng trong quá trình thực thi dự án. Tuy nhiên cả Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Thế giới đều không coi đó là một yêu cầu bắt buộc.

Tổng quan về đánh giá tác động môi trường

Nghiên cứu đánh giá tác động môi trường (ĐTM) là một trong những hoạt động an toàn môi trường phổ biến nhất. Ngân hàng Thế giới coi ĐTM là một *công cụ để xác định và đánh giá các tác động môi trường tiềm ẩn của một dự án đề xuất, đánh giá các phương án thay thế, và đưa ra các biện pháp quan trắc, quản lý và giảm thiểu phù hợp*.

Môi trường được coi là một tập hợp các yếu tố tự nhiên và con người, tồn tại ở một nơi và trong một thời điểm xác định. Thông thường môi trường được hiểu bao gồm môi trường vật lý, môi trường sinh học và môi trường con người.

Tác động được coi là một sự thay đổi về khía cạnh môi trường mà chúng sẽ không xảy ra nếu như không có hoạt động của con người. Một tác động khi đem lại lợi ích thì cần được tăng cường, nhưng khi là tác động tiêu cực thì cần phải giảm thiểu.

Đánh giá tác động môi trường được thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị của các dự án mà có khả năng gây ra các tác động lớn tới môi trường và hoạt động này sẽ đưa ra những đề xuất cho việc thiết kế và thực hiện dự án một cách tối ưu. Các kết quả nghiên cứu bao gồm những đề xuất về các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu (hoặc giảm), đền bù, quản lý và quan trắc các tác động hoặc khuyến nghị về điều chỉnh nội dung dự án. Các kiến nghị này đôi khi có thể được trình bày dưới hình thức “Kế hoạch quản lý môi trường” (EMP) và kế hoạch đó hoặc một số kiến nghị trên sẽ là một phần của các hợp đồng pháp lý hoặc thỏa thuận vay giữa một bên là người lập dự án/chủ đầu tư với một bên là các cơ quan môi trường quốc gia và Ngân hàng. Sau đó, chủ dự án/Bên vay phải đảm bảo việc thực hiện kế hoạch đó.

Khái quát quy trình ĐM và khái niệm về một số thuật ngữ chính sử dụng trong tài liệu này được trình bày ở Bảng 1.1.

Bảng 1.1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUY TRÌNH ĐM VÀ CÁC THUẬT NGỮ SỬ DỤNG

Sàng lọc	Quyết định việc đánh giá chi tiết một dự án có khả năng gây ra các tác động môi trường/xã hội.	Dự án phải tiến hành đánh giá chi tiết (ĐTM) hay không. Nhìn chung, các dự án fit có khả năng gây ra tác động tiêu cực thì không cần tiến hành đánh giá chi tiết hơn.
Xác định phạm vi	Quyết định phạm vi của các tác động tiềm ẩn và những vấn đề cần được đánh giá chi tiết hơn.	Điều khoản tham chiếu cho ĐTM hoặc các nghiên cứu ĐM khác (có thể nằm trong nghiên cứu khả thi).
Nghiên cứu đánh giá môi trường	<p>Mục đích của nghiên cứu nhằm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định các tác động tiềm ẩn. - Đánh giá mức độ/phạm vi/ khả năng xảy ra của các tác động v.v... - Đánh giá tầm quan trọng - hoặc mức độ có thể chấp nhận các tác động (bằng cách so sánh với các tiêu chuẩn và tiêu chí được chấp nhận). - Đề xuất các biện pháp để ngăn ngừa, giảm thiểu, giảm nhẹ, đến bù, quản lý và theo dõi các tác động tiêu cực. <p>Nghiên cứu được dựa trên mô tả về dự án, và các đặc điểm môi trường/xã hội, tài sản và nguồn lực có thể bị ảnh hưởng.</p>	Báo cáo các kết quả của nghiên cứu và đề xuất các biện pháp giảm thiểu, quản lý, quan trắc.

(Tiếp theo)

Mục tiêu	Mô tả	Quan điểm, ý kiến và những quan tâm về các tác động môi trường và xã hội của dự án.
Tham vấn cộng đồng	Các hoạt động nhằm đảm bảo quan điểm của những người bị ảnh hưởng, kinh nghiệm của họ về môi trường/xã hội tại địa phương và mức độ chấp nhận của họ đối với các tác động, sẽ được tính đến đầy đủ trong nghiên cứu đánh giá và trong quá trình ra quyết định về dự án.	
Công khai hóa thông tin	Cung cấp thông tin cho các bên bị ảnh hưởng và toàn cộng đồng nhằm thu thập các quan điểm và ý kiến về dự án trước khi các đưa ra các quyết định.	Các quan điểm, ý kiến có giá trị của các bên bị ảnh hưởng và cộng đồng.
Kế hoạch quản lý môi trường (EMP)	Công cụ thường được hình thành trong nghiên cứu đánh giá tác động môi trường để đảm bảo việc thực thi và tuân thủ các biện pháp giảm thiểu; quản lý và quan trắc tác động.	Bản Kế hoạch có các tài liệu báo cáo kèm theo.
Đánh giá	Được áp dụng trong suốt quá trình thực hiện hoặc kết thúc dự án để so sánh các tác động dự báo với các tác động thực tế. <i>Lưu ý: công cụ này không được đề cập chi tiết ở tài liệu này.</i>	Bản Báo cáo kiến nghị các biện pháp cần thiết và những bài học kinh nghiệm cho tương lai.

1.2- Vì sao các chính sách an toàn môi trường lại quan trọng?

Các chính sách an toàn môi trường không chỉ đơn thuần được áp dụng để bảo vệ môi trường. Việc thực thi các chính sách này sẽ góp phần làm cho các dự án thành công, hiệu quả và bền vững hơn.

Các chính sách an toàn tạo ra một khung chính sách tổng thể, nhằm tránh các tác động tiêu cực ảnh hưởng tới môi trường và đời

sống của con người. Việc thực hiện tốt các chính sách này có thể giúp nâng cao chất lượng và hiệu quả chung của các dự án. Nhiều dự án sau khi áp dụng các chính sách này đã thu được những thay đổi có tính chiến lược về nội dung, phạm vi, thiết kế (bao gồm cả công nghệ), phương thức thực hiện và vận hành của dự án, từ đó tạo ra được nhiều dịch vụ và lợi ích kinh tế.

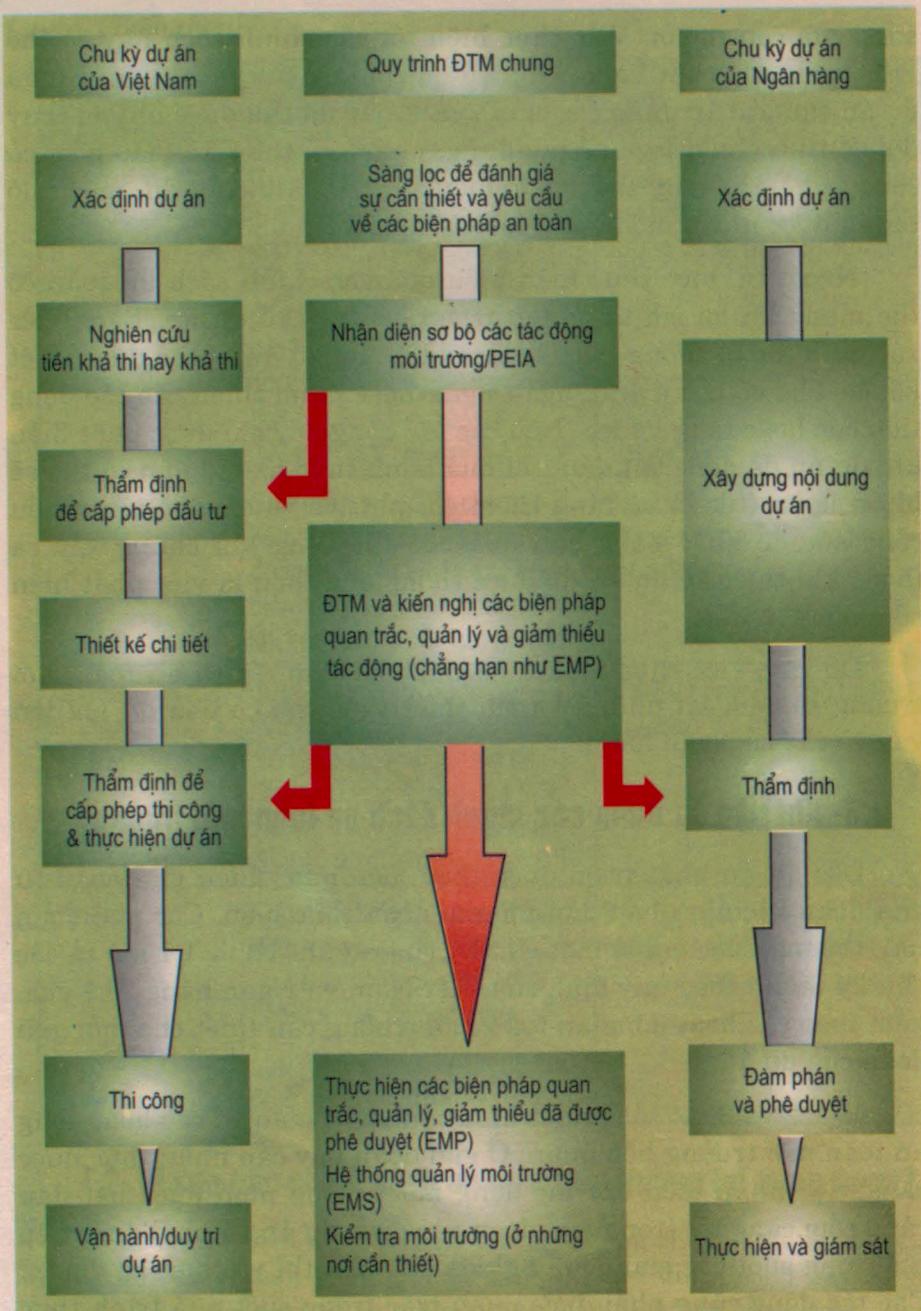
Ngoài ra, việc thực hiện hiệu quả các chính sách an toàn có thể mang lại lợi ích tài chính trực tiếp cho chủ dự án. Bằng việc xác định các tác động tiềm ẩn ngay từ đầu, dự án có thể được thiết kế sao cho có thể tránh, ngăn ngừa hoặc giảm thiểu các tác động tiêu cực hoặc tăng lợi ích. Nếu các tác động này chỉ được phát hiện khi dự án đã được bắt đầu, thì quá trình thực hiện dự án có thể sẽ bị trì hoãn (tức là sẽ tăng thêm chi phí) và thường sẽ tốn nhiều công sức để khắc phục hậu quả của tác động khi chúng xảy ra (hoặc khi thiết kế dự án đã được thông qua) hơn là việc phát hiện sớm ngay từ đầu.

Do vậy, việc thực hiện hiệu quả các chính sách an toàn môi trường sẽ đem lại những lợi ích thiết thực cho cả chủ dự án/Bên vay và cho cả Ngân hàng.

1.3- Khi nào áp dụng các chính sách an toàn môi trường?

Các dự án phát triển được thực hiện qua nhiều giai đoạn từ giai đoạn xác định ban đầu tới giai đoạn thực hiện. Các giai đoạn này thường được gọi là một chu kỳ của dự án. Hình 1.1 mô tả các chu kỳ dự án theo quy định của Việt Nam và Ngân hàng Thế giới, kèm theo các hoạt động an toàn môi trường cần thiết cho mỗi giai đoạn của dự án.

Mục 2 và 3 mô tả chi tiết khía cạnh thời gian và các hoạt động an toàn môi trường liên quan. Ở giai đoạn này cần nhận thức được rằng việc nhận diện các tác động môi trường phải được bắt đầu càng sớm càng tốt trong giai đoạn xác định dự án và phải được tiếp tục trong suốt các giai đoạn nghiên cứu khả thi và thiết kế dự án. Các tác động cũng phải được quan trắc trong suốt quá trình thực thi dự án; ở giai đoạn này, Hệ thống kiểm toán môi trường hay kiểm toán môi trường có thể giúp đảm bảo việc giảm thiểu các tác động của dự án tới môi trường.



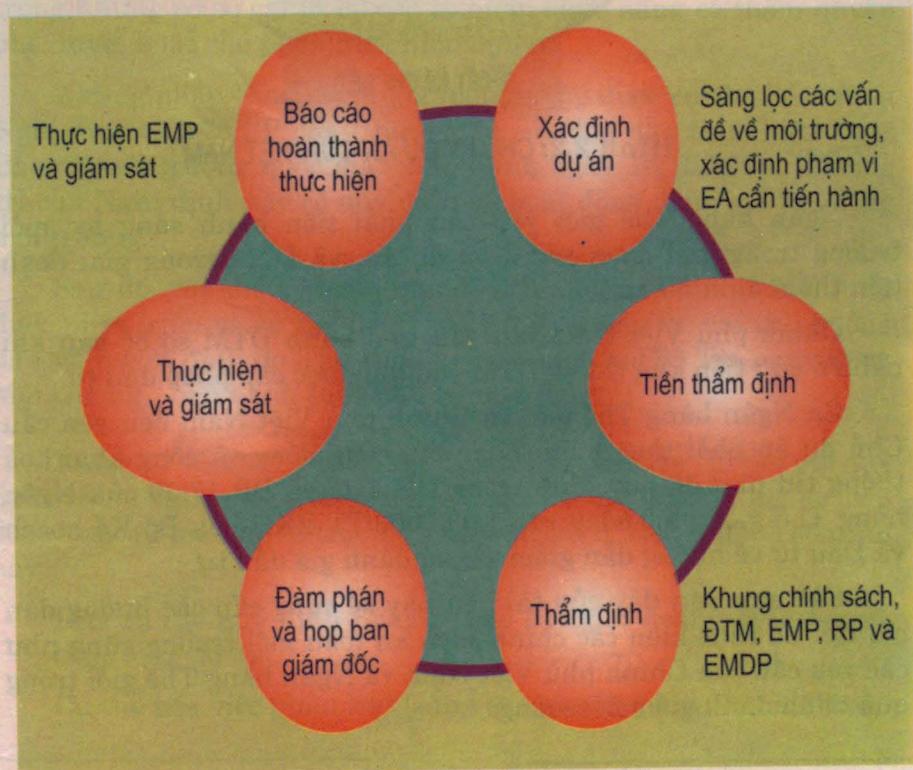
Hình 1.1: TỔNG QUAN VỀ THỜI ĐIỂM ÁP DỤNG CÁC CHÍNH SÁCH AN TOÀN MÔI TRƯỜNG TRONG CHU KỲ DỰ ÁN

2- Các chính sách an toàn môi trường

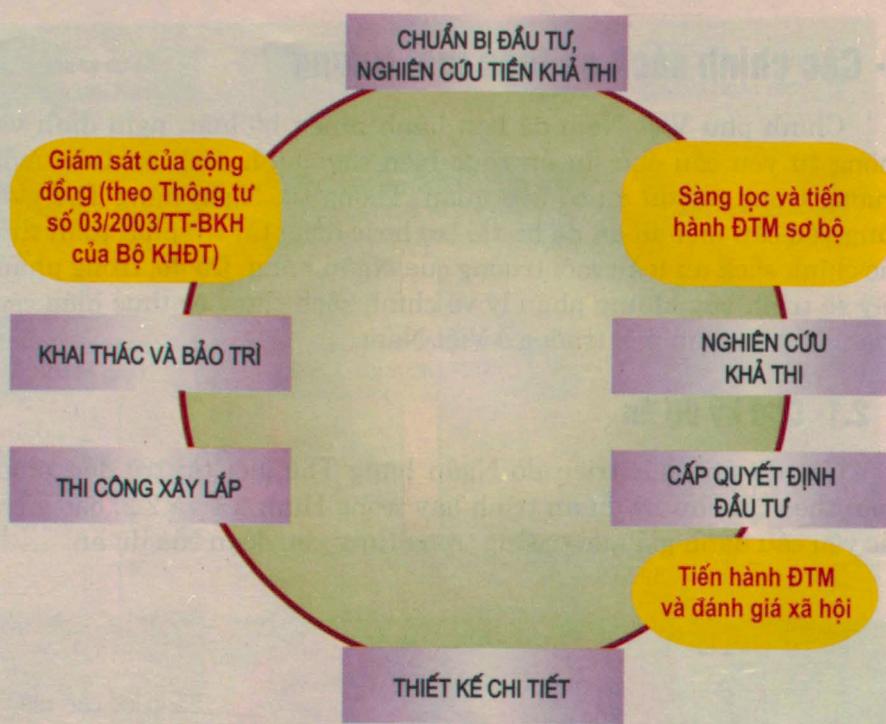
Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều bộ luật, nghị định và thông tư yêu cầu chủ dự án thực hiện các chính sách an toàn môi trường trong các dự án có liên quan. Tương tự, Ngân hàng Thế giới cũng yêu cầu mọi dự án do họ tài trợ hoặc đồng tài trợ phải tuân thủ các chính sách an toàn môi trường của Ngân hàng. Do đó, trong phần này sẽ trình bày khung pháp lý và chính sách cho việc thực hiện các hoạt động an toàn môi trường ở Việt Nam.

2.1- Chu kỳ dự án

Các dự án phát triển do Ngân hàng Thế giới tài trợ đều phải tuân theo các chu kỳ dự án trình bày trong Hình 2.1 và 2.2, bao gồm các yêu cầu đánh giá môi trường trong từng giai đoạn của dự án.



Hình 2.1: CHU KỲ DỰ ÁN CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI



Hình 2.2: CHU KỲ DỰ ÁN CỦA VIỆT NAM^(*)

Ngân hàng Thế giới yêu cầu phải tiến hành sàng lọc môi trường trong giai đoạn xác định dự án, và ĐTM trong giai đoạn tiền thẩm định dự án.

Chính phủ Việt Nam yêu cầu tiến hành ĐTM sơ bộ sau khi nghiên cứu tiền khả thi và ĐTM sau khi được cấp phép đầu tư.

Cả Ngân hàng Thế giới và Chính phủ Việt Nam đều yêu cầu Chủ dự án phải thực hiện tham vấn cộng đồng và công khai hóa thông tin như đã quy định trong OP 4.01 và BP 17.50 của Ngân hàng Thế giới; và Thông tư số 03/2003/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn giám sát và đánh giá đầu tư.

Các mục sau đây của tài liệu này sẽ cung cấp các hướng dẫn chi tiết để thực hiện các chính sách an toàn môi trường cũng như các yêu cầu của Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Thế giới trong quá trình đánh giá môi trường.

^(*) Hình 2.2 được thiết kế dựa trên yêu cầu của khung pháp lý về bảo vệ Môi trường của Việt Nam

2.2- Các quy định của Chính phủ Việt Nam

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (tháng 4/1992) đã nêu: “Các doanh nghiệp nhà nước, các cơ quan chính phủ, hợp tác xã và các đơn vị quốc phòng phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các chính sách để sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên của quốc gia và bảo vệ môi trường”.

Khung pháp lý cơ bản đầu tiên cho quản lý môi trường ở Việt Nam là Luật Bảo vệ môi trường quốc gia (NEPL), được Quốc hội thông qua ngày 27/12/1993 và được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố ngày 10/01/1994.

Điều 18 của NEPL quy định các chủ dự án đầu tư nước ngoài, dự án đầu tư liên doanh nước ngoài và chủ dự án phát triển kinh tế - xã hội khác phải lập Báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) để thẩm định theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Kết quả thẩm định báo cáo về ĐTM là một trong những cơ sở chính để các cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép thực hiện dự án.

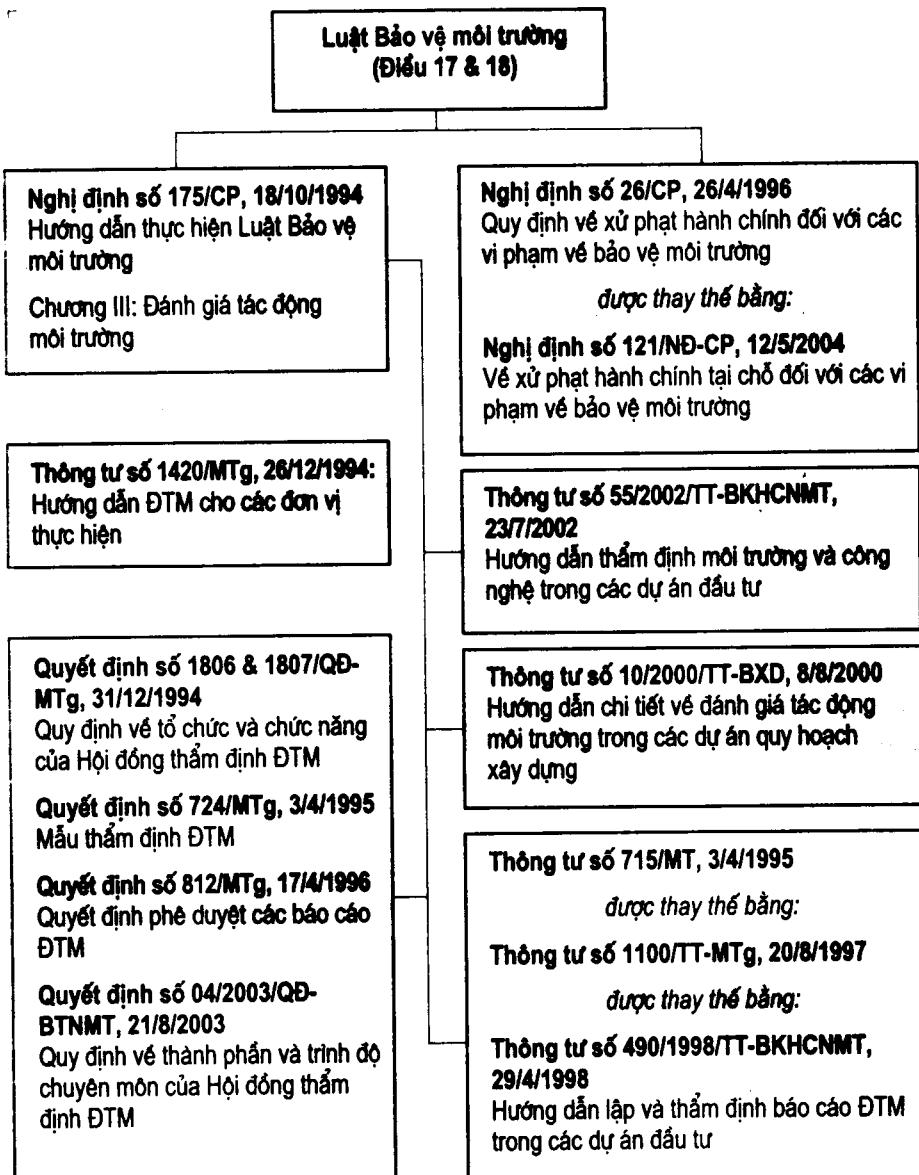
Khung pháp lý về đánh giá môi trường được cụ thể hóa trong Nghị định số 175/CP của Chính Phủ - hướng dẫn thực hiện Luật Bảo vệ môi trường quốc gia - ban hành ngày 18/10/1994. Chương III của Nghị định này có quy định về hoạt động đánh giá tác động môi trường.

Sau đó, các điều khoản của NEPL và Nghị định 175/CP đã được phát triển và cụ thể hóa bằng nhiều thông tư, chỉ thị, hướng dẫn và quyết định do Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường^(*) ban hành theo như Hình 2.3.

Thông tư số 490/1998/TT-BKHCNMT hướng dẫn chi tiết các quy định về an toàn môi trường cho các dự án trong nước, dự án liên doanh và dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam. Thông tư này:

- Đưa ra các quy định pháp lý cho các giai đoạn xây dựng và thực hiện dự án;
- Cụ thể hóa việc phân loại (sàng lọc) các dự án ra thành 2 loại;

^(*) Trước tháng 12/2002, chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thuộc Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường.



**Hình 2.3: KHÁI QUÁT CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐTM
Ở VIỆT NAM**

Nguồn: Trích dẫn và cập nhật từ “Sách hướng dẫn chung về đánh giá môi trường
trong các dự án phát triển” trong khuôn khổ dự án EC “Tăng cường năng
lực quản lý môi trường ở Việt Nam”.

- Quy định nội dung của các tài liệu an toàn môi trường cần phải nộp và được phê duyệt bởi cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường;
- Trình bày quy trình thẩm định báo cáo ĐTM; và
- Quy định những tiêu chuẩn an toàn cần áp dụng cho mọi dự án đầu tư.

Cơ quan chịu trách nhiệm xem xét và thẩm định các tài liệu đánh giá môi trường được xác định trong Nghị định số 143/2004/NĐ-CP ngày 12/7/2004 về việc sửa đổi và bổ sung Điều 14 của Nghị định số 175/CP là Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE) hoặc Sở Tài nguyên Môi trường các tỉnh (DONRE).

Quy trình ĐTM đối với các dự án đầu tư ở Việt Nam

Hình 2.4 (xem trang bên) tóm tắt khái quát quy trình ĐTM theo quy định trong Thông tư số 490/1998/TT-BKHCNMT và các văn pháp pháp lý liên quan khác.

Xác định dự án: sàng lọc

Ở giai đoạn xác định dự án, chủ dự án phải quyết định về mức độ đánh giá môi trường. Thông tư số 490/1998/TT-BKHCNMT xác định có hai nhóm dự án như sau:

- Nhóm 1: Là các dự án có thể gây ô nhiễm môi trường trên phạm vi rộng cũng như có thể gây ra các rủi ro về môi trường, rất khó có thể kiểm soát và xác định tiêu chuẩn môi trường. Danh mục các dự án này được đưa ra ở Phụ lục 1 của Thông tư số 490/1998/TT-BKHCNMT và ở Phụ chương A của tài liệu này. Các dự án nhóm này phải chuẩn bị một báo cáo ĐTM, ngoại trừ các dự án nằm trong các Khu công nghiệp/Khu chế xuất đã được cơ quan môi trường hữu quan phê duyệt báo cáo ĐTM.
- Nhóm 2: Là các dự án đầu tư không nằm trong Nhóm 1 nêu trên. Đối với các dự án đầu tư này không cần phải tiến hành ĐTM, tuy nhiên chủ dự án phải đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường trên cơ sở các thông tin liên quan đến đánh giá môi trường đã nộp cho cơ quan hữu quan.

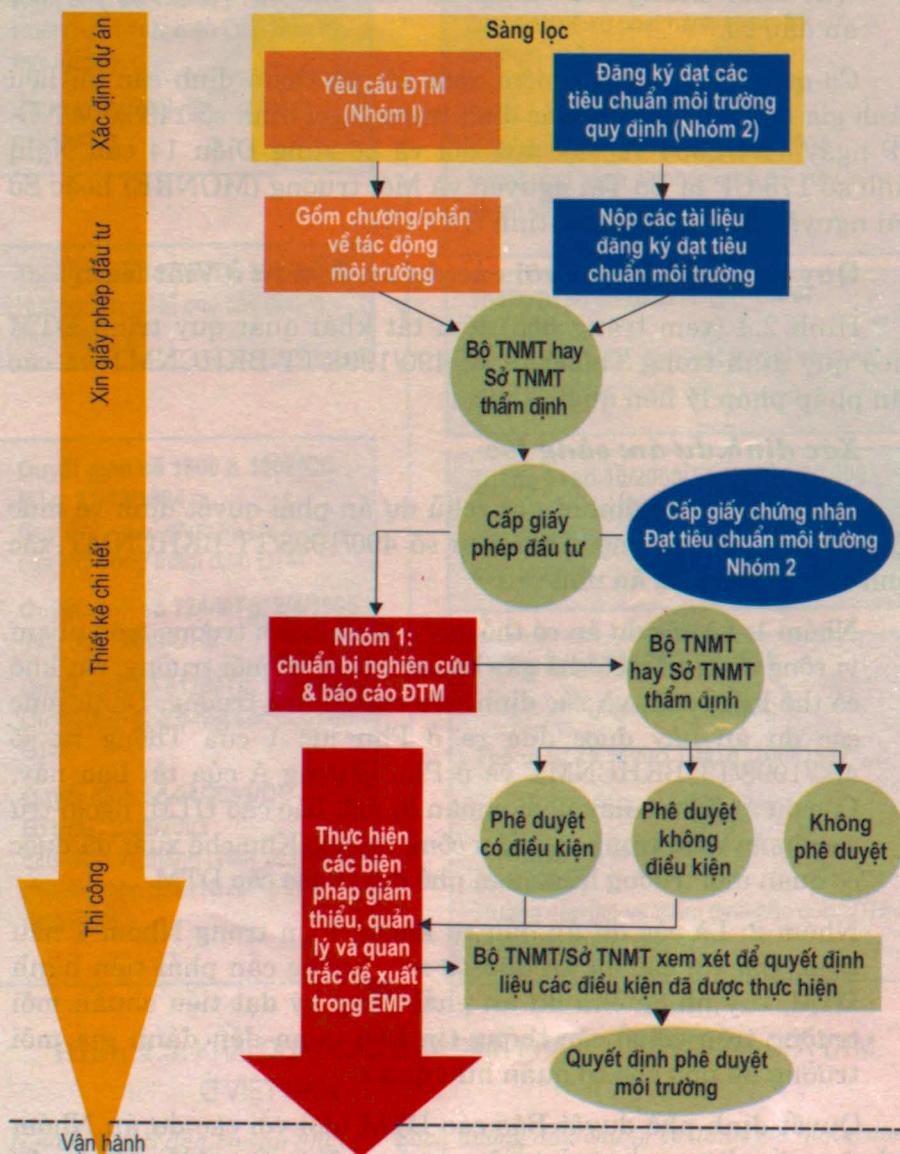
Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM (đối với các dự án Nhóm 1) hoặc giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường (đối với các dự án Nhóm 2) là những cơ sở pháp lý quan trọng để cơ quan chức

năng xem xét và cho phép tiếp tục thực hiện dự án xét trên quan điểm môi trường.

14 TV Môi trường

Giai đoạn dự án

Quy trình ĐTM



Hình 2.4: QUY TRÌNH ĐTM THEO QUY ĐỊNH PHÁP LÝ CỦA VIỆT NAM

Xin cấp phép đầu tư

Ở giai đoạn xin cấp giấy phép đầu tư, chủ dự án phải nộp các tài liệu sau:

- Các dự án Nhóm 1: Tài liệu của dự án (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc luận chứng kinh tế kỹ thuật) phải gồm có một phần hoặc một chương mô tả các tác động môi trường tiềm ẩn của dự án theo như Phụ lục II của Thông tư số 490/1998/TT-BKHCNMT. Phần này phải có giải thích tóm tắt về:
 - + Hiện trạng môi trường nơi dự án sẽ được thực hiện (như chất lượng nước mặt và nước ngầm, không khí và các hệ sinh thái v.v...);
 - + Quy trình công nghệ sản xuất, vật liệu/nhiên liệu sẽ được sử dụng; danh mục các hóa chất v.v...;
 - + Các nhân tố chính ảnh hưởng tới môi trường trong quá trình vận hành, khai thác dự án (ước tính lượng khí thải, nước thải, chất thải rắn, tiếng ồn v.v...) và dự báo các tác động tiềm ẩn tới môi trường;
 - + Đề xuất các giải pháp để khắc phục các tác động tiêu cực tới môi trường của dự án.
- Các dự án Nhóm 2: Các tài liệu phải nộp gồm: Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc luận chứng kinh tế - kỹ thuật hoàn chỉnh. Ba bản đăng ký tiêu chuẩn môi trường phải được nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường (theo Nghị định số 175/CP) cùng với một bản tiếng Anh nếu dự án do nước ngoài đầu tư trực tiếp hoặc là dự án liên doanh với nước ngoài. Nội dung của Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường được quy định ở Phụ lục III của Thông tư số 490/1998/TT-BKHCNMT và được tóm tắt trong Hộp 2.1 của tài liệu này. Khi nhận được Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường từ cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thì chủ dự án không cần thực hiện báo cáo đánh giá môi trường nữa. Tuy nhiên, chủ dự án vẫn phải có trách nhiệm pháp lý thực hiện các biện pháp quản lý và giảm thiểu các tác động được nêu cụ thể trong bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

Hộp 2.1: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG YÊU CẦU TRONG BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN NHÓM 2

1. Tên dự án, chủ dự án, địa chỉ, v.v...;
2. Mô tả địa điểm dự kiến thực hiện dự án, bao gồm các hiện trạng môi trường;
3. Tóm tắt công nghệ sản xuất;
4. Mô tả các nguồn gây ô nhiễm;
5. Mô tả các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm;
6. Mô tả chương trình quan trắc môi trường; và
7. Cam kết đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường.

Nguồn: Tóm tắt từ Phụ lục III của Thông tư 490/1998/TT-BKHCNMT

Giai đoạn thiết kế chi tiết và xây dựng

Chủ dự án Nhóm 1 phải chuẩn bị và nộp một báo cáo ĐTM cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Nội dung yêu cầu trong báo cáo ĐTM được trình bày ở Phụ lục 1.2 của Nghị định số 175/CP và được tóm tắt ở Hộp 2.2 dưới đây.

Chủ dự án phải nộp bảy (7) bản báo cáo ĐTM hoàn chỉnh (tiếng Việt) và một bản tiếng Anh (đối với các dự án có đầu tư nước ngoài), kèm theo là một bản báo cáo nghiên cứu khả thi và luận chứng kinh tế kỹ thuật của dự án cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, như quy định trong Nghị định số 175/CP.

Trong vòng 60 ngày, kể từ khi nhận được tài liệu ĐTM đầy đủ và hoàn chỉnh từ chủ dự án, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường sẽ thẩm định báo cáo và chậm nhất 10 ngày sau, cơ quan thẩm định có trách nhiệm cấp Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM cho chủ dự án.

Hộp 2.2: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG YÊU CẦU TRONG BÁO CÁO ĐTM CỦA CÁC DỰ ÁN NHÓM 1

1. Giới thiệu, mục tiêu và nội dung của báo cáo, và mô tả các phương pháp đánh giá;
2. Giới thiệu tóm tắt về dự án, bao gồm về chủ dự án, mục tiêu và lợi ích kinh tế - xã hội của dự án, các nội dung chính của dự án, kế hoạch thực hiện và các chi phí của dự án;
3. Mô tả hiện trạng môi trường tại địa điểm thực hiện dự án;
4. Mô tả tác động của việc thực hiện dự án tới các nhân tố môi trường và tài nguyên thiên nhiên, bao gồm:
 - Dự báo loại, quy mô và mức độ của các tác động tới môi trường vật lý, sinh học, kinh tế - xã hội và tới đời sống của con người;
 - Đánh giá các tác động của từng phương án thay thế thực hiện dự án;
 - Mô tả các biện pháp giảm thiểu để hạn chế các tác động tiêu cực, bao gồm các biện pháp kỹ thuật và quản lý, đồng thời so sánh các chi phí và lợi ích của từng phương án thay thế; và
 - Nêu mức độ tin cậy của các kết quả đánh giá, các đề xuất cho những nghiên cứu bổ sung cần thiết trong tương lai để phát hiện ra các tác động mới, v.v...;
5. Các đề xuất về phương án thay thế để thực hiện dự án, trong đó bao gồm các biện pháp bảo vệ môi trường cần thiết.

Nguồn: Tóm tắt từ Phụ lục 1.2 của Nghị định số 175/CP của Chính phủ ngày 18/10/1994.

Giai đoạn kết thúc xây dựng

Trước khi đưa dự án vào sử dụng, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường sẽ tiến hành đánh giá/kiểm tra dự án để đảm bảo rằng dự án đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường như trình bày trong báo cáo ĐTM (Dự án Nhóm 1) hoặc Chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường (Dự án Nhóm 2).

Khi các biện pháp an toàn môi trường đã được tuân thủ đúng và đầy đủ, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường sẽ ban hành văn bản chính thức xác nhận chủ dự án đã thực hiện đầy đủ mọi quy định trong Báo cáo ĐTM hay Giấy Chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường của dự án. Đối với các dự án mà các biện pháp quan trắc, quản lý và giám thiểu gắn liền với việc thực hiện các

biện pháp quản lý và giám sát trong giai đoạn thực hiện dự án, thì văn bản trên sẽ chi tiết hóa những phân biện pháp đó như là các điều kiện để khai thác, vận hành dự án.

Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường chịu trách nhiệm kiểm tra và giám sát việc thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

2.3- Các quy định của Ngân hàng Thế giới

Các thủ tục và chính sách an toàn môi trường

Ngân hàng Thế giới quy định mọi hoạt động phát triển do cơ quan này tài trợ phải tuân thủ các chính sách khác nhau của Ngân hàng, bao gồm cả chính sách an toàn môi trường. Những quy định và trích dẫn các thủ tục được tóm tắt ở dưới đây.

Các quy định về an toàn môi trường và xã hội của Ngân hàng Thế giới được đưa ra dưới dạng các chính sách tác nghiệp (OPs). Ngân hàng áp dụng một cách nghiêm ngặt 10 Chính sách Tác nghiệp về an toàn nhằm đảm bảo các tác động tiêu cực về môi trường, xã hội và pháp lý phải được phát hiện, giảm thiểu và giảm nhẹ ngay từ giai đoạn đầu của quá trình xây dựng dự án. Các chính sách này phải được đặc biệt chú ý trong quá trình chuẩn bị dự án và/ hay quá trình cho vay cũng như phê duyệt dự án. Mười chính sách này được tóm tắt ở Bảng 2.1 dưới đây; một trong những chính sách an toàn quan trọng liên quan đến môi trường là OP 4.01 về đánh giá môi trường.

Bảng 2.1: CÁC CHÍNH SÁCH AN TOÀN CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI

Số	Tên	Mục tiêu
OP 4.01	Đánh giá môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo các dự án được đề xuất có tính bền vững và đảm bảo về mặt môi trường và xã hội; - Cung cấp cho những người ra quyết định các thông tin về những rủi ro tiềm ẩn về môi trường và xã hội liên quan đến dự án; - Tăng cường tính minh bạch và sự tham gia của những người bị ảnh hưởng trong quá trình ra quyết định.

(Tiếp theo)

Đối tượng	Mục tiêu	Nội dung
OP 4.04	Các khu cư trú tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ các khu cư trú tự nhiên quan trọng và tính đa dạng của chúng; - Đảm bảo tính bền vững của các dịch vụ và sản phẩm mà các khu cư trú tự nhiên đang cung cấp; - Đề xuất các biện pháp giảm thiểu trong trường hợp việc thực hiện các mục tiêu dự án sẽ làm thay đổi và/hoặc suy thoái các khu cư trú tự nhiên, các biện pháp đó có thể gồm việc hình thành và/hoặc bảo vệ các khu vực sinh thái tương ứng.
OP 4.09	Quản lý vật hại	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm thiểu các rủi ro về sức khỏe và môi trường do hậu quả của việc sử dụng thuốc trừ sâu; - Đảm bảo các hoạt động quản lý vật hại tuân thủ cách tiếp cận quản lý vật hại tổng hợp (IPM); - Nâng cao năng lực quốc gia trong việc thực hiện IPM; - Giám sát một cách hiệu quả việc phân phối và sử dụng thuốc trừ sâu.
OP 4.36	Rừng	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm tình trạng chặt phá rừng; - Tăng cường sự đóng góp về môi trường của các khu vực trồng rừng; - Thúc đẩy trồng rừng để giảm nghèo và khuyến khích phát triển kinh tế; - Đảm bảo các khu vực rừng quan trọng không bị xâm chiếm; - Bảo vệ các quyền sử dụng lâu dài các khu rừng truyền thống của cộng đồng địa phương một cách bền vững.
OP 4.37	An toàn đập	<p>Những vấn đề cần thiết đối với sự an toàn của đập trong:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các dự án liên quan đến việc xây dựng mới các con đập; - Các dự án có thể bị ảnh hưởng bởi yếu tố an toàn của việc vận hành một con đập hiện có hoặc của các con đập đang được xây dựng; - Các vấn đề quan trọng khác <ul style="list-style-type: none"> + Chiều cao đập + Dung tích hồ chứa + Tính phù hợp của các tiêu chuẩn an toàn

(Tiếp theo)

Số	Tên	Mục tiêu
OP 4.11	Tài sản văn hóa	<p>Để đảm bảo rằng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài sản văn hóa vật thể được nhận diện và được bảo vệ trong dự án; - Các quy định pháp luật trong nước về bảo vệ tài sản văn hóa vật thể phải được tuân thủ một cách đầy đủ.
OD 4.20	Người bản địa/dân tộc thiểu số	<p>Đảm bảo cho người bản địa (hoặc người dân tộc thiểu số):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận được sự tôn trọng về phẩm giá, quyền con người và bản sắc văn hóa của họ trong quá trình phát triển; - Không bị ảnh hưởng bởi các tác động xấu; - Thu được các lợi ích kinh tế - xã hội có tính bền vững về văn hóa; - Được hưởng lợi thông qua sự tham vấn và tham gia.
OP 4.12	Tái định cư bắt buộc	<ul style="list-style-type: none"> - Tránh hoặc giảm tái định cư bắt buộc và những ảnh hưởng tới hoạt động kinh tế, trong đó có việc mất nguồn sinh kế; - Đưa ra các thủ tục đền bù minh bạch cho quá trình thu hồi bắt buộc đất và tài sản khác; - Cung cấp đầy đủ cho người dân tái định cư những nguồn lực đầu tư mới và các cơ hội để hưởng lợi ích từ dự án (thực hiện thông qua kế hoạch tái định cư); - Khôi phục và cải thiện điều kiện sống của những người bị ảnh hưởng bởi dự án; - Đến bù cho những người bị ảnh hưởng theo giá thay thế. Việc lập kế hoạch tái định cư và các biện pháp giảm thiểu cần được thực hiện trên cơ sở có sự tham vấn những người bị ảnh hưởng và bằng cách tiếp cận có sự tham gia.

(Tiếp theo)

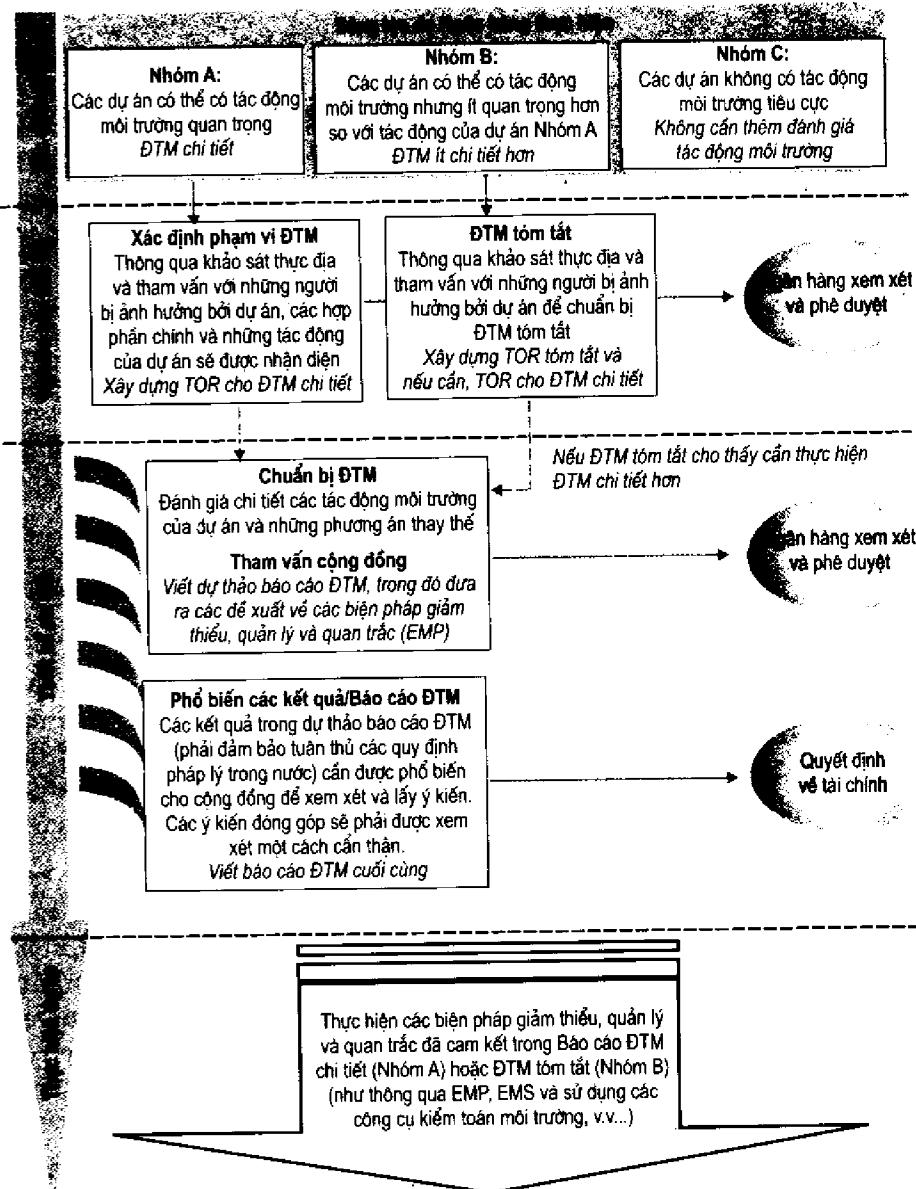
OP 7.60	Các dự án ở các khu vực tranh chấp	<p>Đảm bảo những vấn đề liên quan đến tranh chấp lãnh thổ có khả năng ảnh hưởng tới dự án được phát hiện sớm để:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không làm tổn hại đến vị trí của Ngân hàng với các nước có liên quan; - Không ảnh hưởng tới mối quan hệ giữa Ngân hàng với các nước thành viên; - Không ảnh hưởng tới mối quan hệ giữa nước vay vốn với các nước láng giềng xung quanh.
---------	------------------------------------	---

Các cán bộ Ngân hàng “sàng lọc” các dự án để xuất hoặc các khoản vay để quyết định chính sách an toàn nào có thể được áp dụng. Bên vay sau đó sẽ được thông báo các hoạt động cần thiết để tuân thủ các chính sách. Tiêu chí sàng lọc do Ngân hàng đưa ra để quyết định việc áp dụng OP 4.01 và các quy định cụ thể khác của Ngân hàng được trình bày trong Bảng 2.2.

Cùng với OP 4.01, Ngân hàng cũng cung cấp hướng dẫn về các yêu cầu đánh giá môi trường trong cuốn sách Nguồn đánh giá môi trường (Washington D.C., World Bank, 1991) và được cập nhật thêm trong cuốn Sổ tay Ngăn ngừa và Giảm nhẹ ô nhiễm (Washington D.C., World Bank, 1998). Tất cả các tài liệu này có thể truy cập từ trang Web của Ngân hàng ở địa chỉ www.worldbank.org.

Khái quát quy trình thực hiện các chính sách an toàn của Ngân hàng

Quy trình chung thực hiện các chính sách an toàn môi trường của Ngân hàng (với một chút thay đổi) được trình bày ở Hình 2.5 dưới đây. Các quy định cụ thể, tương ứng với các quy định của Chính phủ Việt Nam được trình bày ở Bảng 2.2.



Hình 2.5: KHÁI QUÁT (CHUNG) QUY TRÌNH THỰC HIỆN AN TOÀN MÔI TRƯỜNG CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI

**Bảng 2.2: TÓM TẮT CÁC QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN MÔI TRƯỜNG
CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM VÀ CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI**

Giai đoạn Dự án	Chính phủ Việt Nam	Ngân hàng Thế giới
Cơ sở pháp lý	Xem hình 2.3	<ul style="list-style-type: none"> - Chính sách tác nghiệp 4.01 về đánh giá môi trường đi kèm với BP 4.01. - Lưu ý rằng NHTG cũng áp dụng 9 chính sách an toàn khác, một số chính sách đó cũng liên quan tới môi trường.
Sàng lọc	Xác định dự án	<p>Chủ dự án “sàng lọc” dự án bằng danh mục các dự án được quy định trong Phụ lục 1 của Thông tư số 490/1998/TT-BKHCNMT (xem Phụ chương A của tài liệu này) và quyết định xem liệu dự án thuộc Nhóm 1 (yêu cầu ĐTM) hoặc thuộc Nhóm 2 (yêu cầu nộp bản Đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường).</p> <p>Ngân hàng “sàng lọc” dự án và đánh giá xem nó thuộc vào nhóm nào [1]:</p> <p>A. Nhóm A: Dự án có thể gây ra tác động xấu, rất nhạy cảm, đa chiều hoặc không dự báo được và có thể ảnh hưởng trên phạm vi rộng; Yêu cầu phải có ĐTM chi tiết.</p> <p>B. Nhóm B: Dự án có tác động tiềm ẩn ít tiêu cực hơn so với dự án nhóm A, chúng xảy ra ở một khu vực nhất định và trong hầu hết trường hợp các biện pháp giảm nhẹ có thể được triển khai nhanh hơn so với dự án nhóm A. Yêu cầu ĐTM không chi tiết.</p> <p>C. Nhóm C: Dự án ít hoặc không có tác động xấu tới môi trường. Không cần đánh giá thêm.</p> <p>NHTG không sử dụng danh mục dự án để quyết định xem dự án rơi vào nhóm nào; tuy nhiên có chỉ dẫn những lĩnh vực được coi là nhạy cảm.</p>

(Tiếp theo)

	Giai đoạn Dự án	Chính phủ Việt Nam	Ngân hàng Thế giới
Xác định phạm vi	Nghiên cứu tiền khả thi hoặc nghiên cứu khả thi	Không có quy định cụ thể về hoạt động này ở Việt Nam. Thông thường, sau khi tham vấn DONRE địa phương hoặc VEPA về loại ĐM, chủ dự án sẽ tiến hành chuẩn bị báo cáo ĐM.	<p>Đối với các dự án nhóm A, để xác định phạm vi, chủ dự án/Bên vay phải thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuê một chuyên gia môi trường khảo sát thực địa để xác định phạm vi, các thủ tục, lịch trình và đề cương cho nghiên cứu ĐM. - Tham vấn những người bị ảnh hưởng bởi dự án trước khi hoàn thiện TOR cho nghiên cứu ĐM chi tiết. - Ngân hàng phải phê duyệt phạm vi đánh giá và TOR cho nghiên cứu ĐM chi tiết. - Ngân hàng sẽ hỗ trợ cho Bên vay/chủ dự án thực hiện hoạt động này nếu cần thiết. <p>Đối với các dự án Nhóm B, Bên vay phải thảo luận và thống nhất TOR và phạm vi ĐTM với Ngân hàng.</p>
Chuẩn bị báo cáo ĐTM: Nội dung báo cáo	Thiết kế chi tiết	Đối với dự án Nhóm A, ĐTM chi tiết phải bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu dự án. - Mô tả tóm tắt dự án. - Hiện trạng môi trường ban đầu tại khu vực dự án. - Mô tả các tác động của dự án. - Đề xuất các phương án thực hiện thay thế của dự án (về mặt địa điểm và các biện pháp bảo vệ). 	<p>Đối với các dự án Nhóm A, các báo cáo ĐTM phải bao gồm các phần sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt tổng quan. - Khung hành chính, pháp lý và chính sách. - Mô tả dự án. - Hiện trạng môi trường ban đầu. - Các tác động môi trường. - Phân tích các phương án thay thế. - Kế hoạch quản lý môi trường (bao gồm các biện pháp giảm thiểu). - Phụ lục.

(Tiếp theo)

	Giai đoạn Dự án	Chính phủ Việt Nam	Ngân hàng Thế giới
Báo cáo ĐTM: Người thực hiện	Thiết kế chi tiết (chuẩn bị ĐTM)	Báo cáo ĐTM phải do các cơ quan và tổ chức có đầy đủ chuyên môn và cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết thực hiện.	Đối với dự án nhóm A, Bên vay/chủ dự án phải thuê một hoặc nhiều chuyên gia ĐM độc lập, những người không liên quan tới dự án để thực hiện ĐM. Đối với các dự án nhóm A đa ngành/rủi ro cao, Bên vay phải thuê một hội đồng gồm các chuyên gia môi trường độc lập, được quốc tế công nhận, để tư vấn về tất cả các khía cạnh liên quan đến ĐTM.
Chuẩn bị báo cáo ĐTM: Tham vấn cộng đồng	Thiết kế chi tiết	<p>Việt Nam hiện chưa có yêu cầu phải tham vấn cộng đồng trong quá trình ĐTM, mặc dù một số người dân bình thường và đại diện của các tổ chức xã hội có thể được cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường mời tham gia Hội đồng Thẩm định ĐTM.</p>	<p>Đối với các dự án nhóm A và B, Bên vay phải tham vấn những nhóm người bị ảnh hưởng và các tổ chức phi chính phủ địa phương về các vấn đề môi trường của dự án và cân nhắc những ý kiến của họ vào trong quá trình đánh giá tác động và thiết kế các biện pháp giảm thiểu.</p> <p>Đối với các dự án nhóm A, tham vấn cộng đồng phải được tiến hành ít nhất 2 lần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngay sau khi sàng lọc dự án và trước khi hoàn thiện TOR cho nghiên cứu ĐTM. - Khi dự thảo báo cáo ĐTM được hoàn tất. <p>Tham vấn cần được tiếp tục tiến hành trong giai đoạn thực hiện dự án để nhận diện và giải quyết những vấn đề môi trường có thể nảy sinh.</p>

(Tiếp theo)

Giai đoạn Dự án	Chính phủ Việt Nam	Ngân hàng Thế giới
Chuẩn bị báo cáo ĐTM: Công khai thông tin	<p>Thiết kế chi tiết</p> <p>Việt Nam hiện chưa có yêu cầu phải công khai hóa các thông tin liên quan đến ĐTM.</p>	<p>Đối với các dự án nhóm A và B, để tham vấn có hiệu quả, Bên vay phải cung cấp kịp thời cho nhóm người bị ảnh hưởng và tổ chức phi chính phủ địa phương các tài liệu liên quan, dưới ngôn ngữ dễ hiểu và dễ dàng thu thập.</p> <p>Đối với các dự án nhóm A và các báo cáo riêng biệt của dự án Nhóm B, Bên vay phải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt sơ bộ các hoạt động và tác động của dự án để phục vụ cho việc tham vấn trước khi chuẩn bị ĐM; và - Tóm tắt các kết luận ĐM về việc hoàn thành dự thảo ĐM. <p>Bên vay phải công khai các dự thảo báo cáo ĐM ở những nơi công cộng, để tiếp cận đối với những người bị ảnh hưởng và các tổ chức phi chính phủ địa phương trước khi Ngân hàng thẩm định dự án. Ngân hàng sẽ phổ biến báo cáo này tại các Trung tâm thông tin của Ngân hàng ngay khi chính thức nhận được từ Bên vay.</p>
Yêu cầu ĐTM để tham vấn	<p>Thiết kế chi tiết</p> <p>Chủ dự án phải nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường (theo Nghị định số 175/CP):</p> <ul style="list-style-type: none"> - 7 bản báo cáo ĐTM (tiếng Việt) và 1 một bản tiếng Anh trong trường hợp dự án có yếu tố đầu tư hoặc liên doanh với nước ngoài. - 1 bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Luận chứng kinh tế kỹ thuật của dự án. 	<p>Chủ dự án phải nộp cho Ngân hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo ĐTM bằng tiếng Anh, Pháp hoặc Tây Ban Nha và một bản tóm tắt bằng tiếng Anh. - Ngân hàng không yêu cầu cụ thể số bản phải nộp.

(Tiếp theo)

Thủ tục phê duyệt báo cáo ĐTM	<p>Trước khi vận hành khai thác (Việt Nam) hoặc trước khi phê duyệt cho vay (Ngân hàng)</p> <p>Báo cáo ĐTM hoàn chỉnh sẽ được cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thẩm định (MONRE hoặc DONRE, theo Nghị định số 175/CP), trong vòng 60 ngày kể từ khi nhận được đầy đủ các tài liệu ĐTM hợp lệ. Trong vòng 10 ngày sau đó, cơ quan thẩm định có trách nhiệm cấp Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM.</p> <p>Trước khi dự án có thể vận hành khai thác, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường phải xem xét việc thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường cần thiết của dự án.</p>	<p>Ngân hàng Thế giới xem xét báo cáo ĐTM hoàn chỉnh.</p> <p>Khi Bên vay chính thức nộp báo cáo ĐTM cho Ngân hàng, bản báo cáo sẽ được lưu giữ ở Trung tâm thông tin của Ngân hàng trong vòng 120 ngày (các dự án Nhóm A) hoặc 30 ngày (các dự án Nhóm B) trước khi Ngân hàng xem xét ra quyết định phê duyệt.</p> <p>Việc thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý, quan trắc và giảm thiểu để xuất trong báo cáo (như trong EMP) có thể là một điều kiện của hiệp định vay.</p>
Giám sát các dự án trong quá trình thực hiện	<p>Thực hiện dự án (xây dựng và vận hành)</p> <p>Các yêu cầu về quan trắc, giảm thiểu và quản lý có thể là điều kiện để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường phê duyệt dự án - những điều kiện này cần được tuân thủ chặt chẽ. Ngoài ra, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có nhiệm vụ thanh tra các cơ sở/hoạt động của dự án nhằm đảm bảo việc tuân thủ đầy đủ các biện pháp giảm thiểu môi trường.</p>	<p>Bên vay phải báo cáo cho Ngân hàng về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc tuân thủ các biện pháp đã thống nhất với Ngân hàng trên cơ sở các phát hiện của ĐM bao gồm cả việc thực hiện EMP. - Tình hình thực hiện các biện pháp giảm thiểu. - Các phát hiện trong kế hoạch quan trắc. <p>Ngân hàng tiến hành giám sát Bên vay nhằm đảm bảo các hoạt động mua sắm tuân thủ các quy định về môi trường để ra trong các thỏa thuận pháp lý của dự án. Ngân hàng sẽ lập các đoàn kiểm tra có sự tham gia của các chuyên gia môi trường.</p>

Chú ý [1]: NHTG có loại sàng lọc "Trung gian tài chính" cho các dự án/hoạt động được ngân hàng đầu tư thông qua một Trung gian tài chính. Những quy định này không được đề cập chi tiết trong tài liệu hướng dẫn.

2.4- So sánh các quy định của Việt Nam và Ngân hàng Thế giới

Có rất nhiều điểm tương đồng trong các quy trình và chỉ dẫn thực hiện các vấn đề an toàn môi trường giữa Việt Nam và Ngân hàng Thế giới. Tuy vậy, vẫn còn một số khác biệt nhỏ, chẳng hạn như về mặt thuật ngữ^(*). Bên vay, CPO, PMU và các nhà tư vấn/chuyên gia vẫn cần phải hiểu rõ một số những khác biệt chính giữa các chính sách an toàn môi trường của Việt Nam với các chính sách của Ngân hàng. Đó là:

- **Sàng lọc:** Do Ngân hàng sử dụng cách tiếp cận sàng lọc để đánh giá dự án theo từng trường hợp cụ thể và cân nhắc tính nhạy cảm của môi trường trong khu vực mà dự án sẽ được thực hiện, nên một dự án Nhóm 2 của Chính phủ có thể được coi là dự án nhóm A nếu xét theo các quy định của Ngân hàng. Chẳng hạn, các dự án liên quan đến công trình trên sông, gần những khu vực nuôi trồng thủy sản quan trọng, hoặc một nhà máy điện được xây dựng trong một khu công nghiệp hoặc xây một lò đốt rác đều có thể được Việt Nam và Ngân hàng phân loại khác nhau do áp dụng những quy định ĐTM khác nhau;
- **Phạm vi và TOR cho DTM:** Đối với các dự án nhóm A, Ngân hàng Thế giới yêu cầu phải tiến hành khảo sát thực địa, tham khảo ý kiến của những người bị ảnh hưởng và các tổ chức phi chính phủ địa phương và những ý kiến đó phải được cân nhắc đến trong quá trình lập TOR cho nghiên cứu ĐTM dự án nhóm A. NHTG sẽ phê duyệt TOR nghiên cứu ĐTM của dự án nhóm A trước khi nghiên cứu được bắt đầu. Việt Nam hiện chưa có yêu cầu cụ thể về việc xác định phạm vi và xây dựng TOR cho ĐTM cũng như không yêu cầu phải phê duyệt TOR trước khi tiến hành nghiên cứu ĐTM;
- **Thực hiện ĐTM:** Ngân hàng đòi hỏi phải có các chuyên gia độc lập, không có liên quan với dự án, tiến hành nghiên cứu ĐTM cho các dự án nhóm A;
- **Tham vấn cộng đồng:** Ngân hàng có các quy định trực tiếp hoặc gián tiếp về tham vấn cộng đồng, bao gồm việc tham vấn

^(*) Ví dụ: Việt Nam không dùng thuật ngữ Kế hoạch quản lý môi trường nhưng vẫn yêu cầu phải thực hiện các yêu cầu về giảm thiểu, quản lý và quan trắc tác động đề ra trong các nghiên cứu ĐTM.

những người dân địa phương hoặc những người bị ảnh hưởng bởi dự án. Những ý kiến thu thập được phải được phản ánh trong các tài liệu về an toàn môi trường và sẽ được cân nhắc tới trong quá trình ra quyết định về dự án của Ngân hàng; và

- *Công khai hóa thông tin:* Ngân hàng quy định rằng cộng đồng địa phương, gồm những người bị ảnh hưởng bởi dự án hoặc người dân địa phương phải được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến dự án và các tác động của dự án để quá trình tham vấn đạt hiệu quả. NHTG cũng yêu cầu các tài liệu hoàn chỉnh về an toàn môi trường của dự án cũng phải được công khai cho cộng đồng địa phương trong vòng 120 ngày trước khi Ngân hàng tiến hành xem xét phê duyệt các dự án nhóm A, Nhóm B hoặc các khoản vay. Việt Nam hiện chưa có yêu cầu về công khai hóa thông tin.

**CÁC THỦ TỤC
ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG**

3- Quy trình đánh giá môi trường

3.1- Giới thiệu

Khái quát những vấn đề an toàn môi trường liên quan đến giai đoạn chuẩn bị và thực hiện dự án đã được trình bày trong Mục 1. Trong phần này, sẽ đưa ra các chỉ dẫn hiệu quả về cách thức thực hiện các bước của quy trình đánh giá môi trường:

- Sàng lọc;
- Xác định phạm vi;
- Đánh giá tác động;
- Đánh giá các phương án thay thế; và
- Các đề xuất về giảm thiểu, quản lý và quan trắc tác động.

Trong mỗi bước, sẽ trình bày một cách khái quát về những hoạt động liên quan và vì sao chúng lại quan trọng, trình bày tóm tắt các quy định của Việt Nam và Ngân hàng Thế giới (đã được trình bày chi tiết ở Mục 2), và sau đó đưa ra chỉ dẫn tốt để thực hiện các bước đó.

Liên quan đến vấn đề này, ở Mục 4 sẽ hướng dẫn trình bày các kết quả nghiên cứu ĐTM và trong Mục 6 sẽ hướng dẫn việc thực hiện các kết quả đó (các biện pháp giảm thiểu, quản lý và quan trắc) trong suốt quá trình thực thi dự án. Mục 5 hướng dẫn các hoạt động tham vấn cộng đồng cần thiết.

3.2- Sàng lọc

Khái quát

Không phải mọi dự án phát triển đều cần phải áp dụng các quy định về an toàn môi trường hay cần ĐTM. Quá trình sàng lọc là việc xác định mức độ ĐTM cần thiết cho một hoạt động cụ thể. Chẳng hạn như một dự án về chương trình giáo dục phổ thông cơ sở dường như khó có thể gây ra những ảnh hưởng lớn về mặt môi trường. Ngược lại, một dự án xây dựng hạ tầng cơ sở như dự án thủy điện có thể gây ra các tác động lớn, trên một phạm vi rộng và thời gian ảnh hưởng kéo dài. Do đó, đối với dự án chương trình giáo dục phổ thông thì không cần phải có nghiên cứu ĐTM (với điều kiện là nó không có các hạng mục xây dựng cơ sở hạ tầng cơ

bản) nhưng với dự án thủy điện thì việc nghiên cứu này là rất cần thiết.

Các quy định chính

Các quy định chính của Chính phủ Việt Nam và NHTG được tóm tắt trong Bảng 3.1.

Bảng 3.1: CÁC QUY ĐỊNH CHÍNH CHO CÔNG TÁC SÀNG LỌC

Chính phủ Việt Nam	<p>Công tác sàng lọc được thực hiện theo Thông tư số 44/TT-BKHQMT và cụ thể là theo danh mục các loại dự án ở trong Phụ lục 1 của Thông tư này (ở tài liệu này là Phụ chương A).</p> <ul style="list-style-type: none"> Các dự án Nhóm 1 ở Phụ lục 1 là các dự án Nhóm 1 và yêu cầu phải có báo cáo DTM chi tiết. Ngoại trừ các dự án được xây dựng ở trong các khu công nghiệp đã được phê duyệt nghiên cứu DTM; Các dự án không Nhóm 1 ở Phụ lục 1 là các dự án Nhóm 2, chỉ yêu cầu nộp bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường. 	<p>Chủ dự án tiến hành sàng lọc và chuẩn bị các tài liệu cần thiết để xin giấy phép đầu tư.</p> <p>MONRE hoặc DONRE xem xét và phê duyệt nhóm sàng lọc ở giai đoạn xem xét hồ sơ xin cấp phép đầu tư.</p>	Giai đoạn xác định dự án và trước khi xin giấy phép đầu tư.
Ngân hàng Thế giới	<p>NHTG đánh giá dự án dựa trên quy mô, địa điểm và các tác động có thể, và quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> Dự án Nhóm A: DTM chi tiết. Dự án Nhóm B: DTM không chi tiết hoặc chỉ cần một số thông tin môi trường cần thiết. Dự án Nhóm C: Không cần tiến hành thêm đánh giá môi trường. <p>NHTG không sử dụng danh mục dự án để phân nhóm dự án.</p>	<p>Ngân hàng sẽ sàng lọc chính. Bên vay có thể tiến hành sàng lọc trước nhưng quyết định cuối cùng là Ngân hàng.</p>	Xác định dự án.

Chỉ dẫn thực hành

Sàng lọc là cơ hội đầu tiên để chúng ta xem xét một cách cẩn thận - nhưng nhanh chóng - các tác động môi trường tiềm ẩn mà

một dự án có thể gây ra. Điều này đòi hỏi phải có thời gian để xem xét:

- Các yếu tố mà dự án sẽ liên quan tới: tài nguyên nào (năng lượng, vật liệu xây dựng) sẽ được sử dụng, kết quả nào (như các chất ô nhiễm) mà dự án có thể tạo ra, liệu dự án có phải tiến hành tái định cư hay nhập cư cho công nhân xây dựng, v.v...;
- Dự án sẽ thực hiện ở đâu: dự án ở khu vực có phù hợp với hoạt động phát triển của nó, liệu nó có làm ảnh hưởng tới các hoạt động sử dụng đất khác, những khu vực nào dự án có thể ảnh hưởng tới, v.v...;
- Mức độ nhạy cảm của khu vực thực hiện dự án/các khu vực phụ cận: khu vực đã trải qua sự phát triển trong quá khứ với tác động nhỏ nhất, tính đặc trưng của khu vực về mặt môi trường, trong khu vực có tài nguyên thiên nhiên nào có giá trị (chẳng hạn như rừng, dải san hô), khu vực có các loài động vật quý hiếm không, đời sống của người dân trong khu vực như thế nào, v.v...;

Việc đặt ra các câu hỏi này ngay từ đầu của giai đoạn xác định dự án sẽ giúp đảm bảo rằng (các) giải pháp bền vững môi trường sẽ được cân nhắc đến trong các giai đoạn tiếp theo của dự án.

3.3- Xác định phạm vi

Khái quát

Xác định phạm vi là giai đoạn đầu tiên của quá trình thực hiện các nghiên cứu đánh giá môi trường. Trong quá trình xác định phạm vi, các ảnh hưởng lớn có thể đến môi trường sẽ được xác định sơ bộ. Trong giai đoạn xác định phạm vi sẽ:

- Hình thành khuôn khổ các hoạt động và tác động cần được đánh giá thêm trong quá trình nghiên cứu ĐTM chi tiết (đối với các dự án Nhóm 1 hoặc dự án Nhóm A); và
- Cung cấp các thông tin cần thiết cho các dự án Nhóm 2 hoặc Nhóm B, tức là thực hiện Đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường (Việt Nam) và ĐTM tóm tắt (NHTG).

Do vậy, việc xác định phạm vi hoặc sẽ giúp xây dựng TOR cho nghiên cứu ĐTM chi tiết hoặc sẽ cung cấp các thông tin cần thiết để đáp ứng các quy định của Việt Nam và Ngân hàng đối với các dự án Nhóm 2 hoặc Nhóm B.

Một trong những lý do chính để tiến hành xác định phạm vi là nhằm giới hạn các hoạt động ĐTM để chỉ tập trung vào những vấn đề có ảnh hưởng quan trọng tới việc ra quyết định và thực thi dự án một cách hiệu quả và bền vững. Điều này cũng có nghĩa là thời gian và nguồn lực cho các hoạt động nghiên cứu ĐTM tiếp theo có thể được hạn chế.

Do đó, xác định phạm vi là một giai đoạn không thể thiếu của quá trình ĐTM. Việc xác định phạm vi sẽ:

- Chỉ ra những vấn đề cần đưa vào trong nghiên cứu ĐTM và những vấn đề không cần thiết;
- Bắt đầu quá trình tìm hiểu các quy định và tiêu chuẩn, điều kiện áp dụng các quy định đó cho quá trình thiết kế dự án và hoàn thành ĐTM;
- Nhận diện sơ bộ các tác động để từ đó cho phép tập trung vào những vấn đề môi trường cần giải quyết trong các nghiên cứu ĐTM tiếp theo;
- Xác định các thông tin môi trường ban đầu cần phải có và cách thức thu thập những thông tin đó;
- Mô tả sơ bộ các phương pháp đánh giá sẽ sử dụng;
- Xác định ban đầu các phương án thay thế cần được nghiên cứu; và
- Thống nhất một cách nhin nhận chung giữa những người để ra các quy định, Ngân hàng và các bên liên quan về những vấn đề then chốt cần được giải quyết.

Các quy định chính

Các quy định chính về xác định phạm vi đã được trình bày chi tiết ở Mục 2; nhưng được tóm tắt lại ở Bảng 3.2 dưới đây.

Vì Việt Nam chưa có yêu cầu cụ thể cho giai đoạn xác định phạm vi, với những lý do nêu trên, thì cách tốt nhất là mọi nghiên cứu ĐTM cần được bắt đầu ở giai đoạn xác định phạm vi.

Bảng 3.2: CÁC QUY ĐỊNH CHÍNH ĐỐI VỚI VIỆC XÁC ĐỊNH PHẠM VI

Việt Nam	Việt Nam hiện chưa có yêu cầu cụ thể để "xác định phạm vi" cho một ĐTM; tuy nhiên Việt Nam có đưa ra một phạm vi rộng cho quá trình đánh giá tác động. Xem Bảng 3.3	Không có	Không có
Ngân hàng Thế giới	<ul style="list-style-type: none"> - Ngân hàng hoặc Bên vay tổ chức đoàn công tác thực địa để xác định phạm vi cho các dự án Nhóm A, từ đó xây dựng TOR cho nghiên cứu ĐTM. - Ngân hàng yêu cầu những người bị ảnh hưởng bởi dự án phải được tham vấn trong quá trình xác định phạm vi và những ý kiến của họ phải được xem xét trong phạm vi dự án và TOR cho Dự án Nhóm A và Nhóm B. - Ngân hàng sẽ phê duyệt phạm vi và TOR cho các dự án Nhóm A trước khi nghiên cứu được bắt đầu. 	<p>Ngân hàng sẽ phê duyệt TOR cho các nghiên cứu ĐTM nhóm A được hình thành sau khi xác định phạm vi.</p> <p>Bên vay chịu trách nhiệm xây dựng phạm vi và TOR - nhưng Ngân hàng có thể hỗ trợ/tham gia.</p>	<p>Sau khi sàng lọc/xác định dự án và trong quá trình nghiên cứu tiền khả thi hoặc nghiên cứu khả thi.</p>

Chỉ dẫn thực hiện

Xác định phạm vi là một hình thức ĐTM đơn giản và nhanh chóng, trong đó những vấn đề lớn có nguy cơ tiềm ẩn sẽ được nhận diện. Hai yếu tố cần xem xét đến là:

1. Nhận thức cơ bản về dự án và các hoạt động liên quan: bao gồm những đặc điểm chính của dự án trong mỗi giai đoạn của nó và các tác động môi trường mà chúng có thể tạo ra. Ví dụ về đặc tính của dự án trong quá trình xây dựng một con đường và các tác động môi trường có thể xảy ra được trình bày trong Hộp 3.1.

2. Nhận thức ban đầu về giá trị của môi trường tại khu vực mà dự án được thực hiện: bao gồm các đặc điểm vật lý, tự nhiên, và kinh tế - xã hội của khu vực có thể bị ảnh hưởng bởi dự án cũng như các hoạt động của dự án, và đánh giá về giá trị hoặc tầm quan trọng của

các đặc điểm đó (chẳng hạn như khu vực đó có phải là khu vực cư trú của các loài chim quý hiếm, hay khu vực đó mang đặc trưng của khu vực đất nông nghiệp hay rừng nguyên sinh, v.v...).

Từ đó, các tác động có thể xảy ra và những vấn đề then chốt liên quan đến mức độ tiềm ẩn có thể được nhận diện. Chú ý rằng điều quan trọng ở đây là sự hiểu biết “khái quát” về dự án và nhận thức “ban đầu” về môi trường.

Hộp 3.1: VÍ DỤ VỀ ĐẶC ĐIỂM DỰ ÁN CỦA MỘT DỰ ÁN LÀM ĐƯỜNG VÀ CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CÓ THỂ XÂY RA

Ví dụ về đặc điểm dự án có thể ảnh hưởng tới môi trường gồm:

- a. Phát quang đất/ trồng cây;
- b. Đổ bùn nạo vét và trồng cây;
- c. Đọn dẹp các khối đất đá (khoáng vật);
- d. Sự di lại của các phương tiện thi công;
- e. Tuyển dụng công nhân xây dựng;
- f. Xây dựng các khu lán trại thi công;
- g. Cung cấp điều kiện vệ sinh cho công nhân xây dựng, v.v...

Một số tác động môi trường liên quan với các hoạt động này có thể xảy ra gồm:

- a. Mất các loài sinh vật và đa dạng sinh học;
- b. Gây ra bụi;
- c. Xói mòn đất;
- d. Thay đổi chế độ của nước ngầm và nước mặt;
- e. Thay đổi cảnh quan;
- f. Tiếng ồn;
- g. Ô nhiễm không khí, v.v...

Cách tiếp cận và phương pháp xác định phạm vi

Một kỹ thuật có thể được sử dụng để phân tích những vấn đề liên quan đến phạm vi của một ĐTM (hoặc xác định các tác động cần ĐTM sơ bộ) là xây dựng và hoàn thiện Ma trận tác động sơ bộ hoặc ma trận tương tác như trong Hộp 3.2 và minh họa ở Phụ lục B.

Hộp 3.2: XÂY DỰNG MA TRẬN CÁC TÁC ĐỘNG SƠ BỘ ĐỂ XÁC ĐỊNH PHẠM VI

1. Liệt kê các đặc điểm hoặc các hoạt động của dự án có thể ảnh hưởng tới môi trường ở cột bên trái của ma trận trống. Các đặc điểm này có thể được chia thành các giai đoạn (ví dụ như: sự di dời của các cư dân/nông dân; giải phóng mặt bằng; đổ bùn đất đào đắp; đơn đep đất đá/cát, v.v...) hoặc chia theo loại (ví dụ như: phát thải ra không khí, ra nước, tạo chất thải, v.v...).
2. Liệt kê các đặc điểm môi trường ở khu vực có thể bị ảnh hưởng bởi dự án, gồm đặc điểm vật lý, sinh học, đặc điểm môi trường con người theo dọc hàng đầu của ma trận (ví dụ như: chất lượng nước, độ ồn, chất lượng không khí, cảnh quan, tài sản văn hóa, v.v...)
3. Trong bảng ma trận, đánh dấu vào các ô nơi các tương tác giữa các đặc điểm của dự án và các đặc điểm môi trường có thể xảy ra (ma trận tương tác);
4. Chú ý đến tầm quan trọng của các đặc điểm môi trường, với mỗi ô được đánh dấu, dự báo xem liệu tác động là tiêu cực hay tích cực, và nếu tiêu cực thì mức độ của tác động là cao, trung bình hay thấp (ma trận tác động sơ bộ).

Ví dụ về ma trận tương tác và ma trận tác động sơ bộ được trình bày ở Phụ lục B.

Nhận thức về dự án và bối cảnh của nó

Để hiểu được dự án có thể ảnh hưởng tới môi trường như thế nào, đặc biệt là mức độ của những ảnh hưởng đó, cần tiến hành khảo sát thực địa trong quá trình xác định phạm vi (đây là một yêu cầu thông thường của các dự án do Ngân hàng tài trợ).

Trong quá trình xác định phạm vi cũng cần tìm hiểu sơ qua về số liệu môi trường nền hiện có (mặc dù ở giai đoạn này chưa thực sự cần thiết phải thu thập các số liệu đó), các điều kiện pháp lý về môi trường (bao gồm cả các quy định của Ngân hàng) và xác định những người có liên quan tới dự án.

Sự tham gia của các bên liên quan

Ở giai đoạn này, việc bắt đầu trao đổi với các bên liên quan là điều cực kỳ quan trọng, chẳng hạn như đại diện của địa phương, các tổ chức phi chính phủ địa phương và một số người bị ảnh hưởng bởi dự án (đây cũng là một yêu cầu thông thường của Ngân hàng). Ví dụ, trong quá trình khảo sát thực địa, chúng ta có thể

chưa nhận ngay ra rằng khu vực được đề xuất để xây dựng một mỏ đá mới lại là một vùng đất sản xuất duy nhất của dân làng địa phương; việc trao đổi với người dân địa phương có thể là cách duy nhất để biết được điều này. Tương tự như vậy, người dân địa phương có thể giúp nhận diện được các yếu tố có thể ảnh hưởng tới việc thiết kế và xây dựng dự án, chẳng hạn như: thời điểm lũ lụt, nguồn nước ngầm bị nhiễm mặn cao, v.v...

Nếu đã tiến hành một số nghiên cứu chung về những hoạt động của dự án và địa điểm mà dự án sẽ được thực hiện (như đi khảo sát thực địa), thì một cách hiệu quả để hoàn thiện ma trận tương tác hay ma trận tác động sơ bộ là tổ chức một cuộc hội thảo lấy ý kiến có sự tham gia với các bên liên quan (như cán bộ dự án, cán bộ nhà nước có liên quan, đại diện địa phương, các tổ chức phi chính phủ địa phương, v.v.). Cách tiếp cận này đặc biệt hữu ích trong việc giúp chúng ta xác định các vấn đề của địa phương, những thông tin hiện có và xây dựng sự hiểu biết và tin tưởng với các bên liên quan cũng như các đối tác khác của dự án.

Để thực hiện hiệu quả, cần đảm bảo rằng:

- Những người tham gia phải hiểu đầy đủ về dự án và các đặc điểm của dự án; và
- Phương pháp tiếp cận dễ hiểu đối với họ.

Ví dụ việc mời những người dân địa phương tới tham dự một cuộc họp có sự tham dự của các quan chức nhà nước không phải lúc nào cũng được coi là thích hợp vì những người nông dân có thể cảm thấy không thoải mái khi đưa ra những vấn đề của họ. Một cuộc hội thảo thu thập ý kiến cũng có thể là không thích hợp về mặt văn hóa hay ngôn ngữ đối với người dân địa phương.

Do đó, việc lập kế hoạch để tổ chức lấy ý kiến của người dân và tổng hợp các ý kiến đó vào trong quá trình xác định phạm vi là một việc quan trọng.

Báo cáo và chuẩn bị TOR cho nghiên cứu ĐTM

Khi kết thúc quá trình xác định phạm vi, cần trình bày các kết quả trong một báo cáo ngắn. Đối với các dự án Nhóm A hay Nhóm 1, báo cáo trên có thể:

- Hình thành một cơ sở chung để thống nhất phạm vi của ĐTM chi tiết với Ngân hàng;

- Cho phép các bên liên quan theo dõi việc thực thi các ý kiến đóng góp của họ trong quá trình ĐTM chi tiết - đó là cách xây dựng lòng tin với họ;
- Cho biết những nội dung cơ bản của các thông tin cần được cung cấp cho các cơ quan hữu quan khi làm thủ tục xin Giấy phép đầu tư;
- Cung cấp một số thông tin đầu vào cho báo cáo ĐTM chi tiết; và
- Trình bày TOR nghiên cứu ĐTM chi tiết và khuyến nghị về ngân sách và thời gian biểu hợp lý cho nghiên cứu này và/hoặc các nghiên cứu cần thiết khác.

Đối với các dự án Nhóm 2 hoặc Nhóm B, báo cáo xác định phạm vi có thể:

- Được trình bày sao cho đáp ứng các yêu cầu của bản Đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và/hoặc báo cáo/yêu cầu thông tin cho các dự án Nhóm B của Ngân hàng; và
- Giúp quyết định việc có cần tiến hành phân tích thêm một số vấn đề nhất định trong quá trình thiết kế dự án.

Mẫu nội dung của một báo cáo xác định phạm vi được trình ở Hộp 3.3, và nội dung chung của TOR cho ĐTM dự án Nhóm A (1) được trình bày ở Hộp 3.4.

Hộp 3.3: MẪU NỘI DUNG CỦA MỘT BÁO CÁO XÁC ĐỊNH PHẠM VI

1. Giới thiệu và mục đích của báo cáo;
2. Tổng quan về dự án và các hợp phần chính của dự án mà có thể ảnh hưởng tới môi trường;
3. Mô tả tóm tắt các phương án/công nghệ thay thế/số liệu thiết kế/địa điểm, v.v... cần được xem xét.
4. Mô tả tóm tắt môi trường tự nhiên, sinh học và môi trường con người mà trong khu vực đó dự án sẽ được thực hiện, nhấn mạnh các đặc trưng của giá trị tiềm ẩn;
5. Mô tả tóm tắt khung pháp lý về môi trường mà dự án cần tuân thủ (các quy định của Việt Nam và Ngân hàng);
6. Nhận diện sơ bộ các tác động tiềm ẩn (trình bày và thảo luận ngắn về các quan hệ tương tác hoặc ma trận tác động sơ bộ);

7. Đối với các dự án Nhóm 2(B), các biện pháp giảm thiểu được đề xuất dựa trên nhận diện sơ bộ các tác động;
8. Các kết luận và khuyến nghị bao gồm:
 - a. Các vấn đề chính cần được đánh giá trong các nghiên cứu chi tiết;
 - b. Các phương án thay thế của dự án cần được xem xét trong các nghiên cứu;
 - c. Phạm vi không gian và thời gian mà các tác động cần được đánh giá;
 - d. Các bên liên quan cần được tham vấn; và
 - e. Những thiếu hụt hay sự hạn chế đối với các số liệu quan trọng;
9. Đề xuất TOR cho các nghiên cứu chi tiết /nghiên cứu khác.

Hộp 3.4: NỘI DUNG CHUNG CHO TOR CỦA MỘT NGHIÊN CỨU ĐTM

- Giới thiệu chung và các mục tiêu của nghiên cứu ĐM;
- Mô tả các yêu cầu của ĐM;
- Xác định phạm vi nghiên cứu;
- Mô tả phạm vi các công việc cần được thực hiện trong ĐM;
- Mô tả các hoạt động để xuất, bao gồm: mục đích, các hợp phần, địa điểm (ở nơi thích hợp) và lịch trình thực hiện của các hoạt động đó;
- Mô tả những ảnh hưởng có thể tác động đến môi trường;
- Các vấn đề liên quan đến pháp lý và các quy định điều chỉnh, bao gồm cả các tiêu chuẩn và các quy định v.v...;
- Khẳng định các tác động tiềm ẩn của dự án để xuất, bao gồm việc trình bày các tác động đó như là tác động quan trọng nhất trong quá trình xác định phạm vi;
- Mô tả các phương án thay thế cho hoạt động để xuất hoặc dạng thay thế cho các phương án đó;
- Yêu cầu đối với nghiên cứu ĐM để triển khai Kế hoạch Quản lý Môi trường, gồm các biện pháp giảm thiểu, quản lý và quan trắc;
- Các yêu cầu đối với nghiên cứu ĐM để hình thành các nhu cầu thể chế cần thiết;
- Mô tả nhóm cộng đồng có thể được tham vấn và được mời tham gia vào các hoạt động tham vấn cộng đồng cần thiết;
- Yêu cầu để chuẩn bị một báo cáo, trong đó trình bày đầy đủ các nội dung cần có;
- Mô tả về nhóm tư vấn;
- Lịch trình cần thiết để hoàn thành nghiên cứu ĐM; và
- Các thông tin hỗ trợ thêm như tài liệu tham khảo, số liệu nền sẵn có, v.v...

Khi báo cáo xác định phạm vi được hoàn thành, cần lấy ý kiến của các cơ quan quản lý môi trường ở Việt Nam cũng như của Bên vay và của Ngân hàng. Ngân hàng sẽ phê duyệt các kết quả của quá trình xác định phạm vi và TOR cho nghiên cứu ĐTM chi tiết trước khi nghiên cứu này được bắt đầu.

Hướng dẫn đầy đủ về việc chuẩn bị TOR cho ĐTM được giới thiệu ở Phụ chương E.

Báo cáo xác định phạm vi và/hoặc TOR cho nghiên cứu ĐTM chi tiết nên được phổ biến cho những người bị ảnh hưởng bởi dự án, cộng đồng và các tổ chức phi chính phủ địa phương (đối với Ngân hàng thì đây là yếu tố bắt buộc).

3.4- Đánh giá tác động

Khái quát

Giai đoạn đánh giá tác động, theo như đúng tên gọi, là phần chính của nghiên cứu ĐM. Mục đích của việc đánh giá tác động là để dự báo, đánh giá và giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án. Nói một cách đơn giản hơn là giai đoạn đánh giá tác động nhằm trả lời các câu hỏi sau:

- Những vấn đề nào có thể xảy ra đối với môi trường khi thực hiện dự án? (*Dự báo*)
- Những tác động đó có quan trọng hay không? (*Đánh giá*) và
- Có thể làm gì để giảm những tác động đó ở mức chấp nhận được? (*Giảm thiểu*).

Giai đoạn giảm thiểu tác động sẽ được trình bày chi tiết trong Mục 3.6.

Các bước *dự báo* và *đánh giá* có thể tương tự như cách tiếp cận đã được đề cập trong phần Xác định phạm vi ở trên. Trong thực tế, cách tiếp cận chính ở đây là giống nhau; tức là cùng để hiểu đặc điểm của một dự án, đặc điểm môi trường của khu vực (bao gồm giá trị và tầm quan trọng của chúng), cùng để dự báo những đặc điểm nào của dự án có thể ảnh hưởng tới các đặc điểm môi trường và để đánh giá xem liệu những tác động đó có quan trọng hay không.

Tuy nhiên, trong giai đoạn xác định phạm vi, việc đánh giá và dự báo các tác động chỉ dừng ở mức sơ bộ; nó được thực hiện nhanh

chóng, chưa cần các số liệu định lượng hay định tính cụ thể về dự án hoặc về hiện trạng môi trường - đây có thể coi là một dự báo thô. Trong giai đoạn đánh giá tác động của ĐTM, nhiều thông tin chi tiết được sử dụng trong quá trình dự báo, đối với một số vấn đề, các tác động có thể được tính toán một cách định lượng (dự báo) và sau đó được so sánh với các tiêu chí để khẳng định “mức độ” (hoặc tầm quan trọng) của tác động (đánh giá).

Theo đó, đánh giá tác động bao gồm các bước sau:

1. Đánh giá chi tiết về dự án, bao gồm các thông tin định lượng đầu vào (như nhu cầu nguồn lực), đầu ra (như lượng rác thải) và địa điểm dự án;
2. Đánh giá chi tiết hiện trạng môi trường mà dự án có thể ảnh hưởng tới, bao gồm các số liệu định lượng (nếu có thể) về các thông số môi trường (như chất lượng không khí hiện tại, tốc độ dòng chảy của sông, số hộ gia đình, v.v...) và về xu hướng biến đổi quan sát được trong môi trường đó;
3. Dự báo, một cách định lượng (bất cứ nội dung nào có thể): loại tác động, phạm vi, thời gian và mức độ của các tác động tiềm ẩn; và
4. Đánh giá các tác động dựa trên các tiêu chí đã được xây dựng cho dự án để khẳng định liệu các tác động đó có thể chấp nhận được hoặc có cần tiến hành giảm thiểu, quản lý và/hoặc quan trắc chúng.

Giá trị của việc xác định phạm vi là giúp cho các bước nêu trên cũng như công sức, thời gian và chi phí có thể được tập trung vào những vấn đề chính cần quan tâm. Ví dụ, việc xác định phạm vi có thể cho thấy một dự án thủy lợi không thể gây ra các tác động lớn tới chất lượng không khí; nhưng lại có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ sinh thái dưới nước và việc đánh bắt cá ở khu vực hạ lưu. Do vậy, việc thu thập số liệu, dự báo và đánh giá tác động có thể chỉ cần tập trung vào các loài cá, số lượng và môi trường sống tự nhiên của chúng, những người tham gia đánh bắt cá và các khu chợ bán cá; hơn là thu thập và phân tích một lượng lớn các thông tin về chất lượng không khí.

Các quy định chính

Các quy định chính của Việt Nam và Ngân hàng Thế giới về đánh giá tác động được trình bày trong Bảng 3.3 dưới đây.

Bảng 3.3: CÁC QUY ĐỊNH CHÍNH VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

Việt Nam	Phạm vi đánh giá tác động: <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hiện trạng môi trường tại khu vực thực hiện dự án; - Đánh giá các tác động xảy ra đối với môi trường trong quá trình thực hiện dự án; và - Đề xuất các biện pháp để giải quyết môi trường. Đánh giá tác động: <ul style="list-style-type: none"> - Phải bao gồm môi trường vật lý và môi trường sinh học, hạ tầng cơ sở, các điều kiện kinh tế-xã hội và sức khỏe cộng đồng; - Các phương pháp sử dụng phải đảm bảo tính khách quan, tính khoa học, tính thực tiễn và phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế hiện có; - Các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam phải được áp dụng. Tiêu chuẩn quốc tế có thể được sử dụng trên cơ sở đồng ý bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường nếu như tiêu chuẩn của Việt Nam chưa có. 	Chủ dự án	Sau khi nhận được giấy phép đầu tư
Ngân hàng Thế giới	<ul style="list-style-type: none"> - Phải bao gồm các tác động về môi trường tự nhiên (vật lý và sinh học), an toàn và sức khỏe con người, các điều kiện kinh tế và xã hội. - Dự án phải tuân thủ các quy định pháp luật và tiêu chuẩn về môi trường của nước sở tại. NHTG cũng yêu cầu tuân thủ các tiêu chuẩn của NHTG (xem sổ tay ngăn ngừa và giảm nhẹ ô nhiễm của NHTG) - là những tiêu chuẩn rất nghiêm ngặt. 	Chủ dự án	Thiết kế chi tiết

Chỉ dẫn thực hiện

Trong phần này, các cách tiếp cận và kỹ thuật thực hành tốt nhất sẽ được trình bày như sau:

- Tìm hiểu về dự án;
- Xác định các điều kiện môi trường nền;

- Dự báo tác động; và
- Đánh giá tác động.

Tìm hiểu về dự án

Để dự báo được các tác động, cần phải hiểu rõ về dự án và những hoạt động của nó để biết được các tác động nào có thể xảy ra, trong phạm vi nào/nơi tiếp nhận tác động là gì, những tác động đó lớn đến mức nào và có thể diễn ra trong bao lâu. Chỉ dẫn thực hiện trong ĐTM đã xác định rõ việc đánh giá tác động cần tiến hành trong mọi giai đoạn của quá trình thực hiện dự án - từ giai đoạn xây dựng tới giai đoạn vận hành và kết thúc dự án. Do đó, việc tìm hiểu về dự án cần xem xét đến mọi giai đoạn của dự án (mặc dù phải thừa nhận rằng, trong giai đoạn chuẩn bị dự án khó có thể biết được nhiều thông tin về dự án ở giai đoạn kết thúc).

Những vấn đề chính liên quan đến dự án cần được chú ý tới là:

- Địa điểm thực hiện dự án và các hoạt động khác ngoài khu vực dự án mà dự án cần thực hiện/có thể ảnh hưởng tới (ví dụ như: khu vực khai thác đá để làm vật liệu xây dựng, các địa điểm đổ chất thải, các tuyến đường chuyển tải hoặc đường ống, v.v...);
- Tại sao dự án lại được hình thành, yêu cầu và mục tiêu của dự án và các phương án thay thế để đáp ứng các yêu cầu và mục tiêu đó;
- Thiết kế dự án, phạm vi và quy mô dự án;
- Các hoạt động của dự án; trong quá trình thi công, vận hành và kết thúc dự án (tùy theo dự án);
- Nhu cầu nguồn lực cho dự án trong quá trình thi công, vận hành và kết thúc (tùy theo dự án) bao gồm: nguyên vật liệu thô, vật liệu xây dựng, điện/nhiên liệu, nước, bưu chính viễn thông, hóa chất, v.v... và từ các nguồn cung cấp khác nào;
- Đầu ra của dự án (trong quá trình thi công, vận hành và kết thúc) chẳng hạn như: khí thải, rác thải, chuyên chở sản phẩm, v.v...;
- Những người lao động sẽ được tuyển dụng: những người nào sẽ được tuyển dụng, số lượng, và từ đâu đến; và
- Lịch trình xây dựng và thực hiện dự án.

Mức độ tìm hiểu chi tiết những nội dung trên tùy thuộc vào phạm vi của ĐTM và những tác động được coi là quan trọng nhất.

Ví dụ, việc thi công một con đường mới sẽ đòi hỏi một khối lượng đáng kể vật liệu xây dựng cần được chuyển tới. Điều này có thể sẽ gây ra những tác động nghiêm trọng tới khu vực khai thác nguyên vật liệu, tới các tuyến đường vận chuyển dẫn tới khu vực thi công; tới người dân địa phương, tới các hoạt động và đời sống kinh tế của khu vực, tới sự an toàn và sức khỏe cộng đồng. Do đó, cần tính toán số lượng vật liệu cần thiết, khai thác từ khu vực nào, giao thông đi lại như thế nào, khoảng thời gian và các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu, v.v...

Đối với những dự án mà thiết kế chưa được quyết định chính thức, có thể cần tính toán thêm các dự báo, ví dụ như: về khí thải, rác thải, số lượng nhân công cần tuyển dụng, v.v... thông qua sử dụng các kết quả của những dự án tương tự đã được thực hiện ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài. Tuy nhiên, những giả định đó phải được người thiết kế/chuyên gia của dự án kiểm tra lại nhằm khẳng định tính phù hợp cũng như được trích dẫn một cách cụ thể trong báo cáo ĐTM.

Khi tìm hiểu về dự án, cần phải đặt ra câu hỏi: liệu những thông tin này có tương xứng với các tác động môi trường mà chúng ta đang nghiên cứu, cũng như có cần thiết cho việc tìm hiểu và/hoặc đánh giá các tác động đó? Những thông tin đó có tương xứng với phạm vi có thể của các tác động - liệu các thông tin của chúng ta là đủ hay chưa đủ? Một số hướng dẫn về cách trình bày mô tả dự án trong một báo cáo ĐTM được đề cập trong Mục ⁴

Xác định số liệu môi trường nền

Số liệu môi trường nền là hiện trạng môi trường tại khu vực sẽ bị ảnh hưởng bởi dự án. Ngoài ra, khi xem xét đến số liệu này, cần tính toán đến xu hướng biến đổi của môi trường khi không có dự án; chẳng hạn như nếu mực nước của một con sông liên tục giảm trong 10 năm qua do sự khai thác quá mức để phục vụ hoạt động tưới tiêu nông nghiệp, và sản xuất nông nghiệp dự kiến sẽ được phát triển mở rộng, thì số liệu nền cần được xem xét trên cơ sở có tính toán đến xu hướng trên.

Việc nắm được số liệu môi trường nền sẽ có những lợi ích sau:

- Hiểu được đặc điểm môi trường và con người tại khu vực có thể bị ảnh hưởng bởi dự án (các khu cư trú tự nhiên nhạy cảm, cảnh quan, các cơ sở văn hóa hoặc tôn giáo nhạy cảm với tiếng ồn, v.v...);
- Hiểu được những đặc điểm của môi trường có thể ảnh hưởng tới dự án (ví dụ như: nguy cơ xảy ra lũ lụt trong thời gian thi công dự kiến);
- Một số tác động chỉ có thể được đánh giá thông qua những kiến thức về điều kiện môi trường ban đầu (ví dụ, mức độ ồn được đánh giá dựa trên mức ồn hiện tại và sự nhạy cảm của các điểm tiếp nhận khi tiếng ồn tăng);
- Xác định những cơ sở cần thiết để quan trắc những thay đổi trong tương lai (do dự án hoặc bên thứ ba tạo ra); và
- Xác định được những thiếu hụt về kiến thức cần được nghiên cứu thêm.

Số liệu sử dụng trong ĐTM phải có tính chính xác và phải được cập nhật thường xuyên. Số liệu có thể được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau. Ví dụ: số liệu thứ cấp có thể lấy từ các kết quả của các dự án nghiên cứu khoa học, các chương trình quan trắc của tỉnh hoặc quốc gia, từ bản đồ đã xuất bản, từ ảnh vệ tinh và viễn thám và từ các dự án khác ở khu vực xung quanh. Tuy vậy, vẫn cần phải thu thập số liệu sơ cấp từ khảo sát và do đặc tại thực địa.

Do việc khảo sát thực địa có thể sẽ tốn nhiều thời gian và kinh phí, nên phương pháp này chỉ nên được sử dụng để thay thế nguồn số liệu thứ cấp khi đánh giá những tác động lớn hoặc những tác động quan trọng mà số liệu thứ cấp không có sẵn. Giai đoạn xác định phạm vi cần khẳng định rõ những trường hợp này và đề xuất cách tiếp cận phù hợp.

Tuy nhiên, các điều tra khảo sát thực địa thường là cần thiết, do đó cần phải:

- Xác định rõ khu vực nghiên cứu để tiến hành điều tra khảo sát;
- Nghiên cứu và làm việc tại văn phòng cùng với các chuyên gia của địa phương/của tỉnh để xác định xem đã có sẵn những thông tin nào;
- Tiến hành phân tích các thiếu hụt để xác định xem thông tin nào thực sự cần thiết cho đánh giá tác động và những quan trắc có tính lâu dài;

- Sử dụng các phương pháp đo đặc, lấy mẫu và phân tích theo các tiêu chuẩn của Việt Nam (TCVN);
- Lập kế hoạch và tiến hành khảo sát thực địa; và
- Thu thập ý kiến của các bên liên quan và tận dụng nguồn lực của địa phương.

Trong mọi trường hợp, các nguồn thông tin hoặc phương pháp được sử dụng để thu thập số liệu sơ cấp phải được trình bày rõ ràng trong Báo cáo ĐTM hoặc trong các phụ chương kỹ thuật (xem thêm ở Mục 4).

Loại số liệu môi trường cần thu thập cho các dự án được liệt kê ở Bảng 3.4 dưới đây. Bảng này không thể đưa ra tất cả loại số liệu nhưng nó cũng cho thấy các yêu cầu về những thông tin cơ bản. Cũng cần lưu ý rằng, số liệu nền có thể sẽ phải được xử lý trước khi có thể đánh giá một số tác động, chẳng hạn như cần phân tích hệ động vật trong hệ đa dạng sinh học trên cạn thành động vật không xương sống, chim và động vật có vú, v.v...

Bảng 3.4: CÁC YÊU CẦU VỀ SỐ LIỆU NỀN CƠ BẢN

Môi trường vật lý	
Môi trường Vật lý	
Khí hậu	Mưa (tần suất, cường độ, lượng mưa, mùa mưa), nhiệt độ, tốc độ gió, hướng gió, áp suất, các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt.
Chất lượng không khí	Nồng độ bụi, SO _x , NO _x hiện tại trong không khí và các nguồn ô nhiễm khác.
Độ ồn	Mức độ ồn hiện tại (ngày và đêm) ở các điểm nhận tiềm ẩn.
Địa hình	Địa thế, độ cao so với mặt biển, độ dốc, xói mòn.
Địa lý	Các đặc điểm bề mặt.
Đất	Mặt trắc dọc của đất, độ sâu, năng suất của đất.
Các nguồn nước mặt	Vị trí, loại, tốc độ dòng chảy, bể rộng dòng nước, mùa nước, chất lượng nước.
Các nguồn nước ngầm	Độ sâu tầng ngầm nước, lượng nước, chất lượng, độ dốc nước.
Hải dương học	Dòng chảy, loại sóng, chế độ thủy triều, chất lượng nước, độ sâu của biển.

(Tiếp theo)

<i>Môi trường sinh học</i>	
Đa dạng sinh học trên cạn	Các khu cư trú tự nhiên, thực vật, động vật, và mối liên hệ tương hỗ.
Đa dạng sinh học biển	Các khu cư trú tự nhiên, thực vật, động vật và mối liên hệ tương hỗ.
Các khu vực/loài cần bảo vệ	Các khu cư trú tự nhiên và các loài bị đe dọa, các khu cư trú tự nhiên và các loài cần được bảo vệ.
<i>Môi trường con người</i>	
Sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất và tương lai (theo kế hoạch), sở hữu đất.
Cảnh quan và thẩm mỹ	Vị thế đất, đặc điểm cảnh quan, nhận thức giá trị cảnh quan.
Nhân chủng học	Dân số, kỹ năng/trình độ giáo dục, sức khỏe và tiêu nghi đời sống.
Kinh tế	Việc làm, nguồn sinh kế, đặc điểm kinh tế của khu vực.
Hạ tầng cơ sở	Đường giao thông (và việc sử dụng chúng, như lưu lượng giao thông, tỷ lệ tai nạn), hệ thống đường ống, cấp nước, vệ sinh môi trường, cấp điện, bưu chính viễn thông, thu gom rác thải, vui chơi giải trí.
Khảo cổ học và di sản văn hóa	Các tài nguyên hiện có và giá trị của chúng/người sử dụng.

Việc báo cáo sơ sài các thông tin nền sẽ không thể cho phép đánh giá các tác động. Ý nghĩa của các thông tin đã được quan trắc và do đặc phái diễn giải cụ thể. Ví dụ, việc trình bày số liệu quan trắc chất lượng nước phải đi kèm với sự giải thích về ý nghĩa của chất lượng nước (chẳng hạn, nước bị ô nhiễm đến mức nó chỉ còn có thể phục vụ được một số ít các loài).

Ngoài ra, nếu không thể thu thập được số liệu ngay tại khu vực thực hiện dự án, thì có thể suy luận đặc điểm của khu vực dự án bằng cách lấy số liệu của các khu vực khác có điều kiện tương tự. Tuy vậy, việc suy luận này và nguồn số liệu phải được nêu rõ trong báo cáo. Điều quan trọng là cần nhận thức rõ sự thiếu hụt hoặc sự không chính xác của số liệu và kèm theo các biện pháp để xuất để khắc phục sự không chính xác đó một cách linh hoạt.

Một số bảng biểu mẫu và các thông số môi trường cũng như tài nguyên cần được nghiên cứu trong quá trình đánh giá môi trường cho các dự án giao thông vận tải được trình bày trong Phụ chương G.

Dự báo tác động

Những tác động có khả năng xảy ra trong quá trình thực hiện dự án (chẳng hạn trong giai đoạn thi công, vận hành và kết thúc dự án) cần được dự báo một cách định lượng nếu có thể. Dự báo tức là đưa ra những đánh giá về:

- Những loại tác động nào có thể xảy ra;
- Tài nguyên/những đặc tính ban đầu sẽ bị ảnh hưởng;
- Mức độ của tác động (tức là mức thay đổi mong muốn có thể đạt được, chẳng hạn như tỷ lệ % của một nguồn tài nguyên biến mất, sự gia tăng có dự báo về nồng độ chất gây ô nhiễm trong không khí, v.v...);
- Khoảng thời gian diễn ra tác động (tức là khoảng thời gian mà một tác động có thể xảy ra); và
- Phạm vi của tác động (tức là khu vực địa lý mà tác động sẽ xảy ra trong đó).

Tùy thuộc vào loại tác động được dự báo là quan trọng (theo kết quả của quá trình xác định phạm vi) mà việc dự báo tác động có thể phải tiến hành các nghiên cứu chi tiết. Có rất nhiều phương pháp dự báo tác động, bao gồm: các phương pháp định lượng, phương pháp bán định lượng và định tính như các phân tích mô phỏng, chồng bản đồ/hệ thống thông tin địa lý và đánh giá chuyên ngành. Không có một nguyên tắc chung để áp dụng các phương pháp này vì nó hoàn toàn phụ thuộc vào từng điều kiện cụ thể của những tác động bị đánh giá, phụ thuộc vào mức độ của tác động, số liệu sẵn có, bản chất của môi trường chịu tác động và kinh nghiệm của các chuyên gia đánh giá tác động. Có khá nhiều tài liệu nói về các phương pháp đánh giá (dự báo) tác động, do đó trong khuôn khổ tài liệu này không đề cập lại nữa.

Rất nhiều loại tác động có thể nảy sinh, và những thuật ngữ được sử dụng phổ biến để mô tả đặc điểm của các tác động đó được trình bày ở Bảng 3.5.

Bảng 3.5: CÁC THUẬT NGỮ VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

Thuật ngữ	Định nghĩa
Tính chất tác động	
Tác động tiêu cực	- Một tác động thể hiện một sự thay đổi bất lợi so với điều kiện ban đầu, hoặc tạo ra các nhân tố không mong muốn.
Tác động tích cực	- Một tác động thể hiện một sự cải thiện so với điều kiện ban đầu hoặc đem lại một nhân tố mong muốn.
Tác động trung lập	- Một tác động không thể hiện sự cải thiện hay sự suy giảm so với các điều kiện ban đầu.
Nhóm tác động	
Tác động trực tiếp	- Là những tác động được tạo ra từ sự tương tác trực tiếp giữa các hoạt động của dự án với môi trường tiếp nhận (chẳng hạn như giữa việc xâm lấn một vùng thềm lục địa với việc mất các khu cư trú tự nhiên ở đó).
Tác động thứ cấp	- Là những tác động xảy ra sau những tương tác ban đầu giữa dự án với môi trường của nó, tạo ra các tương tác tiếp theo trong môi trường tiếp nhận (chẳng hạn như việc mất một phần của khu cư trú tự nhiên sẽ ảnh hưởng tới khả năng tồn tại của một quần thể trên một phạm vi rộng).
Tác động gián tiếp	- Là những tác động được tạo ra từ các hoạt động được xem là kết quả của hoạt động dự án (ví dụ, việc thực hiện dự án sẽ làm phát triển các ngành công nghiệp dịch vụ trong vùng).
Tác động tích lũy	- Là những tác động xảy ra cùng với các tác động khác ảnh hưởng tới cùng một nguồn tài nguyên môi trường hoặc cùng một điểm tiếp nhận.
Thời gian tác động	
Tạm thời	- Là những tác động được dự báo xảy ra trong một khoảng thời gian rất ngắn và có tính chất không liên tục/không thường xuyên.
Ngắn hạn	- Là những tác động được dự báo xảy ra trong một khoảng thời gian giới hạn (ví dụ, giai đoạn phá dỡ công trình) nhưng sẽ dừng khi hoạt động kết thúc, hoặc là kết quả của các biện pháp giảm thiểu/khắc phục và sự phục hồi tự nhiên.

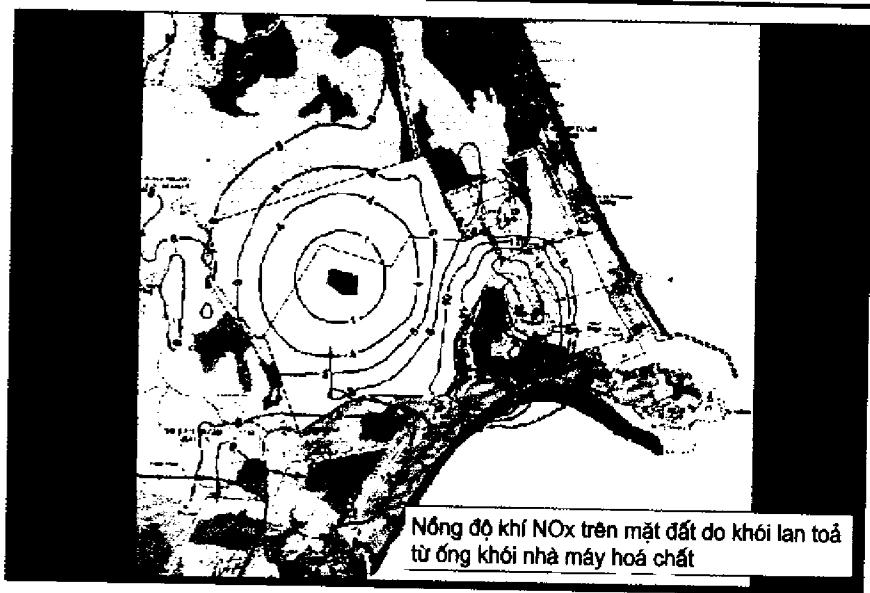
(Tiếp theo)

Thuật ngữ	Định nghĩa
Dài hạn	- Là những tác động xảy ra trong một thời gian kéo dài. Những tác động này sẽ bao gồm cả các tác động có thể không liên tục hoặc được lặp đi lặp lại nếu như chúng diễn ra trong một thời gian dài.
Vĩnh cửu	- Là những tác động xảy ra một lần trong quá trình thực hiện dự án và tạo ra một thay đổi lâu dài cho môi trường hoặc tài nguyên bị ảnh hưởng (ví dụ, việc mất một khu cư trú tự nhiên nhạy cảm) và cứ như vậy trong suốt dự án.
Phạm vi tác động	
Địa phương	- Tác động xảy ra trong phạm vi của địa phương.
Quốc gia	- Tác động xảy ra trên phạm vi một quốc gia (phạm vi ảnh hưởng vượt quá khu vực phụ cận trung gian của các công trình dự án và ảnh hưởng tới toàn bộ một vùng).
Toàn cầu	- Tác động xảy ra trên phạm vi toàn cầu (ví dụ, sự nóng lên của trái đất).
Mức độ tác động	
Mức độ tác động	- Dự báo quy mô của tác động (như quy mô của khu vực bị tàn phá hoặc bị tác động, % của một nguồn tài nguyên bị mất hoặc bị ảnh hưởng, v.v...).

Nên sử dụng các phương pháp dự báo định lượng ở bất cứ lúc nào có thể. Những phương pháp này có xu hướng giới hạn những vấn đề môi trường. Các phương pháp bán định lượng (chẳng hạn đối với dự báo tác động sinh thái) có thể bao hàm một số thông tin định lượng (như diện tích biến mất của một khu cư trú tự nhiên) nhưng chúng vẫn cần đến sự đánh giá chủ quan (ví như giá trị của khu cư trú này và khả năng khôi phục hoặc bù đắp của khu vực đó). Tuy nhiên, việc dự báo các tác động liên quan đến xã hội và sức khỏe con người thường chỉ mang tính định tính vì sự phức tạp vốn có giữa nguyên nhân và ảnh hưởng tiềm ẩn.

Hình 3.1 dưới đây trình bày một ví dụ về mô hình dự báo khí thải. Mô hình này dự báo nồng độ NOx tại thực địa, được tạo ra từ các khí thải của một nhà máy hóa chất dự kiến sẽ được xây dựng. Những số liệu cần thiết cho việc dự báo là:

- Lượng khí thải, tốc độ và nhiệt độ của các khí được thải ra từ ống khói nhà máy;
- Độ cao của ống khói;
- Các điều kiện khí tượng của địa phương; và
- Địa hình khu vực.



Hình 3.1: VÍ DỤ DỰ BÁO TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Sau đó, kết quả dự báo này có thể so sánh (ví dụ, sử dụng phương pháp GIS) với nồng độ NOx ở môi trường của khu vực đó. Việc đánh giá tác động sau đó sẽ khẳng định liệu nồng độ được dự báo bổ sung có ở mức chấp nhận được hay không, chẳng hạn về mặt sức khỏe của con người.

Hộp 3.5 dưới đây cũng cung cấp một công cụ tốt cho việc dự báo tiếng ồn do dòng xe giao thông. Từ công thức, ta dễ dàng tính toán và dự báo được tiếng ồn do dòng xe giao thông gây ra ở thời điểm hiện tại và trong tương lai.

Hộp 3.5: VÍ DỤ VỀ DỰ BÁO TIẾNG ỒN DO ĐÒNG XE GIAO THÔNG

Mức ồn của xe phụ thuộc vào mức phát ồn trung bình từ nguồn ồn và vào loại xe cụ thể. Mức ồn của dòng xe bằng mức ồn của xe đặc trưng cộng với giá số mức ồn của dòng xe.

Gia số mức ồn của dòng xe sẽ phụ thuộc vào số lượng xe chạy trong một giờ (N_i), khoảng cách đặc trưng từ dòng xe đến điểm đo ở cạnh đường ở độ cao từ 1,5-2 m (Do), tốc độ dòng xe (Si) và thời gian ($T=1$ giờ) và $Do=7,5$ m, thì mức ồn được xác định theo công thức sau:

$$10\log(N_i Do)/(Si \cdot T)$$

Mức ồn giảm theo khoảng cách thực tế tính từ nguồn ồn (D), được xác định như sau:

- Đối với nguồn của đường: $\Delta L = 10\log(Do/D)1+a$
- Đối với nguồn điểm: $\Delta L = 20\log(Do/D)1+a$

Trong đó: a là hệ số trạng thái địa hình

$a = 0$ đối với địa hình bằng phẳng, không có cây và vật chướng ngại;

$a = 0,1$ đối với mặt cỏ;

$a = -0,1$ đối với mặt đất là bê tông hay trải nhựa đường.

Nguồn: Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường - Cục Môi trường: Hướng dẫn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Dự án công trình giao thông (đường bộ, đường sắt, cầu). Hà Nội, 1999.

Hai lưu ý đối với dự báo tác động là:

- Dự báo tác động phải lưu ý tới các biện pháp giảm thiểu hoặc biện pháp kiểm soát đã được đề xuất trong thiết kế/kế hoạch của dự án (ví dụ, các thiết bị kiểm soát khí thải). Các biện pháp giảm thiểu bổ sung để giảm nhẹ các tác động đã dự báo sẽ được đề xuất sau đó nếu cần thiết hoặc là tuỳ theo kết quả của đánh giá tác động.
- Nói chung, việc thiếu số liệu không nên để làm ảnh hưởng tới việc dự báo tác động và hoạt động ĐTM. Đối với những dự án còn thiếu số liệu, cần đưa ra những giả định dựa trên các trường hợp tương tự xảy ra trước đó và/hoặc sử dụng đánh giá chủ quan của các chuyên gia. Những giả định này cần được mô tả rõ trong báo cáo ĐTM. Nếu số liệu nền chưa đầy đủ, có thể khai thác kinh nghiệm từ các dự án, hoạt động tương tự khác diễn ra trước đó để tìm hiểu mức độ của những ảnh hưởng đã xảy ra. Một ví dụ về trường hợp này được trình bày trong hộp 3.6.

Hộp 3.6: VÍ DỤ VỀ SỬ DỤNG SỐ LIỆU CỦA CÁC DỰ ÁN TƯƠNG TỰ KHÁC KHI THIẾU SỐ LIỆU CỤ THỂ

Để dự báo mức độ phát thải có thể của khí nhà kính (chủ yếu là CO₂ và CH₄) từ việc làm ngập một hồ thủy điện ở Lào (và từ sự phân hủy các chất hữu cơ bị ngập trong hồ chứa), các chuyên gia ĐTM đã sử dụng các kết quả chính thức của một dự án thủy điện ở vùng núi nhiệt đới Guyana nước Pháp. Mặc dù ở trên các lục địa khác nhau nhưng các chuyên gia ĐTM cho rằng khí hậu, điều kiện thủy văn và cây cối ở hai khu vực này khá tương đồng với nhau.

Dánh giá tác động

Dánh giá tác động là việc khẳng định tính chất quan trọng của tác động - tức là xem xét liệu tác động này có thể chấp nhận được hay cần phải giảm nhẹ. Những người thực hiện ĐTM thường gọi khái niệm này là “mức độ tác động”. Mức độ của các tác động dự báo có thể được khẳng định thông qua việc xem xét những yếu tố sau:

- Đặc tính của nơi tiếp nhận/nguồn tài nguyên: Bản chất, tầm quan trọng (tức là khu vực này có tầm quan trọng ở địa phương, quốc gia, khu vực hay trên phạm vi quốc tế) và sự nhạy cảm với những thay đổi của các nguồn tiếp nhận hoặc tài nguyên có thể bị ảnh hưởng;
- Mức độ tác động: Mức độ của thay đổi được tạo ra (tức là % của tài nguyên bị biến mất; sự gia tăng có dự báo về nồng độ các chất gây ô nhiễm không khí, v.v..);
- Thời gian tác động: Khoảng thời gian mà tác động diễn ra;
- Phạm vi tác động: Phạm vi địa lý của thay đổi được tạo ra;
- Các quy định, tiêu chuẩn và hướng dẫn: Mỗi liên hệ giữa tác động với các quy định pháp lý (ví dụ, các hạn mức đổ thải), các tiêu chuẩn (chẳng hạn các tiêu chí chất lượng môi trường) và các hướng dẫn; và
- Quan điểm của các bên liên quan: Bất kỳ ý kiến thu thập được từ các bên liên quan sẽ giúp cho việc xác định mức độ chấp nhận của một tác động.

Điều có ích cho bên vay, CPO hay PMU và cộng đồng liên quan là cần hiểu được những tác động nào là quan trọng nhất liên quan đến dự án cụ thể. Vì thế, một phương thức hiệu quả để thực hiện điều này là phân loại các tác động được đánh giá như sau:

- Tác động nhẹ;
- Tác động thấp;
- Tác động trung bình; và
- Tác động lớn.

Việc phân loại này hoặc có thể được thực hiện theo đánh giá chủ quan, bằng cách sử dụng đánh giá chuyên ngành của nhóm chuyên gia DTM, hoặc có thể được tiến hành một cách khách quan hơn bằng cách đưa ra những tiêu chí cơ bản cho mỗi loại tác động. Cách tiếp cận khách quan dễ được chấp nhận hơn vì nó làm cho quá trình đánh giá trở nên rõ ràng hơn đối với những người khác (nghĩa là, họ có thể dễ dàng theo dõi tại sao một tác động lại được đánh giá là thấp hay quan trọng).

Các tiêu chí mức độ khách quan có thể được xây dựng bằng cách áp dụng phương pháp định tính (chẳng hạn có thể sử dụng các giá trị bằng số để thể hiện các giới hạn quy định, tiêu chuẩn của dự án hoặc các hướng dẫn cần áp dụng). Bảng 3.6 trình bày một ví dụ về phân loại tác động chất lượng không khí. Ở ví dụ này, các tác động chất lượng không khí đã dự báo sẽ được so sánh với những tiêu chí này để khẳng định xem tác động là nhẹ, thấp, trung bình hay lớn.

Bảng 3.6: VÍ DỤ VỀ TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Mức độ	Định nghĩa tiêu chí
Nhẹ	<ul style="list-style-type: none"> - Các tác động tới chất lượng không khí dưới nhiều so với tiêu chuẩn cho phép. - Lượng khí thải dưới nhiều so với các giới hạn khí thải cho phép.
Thấp	<ul style="list-style-type: none"> - Các tác động tới chất lượng không khí nằm trong tiêu chuẩn cho phép. - Lượng khí thải dưới giới hạn khí thải cho phép.
Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> - Các tác động tới chất lượng không khí đôi lúc vượt quá tiêu chuẩn cho phép (trong một thời gian ngắn). - Lượng khí thải đôi lúc vượt các giới hạn khí thải cho phép (trong một thời gian ngắn).
Lớn	<ul style="list-style-type: none"> - Các tác động thường xuyên vượt quá tiêu chuẩn cho phép (trong một thời gian dài). - Thường xuyên vượt mức giới hạn khí thải cho phép (thời gian dài).

Một số khía cạnh môi trường, chẳng hạn như hệ sinh thái, do thiếu các tiêu chuẩn pháp lý làm căn cứ để đánh giá các loại tác động tiềm ẩn đòi hỏi phải có cách tiếp cận định tính để xác định mức độ ảnh hưởng của chúng. Tuy nhiên, các tiêu chí bán định lượng hoặc tiêu chí định tính vẫn có thể được xây dựng trên cơ sở có cân nhắc đến mức độ nhạy cảm của nơi tiếp nhận, nguồn tài nguyên sẽ bị ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng tới nguồn tài nguyên và tới những giá trị (về mặt nhận thức hoặc giá trị kinh tế) mà con người có thể gây ra đối với tài nguyên đó. Ví dụ về một số tiêu chí mức độ được xây dựng để đánh giá môi trường sinh thái dưới nước được trình bày ở Bảng 3.7 dưới đây.

Bảng 3.7: VÍ DỤ VỀ TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ TÁC ĐỘNG CỦA HỆ SINH THÁI DƯỚI NƯỚC

Mức độ	Khái niệm tiêu chí
Nhỏ	- Những ảnh hưởng rất nhỏ và rất khó để nhận thấy sự khác biệt so với môi trường ban đầu /nằm trong phạm vi các biến đổi tự nhiên.
Thấp	- Ảnh hưởng tới một nhóm xác định của các cá thể sống tại khu vực trong một quần thể qua một thời gian ngắn (một thế hệ hoặc ngắn hơn), nhưng không ảnh hưởng tới các cấp sinh vật khác hoặc chính quần thể đó.
Trung bình	- Ảnh hưởng tới một phần của một quần thể và có thể đem lại một sự thay đổi về sự đa dạng và/hoặc sự phân bố qua một hay nhiều thế hệ, nhưng không đe dọa tới tính nguyên vẹn của quần thể đó hay bất cứ một quần thể sống phụ thuộc nào khác.
Lớn	- Ảnh hưởng tới toàn bộ quần thể hoặc các loài ở mức độ làm giảm sự đa dạng và/hoặc thay đổi sự phân bố mà khả năng tái tạo của tự nhiên (sự sinh sản, di cư từ các vùng không bị ảnh hưởng) không thể khôi phục lại quần thể hoặc các loài đó, hoặc bất cứ quần thể hay các loài khác sống phụ thuộc trở lại trạng thái ban đầu trong nhiều thế hệ kế tiếp.

Để đánh giá mức độ của các tác động về xã hội và sức khỏe con người, cần xem xét những vấn đề sau:

- Sự chấp nhận của cộng đồng (mức độ chấp nhận của những người bị ảnh hưởng đối với một thay đổi đã được dự báo);
- Khả năng quản lý (ví dụ sự dễ dàng, công sức và chi phí cần thiết để kiểm soát tác động); và

- Tính thích ứng (khả năng thích ứng của điểm tiếp nhận đối với tác động).

Bảng 3.8 dưới đây đưa ra ví dụ về một số tiêu chí mức độ khách quan được sử dụng để đánh giá một số tác động xã hội. Đối với tác động về sức khỏe con người có thể áp dụng một cách tiếp cận tương tự.

Bảng 3.8: VÍ DỤ VỀ TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI TÁC ĐỘNG XÃ HỘI

Mức độ tác động	Sự chấp nhận của cộng đồng	Khả năng quản lý	Tính thích ứng	Tính chất tác động
Rất ít cá nhân hoặc hộ bị ảnh hưởng (dưới 5%)	Được tất cả hoặc hầu hết cộng đồng chấp nhận (70 - 100%)	Dễ dàng kiểm soát mà không cần thêm chi phí đối với chủ dự án.	Những người bị ảnh hưởng có thể thích ứng với những thay đổi một cách dễ dàng mà vẫn duy trì cuộc sống ban đầu.	Nhẹ
Một số ít cá nhân/hộ gia đình bị ảnh hưởng (5 - 20%)	Một số chấp nhận (40 - 70%)	Dễ dàng kiểm soát nhưng cần một ít chi phí.	Những người bị ảnh hưởng có thể thích ứng với những thay đổi với một chút khó khăn nhưng vẫn duy trì được cuộc sống như trước khi có tác động.	Thấp
Một số cá nhân/hộ gia đình bị ảnh hưởng (20 - 50%)	ít người chấp nhận (10 - 40%)	Có thể kiểm soát nhưng có chi phí cao.	Những người bị ảnh hưởng có thể thích ứng với những thay đổi nhưng rất khó để duy trì cuộc sống ban đầu.	Trung bình
Số lượng lớn cá nhân/hộ gia đình bị ảnh hưởng (trên 50%)	Rất ít hoặc không ai chấp nhận (dưới 10%)	Không thể kiểm soát/ chỉ có thể kiểm soát với mức chi phí không đáp ứng được đối với chủ dự án.	Những người bị ảnh hưởng không thể thích ứng với những thay đổi.	Cao

Đối với những tác động xảy ra do nguyên nhân của các tình huống không lường trước (như tai nạn) thì cần phải tính toán đến khả năng xảy ra của những tác động đó. Mức độ của những tác động này có thể được đánh giá bằng cách sử dụng ma trận tính chất tác động (như phân tích ở trên), trong đó tính chất tác động được liệt kê ở một bên cột của ma trận, và khả năng của tác động được chia theo một tỷ lệ các nhóm khả năng dọc từ trên xuống dưới.

Khả năng xảy ra tác động được dự báo trên cơ sở những kinh nghiệm và/hoặc những dẫn chứng thu thập được của một tác động tương tự đã xảy ra trước đó.

Cuối cùng, điều quan trọng đối với việc đánh giá tác động là cụ thể hóa được ý nghĩa của những tác động đã được đánh giá để Bên vay, CPO, PMU, người ra quyết định và cộng đồng có thể hiểu được kết quả của tác động. Chẳng hạn như, nếu chúng ta đánh giá rằng việc phát thải ra không khí trong quá trình thi công như: bụi, nhiên liệu động cơ, trạm trộn xi măng, v.v... là tác động trung bình, thì điều này có ý nghĩa như thế nào đối với hoạt động giảm thiểu tác động đó. Một ví dụ được trình bày trong bảng 3.9 dưới đây.

Bảng 3.9: KHÁI NIỆM VỀ MỨC ĐỘ

Mức độ	Khái niệm
	Là tác động thể hiện sự cải thiện so với ban đầu hoặc tạo ra một nhận tố mong muốn mới.
Tác động không đáng kể	Mức độ thay đổi gần tương đương với sự biến đổi của tự nhiên.
Tác động nhỏ	Có thể nhận thấy nhưng không quan trọng.
Tác động trung bình	Quan trọng; cần giảm thiểu nếu có thể.
	Quan trọng; cần phải giảm thiểu.
	Không thể chấp nhận; không thể giảm thiểu; phải xác định phương án thay thế; "dừng dự án".

3.5- Xem xét các phương án thay thế

Khái quát

Khái niệm của dự án, hay những chi tiết thiết kế ban đầu của dự án (như địa điểm, tuyến đường, lịch trình thực hiện, công nghệ, v.v..) có thể chưa đưa ra được những giải pháp tốt nhất để tránh hoặc giảm thiểu các tác động môi trường. Cũng giống như việc đánh giá các cách tiếp cận thay thế của một dự án trong các nghiên cứu kinh tế và kỹ thuật khả thi, một báo cáo ĐTM cần xem xét liệu những cách tiếp cận khác nhau đối với việc thiết kế và thực hiện dự án có thể mang lại lợi ích hơn cho môi trường hay không.

Do đó, việc tìm hiểu các phương án thay thế là một cách để lồng ghép việc giảm thiểu vào trong quá trình thiết kế, và từ đó có thể tạo ra một dự án hiệu quả về mặt kinh tế và bền vững về môi trường.

Về cơ bản, việc xem xét các phương án thay thế được thực hiện:

- Ngay ở giai đoạn đầu của quá trình thiết kế (chẳng hạn như giai đoạn tiền khả thi) khi mà các địa điểm, tuyến đường, các lựa chọn công nghệ và phương tiện vận tải (cho việc vận chuyển vật liệu xây dựng) vẫn còn đang được cân nhắc;
- Khi quá trình thiết kế bắt đầu đi vào chi tiết hơn (giai đoạn thiết kế chi tiết) khi các quy trình hoặc công nghệ điều khiển (ví dụ, công nghệ xử lý nước thải hoặc hệ thống cống của đường) vẫn còn đang được cân nhắc lựa chọn và đánh giá.

Phụ chương H cung cấp một phương pháp để lựa chọn phương án thay thế của dự án cho ngành giao thông vận tải.

Một số quy định chính

Cả Việt Nam và Ngân hàng Thế giới đều đưa ra những yêu cầu về đánh giá các phương án thay thế trong quá trình ĐTM, được tóm tắt ở Bảng 3.10 dưới đây.

Bảng 3.10: CÁC QUY ĐỊNH CHÍNH VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

	Quy định chính	Trách nhiệm	Thời điểm
Viet Nam	<p>Đối với các dự án Nhóm 1, các báo cáo ĐTM phải bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự phân tích và dự báo các tác động của mỗi phương án thay thế cho thực hiện dự án; - So sánh các chi phí và lợi ích môi trường của từng phương án; và - Các đề xuất về phương án thay thế cần thực hiện theo quan điểm về môi trường. 	Chủ dự án	Tiền khả thi và trong giai đoạn thiết kế chi tiết
Ngân hàng Thế giới	<p>Nghiên cứu ĐM cần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh một cách có hệ thống các phương án thay thế khả thi tại địa điểm để xuất của dự án, thiết kế và vận hành dự án, bao gồm cả trường hợp không có dự án, về các tác động môi trường tiềm ẩn của các phương án đó, tính khả thi của việc giảm thiểu các tác động; vốn và chi phí thường xuyên cho các phương án, tính hợp lý của phương án trong điều kiện của địa phương và các yêu cầu về thể chế, đào tạo và quan trắc của các phương án; - Định lượng các tác động môi trường của từng phương án thay thế trong một chừng mực có thể, bao gồm cả các giá trị kinh tế nếu được; và - Nêu rõ lý do chọn một thiết kế dự án cụ thể trong mối liên hệ với các phương án khác. 	Chủ dự án (với sự hỗ trợ của Ngân hàng nếu cần thiết)	Tiền khả thi và trong giai đoạn thiết kế chi tiết

Chỉ dẫn thực hiện

Để tiến hành phân tích các phương án thay thế một cách hiệu quả và có ý nghĩa, các chuyên gia ĐM cần phối hợp chặt chẽ với những người lập kế hoạch dự án và các kỹ sư thiết kế. Việc xác

định các phương án thay thế, bao gồm: việc trình bày phương án, thiết kế, địa điểm, công nghệ, v.v... phải được bắt đầu ngay ở giai đoạn xác định phạm vi của nghiên cứu ĐM (nếu trước đó chưa làm) và được tiếp tục trong suốt giai đoạn thiết kế chi tiết.

Một cách hiệu quả để đánh giá các phương án thay thế khác nhau là sử dụng khái niệm. Lựa chọn phương án môi trường có tính thực tế nhất (BPEO). Kỹ thuật này nhằm đánh giá từng phương án thay thế, các tác động của nó và khả năng giảm thiểu các tác động đó khi sử dụng bộ các tiêu chí đánh giá theo mục tiêu. Các tiêu chí này sau đó có thể được dùng để xếp hạng, đánh giá hoặc cho điểm các phương án thay thế khác nhau, tạo điều kiện cho việc so sánh.

Các tiêu chí đánh giá có thể là những chỉ số định lượng (ví dụ: số người bị di dời, chi phí để giảm thiểu các tác động môi trường) hoặc là một chỉ số tổng hợp (ví dụ: những người cần di dời, sự nhạy cảm của những người này đối với việc tái định cư, chi phí của dự án). Các tiêu chí này có thể được xây dựng để phản ánh các giá trị kinh tế nếu như việc định giá các tác động môi trường là có thể^(*). Trong quá trình xây dựng các tiêu chí đánh giá nên thu thập các dữ liệu đầu vào từ những người xây dựng dự án/các kỹ sư dự án và cộng đồng địa phương. Tuy nhiên, đối với bất cứ một phương pháp nào khi được áp dụng thì cũng phải luôn nêu rõ những tiêu chí đánh giá nào đã được sử dụng.

Ngân hàng Thế giới có hướng dẫn phương pháp phân tích các phương án thay thế trong đánh giá môi trường trong cuốn sách nguồn môi trường số 17 (xem mục Tài liệu tham khảo).

3.6- Giảm thiểu, quản lý và quan trắc các tác động

Khái quát

Thực chất, giảm thiểu là trả lời cho câu hỏi “Có thể làm gì đối với những tác động đã được dự báo?”. Việc xác định các biện pháp giảm thiểu, quản lý và quan trắc phù hợp là một trong những giai đoạn quan trọng nhất trong quá trình ĐTM.

^(*) Việc đánh giá các tác động môi trường không thuộc phạm vi của tài liệu hướng dẫn này. Tuy nhiên, trong phần Tài liệu tham khảo có chỉ dẫn một số tài liệu tham khảo về đánh giá kinh tế

Các biện pháp giảm thiểu có thể bao gồm những thay đổi về thiết kế, thay đổi về công nghệ, thay đổi về địa điểm hoặc tuyến đường, hoặc những thay đổi về nguồn khai thác nguyên vật liệu xây dựng, v.v... Chúng cũng có thể gồm các biện pháp quản lý nhằm đảm bảo rằng những tác động có thể này sinh từ các hoạt động thực hiện dự án sẽ không xảy ra. Ví dụ: triển khai và thực hiện các biện pháp quản lý rác thải hiệu quả, thực hiện quy định về rửa bánh xe đối với các phương tiện vận tải hay thi công trước khi ra khỏi công trường. Trong một số trường hợp, một biện pháp quản lý có thể bao hàm cả việc quan trắc tác động (ví dụ, đảm bảo lượng nước thải nằm trong giới hạn tiêu chuẩn cho phép). Ngoài ra, vẫn có thể có sự không chính xác trong việc dự báo các tác động, khi đó có thể tiến hành các biện pháp quan trắc.

Những thay đổi trong thiết kế có thể mang tính cơ bản và do đó cần tiến hành ĐM sớm - việc thay đổi một thiết kế ngay từ đầu sẽ dễ dàng hơn nhiều so với việc chờ để được cấp giấy phép thi công, lúc đó sẽ phải tốn thêm nhiều thời gian và công sức để thực hiện một thay đổi.

Trong một số trường hợp, chỉ có thể giảm tác động tới một mức độ nhất định. Ví dụ, không thể làm một con đường mới mà không có những tác động của việc lấy đất, mặc dù quá trình này có thể được giảm thiểu ở một số khu vực nhạy cảm. Vì vậy, những tác động này chỉ có tính chất tàn dư trong trường hợp chúng vẫn còn tồn tại ngay cả khi các biện pháp giảm thiểu đã được áp dụng cho dự án. Điều quan trọng là những tác động tàn dư này cần được đánh giá để đảm bảo rằng những tác động đó được giảm đến mức có thể chấp nhận. Nếu không, có thể xem xét đến các biện pháp giảm thiểu hoặc đền bù khác (như thay đổi tuyến đường, hình thành một khu cư trú tự nhiên được bảo vệ mới, v.v...).

Các quy định chính

Cả Việt Nam và Ngân hàng Thế giới đều yêu cầu chủ dự án phải xây dựng các biện pháp giảm thiểu, quản lý và quan trắc các tác động môi trường như Bảng 3.11 dưới đây.

**Bảng 3.11: CÁC QUY ĐỊNH CHÍNH VỀ GIẢM THIỂU, QUẢN LÝ
VÀ QUAN TRẮC TÁC ĐỘNG**

	Quy định chính	Trách nhiệm	Thời điểm
Ngân hàng Thế giới	<ul style="list-style-type: none"> - Các nghiên cứu/thông tin DTM của các dự án Nhóm A và Nhóm B phải để xuất được các biện pháp có tính kinh tế và khả thi để giảm thiểu các tác động tiêu cực tiềm ẩn tới mức có thể chấp nhận. Các biện pháp đó có thể là các biện pháp giảm thiểu, quản lý và quan trắc. - Ngân hàng yêu cầu các biện pháp giảm thiểu, quản lý và quan trắc phải được cụ thể hóa trong Kế hoạch Quản lý Môi trường (EMP). Mục 6 sẽ đề cập chi tiết hơn nội dung này. 	Chủ dự án	Tiến khả thi và thiết kế chi tiết

Chỉ dẫn thực hiện

Các biện pháp giảm thiểu được đề xuất phải tương xứng với mức độ của tác động đã dự báo. Ví dụ, việc lắp đặt một công nghệ xử lý nước thải đắt tiền có thể là một giải pháp không hiệu quả nếu như sự ô nhiễm của nước thải được dự báo chỉ ở mức xấp xỉ nhưng chưa vượt quá giới hạn cho phép. Quan trắc chất lượng nước thải trước khi đổ thải và thay thế các đường thải cũ bằng một quy trình xử lý đơn giản có thể là biện pháp phù hợp hơn.

Để đánh giá được phương pháp giảm thiểu nào có tính khả thi nhất trong điều kiện kỹ thuật, kinh tế và xã hội cho phép, cần có một cách tiếp cận hệ thống trong việc lựa chọn phương pháp giảm thiểu phù hợp nhất. Bảng 3.12 dưới đây đưa ra một quy trình

chung cho hệ thống các biện pháp giảm thiểu các tác động theo thứ tự ưu tiên, gồm Tránh - Giảm - Khắc phục - Đền bù.

**Bảng 3.12: TRÌNH TỰ CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU THEO THỨ TỰ
ƯU TIÊN**

Cách tiếp cận giảm thiểu	Nội dung
Tránh tại nguồn; giảm tại nguồn	Tránh hoặc giảm tại nguồn thực chất là việc thiết kế dự án sao cho yếu tố gây tác động bị loại bỏ (ví dụ, đổi vị trí một con kênh thoát nước để tránh tác động tới khu vực sinh sản của cá) hoặc giảm nhẹ (giảm lưu lượng nước chảy qua con kênh). Cách tiếp cận này được gọi là "giảm thiểu hóa".
Giảm nhẹ ngay tại hiện trường	Phương pháp này có nghĩa là bổ sung vào thiết kế chính các biện pháp để giảm nhẹ tác động. Phương pháp này thường được áp dụng để kiểm soát ô nhiễm (ví dụ: đặt thêm các tấm lưới chắn bùn cát, sử dụng các công nghệ xử lý nước thải, cách âm, v.v...). Phương pháp này đôi khi được gọi là phương pháp giảm thiểu "cuối đường ống".
Giảm nhẹ tại diểm tiếp nhận	Nếu không thể giảm nhẹ một tác động ngay tại hiện trường thì biện pháp giảm thiểu có thể được áp dụng ở bên ngoài (ví dụ: trồng cây quanh khu vực dân cư để tạo một hàng rào lọc bụi, hoặc giáo dục cho người dân địa phương về bệnh lây truyền qua đường tình dục mà người lao động của dự án có thể đem đến).
Sửa chữa hoặc khắc phục	Một số tác động gây ra những thiệt hại không thể tránh khỏi cho một nguồn tài nguyên, ví dụ khi xây dựng các đường dây tải điện chắc chắn sẽ ảnh hưởng tới đất nông nghiệp hay các khu cư trú tự nhiên. Thực chất của việc sửa chữa là các biện pháp khôi phục để trả lại tính nguyên vẹn ban đầu của tài nguyên.
Đền bù bằng vật chất, Đền bù thông qua các hình thức khác	Trong trường hợp các cách tiếp cận giảm thiểu là không thể thực hiện được hoặc thực hiện nhưng không đem lại hiệu quả cao thì phương án cuối cùng là tiến hành đền bù cho các mất mát và thiệt hại (ví dụ, trồng một khu rừng mới ở vị trí nào đó để thay thế những diện tích rừng đã bị mất, đền bù bằng tiền cho những thiệt hại trước mắt hay lâu dài về sinh kế của người dân địa phương, hay tiến hành ghi chép, lưu giữ và bảo quản các đồ vật cổ khai thác được trước khi tiến hành dự án).

Trong quá trình xác định các biện pháp giảm thiểu, cần thường xuyên tham vấn với những người lập dự án và nhóm thiết kế kỹ

thuật để đảm bảo rằng các đề xuất đưa ra có tính thực tế, và những thay đổi về thiết kế được lồng ghép vào trong thiết kế mới và các tác động còn lại đều được đánh giá. Việc thu thập ý kiến phản hồi từ những người liên quan tới dự án như người dân địa phương/người bị ảnh hưởng bởi dự án và tổ chức phi chính phủ địa phương cũng có ý nghĩa quan trọng trong việc khẳng định liệu họ có thể chấp nhận các biện pháp giảm thiểu được đề xuất và các tác động còn lại hay không.

Việc nêu rõ các biện pháp giảm thiểu, quản lý và quản trắc trong các báo cáo nghiên cứu ĐTM cũng như thời điểm áp dụng các biện pháp, ai thực hiện, và làm thế nào để xác nhận việc thực hiện là một phương thức quản lý rất hiệu quả. Chi phí cho việc thực hiện các biện pháp cũng cần được dự tính đầy đủ. Điều này sẽ giúp cho CPO hay PMU, các cơ quan môi trường hữu quan, Bên vay, Ngân hàng và các bên liên quan của dự án có thể giám sát những biện pháp nào sẽ được áp dụng để đối phó với những tác động môi trường của dự án. Phương thức này thường được gọi là Kế hoạch Quản lý Môi trường (EMP); việc xây dựng và thực hiện kế hoạch này được đề cập chi tiết hơn ở Mục 6.

4- Báo cáo các kết quả nghiên cứu đánh giá môi trường

4.1- Giới thiệu

Trong phần này sẽ hướng dẫn trình bày các kết quả nghiên cứu ĐM nhằm đáp ứng được các yêu cầu của Việt Nam và Ngân hàng Thế giới. Phần này được cấu trúc như sau:

- Khái quát nội dung của báo cáo; và
- Một số kỹ thuật để trình bày.

Việc trình bày các Kế hoạch Quản lý Môi trường được đề cập chi tiết hơn trong Mục 6.

4.2- Khái quát các nội dung của Báo cáo

Báo cáo đánh giá môi trường cho các dự án Nhóm 1 (A) hay Nhóm 2 (B) là một công cụ để diễn giải các kết quả của quá trình ĐTM và các đề xuất của nó. Báo cáo giúp cho CPO, PMU, Bên vay, các cơ quan môi trường hữu quan, Ngân hàng và các bên liên quan của dự án, v.v... có thể hiểu được một cách rõ ràng về:

- Các tác động nào được dự báo là sẽ xảy ra;
- Liệu các tác động đó có quan trọng hay không; và
- Cần làm những gì để giải quyết các tác động đó.

Chính phủ Việt Nam quy định cụ thể nội dung bắt buộc của các báo cáo nghiên cứu ĐM trong khi Ngân hàng Thế giới khuyến nghị chỉ nên đưa ra những nội dung cơ bản. Các nội dung này đã được trình bày chi tiết ở Mục 2, do vậy Bảng 4.1 dưới đây chỉ tóm tắt để tiện theo dõi.

Sự khác biệt về nội dung giữa Việt Nam và Ngân hàng Thế giới là Việt Nam yêu cầu các chi phí của dự án cũng phải được trình bày rõ trong khi Ngân hàng thì yêu cầu thêm:

- Mô tả khung pháp lý và chính sách liên quan đến việc thực hiện dự án và các tiêu chuẩn môi trường mà dự án phải tuân thủ;
- Các biện pháp giảm thiểu, quản lý và quan trắc được trình bày trong EMP - có nội dung riêng của nó (xem thêm Mục 6);
- Ghi chép về các hoạt động tham vấn đã được tiến hành.

**Bảng 4.1: TÓM TẮT CÁC YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG CỦA BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG**

	Nhóm 1 hay A	Nhóm 2 hay B
Mô hình	<p>1. Cung cấp thông tin về:</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Mô tả khái quát về dự án; 2. Mô tả khái quát về khu vực; 3. Các vấn đề môi trường tiềm tàng có thể xảy ra; 4. Các biện pháp để giảm thiểu, hạn chế và khắc phục các vấn đề môi trường tiềm tàng có thể xảy ra; 5. Các biện pháp để bảo vệ môi trường; <p>Nêu rõ ràng và minh bạch các vấn đề môi trường tiềm tàng có thể xảy ra và các biện pháp để khắc phục.</p>	<p>1. Cung cấp thông tin về:</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Mô tả khái quát về dự án; 2. Mô tả khái quát về khu vực; 3. Các vấn đề môi trường tiềm tàng có thể xảy ra; 4. Các biện pháp để giảm thiểu, hạn chế và khắc phục các vấn đề môi trường tiềm tàng có thể xảy ra; 5. Các biện pháp để bảo vệ môi trường; <p>Tóm tắt các vấn đề môi trường tiềm tàng có thể xảy ra và các biện pháp để khắc phục.</p>
Ngân hàng Thế giới	<p>NHTG yêu cầu những nội dung sau phải được trình bày (tuy không cần phải theo đúng thứ tự này):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tóm tắt tổng quan; 2. Khung pháp lý & chính sách; 3. Mô tả dự án; 4. Mô tả hiện trạng môi trường ban đầu; 5. Dự báo và đánh giá tác động môi trường; 6. Phân tích các phương án thay thế; 7. Mô tả các biện pháp giảm thiểu, quản lý và quan trắc trong Kế hoạch Quản lý Môi trường (EMP); 8. Ghi chép và tham vấn cộng đồng; 9. Các phụ lục kỹ thuật. 	<p>Chỉ yêu cầu một báo cáo đặc biệt cho các dự án Nhóm B, trong đó các nội dung đưa ra tương tự với dự án Nhóm A nhưng ít chi tiết hơn.</p>

4.3- Các kỹ thuật trình bày

Báo cáo ĐM của dự án Nhóm 1 (A) và Nhóm 2 (B) phải cung cấp đầy đủ các thông tin và số liệu sao cho các ý kiến và dự báo trong báo cáo có thể được đánh giá một cách độc lập, tức là những người không biết hoặc biết rất ít về dự án và/hoặc về khu vực thực hiện dự án cũng có thể đánh giá các nội dung trong báo cáo. Báo cáo càng ngắn gọn súc tích càng tốt, có tính độc lập và có thể làm cho những người không có chuyên môn hiểu được.

Xuất phát từ những mục đích trên, trong phần này sẽ giới thiệu một số kỹ thuật hiệu quả để trình bày các kết quả của đánh giá, và bao gồm các phần sau:

- Giới thiệu báo cáo;
- Mô tả dự án;
- Mô tả môi trường ban đầu;
- Dự báo và Đánh giá các tác động;
- Phân tích các phương án thay thế;
- Các biện pháp giảm thiểu, quản lý và quan trắc;
- Sự tham gia của cộng đồng;
- Kết luận; và
- Tóm tắt tổng quan.

Các kỹ thuật này đều có thể được áp dụng cho các báo cáo của cả hai nhóm dự án là Nhóm 1 (A) và 2 (B); tuy nhiên, cần lưu ý rằng thông tin và mức độ đánh giá của các báo cáo dự án Nhóm 2 (B) thường ít chi tiết hơn so với các thông tin trình bày trong báo cáo dự án Nhóm 1 (A).

Giới thiệu báo cáo

Trong phần này (nếu cần có thể chia thành các phần khác nhau) cần đưa ra:

- Nêu rõ báo cáo này là gì (chẳng hạn như là một đánh giá sơ bộ hay một ĐTM chi tiết);
- Nêu rõ mục đích của báo cáo và tại sao phải tiến hành nghiên cứu đánh giá;

- Khái quát dự án, bối cảnh và mục đích của nghiên cứu (chỉ cần 1 đoạn);
- Các mục tiêu và phạm vi của đánh giá môi trường;
- Cách tiếp cận và phương pháp sử dụng để dự báo và đánh giá tác động cũng như lựa chọn các biện pháp giảm thiểu; và
- Khái quát khung pháp lý về môi trường và các quy định kèm theo để làm cơ sở cho việc xây dựng và thực hiện dự án, tức là các quy định về ĐTM của Việt Nam và Ngân hàng Thế giới (nếu có), các tiêu chuẩn môi trường có thể áp dụng, các quy định pháp lý về giám sát và quan trắc môi trường.

Để các kết quả nghiên cứu rõ ràng, dễ hiểu và có tính khoa học thì việc xác định rõ mục tiêu, phạm vi và phương pháp đánh giá là cần thiết. Nếu quá trình xác định phạm vi chỉ bao hàm một số khía cạnh nhất định của dự án thì cũng cần ghi rõ trong báo cáo (ví dụ, việc xác định phạm vi của một dự án thủy điện không thể đề cập đến các đường dây tải điện vì chúng thuộc trách nhiệm của chủ dự án đề xuất khác) và phải giải thích các khía cạnh này sẽ được xem xét đến như thế nào. Ngoài ra, cần nêu rõ các phương pháp đã sử dụng để dự báo các tác động, những nhân tố nào được cân nhắc đến và các tiêu chí khách quan gì đã được sử dụng để đánh giá mức độ của các tác động (xem Mục Chỉ dẫn thực hiện của phần Xác định phạm vi ở phía trên về hướng dẫn các phương pháp dự báo và đánh giá tác động). Tuy vậy, để tránh không dồn quá nhiều nội dung vào phần này có thể đưa các tiêu chí đánh giá cụ thể vào trong các Phụ lục Kỹ thuật. Danh sách những người tham gia nghiên cứu ĐM, bao gồm cả đại diện của các đơn vị và tổ chức cũng cần được đưa vào một Phụ lục.

Tương tự như vậy, trong phần này có thể chỉ cần tóm tắt một số quy định pháp lý và tiêu chuẩn quan trọng, còn các tiêu chuẩn liên quan khác có thể được trình bày trong một Phụ lục Kỹ thuật.

Mô tả dự án

Trong mục Chỉ dẫn thực hiện của phần Xác định phạm vi của tài liệu hướng dẫn này đã đề cập đến những thông tin cần thiết để tìm hiểu về dự án và giúp cho việc dự báo và đánh giá các tác động môi trường. Trong phần này cần trình bày các thông tin sao cho những người quan sát độc lập, ở bên ngoài có thể hiểu về dự án. Các thông tin cần thiết được trình bày trong Hộp 4.1 dưới đây.

Hộp 4.1: CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT TRONG PHẦN MÔ TẢ DỰ ÁN

- Nêu rõ lý do tại sao dự án được hình thành, nhu cầu và mục tiêu của dự án, và những phương án lựa chọn thay thế để đáp ứng nhu cầu/mục tiêu này;
- Các mục đích, mục tiêu và lợi ích kinh tế - xã hội của dự án và ý nghĩa chính trị nếu có;
- Dự toán kinh phí cho dự án và nguồn vốn được huy động;
- Địa điểm thực hiện dự án và các hoạt động bên ngoài khu vực dự án (như khu vực khai thác vật liệu xây dựng, khu vực đổ chất thải, các tuyến đường dây truyền tải điện hoặc đường ống, nguồn nhân công, v.v...);
- Thiết kế dự án, phạm vi và quy mô dự án, công nghệ ứng dụng và các quy trình thực hiện của dự án, v.v...;
- Các hoạt động của dự án trong giai đoạn thi công, vận hành và kết thúc dự án (nếu có);
- Các nhu cầu về nguồn lực cho dự án – trong giai đoạn thi công, vận hành và kết thúc dự án (nếu có), bao gồm nguyên vật liệu, vật liệu xây dựng, điện/nhiên liệu, nước, bưu chính viễn thông, hóa chất, v.v... và các nguồn lực khác;
- Các đầu ra của dự án (trong giai đoạn thi công, vận hành và kết thúc dự án), ví dụ như khí thải, rác thải, vận chuyển các sản phẩm, v.v...;
- Lực lượng lao động cần tuyển dụng – đối tượng, số lượng người và ở khu vực nào; và
- Lịch trình triển khai và thực hiện dự án.

Trong khi trình bày phần mô tả dự án, cần đặt ra câu hỏi rằng liệu các thông tin đưa ra đã giúp cho người đọc hiểu được dự án và các tác động môi trường của dự án hay chưa.

Trong phần mô tả dự án nên đưa các bản đồ và sơ đồ minh họa địa điểm của dự án và các hoạt động phụ trợ và những vấn đề sẽ liên quan tới dự án (phương thức trình bày hiệu quả). Nếu liên quan, cần cung cấp thêm các thông tin chi tiết về đánh giá tác động trong các Phụ lục Kỹ thuật với điều kiện là phần nội dung chính của báo cáo có đưa ra một tóm tắt hoàn chỉnh.

Mô tả Môi trường nền

Mục Chỉ dẫn thực hiện của phần Xác định phạm vi của tài liệu này đã trình bày những thông tin cần thiết để hiểu được điều kiện môi trường ban đầu tại khu vực dự án, do vậy phần này sẽ không lặp lại những nội dung đó. Tuy nhiên trong Hộp 4.2 dưới đây sẽ tóm tắt lại một số nội dung chính cần đưa vào phần này của báo cáo ĐM và các kỹ thuật trình bày những nội dung đó.

Hộp 4.2: NỘI DUNG VÀ CÁC KỸ THUẬT MÔ TẢ MÔI TRƯỜNG NỀN

- Mô tả hiện trạng về môi trường vật lý, sinh học, sức khỏe con người và kinh tế - xã hội có thể bị ảnh hưởng bởi dự án (xem Bảng 3.4 về các số liệu môi trường nền đặc trưng);
- Mô tả các xu hướng phát triển của môi trường đó, chẳng hạn như xu hướng biến đổi chất lượng môi trường theo thời gian khi không có dự án, hoặc những thay đổi do các hoạt động phát triển khác tạo ra trong khu vực dự án;
- Phân tích hiện trạng môi trường theo mối liên quan giữa môi trường với dự án;
- Xác định mức độ tin cậy của các số liệu được lấy từ các nguồn sơ cấp và thứ cấp. Đánh giá xem liệu còn có những thiếu hụt nào về số liệu cho các nguồn lực/tham số tính toán được coi là quan trọng - trên cơ sở đó có thể đưa ra để xuất cho việc quan trắc môi trường nền.

Để trình bày số liệu cần lưu ý một số điểm sau:

- Đảm bảo rằng các thông tin được trình bày tương xứng với việc dự báo và đánh giá các tác động. Nếu không sử dụng thông tin này thì có thể cân nhắc xem có nên đưa hết các thông tin vào trong báo cáo chính hay là trình bày nó trong một Phụ lục Kỹ thuật riêng;
- Bố trí hợp lý các bản đồ, ảnh, biểu đồ và bảng biểu sẽ giúp người đọc dễ hình dung hiện trạng môi trường;
- Trình bày tóm tắt điều kiện môi trường ban đầu trong báo cáo - ghi lại các chi tiết quan trọng (ví dụ, danh sách các loài đã được xác định qua quá trình khảo sát) trong các Phụ lục Kỹ thuật;
- Trích lục rõ các nguồn số liệu và mô tả các phương pháp (và thời gian) thực hiện các điều tra khảo sát sơ bộ.

Dự báo và Đánh giá các tác động

Những nội dung để xuất cho phần này bao gồm:

- Tóm tắt các tác động đã nhận diện trong giai đoạn xác định phạm vi;
- Sau đó đối với mỗi loại tác động (ví dụ, chất lượng không khí, độ ồn, sinh thái trên cạn):
 - + Mô tả các dạng của các tác động có thể xảy ra;
 - + Mô tả các biện pháp đã được lồng ghép trong thiết kế dự án để giảm thiểu các tác động;
- Dự báo bản chất, dạng, thời gian, phạm vi và mức độ của các tác động tàn dư (sau khi thực hiện các biện pháp giảm thiểu đề xuất trong thiết kế dự án);
- Trình bày các kết quả của việc đánh giá tác động tàn dư (mức độ của tác động);
- Kết luận xem có cần tiến hành giảm thiểu, quản lý hay quan trắc thêm nữa không;
- Tóm tắt các tác động đã được đánh giá cùng với mức độ của chúng.

Phụ chương C đưa ra một đánh giá tóm tắt cho các dự án phát triển, đặc biệt là đối với các dự án thuộc hai ngành Giao thông vận tải và Nông nghiệp Phát triển nông thôn.

Mức độ tin cậy của mỗi dự báo và đánh giá cũng cần được làm rõ; đối với những dự báo và đánh giá có độ tin cậy chưa chắc chắn, cần tiến hành điều tra khảo sát và đo đạc thêm nhằm khẳng định các kết quả trong các giai đoạn ĐM hay giai đoạn thực hiện dự án tiếp theo.

Phân tích các phương án thay thế

Phần này có thể được tách riêng hoặc là một phần chung của phần dự báo và đánh giá các tác động. Phần này bao gồm:

- Xác định phạm vi phân tích các phương án thay thế;
- Mô tả các phương án thay thế cần được xem xét;
- Mô tả, dự báo và đánh giá các tác động ứng với từng phương án thay thế;
- So sánh các tác động của mỗi phương án thay thế; và

- Đề xuất những phương án nên xem xét trong quá trình thực hiện dự án.

Các nội dung trên cũng có thể được trình bày dưới dạng một tóm tắt trong báo cáo ĐTM chính, và đặc biệt cần tóm tắt về phạm vi, các phương án thay thế được xem xét, sự so sánh các tác động của từng phương án và cách tiếp cận phương án thay thế được đề xuất. Chi tiết cụ thể về quá trình xác định, dự báo và đánh giá các tác động, kèm theo các tiêu chí đánh giá được sử dụng để so sánh các phương án, có thể được trình bày ở một Phụ lục Kỹ thuật.

Các biện pháp giảm thiểu, quản lý và quan trắc

Đối với mỗi tác động được đánh giá là quan trọng cần trình bày các biện pháp giảm thiểu, quản lý và quan trắc tùy theo mức độ của mỗi tác động. Có thể trình bày các biện pháp như sau:

- Tác động và mức độ của chúng;
- Đề xuất việc giảm thiểu, quản lý và/hoặc quan trắc;
- Các hành động cần thiết để thực hiện các đề xuất;
- Khi nào các hành động đó được thực hiện;
- Trách nhiệm thực thi các hành động này;
- Chi phí dự kiến để thực hiện các hành động này;
- Làm thế nào để kiểm tra việc thực hiện các hành động đó.

Có thể trình bày các thông tin trên trong một bảng và Phụ chương F có đưa ra một ví dụ.

Nếu quá trình đánh giá tác động đã xem xét đến các biện pháp giảm thiểu được đề xuất trong thiết kế dự án, thì việc nhắc lại các biện pháp đó trong phần này cũng vẫn cần thiết. Điều này cho phép phần này có thể trở thành một phần độc lập và có thể được các PMU, CPO, Cơ quan quản lý môi trường, Bên vay và Ngân hàng sử dụng để giám sát việc thực hiện các biện pháp đó.

Ngân hàng gọi phần này là Kế hoạch Quản lý Môi trường (EMP). Việc xây dựng và sử dụng kế hoạch này trong quá trình thực thi dự án sẽ được đề cập chi tiết hơn trong Mục 6.

Sự tham gia của cộng đồng

Ngân hàng yêu cầu các báo cáo ĐM phải có tóm tắt về sự tham gia của cộng đồng trong quá trình ĐM cũng như việc xem xét những ý kiến thu thập được từ cộng đồng đó. Các phương pháp sử

dụng trong tham vấn cộng đồng và việc báo cáo cụ thể các hoạt động tham vấn cộng đồng được trình bày trong Mục 5 của tài liệu hướng dẫn này. Vì vậy, trong phần này chỉ đưa ra hướng dẫn về những thông tin cần có trong báo cáo ĐM:

- Mô tả về các bên liên quan chính đến dự án;
- Tóm tắt về các bên liên quan đã được tham vấn, thời điểm và cách thức thực hiện;
- Tóm tắt những vấn đề mà các bên liên quan đưa ra và những vấn đề đó được giải quyết như thế nào trong ĐM/thiết kế dự án; và
- Kiến nghị về những hoạt động tham vấn cộng đồng đang thực hiện và cần được duy trì trong suốt quá trình thực thi dự án.

Các thông tin bổ trợ về tham vấn cộng đồng nên được trình bày trong một Phụ lục Kỹ thuật riêng và có thể gồm cả báo cáo tham vấn cộng đồng như đề cập trong Mục 5.

Kết luận

Phần cuối cùng của báo cáo ĐM cần đưa ra các kết luận về cách thức thực hiện dự án. Theo đó, phần này phải tóm tắt được những lý do để lựa chọn phương án thay thế tối ưu theo quan điểm môi trường và rút ra mức độ tác động chung (cả tiêu cực và tích cực) đi kèm với phương án đã lựa chọn.

Tóm tắt chung

Báo cáo ĐM của dự án Nhóm 1 (A) hay Nhóm 2 (B) nên có một phần tóm tắt trong đó tóm lược lại những nội dung và các kết luận chính của nghiên cứu. Trong bản tóm tắt không nên sử dụng các từ ngữ kỹ thuật, đặc biệt là khi tóm tắt này có thể được dùng để phổ biến các kết quả nghiên cứu ĐM tới cộng đồng. Theo đó, bản tóm tắt phải được viết một cách độc lập và cung cấp cho người đọc đầy đủ những thông tin cơ bản để hiểu được dự án, các tác động quan trọng có thể xảy ra, những biện pháp giảm thiểu, quản lý và quan trắc sẽ được thực hiện và đề xuất về việc thực hiện dự án.

Bản tóm tắt cũng cần lược qua các phần đã được trình bày ở trên. Có thể sử dụng một số sơ đồ, hình vẽ và bảng biểu để minh họa cho dự án và những tác động của nó. Ngoài ra, có thể đưa thêm các bảng tóm tắt đánh giá tác động và một tóm tắt về Kế hoạch Quản lý Môi trường (hoặc nội dung tương tự).

5- Tham vấn cộng đồng và công khai hóa thông tin

5.1- Giới thiệu

Sự tham gia của cộng đồng trong quá trình ĐM là một trong những điều kiện cơ bản đảm bảo sự chấp nhận của cộng đồng đối với dự án cũng như để hạn chế các tác động và những vấn đề mà nhóm thực hiện ĐM chưa nhận biết được. Nếu cộng đồng được tham gia càng sớm trong quá trình chuẩn bị dự án thì càng có khả năng xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa cộng đồng và dự án, và từ đó cộng đồng có thể đóng góp những đề xuất có giá trị cho dự án.

Có khá nhiều tài liệu và hướng dẫn về sự tham gia của cộng đồng trong quá trình ĐM; ở mục Tài liệu tham khảo có cung cấp một số tài liệu tham khảo lựa chọn. Thay vì lặp lại các hướng dẫn chi tiết đó, trong phần này sẽ tóm tắt về:

- Vì sao sự tham vấn cộng đồng và công khai hóa thông tin lại quan trọng;
- Ai là “Cộng đồng”;
- Các quy định và trách nhiệm của công khai hóa thông tin và tham vấn cộng đồng;
- Các kỹ thuật tham vấn cộng đồng; và
- Hướng dẫn báo cáo các kết quả về tham vấn cộng đồng và phổ biến thông tin.

5.2- Vì sao tham vấn cộng đồng và công khai hóa thông tin là quan trọng?

Lợi ích của việc tham vấn cộng đồng và công khai hóa thông tin là rất lớn. Đối với những dự án mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương (chẳng hạn như dự án nông nghiệp hay cải tạo các công trình thủy lợi), thì cơ hội thành công của những dự án đó sẽ tăng lên đáng kể nếu những người dân địa phương có cơ hội đóng góp ý kiến cho việc thiết kế và xây dựng dự án. Họ có thể phát hiện những vấn đề mà người lập dự án có thể đã bỏ qua, kể cả những vấn đề khó có thể thực thi trong điều kiện hoặc phong tục tập quán của địa phương, hoặc họ có thể phản đối những vấn đề mà người ngoài địa phương không thể hiểu hết được tầm quan trọng của nó.

Hộp 5.1 dưới đây tóm tắt các lợi ích chính của hoạt động tham vấn cộng đồng và công khai hóa thông tin trong quá trình ĐM.

HỘP 5.1: CÁC LỢI ÍCH CHÍNH CỦA THAM VẤN CỘNG ĐỒNG VÀ CÔNG KHAI HÓA THÔNG TIN

Sự tham gia của cộng đồng trong quá trình ĐM sẽ mang lại nhiều lợi ích cho các cơ quan quản lý, người lập dự án và cả các bên bị ảnh hưởng:

Đối với Chính phủ

- Sự tham gia của cộng đồng có thể giúp nâng cao uy tín của Chính phủ vì nó làm tăng tính minh bạch của quá trình ra quyết định (đây là một yếu tố đặc biệt quan trọng khi nảy sinh những vấn đề tranh cãi cần được giải quyết);
- Các chính sách phát triển mang tính chiến lược có thể đáp ứng được nhu cầu của người dân nếu chúng được xây dựng trên cơ sở các ý kiến đóng góp của những người hưởng lợi từ các chính sách đó; và
- Quá trình tham vấn càng đi sâu vào nội dung của các hoạt động phát triển thì càng đảm bảo sự thành công cho các hoạt động phát triển đó cũng như hỗ trợ cho quá trình ra quyết định.

Đối với Chủ dự án và những người xây dựng dự án

- Sự tham gia của cộng đồng có thể giúp hoàn thiện thiết kế dự án, thông qua việc cung cấp những thông tin trực tiếp về nhu cầu và nguyện vọng của cộng đồng địa phương;
- Sự hỗ trợ của cộng đồng đối với một dự án, thông qua sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình ra quyết định, có thể làm giảm nguy cơ nảy sinh những mâu thuẫn nghiêm trọng, từ đó giảm thiểu các chi phí do sự trì hoãn; và
- Những lợi ích này sẽ mang lại danh tiếng cho chủ dự án đề xuất, từ đó có thể tạo lòng tin đối với cộng đồng địa phương.

Đối với các bên bị ảnh hưởng

- Việc các bên bị ảnh hưởng được tham gia vào quá trình ra quyết định của các hoạt động phát triển sẽ nâng cao sự hiểu biết của cộng đồng về dự án cũng như các tác động của dự án tới cuộc sống của cộng đồng đó;
- Sự đóng góp ý kiến của cộng đồng bị ảnh hưởng cho dự án sẽ đảm bảo rằng dự án đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng và tăng khả năng đem lại lợi ích cho cộng đồng; và
- Sự tham gia thành công của cộng đồng sẽ tăng lòng tin đối với các cơ quan nhà nước.

5.3- Ai là “Cộng đồng”?

Thuật ngữ “người có liên quan” thường được sử dụng để chỉ những người có quan tâm tới một hoạt động phát triển; hoặc những người chịu trách nhiệm (người lập dự án/chủ dự án) và những người bị ảnh hưởng bởi hoạt động phát triển đó, hoặc đại diện của những người đó (các cơ quan, tổ chức đoàn thể, NGOs, v.v.). Những người có liên quan có thể được chia thành 5 nhóm chủ yếu sau:

- | | |
|--|---|
| 1. Người bị ảnh hưởng trực tiếp | Là những người sống hoặc làm việc tại khu vực dự án và những người bị ảnh hưởng bởi hoạt động phát triển một cách tích cực hoặc tiêu cực. |
| 2. Người bị ảnh hưởng gián tiếp | Là những người sống ở các khu vực phụ cận hoặc những người sử dụng các nguồn lực, chẳng hạn như nước, lấy từ khu vực dự án. |
| 3. Các cơ quan quản lý của nhà nước | Các Bộ, Sở, ban, ngành của tỉnh và địa phương, các tổ chức xã hội của nhà nước. |
| 4. Những người tham gia xây dựng dự án | Là những người có tham gia đầu tư trực tiếp hoặc chịu trách nhiệm về dự án, về các nhà thầu phụ và các cổ đông của họ. |
| 5. Những tổ chức và cá nhân khác | Các nhà tài trợ ở địa phương, tỉnh, quốc gia và thậm chí quốc tế, các NGO có liên quan, tư vấn bên ngoài, các viện, các doanh nghiệp. |

Hộp 5.2 đưa ra một ví dụ về những người có liên quan của các dự án phát triển nông thôn ở Việt Nam.

Hộp 5.2: VÍ DỤ VỀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN TRONG CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

- Nông dân và ngư dân;
- Dân làng;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, xã (PPCs, DPCs và CPCs);
- Hội Liên hiệp Phụ nữ và Hội Nông dân là các cơ quan phi chính phủ quan trọng nhất của địa phương;
- Các nhóm người sử dụng nước (WUGs) hay các Nhóm hợp tác trong thủy lợi;
- Các Công ty quản lý và khai thác công trình thủy lợi;
- Các Sở:
 - + Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (DARD) đối với các vấn đề liên quan đến sản xuất nông nghiệp.
 - + Tài nguyên và Môi trường (DONRE) để thẩm định đánh giá tác động môi trường và thực hiện Kế hoạch Quản lý Môi trường của dự án.
 - + Lao động - Thương binh và Xã hội đối với các vấn đề liên quan đến nghèo đói.
 - + Công nghiệp (DOI) để phân phối nước sử dụng của dự án cho mục đích công nghiệp.
 - + Thủysản (DOF) để tăng sản lượng khai thác thủy sản dự kiến trong phạm vi dự án.
 - + Kế hoạch và Đầu tư (DPI) để phân bổ vốn và phê duyệt đầu tư.
 - + Y tế (DOH), Giáo dục (DOE) nếu liên quan.
- Các dự án khác; và
- Ở cấp trung ương, các bên liên quan là: MARD; MONRE, MPI, và các Bộ có liên quan khác.

Xác định các bên liên quan tới dự án

Nhận diện chính xác và đầy đủ các bên liên quan tới dự án là một bước rất quan trọng của quá trình tham vấn cộng đồng cũng như đối với quá trình đánh giá môi trường ở diện rộng hơn. Những câu hỏi chính sau đây có thể giúp xác định chính xác các bên có liên quan:

Ai là người bị ảnh hưởng trực tiếp và theo hướng nào (tích cực/tiêu cực)?

Đó là những người sống trong khu vực dự án, những người làm việc cho dự án (ví dụ, công nhân xây dựng) hoặc những người

có sinh kế là mục tiêu của hoạt động phát triển (ví dụ, người nông dân đối với một dự án thủy lợi).

Ai là người bị ảnh hưởng gián tiếp và theo hướng nào (tích cực/tiêu cực)?

Đó là những người sống gần khu vực dự án (chẳng hạn như các cộng đồng sống ở khu vực hạ lưu của một hệ thống thủy lợi), hoặc những người có sinh kế, vì lý do nào đó, phụ thuộc vào các hoạt động trong khu vực của dự án (chẳng hạn như các ngư dân).

Ai là người chịu trách nhiệm thực hiện những thay đổi do hoạt động phát triển tạo ra? Đó là các tổ chức phi chính phủ địa phương, các cơ quan chuyên môn, các nhóm cộng đồng cũng như các cơ quan chính quyền, Bên vay và những người hưởng lợi của dự án.

Cần có sự hợp tác hoặc tác động của đối tượng nào để hoạt động phát triển được thực hiện? Sự ủng hộ của chính quyền thường là yếu tố rất quan trọng đảm bảo sự thành công của một hoạt động phát triển (dự án); ngoài ra sự hợp tác của các ngành và các doanh nghiệp cũng có thể là nhân tố then chốt để thực hiện dự án.

Ai là người có kiến thức hoặc kinh nghiệm liên quan đến hoạt động phát triển? Các tổ chức phi chính phủ ở địa phương, khu vực, quốc gia hoặc thậm chí quốc tế thường có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực cụ thể. Ngoài ra, các viện nghiên cứu cũng có thể thực hiện tốt những đánh giá độc lập về hoạt động phát triển và đề xuất phương án tốt nhất để thực hiện hoạt động phát triển đó.

Đối tượng nào có thể quan tâm tới dự án? Các thành viên của cộng đồng quốc tế, Ngân hàng, các nhà tài trợ khác và các tổ chức phi chính phủ quốc tế muốn tham gia đóng góp ý kiến cho những hoạt động phát triển có quy mô lớn.

5.4- Các quy định và trách nhiệm trong tham vấn cộng đồng

Quy định của Chính phủ Việt Nam

Chính phủ không có yêu cầu cụ thể đối với việc tham vấn cộng đồng trong quá trình ĐM. Tuy nhiên, trong quá trình thẩm định các ĐTM, người dân và đại diện các tổ chức xã hội có thể được mời tham gia vào Hội đồng Thẩm định của Ủy ban nhân dân và/hoặc của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

Quy định của Ngân hàng Thế giới

Ngân hàng yêu cầu phải tiến hành tham vấn đối với những nhóm người bị ảnh hưởng bởi dự án (hoặc người dân địa phương) và các tổ chức phi chính phủ địa phương trong các dự án Nhóm A. Ngân hàng còn yêu cầu tham vấn đối với những nhóm trên trong các dự án Nhóm B. Việc tham vấn phải được thực hiện càng sớm càng tốt trong chu trình dự án để các ý kiến thu thập được có thể được cân nhắc đến trong thiết kế dự án và trong quá trình lựa chọn các biện pháp giảm thiểu.Thêm vào đó, Ngân hàng cũng quy định hoạt động tham vấn phải được tiếp tục trong quá trình xây dựng và thực hiện dự án.

Đối với các dự án Nhóm A, việc tham vấn phải được tiến hành ít nhất 2 lần trong quá trình ĐM, cụ thể là:

- Ngay sau giai đoạn sàng lọc và trong quá trình chuẩn bị TOR/phạm vi cho nghiên cứu ĐTM; và
- Khi dự thảo báo cáo ĐTM được hoàn thành.

Mục tiêu của tham vấn ở mỗi giai đoạn và các phương pháp tiến hành tham vấn được tóm tắt trong Bảng 5.1 dưới đây.

Bảng 5.1: THAM VẤN CỘNG ĐỒNG TRONG QUÁ TRÌNH ĐM

Giai đoạn ĐM	Mục tiêu	Phương pháp mẫu
Xác định phạm vi	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định các bên liên quan chính; - Giới thiệu dự án; - Tìm hiểu ý nghĩa của các thông số môi trường; - Tìm hiểu hiện trạng sử dụng đất và xác định những yếu tố của môi trường nền còn chưa được nhận biết trước đó. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các cuộc họp riêng với các bên liên quan như chính quyền địa phương, NGOs, một số người bị ảnh hưởng của địa phương; - Bảng câu hỏi; - Tổ chức hội thảo xác định phạm vi.
Hoàn thành dự thảo báo cáo ĐTM	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo và thảo luận các kết quả ĐTM; - Lấy ý kiến phản hồi và thống nhất các kết quả nghiên cứu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phổ biến báo cáo ĐTM hoặc tóm tắt của báo cáo, lấy ý kiến phản hồi; - Tổ chức họp dân, họp nhóm, các hội thảo hoặc hội nghị chuyên đề.

Tiếp sau việc phổ biến và tham vấn về dự thảo báo cáo ĐTM, chủ dự án/Bên vay có trách nhiệm chỉnh sửa lại báo cáo ĐTM sao cho phản ánh đầy đủ các ý kiến và quan điểm thu thập được trong quá trình tham vấn.

Trách nhiệm

Bên vay chịu trách nhiệm đảm bảo việc thông báo các thông tin liên quan của dự án cho những người bị ảnh hưởng và các tổ chức phi chính phủ địa phương trong quá trình ĐM. Bên vay phải tiến hành phổ biến báo cáo ĐTM (hoặc tóm tắt của báo cáo) tới các nhóm người bị ảnh hưởng của địa phương và sau đó tổ chức tham vấn hiệu quả với những nhóm người đó.

Bên vay cũng phải đảm bảo rằng quan điểm của những người bị ảnh hưởng và các tổ chức phi chính phủ địa phương được cân nhắc đến trong quá trình thiết kế và thực hiện dự án. Trong EMP cần đề xuất một cơ chế để có thể tiếp tục tham vấn những đối tượng trên trong suốt quá trình thực hiện dự án nhằm giải quyết những vấn đề hoặc tác động có thể nảy sinh.

5.5- Tóm tắt các kỹ thuật tham vấn cộng đồng

Quá trình tham vấn cộng đồng có thể được chia thành 4 giai đoạn chính, mỗi giai đoạn là một điều kiện bắt buộc để tiến hành giai đoạn tiếp theo:

- *Thu thập thông tin:* Thu thập số liệu môi trường nền để phục vụ cho việc dự báo tác động;
- *Phổ biến thông tin:* Các bên liên quan được thông báo về dự án;
- *Tham vấn:* Các bên liên quan được tạo cơ hội để bày tỏ quan điểm về dự án; và
- *Sự tham gia:* Mở rộng quá trình tham vấn đối với những dự án mà các bên liên quan trở thành các đối tác cùng tham gia vào việc thiết kế và thực hiện dự án và quá trình ra quyết định.

Các kỹ thuật tham vấn khác có thể áp dụng cho từng giai đoạn được mô tả trong Bảng 5.2 dưới đây.

Bảng 5.2: LỰA CHỌN CÁC KỸ THUẬT TIẾN HÀNH THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

Thu thập thông tin	Phổ biến thông tin	Tham vấn	Tham gia
Bảng câu hỏi/điều tra khảo sát/thăm dò ý kiến	Truyền thông (đài, TV, báo)	Hợp nhóm/hội thảo	Chính quyền thôn xã
Phỏng vấn người thạo tin	Trưng bày, triển lãm	Hội nghị/hội thảo chuyên đề	Hợp bàn tròn
Các kỹ thuật đánh giá ở vùng nông thôn có sự tham gia	Hợp đồng	Các kỹ thuật đánh giá ở vùng nông thôn có sự tham gia	Các hoạt động diễn ra đồng thuận

Xây dựng Kế hoạch tham vấn cộng đồng và công khai hóa thông tin

Kế hoạch tham vấn cộng đồng và công khai hóa thông tin (PCDP) sẽ đảm bảo việc thực hiện hiệu quả các bước tham vấn trong quá trình tham gia của cộng đồng. Nội dung cơ bản của kế hoạch này phải bao gồm:

- Các hoạt động tham gia của cộng đồng cần được thực hiện;
- Các biện pháp cần thiết để tiến hành các hoạt động đó;
- Vai trò và chức năng của các bên tham gia;
- Khả năng ngân sách; và
- Lịch trình thực hiện.

Kế hoạch này không chỉ cung cấp hướng dẫn cho những người làm thực tế trong quá trình ĐM, mà còn là tài liệu để minh họa cho các bước cần thực hiện (làm cho quá trình tham vấn dễ dàng hơn). Những hợp phần cơ bản của PCDP được trình bày trong Phụ lục D.

Để thực hiện thành công PCDP thì việc sử dụng các cách tiếp cận linh hoạt là yếu tố then chốt. Ngoài ra, còn có nhiều vấn đề cần quan tâm đến gồm:

- Các cán bộ phải được đào tạo và chỉ dẫn tường tận, để đảm bảo rằng quá trình tham vấn được thực hiện một cách nhất quán và có độ tin cậy cao;

- Các tài liệu truyền thông phải rõ ràng, súc tích, và được trình dưới hình thức và ngôn ngữ phù hợp (đọc, viết). Những tài liệu này phải được trình bày thử nghiệm trước một nhóm người nghe để đảm bảo tính hiệu quả của chúng;
- Trong các tài liệu phân phát phải luôn ghi rõ địa chỉ liên lạc để những người có liên quan có thể lấy thêm thông tin khi cần thiết;
- Quá trình tham vấn cộng đồng cần được lồng ghép với quá trình ĐTM thành một quá trình tổng thể, và phải được thực hiện xuyên suốt trong các hợp phần. Điều này có nghĩa là mỗi thành viên của nhóm ĐTM phải nắm được những hoạt động cần thiết trong hợp phần tham gia của cộng đồng, và có trách nhiệm hỗ trợ để đạt được các mục tiêu của hợp phần đó; và
- Quá trình tham vấn cộng đồng cần được tiếp tục sau khi các quyết định được hình thành: kết quả của quá trình tham vấn cần được thông báo cho các bên liên quan, và giải thích rõ quá trình xem xét các ý kiến của người dân và lý do đưa ra một quyết định cụ thể.

5.6- Các quy định và trách nhiệm trong công khai hóa thông tin

Để thực hiện tham vấn một cách có hiệu quả với những nhóm người bị ảnh hưởng bởi dự án và các tổ chức phi chính phủ địa phương, Ngân hàng yêu cầu Bên vay/chủ dự án phải cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho các bên liên quan dưới hình thức và ngôn ngữ dễ hiểu. Đồng thời, Bên vay cũng phải dành đủ thời gian cho các bên liên quan để xem xét và tìm hiểu dự án và những vấn đề của dự án nhằm đảm bảo sự tham gia hiệu quả trong quá trình tham vấn.

Ngân hàng yêu cầu phổ biến các thông tin về ĐTM theo hai giai đoạn đúng như các quy định về tham vấn dưới đây:

- Trong giai đoạn xác định phạm vi và chuẩn bị TOR cho ĐTM đối với các dự án Nhóm A: một bản tóm tắt về mô tả dự án, các mục tiêu, các tác động tiềm ẩn của dự án để xuất phải được phổ biến cho những người bị ảnh hưởng bởi dự án và các tổ chức phi chính phủ địa phương. Sau đó TOR cho nghiên cứu ĐTM phải được phổ biến tới cả cộng đồng địa

phương (do Bên vay đảm nhiệm) và công khai ở các thư viện của Ngân hàng (do Ngân hàng đảm nhiệm);

Đối với các dự án Nhóm A và B, Bên vay phải cung cấp một bản tóm tắt dự thảo báo cáo ĐTM và các kết luận của báo cáo để phục vụ cho hoạt động tham vấn ở phạm vi địa phương/quốc gia. Bản tóm tắt này phải được công khai hóa ở những nơi công cộng, dễ tiếp cận đối với những người bị ảnh hưởng và các tổ chức phi chính phủ địa phương. Ngoài ra, Bên vay phải nộp dự thảo ĐTM và một bản tóm tắt dự thảo đó bằng tiếng Anh cho Ngân hàng. Sau đó Ngân hàng sẽ gửi các tài liệu đó tới các thư viện và trang web của Ngân hàng. Các báo cáo/tóm tắt phải được công khai hóa trong vòng 120 ngày trước ngày Ngân hàng xem xét và phê duyệt dự án (Ngân hàng Thế giới chỉ yêu cầu tiến hành công khai hóa các báo cáo của dự án Nhóm B trong vòng 30 ngày).

Có thể cần phải dịch các thông tin về dự án ra tiếng địa phương nếu như tiếng Việt không phải là ngôn ngữ chính của nhóm người bị ảnh hưởng bởi dự án. Ngoài ra, một cách tiếp cận khác để công khai hóa thông tin là gặp gỡ trực tiếp với người dân và những người bị ảnh hưởng để giải thích cho họ hiểu về dự án, các hợp phần và các tác động của dự án.

Hiện tại, Việt Nam chưa có yêu cầu việc công khai hóa các thông tin hay báo cáo về ĐTM.

5.7- Báo cáo các kết quả về tham vấn cộng đồng và công khai hóa thông tin

Ngân hàng yêu cầu quy trình và các kết quả tham vấn cộng đồng phải được trình bày trong báo cáo ĐM đối với các dự án Nhóm A và B. Điều này cho phép những người đánh giá dự án và các bên liên quan có thể kiểm tra mức độ tham gia của cộng đồng trong quá trình ĐM và đánh giá xem liệu những ý kiến và đóng góp của người dân có được giải quyết một cách thỏa đáng hay không.

Hộp 5.3 dưới đây trình bày nội dung mẫu của một báo cáo Tham vấn cộng đồng cho các dự án Nhóm A và B. Như đã đề cập ở Mục 4, báo cáo này có thể được chuyển thành một Phụ lục Kỹ thuật của Báo cáo ĐTM. Tuy vậy, một bản tóm tắt của báo cáo này vẫn cần phải có trong báo cáo ĐTM chính.

Hộp 5.3: NỘI DUNG MẪU CỦA MỘT BÁO CÁO THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

1. Giới thiệu

- Tổng quan và mục tiêu của Dự án;
- Mục đích của tham vấn trong quá trình chuẩn bị ĐTM;
- Yêu cầu về tham vấn (của Ngân hàng);
- Xác định các nhóm người bị ảnh hưởng;
- Đề cương báo cáo tham vấn.

2. Tóm tắt các hoạt động tham vấn đã thực hiện

- Khái quát về thực hiện, thời điểm và người được tham vấn;
- Tóm tắt về những người được tham vấn.

3. Kết quả tham vấn trong quá trình xác định phạm vi dự án

- Những vấn đề được các bên liên quan nhận diện;
- Những vấn đề đó được cân nhắc đến như thế nào.

4. Kết quả tham vấn về dự thảo báo cáo ĐTM

- Những vấn đề được các bên liên quan nhận diện;
- Những vấn đề đó được cân nhắc đến như thế nào.

5. Các đề xuất cho các tham vấn đang thực hiện các phụ chương

- Tóm tắt về dự án (mô tả vấn đề dự án, các tác động tiềm ẩn của dự án, các biện pháp giảm thiểu đối với một số tác động đáng kể);
- Các kỹ yếu/biên bản của mỗi hoạt động tham vấn;
- Danh sách những người tham gia cho từng hoạt động tham vấn.

6- Triển khai và thực hiện Kế hoạch Quản lý Môi trường

6.1- Giới thiệu

Cả Việt Nam và Ngân hàng Thế giới đều yêu cầu các biện pháp giảm thiểu - có tính kỹ thuật hoặc có thể quản lý được - phải được coi là một sản phẩm không thể thiếu của quá trình ĐM. Ngân hàng yêu cầu những nội dung này cần được trình bày theo một mẫu riêng trong "Kế hoạch Quản lý Môi trường" (EMP). Bằng cách này, việc báo cáo kết quả ĐM cũng như việc thực hiện các biện pháp đề xuất sẽ được tiến hành một cách hiệu quả.

Do đó, phần này sẽ đưa ra những hướng dẫn về cách thức trình bày các biện pháp giảm thiểu, quản lý và quan trắc trong một EMP và làm thế nào để đảm bảo việc thực hiện các biện pháp đó trong quá trình thực thi dự án.

6.2- Xây dựng Kế hoạch Quản lý Môi trường (EMP)

Khái quát

Kế hoạch Quản lý Môi trường là một hoạt động hoặc là một kết quả của quá trình ĐM (đối với các dự án Nhóm 1 (A) và 2 (B) nhằm giảm bớt sự sai khác giữa việc dự báo các kết quả của một hoạt động đề xuất (và xây dựng các công cụ để quản lý) với việc triển khai thực hiện một dự án một cách bền vững. Vì vậy, đây chính là một công cụ quản lý các tác động tiêu cực, nâng cao tác động tích cực, đảm bảo sự tuân thủ các quy định pháp luật, và đảm bảo các tiêu chuẩn được áp dụng trong suốt quá trình thực hiện các công việc của dự án.

Kế hoạch Quản lý Môi trường cần liệt kê đầy đủ các quy định để đảm bảo việc thực hiện hiệu quả các biện pháp giảm thiểu đối với từng tác động môi trường tiềm ẩn được xác định trong ĐM; kể cả những quy định đã được coi như là một phần trong thiết kế dự án. Theo đó, EMP sẽ trở thành một bản tóm tắt rõ ràng về tất cả các cam kết được đưa ra trong ĐM và quá trình thực hiện các cam kết đó. Điều này là rất quan trọng trong quá trình thực hiện, vì nó cho phép PMU, CPO, Bên vay, Ngân hàng và các Cơ quan quản lý nhà nước... thực hiện (hay giám sát) các cam kết của dự án.

Các quy định chính

Việt Nam chưa có yêu cầu cụ thể chủ dự án phải chuẩn bị một EMP. Tuy vậy, Chính phủ yêu cầu các báo cáo ĐM phải:

- Có một phần mô tả rõ ràng về các biện pháp kỹ thuật và quản lý để giải quyết các tác động tiêu cực (Báo cáo DTM nhóm 1); hoặc
- Mô tả các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, các chương trình giám sát môi trường (tức là quan trắc môi trường) và cam kết thực hiện các tiêu chuẩn môi trường (các tài liệu Đăng ký tiêu chuẩn môi trường Nhóm 2).

Ngân hàng thực hiện các quy định này theo một cách lôgic hơn thông qua việc yêu cầu các thông tin trên phải được trình bày sao cho các biện pháp giảm thiểu có thể được thực hiện hiệu quả. Ngân hàng quy định rằng các biện pháp giảm thiểu - kỹ thuật, quản lý và quan trắc phải được thực hiện theo đúng như trong EMP, nó có thể được sử dụng như một tài liệu độc lập. Bản thân điều này cũng là một chỉ dẫn thực hiện tốt vì nó cho phép CPO, PMU và Bên vay thực hiện được từng hành động giảm thiểu.

Ngân hàng yêu cầu trong EMP phải đưa ra một tập hợp đầy đủ các biện pháp thể chế, giảm thiểu và quan trắc sẽ được thực hiện trong suốt giai đoạn thực hiện và vận hành dự án. Bao gồm:

- Xác định các hành động cần thiết để thực hiện từng biện pháp;
- Xác định trách nhiệm thực hiện đối với mỗi hành động đó;
- Xác định thời điểm thực hiện đối với từng hành động;
- Dự tính chi phí thực hiện từng hành động; và
- Việc thực hiện các hành động (và các biện pháp giảm thiểu kèm theo) sẽ được cam kết như thế nào.

Ngân hàng có hướng dẫn chi tiết về cách thức trình bày các nội dung của một EMP. Phụ lục C của Phụ chương I có đưa ra một trích đoạn của Chính sách tác nghiệp OP 4.01 của Ngân hàng Thế giới về những nội dung yêu cầu của EMP.

Chỉ dẫn chuẩn bị một EMP

Hướng dẫn trong Phụ lục C của Phụ chương I đề cập đến những thông tin cơ bản về nội dung quy định và cách thức trình bày các biện pháp giảm thiểu, quản lý và quan trắc của một EMP. Dưới đây là một số điểm cần lưu ý:

- Cần trình bày các đề xuất chính của một EMP vào trong một bảng hoặc một ma trận. Điều này cho phép người sử dụng có thể dễ dàng tìm được các quy định/cam kết và tạo điều kiện cho việc thực hiện các quy định và cam kết đó. Phụ lục F trình bày một số ví dụ về bảng EMP.

- Kế hoạch Quản lý Môi trường cần đưa ra một danh sách hoàn chỉnh các biện pháp giảm thiểu và tăng cường, bao gồm bất kỳ những cam kết có trong báo cáo ĐM.
- Các biện pháp nên được trình bày dưới dạng các tuyên bố hành động trực tiếp, ví dụ: Tiến hành quan trắc hàng ngày lượng nước thải để đảm bảo không vượt quá giới hạn thải cho phép theo tiêu chuẩn TCVN 5945 - 1995. Trong bảng EMP, các biện pháp này nên được gắn liền với những tác động đi kèm; ví dụ sự ô nhiễm do việc đổ nước thải.
- Trong EMP nên có một tài liệu để cập đến Điều khoản Tham chiếu đối với Nhà thầu/cơ quan thực hiện dự án, trong đó nêu rõ các biện pháp quản lý cần được thực hiện trong suốt chu kỳ của dự án. Do đó, EMP phải được trình bày sao cho tài liệu đó (hoặc một phần liên quan) có thể dễ dàng ghép vào các tài liệu bồi thầu (ví dụ, đưa vào các tài liệu bồi thầu của nhà thầu thi công). Yêu cầu này cần được quy định cụ thể trong TOR cho các nghiên cứu ĐM.
- Những người lập báo cáo ĐM nên làm việc trực tiếp với chủ dự án để xác định rõ trách nhiệm và thời gian để tiến hành các hoạt động trong EMP. Điều này đảm bảo các hoạt động đó sẽ được giao cụ thể cho đúng người và loại bồi sự không rõ ràng về trách nhiệm.
- Trong EMP nên đưa ra các đề xuất liên quan đến công tác kiểm tra và thu nhận ý kiến phản hồi về việc thực hiện EMP, thông qua các chương trình thanh tra và kiểm tra. Điều này có thể được ghi thành một yêu cầu trong TOR cho nghiên cứu ĐM. Ví dụ, việc kiểm soát bụi có thể là một vấn đề trong quá trình thi công của một dự án. Do đó nên yêu cầu những người thực hiện nghiên cứu ĐM lập các danh mục/mẫu kiểm tra nhanh nhằm đảm bảo rằng các biện pháp kiểm soát bụi đã được các nhà thầu và nhà thầu phụ thực hiện một cách đầy đủ. Phụ chương G có đưa ra một số ví dụ cho nội dung này.

Kế hoạch Quản lý Môi trường cũng cần bao hàm hoặc được bổ sung bởi các kế hoạch quản lý phụ trợ như kế hoạch quản lý chất thải, kế hoạch gắn kết cộng đồng, v.v... Cũng nên coi EMP là một tài liệu sống để được hoàn thiện thêm trong quá trình thiết kế và thực hiện dự án. Các kế hoạch/hoạt động quản lý cần thiết nên được dính kèm vào EMP trong suốt chu kỳ của một dự án.

- Kế hoạch Quản lý Môi trường nên đề cập đến quy trình mà PMU/CPO sử dụng để đảm bảo rằng các biện pháp giảm thiểu đang được thực hiện. Vai trò và trách nhiệm của các đơn vị này cần được nêu rõ cũng như những hoạt động của họ để đảm bảo việc thực hiện các biện pháp.

6.3- Các biện pháp giảm thiểu, quản lý và quan trắc

Khái quát

Các hoạt động an toàn môi trường được thực hiện trong giai đoạn thiết kế và chuẩn bị dự án sẽ chẳng có giá trị gì nếu như các đề xuất của chúng không được thực hiện trong quá trình thực hiện dự án. Ngoài việc là một cam kết pháp lý ở Việt Nam để thực hiện các biện pháp giảm thiểu (kỹ thuật hay quản lý) cho các dự án Nhóm 1 và Nhóm 2, thì việc thực hiện hiệu quả các biện pháp này cũng sẽ góp phần vào thành công chung của dự án. Việc sử dụng cách tiếp cận EMP ngay từ giai đoạn chuẩn bị nghiên cứu ĐM sẽ giúp đảm bảo việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu.

Trong quá trình hoàn thiện thiết kế dự án cũng như trong suốt giai đoạn thực hiện dự án, Văn phòng Thực hiện Dự án (PIO) hay Ban Quản lý Dự án (PMU) phải giám sát để đảm bảo rằng các nhà thầu thiết kế và thực hiện dự án đang thực hiện các biện pháp giảm thiểu, quản lý và quan trắc cần thiết. Điều này đòi hỏi các điều khoản môi trường phải được đưa vào trong các tài liệu của hợp đồng. Điều đó cũng có nghĩa là EMP nên được trình bày sao cho có thể dễ dàng ghép các quy định vào trong các tài liệu của hợp đồng.

Các quy định chính

Chính phủ yêu cầu chủ dự án phải báo cáo các kết quả của các chương trình quan trắc và các điều kiện cần thiết cho Bộ Tài nguyên Môi trường (MONRE) và/hoặc Sở Tài nguyên Môi trường (DONRE) để phê duyệt ĐTM và cấp giấy phép về môi trường. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường sau đó sẽ chịu trách nhiệm thực hiện thanh tra dự án nhằm đảm bảo sự tuân thủ đầy đủ các điều kiện đó và các tiêu chuẩn môi trường có liên quan.

Ngân hàng yêu cầu Bên vay phải thực hiện các hành động giảm thiểu, quản lý và quan trắc đã cam kết trong báo cáo ĐM và EMP. Đối với Ngân hàng Thế giới, điều này thường là một điều kiện trong hiệp định vay của dự án. Các quy định cụ thể được trình bày chi tiết trong Bảng 6.1 dưới đây.

**Bảng 6.1: CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ CỦA NGÂN HÀNG VỀ THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG**

Bên vay phải báo cáo với Ngân hàng về:

1. Việc tuân thủ các biện pháp đã thỏa thuận với Ngân hàng dựa trên các phát hiện của ĐM bao gồm cả việc thực hiện EMP;
2. Tình hình thực hiện các biện pháp giảm thiểu; và
3. Các phát hiện của các kế hoạch quan trắc.

Ngân hàng giám sát Bên vay để đảm bảo rằng các thủ tục mua sắm phù hợp với các quy định về môi trường được quy định trong các thỏa thuận pháp lý của dự án. Ngân hàng sẽ tổ chức các đoàn giám sát gồm những chuyên gia môi trường có liên quan.

Chỉ dẫn thực hiện

Nếu EMP được chuẩn bị tốt và tuân thủ các đề xuất nêu trên, thì đó sẽ là một tài liệu có thể dễ dàng chuyển những ngôn từ của nó thành các hành động thực tế. PIO hay PMU cần đảm bảo việc này sẽ được thực hiện bằng cách:

- Đảm bảo rằng trách nhiệm thực hiện đối với các cam kết tương ứng trong EMP được giao đúng cho các nhà thầu/các nhà tư vấn xây dựng hoặc thực hiện dự án trong khuôn khổ các hợp đồng và hồ sơ thầu;
- Lựa chọn một cách cẩn thận các nhà thầu dựa trên hồ sơ theo dõi việc tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường và thực hiện các thực hành quản lý môi trường hiệu quả trong quá trình hoạt động của các nhà thầu;
- Giám sát hoạt động của các nhà thầu/các nhà tư vấn để đảm bảo việc thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của họ;
- Đánh giá các kết quả quan trắc môi trường của dự án;
- Kiểm tra lại các cam kết về giảm thiểu môi trường/cam kết đối với EMP khi kết thúc; và
- Đảm bảo rằng cán bộ PIO hoặc PMU có đủ năng lực/khả năng cần thiết để quản lý và giám sát việc thực hiện các hành động giảm thiểu/hành động theo EMP.

Dưới đây là một số cơ chế nhằm hướng dẫn các cán bộ của PIO, PMU và Bên vay thực hiện các hoạt động trên.

Giao trách nhiệm thực hiện EMP/ biện pháp giảm thiểu

Các nhà thầu thiết kế và/hoặc thực thi dự án phải có trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu/thực hiện EMP theo như các tài liệu thầu và hợp đồng đã đưa ra. Có thể hợp tác với các chuyên gia ĐTM để đảm bảo rằng các nhà thầu thực hiện đầy đủ các trách nhiệm đó.

Các nhà thầu chính cũng cần giao các trách nhiệm cần thiết cho các nhà thầu phụ của họ. Chẳng hạn, nếu như việc quản lý chất thải yêu cầu phải có sự giảm thiểu thông qua kế hoạch quản lý chất thải, thì việc tuân thủ kế hoạch này phải được các nhà thầu phụ thực hiện. PIO hay PMU cần đảm bảo rằng tất cả các nhà thầu/cán bộ làm việc cho dự án đang thực thi và nhận thức đầy đủ các trách nhiệm của họ về EMP/giảm thiểu.

Đối với những dự án có các tác động môi trường tiềm ẩn đáng kể, thì việc yêu cầu các nhà thầu hình thành và thực hiện một Hệ thống Quản lý Môi trường (EMS) nhằm đảm bảo việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu/EMP là điều cần thiết. Điều này sẽ hình thành một khung cho nhà thầu thực hiện dự án có thể thực thi các trách nhiệm của mình; nhưng đồng thời cũng là một cơ chế hữu hiệu (through qua hệ thống tài liệu đi kèm với EMS) để PIO hay PMU giám sát việc thực hiện.

Chọn lựa các nhà thầu dựa trên kinh nghiệm thực hiện quản lý môi trường

Đối với một PIO hay PMU, điều quan trọng là phải khẳng định được rằng các nhà thầu đều có đầy đủ nhận thức, kỹ năng cũng như có các cam kết cần thiết để thực hiện các biện pháp giảm thiểu môi trường/EMP. Việc này phải được thực hiện trước khi tiến hành trao các hợp đồng cho các nhà thầu.

Ví dụ, có thể đưa ra yêu cầu là các nhà thầu tiềm năng phải báo cáo/thực hiện cam kết quản lý môi trường (ví dụ như về chính sách), các hệ thống thực hiện (ví dụ như các Hệ thống quản lý môi trường) và/hoặc ghi chép lại các kinh nghiệm thực hành/phương thức quản lý môi trường hiệu quả trong các hồ sơ thầu của họ. Nếu điều này được thực hiện, cần xây dựng các tiêu chí đánh giá thầu để phản ánh yêu cầu này. Những tiêu chí này cần đánh giá được mức độ cam kết thực hiện quản lý môi trường hiệu quả của một

nhà thầu và mức độ nhận thức cũng như cam kết thực hiện của các nhân viên và các nhà thầu phụ của nhà thầu đó.

Giám sát việc thực hiện các hành động EMP/giảm thiểu

Có nhiều hành động mà PIO hay PMU có thể đảm bảo rằng các hành động giảm thiểu hay EMP đang được thực hiện.

Trước tiên, PIO hay PMU có thể yêu cầu các nhà thầu/những người triển khai... cung cấp các số liệu cập nhật về tiến độ và tình hình thực hiện quản lý môi trường theo đúng trách nhiệm EMP của họ. Đối với một dự án xây dựng nhạy cảm về môi trường, có thể yêu cầu nhà thầu thi công chính nộp các báo cáo tiến độ hàng tháng về quản lý môi trường và tổ chức một cuộc họp nhanh sau đó để thảo luận những vấn đề này sinh.

Thứ hai là, không thể đơn thuần dựa vào sự đảm bảo của các nhà thầu rằng họ đang thực hiện các cam kết EMP. PIO hay PMU phải tiến hành những đánh giá độc lập để xem xét các biện pháp giảm thiểu/EMP đã thống nhất có đang được thực hiện một cách đầy đủ hay không. Những vấn đề này sinh phải được thảo luận trực tiếp với các nhà thầu và thống nhất các biện pháp điều chỉnh và lịch trình thực hiện. Với mục đích này, có thể xây dựng một danh mục đánh giá nhanh để các cán bộ của PIO hay PMU sử dụng khi tiến hành các hoạt động giám sát nhà thầu (nhất là đối với những vấn đề nhạy cảm, có thể yêu cầu người thực hiện ĐTM đưa các danh mục đó vào trong các tài liệu ĐTM của họ). Hoặc có thể thuê các chuyên gia ĐTM hoặc các tư vấn quản lý môi trường tiến hành đánh giá một cách độc lập hoạt động của nhà thầu. Do vậy, cần có ngân sách cho các hoạt động này.

Xem xét các kết quả quan trắc môi trường

PIO hay PMU cần yêu cầu các nhà thầu thực hiện/điều hành dự án phải thường xuyên báo cáo các kết quả quan trắc môi trường (ví dụ như chất lượng nước, lượng khí thải, độ ồn v.v... như đã nêu trong EMP). Sau đó, PIO hay PMU sẽ xem xét các kết quả này:

1. Để đảm bảo rằng các kết quả đó đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường của dự án các tiêu chuẩn của Việt Nam (TCVN) và các tiêu chuẩn khác do Ngân hàng yêu cầu;
2. Để đảm bảo rằng các kết quả đó không biểu hiện xu hướng đang gia tăng các tác động môi trường (ngay cả khi chúng vẫn ở mức giới hạn cho phép); việc phát hiện và khắc phục sớm vấn đề

này trước khi các tiêu chuẩn bị vi phạm sẽ tiết kiệm được nhiều chi phí và công sức; và

3. Đảm bảo các tác động môi trường chưa lường trước được không xảy ra.

Nếu thấy có sự không tuân thủ (hay có diễn biến xấu), PIO hay PMU phải thỏa thuận với các nhà thầu thực hiện các biện pháp khắc phục kịp thời. Nếu việc này được thực hiện sớm thì sẽ tiết kiệm được chi phí để khắc phục vấn đề đó.

Tổng kết các hành động giảm thiểu môi trường/EMP khi kết thúc

PIO hay PMU sẽ nhận thấy việc tập hợp một danh mục các hoạt động giảm thiểu/thực hiện EMP cũng như cách thức và thời điểm hoàn thành các biện pháp đó là rất có lợi. Điều này cho phép PIO hay PMU có thể dễ dàng báo cáo với Bên vay, Ngân hàng và các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường về tiến độ thực hiện các cam kết một cách kịp thời và tiết kiệm chi phí. Nó cũng có thể cho phép chúng ta bám sát tiến độ thực hiện dự án và đề xuất những hành động cần thiết khi các hành động giảm thiểu/EMP chưa được thực hiện một cách đầy đủ.

Cơ sở chính của phương pháp này là các bảng về EMP (gồm các cột về tóm tắt tác động, biện pháp giảm thiểu, trách nhiệm và thời gian), cùng với các cột bổ sung “Tình hình thực hiện”, “Cách thức thực hiện/hoàn thành” (mô tả ngắn gọn), và “Khi nào thì hoàn thành”.

Phụ chương F nêu ra một số mẫu về nội dung của EMP có thể áp dụng cho ngành giao thông vận tải. Những mẫu này cũng rất có ích khi sử dụng hay tham khảo trong các hợp đồng thi công như là các yêu cầu bắt buộc đối với các nhà thầu.

Năng lực quản lý môi trường của các PIO hay PMU

Tùy theo mức độ quản lý môi trường yêu cầu đối với mỗi dự án, hướng dẫn trên cho thấy các PIO hay PMU cần có đủ năng lực để quản lý các hoạt động giảm thiểu môi trường/EMP của các nhà thầu dự án. Điều này có thể đòi hỏi phải có một chuyên gia quản lý môi trường - hoặc trong một số trường hợp, một nhóm các chuyên gia để thực hiện các nhiệm vụ trên. Hoặc các hoạt động đó được giao cho các chuyên gia độc lập nhưng PIO hay PMU vẫn phải có những kinh nghiệm nhất định để quản lý được những vấn đề chuyên môn liên quan.

7- Quản lý quy trình Đánh giá Tác động Môi trường

7.1- Giới thiệu

Để có được các tài liệu có chất lượng cũng như các đề xuất thiết thực về vấn đề an toàn môi trường, Bên vay, CPO hay PMU phải tập trung công sức, nguồn lực và kiến thức, kinh nghiệm cho việc thực hiện quy trình ĐTM. Việc triển khai quy trình ĐM cũng có những tác động trực tiếp tới nguồn nhân lực, thiết kế, ngân sách và lịch trình đã được phê duyệt của dự án. Thực hiện có hiệu quả những hoạt động này và đưa chúng vào trong kế hoạch phát triển dự án ngay từ giai đoạn đầu sẽ góp phần cải thiện chất lượng hoạt động cũng như đánh giá đầy đủ các lợi ích thiết thực của quá trình ĐM.

Do vậy, trong phần này sẽ cung cấp một số hướng dẫn tóm tắt về quản lý quy trình ĐM:

- Thời gian;
- Điều phối viên ĐM;
- Hợp đồng với các tư vấn ĐM;
- Kế hoạch và chi phí thực hiện; và
- Đảm bảo chất lượng.

7.2- Thời gian

Đánh giá môi trường là một nội dung rất quan trọng trong kế hoạch thực hiện dự án vì các thủ tục xin phép, cấp phép và phê duyệt đầu tư đều phải phụ thuộc vào nội dung này. Do vậy, việc triển khai sớm quy trình ĐM thông qua hoạt động sàng lọc là một yếu tố then chốt đảm bảo chất lượng và ý nghĩa của các hoạt động ĐM. Công việc sàng lọc cần được bắt đầu ngay ở giai đoạn xác định nội dung dự án, và đối với dự án Nhóm 1(A) hay 2(B) thì các hoạt động chuẩn bị ĐM phải được bắt đầu ngay sau đó.

Để bắt đầu quá trình ĐM (tức là sau giai đoạn sàng lọc) cũng đòi hỏi mất một khoảng thời gian nhất định (ví dụ, thời gian ký hợp đồng với các chuyên gia, chuẩn bị các số liệu phù hợp cho việc thiết kế dự án). Tuy nhiên, quá trình ĐM và việc quản lý quá trình này phải được xem xét đến ngay sau khi giai đoạn sàng lọc và các cơ chế quản lý thích hợp được đưa vào trong kế hoạch và ngân sách của dự án.

Tuy vậy, điều quan trọng nhất là không thể coi việc chờ thu thập đầy đủ các thông tin cụ thể về thiết kế chi tiết là lý do để trì hoãn các hoạt động ĐM. Việc xác định phạm vi và thậm chí là đánh giá chi tiết đầy đủ có thể được thực hiện khi mà số liệu về thiết kế chi tiết còn chưa đầy đủ. Hơn nữa, các yêu cầu để thu thập số liệu môi trường nền (mà có thể phải tiến hành trong khoảng thời gian dài) đòi hỏi phải có sự nhận diện sớm các vấn đề chính và khẳng định khả năng đáp ứng của các nguồn số liệu nền hiện có trong quá trình xác định phạm vi.

Cần lưu ý rằng đối với các dự án Nhóm A và B có sự tham gia của Ngân hàng Thế giới, báo cáo DTM phải được phổ biến tới cộng đồng trong vòng 120 ngày trước khi Ngân hàng xem xét phê duyệt cho dự án. Do đó, tốt nhất giai đoạn này nên bắt đầu sau khi dự án nhận được những phê duyệt cần thiết về môi trường ở địa phương. Yếu tố này cần được đưa vào trong lịch trình kế hoạch của dự án.

Thời gian cho quá trình ĐM được đề cập chi tiết hơn ở Mục 7.5.

7.3- Điều phối viên Đánh giá Môi trường

Sau khi một dự án được sàng lọc và có yêu cầu phải thực hiện ĐM, Bên vay, CPO hay PMU cần giao trách nhiệm quản lý các hoạt động ĐM cho một thành viên trong nhóm thực hiện ĐM. Đối với các dự án nhỏ, ít phức tạp thì có thể không cần phải có vị trí điều phối môi trường chuyên trách. Người điều phối viên cần:

- Đảm bảo mọi vấn đề chuyên môn (trong phạm vi nhóm chuẩn bị dự án, Bên vay, CPO hay PMU và các chuyên gia ĐM) đều đang được thực hiện dưới sự điều phối tổng thể;
- Đảm bảo việc thu thập và trao đổi thông tin diễn ra đúng trình tự;
- Đảm bảo các thông tin đều được sử dụng cho các quá trình ra quyết định;
- Điều phối các hoạt động và ngăn ngừa sự chồng chéo công việc;
- Đóng vai trò chủ chốt trong hoạt động tham vấn các vấn đề về môi trường;
- Tổ chức và quản lý việc chuẩn bị các nghiên cứu ĐM cùng các báo cáo kèm theo; và
- Đảm bảo việc lồng ghép các kết quả nghiên cứu ĐM (như EMP) vào trong thiết kế, lịch trình, các hợp đồng và các phương pháp thực hiện của dự án.

Một điều quan trọng là các cá nhân hay nhóm người được giao trách nhiệm quản lý quá trình ĐTM của phía Bên vay, PMU hay CPO phải đáp ứng được những yêu cầu sau:

- Có hiểu biết tốt về quy trình ĐM và hiểu được các quy định pháp lý của Việt Nam và Ngân hàng liên quan đến ĐM;
- Có kinh nghiệm thực tế về quản lý các nghiên cứu ĐM cho các dự án tương tự, bao gồm cả các nghiên cứu ĐM cho những dự án được ngân hàng tài trợ;
- Có kỹ năng quản lý thực tế;
- Có chuyên môn về quản lý môi trường.

7.4- Hợp đồng với các Tư vấn Đánh giá Môi trường

Bên vay (và CPO hay PMU) có trách nhiệm đảm bảo việc tuyển chọn các chuyên gia môi trường có đủ năng lực phù hợp để thực hiện các nghiên cứu ĐM cần thiết. Lưu ý rằng đối với các dự án Nhóm A do Ngân hàng Thế giới tài trợ, các tư vấn được thuê để thực hiện các nghiên cứu ĐM phải hoàn toàn độc lập với Bên vay hoặc chủ dự án.

Bên vay, CPO hay PMU có thể đảm nhận việc xác định phạm vi (kể cả cho các dự án Nhóm A do NHTG tài trợ) nhưng nhóm thực hiện việc đó phải có những chuyên gia môi trường am hiểu về những tác động môi trường tiềm ẩn của dự án. Ngân hàng có thể hỗ trợ và tư vấn cho Bên vay thực hiện giai đoạn xác định phạm vi này. Quá trình xác định phạm vi cần đưa ra được một TOR cho ĐM chi tiết, trong đó bao gồm cả việc xác định những nội dung chuyên môn cần thiết (nội dung đề xuất của TOR đã được đề cập ở Hộp 3.4).

Trong một số trường hợp, có thể thuê một nhóm các chuyên gia (hoặc một nhà thầu) thực hiện cả giai đoạn xác định phạm vi lẫn ĐTM chi tiết. Tuy nhiên, nếu áp dụng điều này, cần tiến hành đánh giá lại các kết quả sau khi kết thúc quá trình xác định phạm vi nhằm đảm bảo rằng Ngân hàng sẽ phê duyệt phạm vi và TOR cho ĐTM, đồng thời đảm bảo nguồn chuyên gia, thời gian và ngân sách cần thiết để thực hiện ĐTM.

Nhà thầu/nhóm chuyên gia được thuê để tiến hành các nghiên cứu ĐM phải có đủ những năng lực và kinh nghiệm sau:

- Hiểu được các đặc điểm môi trường của địa phương, bao gồm tình hình sử dụng đất, tài nguyên thiên nhiên, các loài được bảo vệ (nếu có), cộng đồng dân cư và các khu vực có giá trị văn hóa;
- Nắm được các tiêu chuẩn và thủ tục an toàn về môi trường của địa phương, quốc gia và ngân hàng;
- Có kinh nghiệm thực tế trong việc thực hiện các nghiên cứu ĐTM ở các ngành có liên quan;
- Có kỹ năng quản lý, lập kế hoạch, sắp xếp hoạt động và báo cáo; và
- Có các kỹ năng cần thiết của một chuyên gia (những nhu cầu sẽ phụ thuộc vào phạm vi ĐM nhưng có thể gồm các nhà sinh thái học, các chuyên gia về chất lượng không khí, chuyên gia tái định cư, v.v...).

Theo quy tắc hình xoắn ốc, nhóm chuyên gia ĐTM phải có:

- Kiến thức và am hiểu về các yêu cầu và nguyện vọng của Bên vay/CPO/PMU;
- Bí quyết và chiến lược thực hiện ĐTM;
- Năng lực về quản lý, lên lịch trình, lập kế hoạch và xác định phạm vi;
- Có phương pháp tiếp cận thực tế, trong đó không chỉ đơn thuần nhấn mạnh vào những điều kiện ban đầu mà còn đưa ra các đề xuất thiết thực và có tính thực tế; và
- Nhận thức rõ về lợi ích và những vấn đề của các bên liên quan ở bên ngoài quốc gia nhận tài trợ (đặc biệt là những dự án Nhóm A hoặc Nhóm B có sự tham gia của Ngân hàng).

7.5- Lịch trình và chi phí thực hiện

Thời gian cho một nghiên cứu ĐM tùy thuộc vào phạm vi yêu cầu của công việc và những vấn đề liên quan đến tổ chức thực hiện công việc trong khu vực dự án. Những yếu tố có thể ảnh hưởng đến thời gian (và các chi phí liên quan) của một nghiên cứu ĐM bao gồm:

- Yêu cầu về thu thập số liệu thực địa; việc thu thập số liệu nền sơ cấp có thể phải tốn nhiều thời gian, nhất là khi phải đảm bảo trình tự thời gian của số liệu (ví dụ như chất lượng không khí) hoặc vì lý do thời vụ;

- Tính phức tạp của khu vực: nếu một khu vực được đánh giá có sự đa dạng môi trường thì có thể phải tiến hành thêm các nghiên cứu môi trường nhằm đảm bảo mọi vấn đề nhạy cảm đều được cân nhắc đến; và
- Nguồn số liệu sẵn có: để tiến hành một ĐTM thì điều trước tiên là phải có các số liệu chính xác. Mọi điều tra khảo sát phải được hoàn tất và phải báo cáo các kết quả. Chẳng hạn, nếu những khảo sát ban đầu không được tiến hành trước khi mùa mưa bắt đầu (và khi rất khó tới được khu vực khảo sát) thì điều này có thể ảnh hưởng tới tiến độ các công việc khác của ĐM.

Chi phí cho các nghiên cứu ĐM có thể dao động trong khoảng vài chục ngàn đô la Mỹ hoặc trong một số ít trường hợp lên tới vài triệu đô la Mỹ. Một số yếu tố ảnh hưởng tới chi phí của một nghiên cứu ĐM được trình bày ở Hình 7.1 dưới đây.

Cao

Các yếu tố của dự án gồm quy mô, tính phức tạp và lĩnh vực của dự án

Các dự án lớn, phức tạp
và/hoặc lĩnh vực hoạt động mới thực hiện
tại các khu vực nhạy cảm

Các dự án lớn, phức tạp
và/hoặc lĩnh vực mới
thực hiện trong một cơ chế
luật pháp chặt chẽ,
nghiêm minh

Dự án "Chuẩn", có
môi trường pháp lý
rõ ràng, các vấn đề
môi trường và xã hội
có thể giải quyết

Các dự án nhỏ, đơn giản
thực hiện tại những khu vực
môi trường có nhạy cảm, thường
sự quan tâm của hàng vạn người dân

Giai đoạn khai thác
tại các khu vực môi trường
nhạy cảm, thu hồi và chảy
của các bùn lùn quan trọng
địa phương và quốc tế

Thấp

Cao

Các yếu tố ngoại vi - Quy định pháp lý,
môi trường nhận, các bên liên quan

**Hình 7.1: MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHI PHÍ
CỦA MỘT NGHIÊN CỨU ĐM**

Nguồn: Shell International Exploration & Production B.V; Hướng dẫn về
Đánh giá Tác động Tổng hợp, 12/2002.

7.6- Đảm bảo chất lượng

Việc quản lý và lập kế hoạch chi tiết cho quá trình ĐM như đề cập ở trên là một trong những cách đảm bảo chất lượng của quá trình ĐTM. Người điều phối các hoạt động ĐM cũng như các chuyên gia được thuê thực hiện các hoạt động đó có trình độ và kinh nghiệm trong việc thực hiện và quản lý ĐM cũng là một yếu tố quan trọng để đảm bảo cho quá trình ĐM được thực hiện tốt.

Một vấn đề khác trong quản lý chất lượng ĐM là duy trì sự giám sát chặt chẽ quá trình ĐM và thường xuyên theo dõi tiến độ thực hiện ĐM. Điều này không chỉ giúp cho quá trình ĐM đi đúng hướng mà còn đảm bảo các nghiên cứu ĐM có thể đưa ra các đề xuất thiết thực cũng như không tạo ra những ảnh hưởng xấu (trên cơ sở thành lập nhóm chuyên gia ĐTM, việc duy trì thảo luận thường xuyên giữa CPO hay PMU với nhóm chuyên gia này để theo dõi tiến độ và các kết quả giữa kỳ là một phương thức quản lý hiệu quả). Quá trình này cũng đảm bảo cho việc thiết kế dự án có thể phản ánh được những đề xuất của quá trình ĐM mà không cần phải có những thay đổi thiết kế đáng kể nào.

Khi các báo cáo ĐM được chuẩn bị xong, CPO hay PMU cần xem xét lại báo cáo nhằm đảm bảo:

- Phản ánh đầy đủ thông tin để người ra quyết định có thể cân nhắc xem dự án nên tiến hành như thế nào;
- Các đề xuất của báo cáo phải tương xứng, thực tế và phù hợp với mức độ của tác động đã dự báo trước;
- Số liệu đã sử dụng là chính xác, cập nhật thường xuyên và có tính đại diện;
- Các vấn đề quan trọng đã được xác định và giải quyết một cách rõ ràng, kèm theo các biện pháp giảm thiểu phù hợp và/hoặc đã được đưa vào EMP;
- Các tác động còn lại ở mức chấp nhận được; và
- Các đề xuất của báo cáo phải rõ ràng, kèm theo là các hành động, thời gian và trách nhiệm đã được xác định rõ, do vậy có thể dễ dàng chuyển chúng vào các hợp đồng thực thi dự án.

Có rất nhiều các công cụ đánh giá chi tiết nhằm giúp cho các CPO/PMU/Bên vay thẩm định nội dung và chất lượng của báo cáo

ĐM; mục Tài liệu tham khảo có chỉ dẫn một số tài liệu tham khảo. Ngoài ra, Ngân hàng cũng có thể hỗ trợ cho quá trình đánh giá này. Hộp 7.1 dưới đây tóm tắt các đặc trưng của một báo cáo ĐM hoàn chỉnh.

Hộp 7.1: CÁC ĐẶC TRƯNG CỦA MỘT BÁO CÁO ĐM HOÀN CHỈNH

- Cấu trúc rõ ràng theo một trình tự lôgic, ví dụ mô tả hoạt động, các điều kiện hiện trạng môi trường, các tác động dự báo (tính chất, phạm vi và mức độ), phạm vi giảm thiểu, các biện pháp giảm thiểu đã lựa chọn, mức độ của các tác động không thể tránh khỏi/tác động tàn dư của từng vấn đề môi trường và các biện pháp quan trắc và quản lý để đối phó với những tác động đó;
- Một bảng mục lục ở phần đầu của báo cáo;
- Mô tả chi tiết các thủ tục thực hiện và làm thế nào để quá trình ĐM tuân thủ các thủ tục đó;
- Là tài liệu độc lập với đầy đủ chỉ dẫn về tài liệu tham khảo liên quan;
- Súc tích, toàn diện và có mục đích;
- Đảm bảo tính khách quan không thành kiến;
- Có mô tả đầy đủ các đe xuất hoạt động phát triển;
- Trình bày hợp lý các biểu đồ, hình minh họa, ảnh và các đồ thị;
- Sử dụng thống nhất các thuật ngữ và có chú giải;
- Trích dẫn đầy đủ các nguồn thông tin đã khai thác;
- Giải thích rõ những vấn đề phức tạp;
- Mô tả chi tiết các phương pháp sử dụng để dự báo và đánh giá từng tác động;
- Đề cập đến từng vấn đề môi trường tương xứng với mức độ quan trọng của nó;
- Đưa ra dẫn chứng cụ thể về các tham vấn có hiệu quả;
- Đề cập rõ ràng các phương án thay thế;
- Đưa ra một cam kết để thực hiện giảm thiểu (theo một kế hoạch), quản lý và quan trắc; và
- Có báo cáo tóm tắt chung không mang tính kỹ thuật.

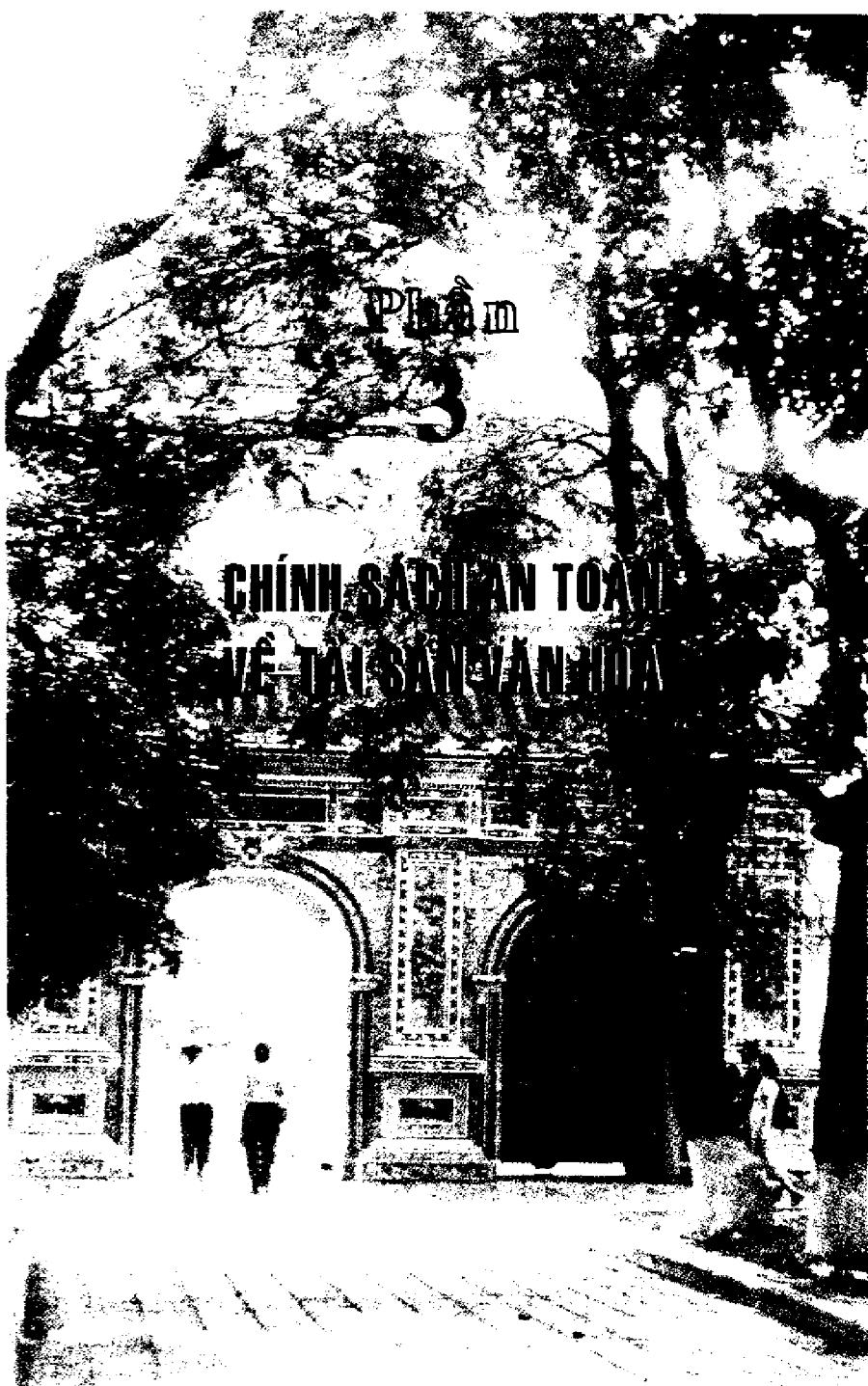
Nguồn: ERM, 2002. Các tiêu chí xem xét Đánh giá Hiện trạng Môi trường, Phần 6 của Báo cáo trình Ủy ban Sông Mê Kông về "Xây dựng Hệ thống DTM/SEA cho Lưu vực hạ lưu sông Mê Kông: Hệ thống đề xuất" 4/2002.

7.7- Kết luận

Tóm lại, các nguyên tắc trên có thể được đúc kết thành tám (8) quy tắc cơ bản trong thực hiện ĐM sau đây:

1. Xác định dự án. Trong thực tế, điều ngạc nhiên là việc xác định dự án lại thường không được thực hiện một cách đầy đủ.
2. Xác định mức độ đánh giá môi trường cần thiết sau khi tiến hành sàng lọc. Nếu có thể, tiến hành tham vấn MONRE và các chuyên gia kinh tế và xã hội của Ngân hàng. Phân nhóm dự án và lấy ý kiến của MONRE và Ngân hàng, đồng thời cân nhắc xem có cần áp dụng các chính sách an toàn khác của ngân hàng.
3. Bổ nhiệm các chuyên gia quản lý/đánh giá môi trường để đại diện cho Bên vay/CPO hay PMU thực hiện quá trình ĐM. Các chuyên gia này phải có đầy đủ các kỹ năng cần thiết để điều phối quá trình ĐM.
4. Thành lập nhóm chuyên gia ĐM, bao gồm các chuyên gia môi trường và xã hội - càng sớm càng tốt!
5. Xác định phạm vi ĐM - tức là nhận diện các tác động tiềm ẩn - cần tiến hành sớm. Tốt nhất nên có sự đánh giá sớm mức độ nghiêm trọng có thể của tác động, vì điều này sẽ giúp cho việc xác định độ sâu cần phân tích, các vấn đề môi trường nhạy cảm, các số liệu nền phải có và những người cần tham vấn, v.v... Ngoài ra, điều này cũng cho phép xác định thời gian cần thiết để cho nghiên cứu ĐM.
6. Tiến hành tham vấn cộng đồng để xác định phạm vi công việc, xác định những vấn đề môi trường và công khai hóa phạm vi của công việc và tiến hành tham vấn sau khi dự thảo ĐM được hoàn tất.
7. Chuẩn bị, xem xét và công khai báo cáo ĐTM để đảm bảo rằng báo cáo đạt chất lượng yêu cầu và đưa ra được các đề xuất có tính thực tiễn, phù hợp, và những người bị ảnh hưởng bởi dự án có thể dễ dàng tiếp cận, hiểu rõ và góp ý cho các đề xuất của báo cáo.
8. Đảm bảo việc thực hiện hiệu quả các biện pháp giảm thiểu để xuất/EMP thông qua việc đưa chúng vào các điều khoản của hợp đồng xây dựng và vận hành dự án, và bằng cách giám sát chặt chẽ việc tuân thủ và nâng cao năng lực thực hiện an toàn môi trường tại hiện trường.

Cuối cùng, cần đảm bảo rằng các nghiên cứu ĐM đưa ra được các đề xuất có tính thực tế, hiệu quả và có thể sử dụng; chúng là những công cụ quản lý để nâng cao sự bền vững của một dự án. Các báo cáo ĐM không chỉ đơn thuần là các báo cáo để xin phép hoặc phê duyệt đầu tư mà phải được coi là những tài liệu sống và phải được sử dụng cho đến khi hoàn thành thực hiện dự án!



Pháp

CHÍNH SÁCH HÀN TOÀN
VỀ TẠI SẢN VĂN HÓA

8- Tài sản văn hoá

8.1- Các mục tiêu của chính sách và việc áp dụng

Tài nguyên văn hoá rất quan trọng vì đây là nguồn thông tin có giá trị về lịch sử, khoa học, tài sản để phát triển kinh tế - xã hội, và là những phần không thể thiếu của bản sắc và thực tiễn văn hoá loài người. Sự tổn thất tài sản văn hoá này là không thể khôi phục được. Điều đó có nghĩa nếu chúng ta làm mất chúng, sẽ không có gì tương đương để thay thế. Nhưng rất may là chúng ta thường có thể tránh được tổn thất này. Đó là lý do tại sao Việt Nam và Ngân hàng ban hành các chính sách để bảo vệ tài sản văn hóa.

Hộp 8.1: TÀI SẢN VĂN HÓA LÀ GÌ?

- Các địa điểm, công trình hoặc các vật thể có tính khảo cổ, cổ sinh học, lịch sử, tôn giáo hoặc có các ý nghĩa quan trọng khác về văn hoá.
- Các điểm môi trường tự nhiên mà có ý nghĩa về văn hoá (ví dụ, mồ mả, các địa điểm linh thiêng).

Bản chính sách tác nghiệp OP 4.11 của Ngân hàng về “Tài sản Văn hoá” (xem Phụ chương J) nhằm đảm bảo:

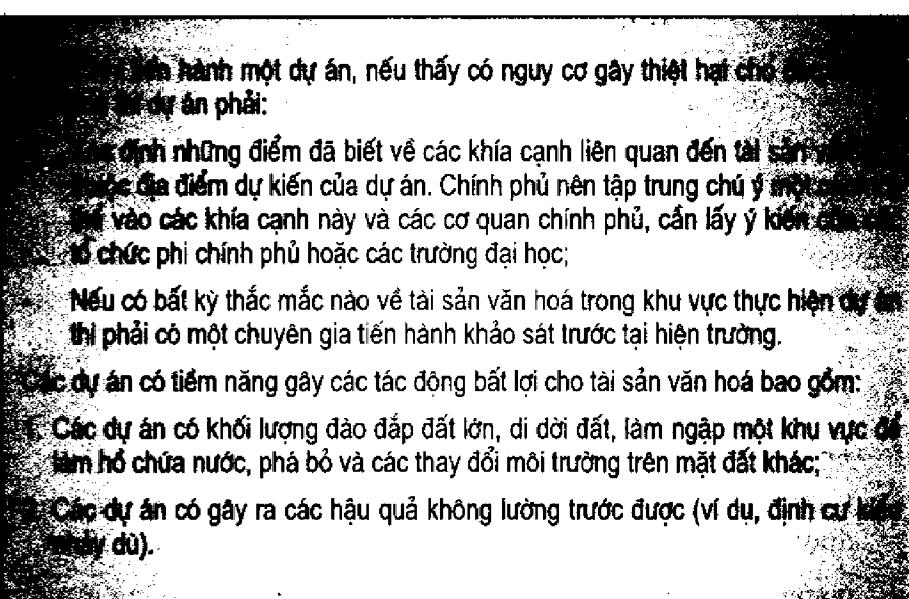
- Tài sản văn hoá được xác định và bảo vệ;
- Luật pháp quốc gia điều chỉnh việc bảo vệ tài sản văn hoá được tuân theo chính sách của Ngân hàng; và,
- Năng lực xác định và bảo vệ tài sản văn hoá được nâng cao.

Mục tiêu của Chính sách tác nghiệp về Tài sản văn hoá của Ngân hàng Thế giới là tìm cách tránh, hoặc làm giảm nhẹ các tác động tiêu cực đối với các nguồn văn hoá từ các dự án phát triển do Ngân hàng Thế giới tài trợ. Nghị quyết 26-NQ-TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam yêu cầu “Đất thuộc di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh cần phải được bảo vệ nghiêm ngặt theo các điều khoản của luật, kiên quyết nghiêm cấm các hành vi chiếm đoạt đất đai”.

Luật Bảo vệ di sản văn hoá ngày 29/6/2001, Điều 8 quy định: "Tất cả các điểm di sản văn hoá trên lãnh thổ Việt Nam, với nguồn gốc trong nước hoặc từ nước ngoài, dưới bất kỳ hình thức sở hữu nào, đều được bảo vệ và nâng cao giá trị".

Nghị định số 22/1998/NĐ-CP của Chính phủ, Điều 21 quy định: "Các dự án khi thu hồi đất có các công trình văn hoá, di tích lịch sử, đình chùa phải có phương án bảo tồn là chủ yếu; trong trường hợp đặc biệt phải di chuyển thì việc đền bù thiệt hại cho việc di chuyển các di tích lịch sử, công trình văn hoá, nhà thờ, đình chùa do Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với công trình Trung ương quản lý hoặc Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh/thành trực thuộc Trung ương quyết định đối với công trình do địa phương quản lý".

Hộp 8.2: OP 4.11 - CHÍNH SÁCH TÁC NGHIỆP VỀ TÀI SẢN VĂN HÓA



Nhiều khu vực linh thiêng còn có chức năng sinh thái quan trọng, như là nơi cư trú ẩn của những loài đặc biệt, khu rừng nhỏ linh thiêng cho các cây thuốc, và là nơi đặc biệt mà các nghi lễ và nghi thức (ví dụ như liên quan tới thu hoạch hoặc săn bắt) được tiến hành nhằm tôn vinh những loài này và thúc đẩy sự tồn tại và duy trì của chúng. Một số nơi linh thiêng có thể chiếm một vùng rộng lớn, trong khi một số khác lại chỉ khoanh gọn trong một khu vực cụ thể. Một số địa điểm là linh thiêng bởi những địa điểm này

là nơi cư trú thiết yếu của những loài đặc biệt, ví dụ như quan trọng cho chữa bệnh hoặc nghi lễ và sự duy trì và bảo tồn chúng là quan trọng cho sức khoẻ và hạnh phúc của cộng đồng.

Đối với một số nền văn hoá, vị trí cụ thể của một khu vực linh thiêng, ý nghĩa của khu vực này và tính chất của các hoạt động nghi lễ ở đó được giữ bí mật, chỉ những người có nhiệm vụ trông coi đặc biệt khu vực này mới được biết. Việc để lộ bí mật này có thể bị xử theo luật tục. Đôi khi, những khu vực này được ghi trong Sách Quốc gia về các khu vực linh thiêng, với vị trí chung của địa điểm được ghi, trong khi vị trí cụ thể của khu vực này nằm trong ô vuông đó và chỉ những người trông coi biết. Ở một số nước, khu vực linh thiêng của người bản địa và cộng đồng địa phương được bảo vệ theo luật quốc gia và vùng. Luật này quy định việc tiếp cận và loại hoạt động có thể thực hiện trong vùng lân cận. Luật này cũng luôn công nhận thẩm quyền tập tục của những người trông coi khu vực linh thiêng và cho phép họ quyết định bất kỳ vấn đề liên quan tới các khu vực linh thiêng.

8.2- Chính sách và thủ tục của Việt Nam và Ngân hàng Thế giới

Chính sách của Việt Nam và Ngân hàng Thế giới

Chính phủ Việt Nam đã có những quy định bao quát tương đương hoặc hơn Ngân hàng Thế giới trong việc quản lý bảo vệ các tài nguyên văn hoá.

Nghị định số 22/1998/NĐ-CP của Chính phủ, Điều 20 quy định về đền bù thiệt hại mồ mả. Đối với việc di chuyển mồ mả, mức tiền đền bù được tính cho chi phí về đất đai, đào, bốc, di chuyển, xây dựng lại và các chi phí hợp lý khác có liên quan trực tiếp.

Nghị định số 172/1999/NĐ-CP, Điều 25 quy định rằng các công trình văn hóa, lịch sử được xếp hạng bảo tồn, kể cả những khu rừng nguyên sinh trong phạm vi hành lang bảo vệ đường bộ được giữ nguyên và bảo vệ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Quan điểm này là phù hợp với chính sách của Ngân hàng Thế giới về tài sản văn hoá.

Theo Luật Bảo vệ di sản văn hoá (2001) và Kế hoạch hành động của Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết 5 của Hội nghị Trung ương Đảng (khoá 7) về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc" (Văn kiện 1109/CP-VX, ngày

17/9/1998), Thủ tướng Chính phủ đã thông qua Dự án về bảo tồn và phát triển văn hóa của các cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam (Quyết định số 124/2003/QĐ-TTg ngày 17/6/2003).

Chính sách của Ngân hàng Thế giới quy định rằng các hình thức tổ chức sinh kế của cộng đồng và việc xây dựng văn hóa xã hội cho cộng đồng định cư và cư dân bản địa đều phải được tôn trọng, giữ gìn và phát triển (OP 4.12, phần III, đoạn 11, c).

Đối với các di sản văn hóa tại các khu vực nông nghiệp và nông thôn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hợp tác với Bộ Văn hóa - Thông tin và các Bộ có liên quan lập phương án bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng đã được xếp hạng hoặc sử dụng các hệ thống nông nghiệp, đất rừng, thuỷ lợi để đáp ứng yêu cầu bảo tồn di sản văn hóa theo luật pháp (Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 về việc thực hiện Luật Di sản văn hóa, chương VII, Điều 46, 1).

Nghiên cứu kinh tế - xã hội cần chú ý đến các thống kê về di sản văn hóa tại khu vực bị ảnh hưởng (9 loại di sản văn hóa vật thể, di tích lịch sử, đồ vật cổ, vật có giá trị cấp quốc gia, bản sao các di sản, bộ sưu tập v.v... Luật Di sản Văn hóa, chương I, Điều 4, 1).

Cần chú ý đến các thống kê về địa điểm di tích lịch sử và cách mạng, di sản văn hóa, các địa điểm được quan tâm, khu vực sinh thái đặc biệt, vườn quốc gia, nghệ thuật, kiến trúc, ngôn ngữ, chữ viết, tác phẩm văn học, lối sống, buôn bán truyền thống, kiến thức về y học dân tộc, các loại thực phẩm truyền thống v.v... tại các khu vực miền núi và các dân tộc thiểu số. Các thông tin này là hết sức quan trọng để tìm ra các biện pháp thích hợp nhằm bảo tồn và phát triển văn hóa của các dân tộc thiểu số tại Việt Nam (Quyết định số 124/2003/QĐ-TTg ngày 17/6/2003, phê duyệt dự án bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số tại Việt Nam).

Ngân hàng Thế giới đưa các biện pháp an toàn cho tài nguyên văn hóa vào các chính sách và chỉ dẫn tác nghiệp của Ngân hàng. Bảng 8.1 cho thấy các chính sách của Ngân hàng Thế giới tác động đến di sản văn hóa, so sánh với chính sách của Việt Nam trong lĩnh vực này.

Những chính sách của Việt Nam nói chung là nhất quán với chính sách của Ngân hàng Thế giới về di sản văn hóa.

Bảng 8.1: CHÍNH SÁCH VỀ TÀI SẢN VĂN HÓA CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI VÀ CỦA VIỆT NAM

Chính sách của Ngân hàng	Chính sách của Việt Nam
<p>OP 4.11</p> <p>1. Thông thường, Ngân hàng từ chối tài trợ cho các dự án sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho các tài sản văn hóa không thể thay thế được và chỉ tài trợ cho các dự án tại các địa điểm và được thiết kế để có thể phòng ngừa được các thiệt hại nói trên.</p> <p>2. Ngân hàng sẽ hỗ trợ cho việc bảo vệ và tôn tạo các tài sản văn hóa gấp phải trong các dự án do Ngân hàng tài trợ, mà không bỏ qua việc bảo vệ đó. Trong một số trường hợp, dự án phải chuyển dịch địa điểm tốt nhất để các địa điểm công trình văn hóa được giữ gìn, nghiên cứu và phục hồi nguyên vẹn tại chỗ.</p> <p>3. Những trường hợp không tuân thủ chính sách này có thể được xem xét chỉ ở các nơi mà lợi ích dự kiến của dự án là rất lớn, và việc mất mát hoặc huỷ hoại các tài sản văn hóa được các cơ quan có thẩm quyền đánh giá là không thể tránh khỏi, là nhỏ hoặc nếu không thì cũng ở mức chấp nhận được.</p>	<p>Luật Bảo vệ di sản văn hóa ban hành ngày 29/6/2001 và Nghị định số 92/2002/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/11/2002 về "Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ di sản văn hóa"</p> <p>Điều 32, Luật Bảo vệ di sản văn hóa</p> <p>1. Việc xây dựng các công trình ở khu bảo vệ là di tích của quốc gia và của tỉnh phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>Điều 36, Luật Bảo vệ di sản văn hóa</p> <p>1. Khi phê duyệt dự án cải tạo, xây dựng các công trình nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nếu thấy có khả năng ảnh hưởng xấu đến cảnh quan thiên nhiên và môi trường - sinh thái của di tích, thì phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa - thông tin.</p> <p>2. Trong trường hợp chủ đầu tư dự án cải tạo, xây dựng các công trình có đề nghị, thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa - thông tin có trách nhiệm cung cấp các văn bản liên quan và các yêu cầu cụ thể về bảo vệ di tích để chủ đầu tư lựa chọn giải pháp thích hợp đảm bảo cho việc bảo vệ và phát huy di tích.</p> <p>Điều 37, Luật Bảo vệ di sản văn hóa</p> <p>1. Chủ đầu tư của các dự án cải tạo hoặc xây dựng ở nơi có ảnh hưởng đến di tích có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa - thông tin giám sát quá trình cải tạo, xây dựng công trình đó.</p>

Quy trình thực hiện chính sách an toàn về tài sản văn hoá
Phạm vi của đánh giá tác động văn hoá

Đánh giá tác động văn hoá sẽ có liên quan đến cộng đồng bị ảnh hưởng về:

- (a) Các hệ thống tín ngưỡng và giá trị;
- (b) Các thông tục đặc biệt và các nghi lễ;
- (c) Các loại hình của tổ chức xã hội (hệ thống quan hệ họ hàng, các nhóm gia đình) và các loại hình này có thể được biểu hiện như thế nào trong các sắp xếp tiện nghi và nhà ở, nghĩa vụ yêu cầu, v.v...;
- (d) Các loài đặc biệt linh thiêng, có ý nghĩa về lễ nghi và nghi thức;
- (e) Những nơi thiêng liêng đặc biệt và các địa điểm quan trọng khác (nghĩa trang, các công trình nghệ thuật);
- (f) Ngôn ngữ;
- (g) Các hệ thống luật tục (và các loại luật tục đặc biệt của kiến thức truyền thống và sự tiếp cận, sử dụng và phổ biến những kiến thức này);
- (h) Các cấu trúc chính quyền và chính trị (ra quyết định, v.v... và đặc biệt là người có quyền ra các quyết định liên quan đến những vấn đề đặc biệt);
- (i) Vai trò giới (trách nhiệm về kinh tế, phân phối lao động, các trách nhiệm đối với gia đình và cộng đồng); và
- (j) Các tục lệ gắn liền với vị thế xã hội của các cá nhân và các nhóm người cụ thể (những người già, pháp sư, thủ lĩnh (tộc trưởng), nam giới/phụ nữ là chủ gia đình v.v... và đặc biệt những nghi lễ/luật lệ phải tuân theo khi này sinh những vấn đề liên quan đến các thành viên khác giới).

Đánh giá tác động văn hoá cũng có thể cần tính đến việc đánh giá về văn hoá vật thể của địa phương hoặc các văn hoá vật thể khác của các thế hệ trước, đó là một đánh giá tác động di sản văn hoá. Các đánh giá tác động tài sản văn hoá thường bao gồm các

điều tra khảo cổ học của khu vực tiềm năng sẽ bị ảnh hưởng bởi một đề xuất phát triển. Trong một số trường hợp, các khu khảo cổ có thể đã được phát hiện và đã báo cáo nhưng ý nghĩa của chúng có thể chưa được xác định. Việc phát hiện các khu vực hoặc các vật thể có giá trị khảo cổ khi thực hiện các công việc đào bới. Cũng không phải là hiếm trong trường hợp như vậy có thể phải dừng các hoạt động cho đến khi một đánh giá tác động khảo cổ học được hoàn tất.

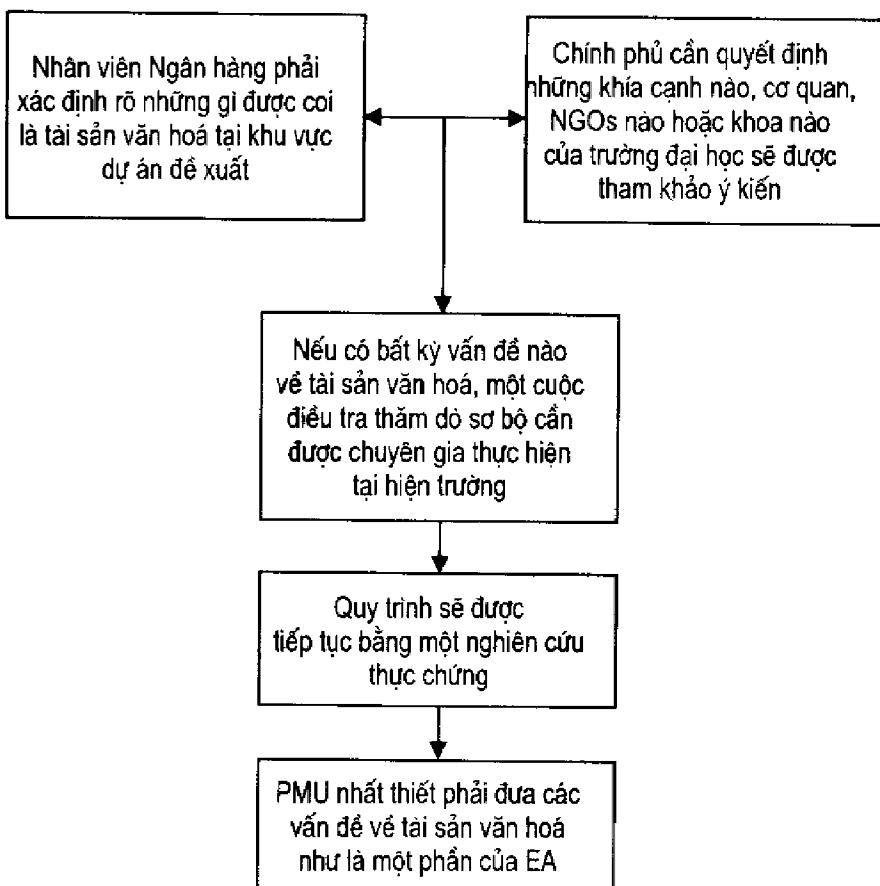
Khi các dự án phát triển được đề xuất thực hiện trong phạm vi các khu vực cư dân bản địa và cộng đồng địa phương, những người có liên quan tới các dự án phát triển đó cần hiểu rằng các khu vực linh thiêng, các vùng hoặc các nơi có ý nghĩa văn hoá có thể có vai trò quan trọng đối với việc bảo tồn và sử dụng sự đa dạng sinh học cũng như việc mở rộng và duy trì nguồn tài nguyên mà các cộng đồng dựa vào đó để tồn tại.

Nếu thấy rằng tác động tiềm tàng của một phát triển đề xuất về một khu vực thiêng liêng cần được đánh giá, thì quá trình đánh giá cũng cần bao gồm việc lựa chọn một khu vực phát triển khác có sự tham vấn những người trông coi khu vực và toàn bộ cộng đồng bị ảnh hưởng. Khi một khu vực linh thiêng sẽ bị ảnh hưởng bởi một đề xuất phát triển, và trong các trường hợp không có luật để bảo vệ khu vực linh thiêng, cư dân và cộng đồng địa phương có thể yêu cầu thực hiện các nghi lễ liên quan đến khu vực dự kiến phát triển.

Các đánh giá tác động tài sản văn hoá liên quan đến các tác động có thể xảy ra của một đề xuất phát triển tới các biểu thị vật chất của tài sản văn hoá một cộng đồng và các đánh giá tác động văn hoá thường là đối tượng điều chỉnh các luật di sản quốc gia. Đánh giá tác động tài sản văn hóa sẽ cần tính tới các giá trị tài sản quốc gia và địa phương.

Quy trình đánh giá

Quy trình đánh giá và bảo vệ tài sản văn hoá trong các dự án do Ngân hàng tài trợ được miêu tả trong Hình 8.1. Thông tin thu thập được trong quá trình điều tra thăm dò sẽ được lồng ghép vào bất kỳ đánh giá tác động môi trường được thực hiện cho dự án đề xuất, và các biện pháp giảm nhẹ chi tiết sẽ được lồng ghép trong kế hoạch quản lý môi trường (EMP).



Hình 8.1: QUY TRÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN TOÀN VỀ TÀI SẢN VĂN HOÁ

Trong thực tế, cơ hội phát hiện tài sản văn hoá trong xây dựng xảy ra tương đối thường xuyên. Ví dụ, gần đây, những người xây dựng đã phát hiện thành cổ ở Hà Nội trong khi xây dựng nhà Quốc hội. Luật Bảo vệ di sản văn hoá của Việt Nam nêu rõ quy trình để giải quyết các trường hợp đó. Điều 37, khoản 2 chỉ ra như sau:

1. Trong quá trình cải tạo, xây dựng công trình thấy có khả năng có các di vật, cổ vật, bảo vật của quốc gia thì chủ dự án phải tạm ngừng thi công và thông báo kịp thời cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hoá - thông tin;

2. Khi nhận được thông báo, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa - thông tin phải có các biện pháp xử lý để đảm bảo tiến độ xây dựng;

3. Trong trường hợp xét thấy cần đình chỉ xây dựng tại địa điểm đó để bảo vệ nguyên trạng di tích, thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa - thông tin phải báo cáo lên cơ quan cấp trên có thẩm quyền quyết định.

Điều đó có nghĩa là trong trường hợp các khu vực hoặc các vật thể có giá trị văn hóa tiềm ẩn được phát hiện trong khi đào bới liên quan đến một dự án phát triển, thì sau đó cần phải ngừng tất cả các hoạt động ở trong và xung quanh khu vực phát hiện cho đến khi hoàn tất công việc đánh giá về khảo cổ học hoặc tài sản văn hóa.

Điều 20 Nghị định số 92/2002/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/11/2002 về “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ di sản văn hóa” quy định các nguồn kinh phí cho điều tra, khai quật khảo cổ khi cải tạo và xây dựng các công trình. Điều này có nêu: “Trong trường hợp cải tạo, xây dựng công trình mà thấy di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, thì nguồn kinh phí để thực hiện các công việc này được quy định như sau:

1. Đối với công trình được xây dựng bằng vốn của nhà nước thì kinh phí thăm dò, khai quật được tính vào tổng vốn đầu tư của công trình đó;

2. Đối với các công trình xây dựng không phải bằng vốn của nhà nước thì kinh phí thăm dò, khai quật được nhà nước cấp.

Bộ Tài chính có trách nhiệm xem xét việc cấp kinh phí thăm dò, khai quật khảo cổ theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh. Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn cụ thể thủ tục bổ sung và cấp kinh phí thăm dò, khai quật đối với các trường hợp quy định tại Điều này”.

Sự thành công trong việc xử lý phát hiện tình cờ sẽ tăng khả năng bảo tồn các tài sản văn hóa vô giá của đất nước cho thế hệ tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Anh

World Bank. *World Bank Safeguards Policies* (www.worldbank.org).

World Bank, 1999. *Operational Policy 4.01 Environmental Assessment* (1999) and associated *BP 4.01*, (1999), Washington DC, World Bank, 1999 (www.worldbank.org).

World Bank, 1998. *Pollution Prevention and Abatement Handbook*, Washington D.C., World Bank, 1998. (www.worldbank.org)

World Bank, Environmental Assessment Sourcebook Update No. 17: Analysis of Alternatives in Environmental Assessment, Dec 1996.

(<http://lnweb18.worldbank.org/ESSD/envext.nsf/47ByDocName/ToolsEnvironmentalAssessmentSourcebookandUpdatesListofAllUpdates>).

World Bank, Environmental Assessment Sourcebook Update No. 9: Implementing Geographic Information Systems in EIA, Jan 1995.
 (<http://lnweb18.worldbank.org/ESSD/envext.nsf/47ByDocName/ToolsEnvironmentalAssessmentSourcebookandUpdatesListofAllUpdates>).

World Bank. 1991. *Environmental Assessment Sourcebook*. 3 vols. Washington, DC: World Bank.

World Bank 1997. *Roads and the Environment: Handbook*.

Asian Development Bank, 2002. *Environment Policy*, Manila, November 2002.

Asian Development Bank, 2003. *Operations Manual (OM) Section 20 FI/BP: Environmental Considerations in ADB operations*, Manila 23rd October, 2003

Asian Development Bank, 2003. *Environmental Assessment Guidelines*, Manila 2003. (<http://www.adb.org/Documents/Manuals/Operations/om20.asp>)

Asian Development Bank. 1996. *ADB Social Safeguards Policies*.

Asian Development Bank. 1998. *Handbook on Resettlement: A guide to Good Practice*.

ASSHTO 1991. *A guide for Transportation landscape and Environmental Design*.

Biswas, A.K. and S.B.C. Agarwala (eds.). 1992. *Environmental Impact Assessment for Developing Countries*. Oxford: Butterworth-Heinemann.

Canter L.W. and Sadler, B.M., 1997. *A Tool Kit for Effective EIA Practice - Review of Methods and Perspectives on their Application*, June 1997.

- Commission of European Communities, 2001. *Guidance on EIA for an EIS Review*, Directorate General for Environment, June 2001.
- Commission of the European Communities. 2001. *EIA Review Checklist*. Luxembourg: Office for Official Publications of the European Communities.
- Commission of the European Communities. 2001. *Guidance on Scoping*. Luxembourg: Office for Official Publications of the European Communities.
- Commission of the European Communities. 2001. *Guidance on Screening*. Luxembourg: Office for Official Publications of the European Communities.
- Cunniff, P.F. 1977. *Environmental Noise Pollution*. New York: John Wiley & Sons.
- ERM (1997) *Public Involvement (PI): Guidelines for Natural Resource Development Projects*, prepared on behalf of UNDP and UN-ESCAP.
- ERM, 2002. *Development of an EIA / SEA System for the Lower Mekong Basin: Proposed System*, April 2002, presented to the Mekong River Commission. This report includes a series of useful guidelines including the following:
- European Commission, Directorate General for Development: *Environmental Integration Manual*, 2001. This Manual provides a host of EIA best practice guidance, sector guides and covers issues such as economic evaluation of environmental impacts.
(http://www.europa.eu.int/comm/development/body/theme/environment/env_integ/env_integration/frameset.html).
- Fortlage, C.A. 1990. *Environmental Assessment: A Practical Guide*. Aldershot, Hants, UK: Gower.
- Jacobs, P. and B. Sadler (eds.). 1989. *Sustainable Development and Environmental Assessment: Perspectives on Planning for a Common Future*. Canadian Environmental Assessment Research Council, Fontaine Building, Hull, Quebec, Canada.
- JBIC, 2002. *Guidelines for Confirmation of Environmental and Social Considerations*, April 2002.
(<http://www.jbic.go.jp/english/environ/guide/finance/index.php>)
- Lee, N. and Colley R., 1992. *Reviewing the Quality of Environmental Statements*, Occasional Paper 24, Manchester, 1992.
- Michael M. Cernea. 1996. *IR in Development Projects: Policy guidelines in World Bank-financed Projects*. World Bank Technical Paper Number 80.
- Michael M. Cernea. 2001. Risk Assessment and management in Involuntary Resettlement.

- PMU 18. Second Rural Transportation Project: Operational Manual. Hanoi, 2001.
- Rau, J.G. and D.C. Wooten (eds.). 1980. *Environmental Impact Analysis Handbook*. New York: McGraw-Hill.
- Rees, W. E. (1988) A Role for Environmental Assessment in Achieving Sustainable Development. *Environmental Impact Assessment Review*. vol. 8 pp.
- SEA Consultants, Inc. 1998. *Resettlement Guidelines*.
- Scholten, J. 1997. *Reviewing EIIs / EIA Reports, Report of the EIA Process Strengthening Workshop, April 4-7, 1995*. Environmental Protection Authority, Canberra.
- Sheppard, S.R. 1989. *Visual Simulation*. New York: Van Nostrand Reinhold.
- Treweek, J (1999) *Ecological Assessment*. Blackwell Science, Oxford.
- United Nations Environment Programme (UNEP) (1988) *Environmental Impact Assessment: Basic Procedures for Developing Countries*. UNEP Regional Office for Asia and the Pacific. Bangkok. 16pp
- United Nations Environment Programme (UNEP) (1996) EIA Training Resource Manual (<http://www.ea.gov.au/assessments/eianet/unepmanual/manual>).
- Winpenny, J.T. 1991 *Values for the Environment: A Guide to Economic Appraisal*. London, Overseas Development Institute.

Tiếng Việt

Hiến pháp Việt Nam năm 1992.

Luật Bảo vệ môi trường (1993).

Luật Đất đai (1993).

Luật Bảo vệ di sản văn hóa (2001).

Pháp lệnh Bảo vệ công trình giao thông. Quốc hội thông qua ngày 02/12/1994.

Nghị định số 92/2002/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ di sản văn hóa.

Nghị định số 17/2001/NĐ-CP về sử dụng vốn ODA.

Nghị định số 22/1998/NĐ-CP về thực hiện Luật Đất đai.

Nghị định số 29/1998/NĐ-CP về thực hiện dân chủ ở xã phường.

Nghị định số 172/1999/NĐ-CP về bảo vệ công trình giao thông đường bộ.

Nghị định số 171/1999/NĐ-CP về bảo vệ công trình giao thông đường sông.

Nghị định số 175/CP (1994) hướng dẫn thực hiện Luật Bảo vệ môi trường.

Thông tư số 490/1998/TT-BKHCNMT hướng dẫn lập và thẩm định báo cáo ĐTM cho các dự án đầu tư của Bộ KHCNMT, ngày 29/4/1998 (thay thế Thông tư 715/MT và 1100/TT-MTg).

Văn bản hướng dẫn đến bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng. NXB Xây dựng, 1999.

Báo cáo kết quả giám sát độc lập về việc thực hiện kế hoạch tái định cư. Dự án năng lượng nông thôn các tỉnh phía Bắc Việt Nam (Lai Châu - Sơn La - Hà Giang). Trung tâm nghiên cứu về tư vấn và phát triển, 12/2001.

Tiêu chuẩn ngành (TCN): Quy trình ĐTM trong nghiên cứu khả thi và thiết kế các công trình giao thông. Tiêu chuẩn thiết kế 22TCN 242-98, Hà Nội, Việt Nam. Bộ Giao thông vận tải, 1998.

Hướng dẫn lập báo cáo ĐTM cho Dự án công trình Giao thông vận tải (Đường bộ, Đường sắt và Cầu). Cục Môi trường, 1999.

Hướng dẫn thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. NXB Lao Động, 2001.

Kỷ yếu hội thảo "Đền bù và giải phóng mặt bằng các dự án xây dựng ở Việt Nam". Hội Khoa học Kỹ thuật Xây dựng Việt Nam tổ chức với sự tài trợ của Ngân hàng Thế giới. Hà Nội, 12-13/09/2002.

Các phụ chương

- Phụ chương A Danh mục các dự án cần thực hiện ĐTM theo luật pháp Việt Nam (các dự án loại 1)
- Phụ chương B Các công cụ dùng xác định phạm vi dự án
- Phụ chương C Tóm tắt đánh giá tác động
- Phụ chương D Nội dung của một kế hoạch tham vấn cộng đồng và công khai hóa thông tin
- Phụ chương E Hướng dẫn mẫu để lập điều khoản tham chiếu cho đánh giá môi trường
- Phụ chương F Các nội dung của một kế hoạch quản lý môi trường
- Phụ chương G Mẫu ví dụ về công cụ để thực hiện kế hoạch quản lý môi trường
- Phụ chương H Phương pháp mẫu dùng để xem xét các phương án thay thế của dự án
- Phụ chương I Chính sách OP 4.01 đánh giá môi trường của Ngân hàng Thế giới
- Phụ chương J Chính sách OP 4.11 về tài sản văn hoá

*Phụ chương A: Danh mục các dự án ĐTM theo quy định
của Chính phủ Việt nam (các dự án loại 1)*

A- Danh mục các dự án cần phải nộp báo cáo ĐTM để thẩm định và phê duyệt

1. Các dự án đầu tư được thực hiện trong hoặc gần các khu vực nhạy cảm về môi trường, tài nguyên, khu vực bảo tồn, khu du lịch, các di tích văn hóa, lịch sử được quốc tế công nhận.
2. Lập kế hoạch:
 - 2.1. Phát triển vùng
 - 2.2. Phát triển ngành
 - 2.3. Phát triển đô thị
 - 2.4. Phát triển khu chế xuất/khu công nghiệp
3. Dầu mỏ và khí đốt:
 - 3.1. Khai thác
 - 3.2. Chế biến
 - 3.3. Vận chuyển
 - 3.4. Kho xăng dầu (dung tích trên 20.000m³)
4. Luyện kim: gồm thép, gang và các nhà máy kim loại (năng suất trên 100.000 tấn sản phẩm/năm).
5. Nhà máy thuộc da (năng suất trên 10.000 tấn sản phẩm/năm)
6. Nhà máy dệt may/nhuộm (năng suất trên 20 triệu mét vải/năm)
7. Nhà máy sơn (năng suất trên 1.000 tấn sản phẩm/năm) và nhà máy chế biến cao su (năng suất trên 10.000 tấn sản phẩm/năm).
8. Nhà máy mía đường (năng suất trên 100.000 tấn mía/năm).
9. Nhà máy chế biến thực phẩm (với năng suất trên 1000 tấn sản phẩm/năm).
10. Nhà đóng lạnh (với công suất trên 1000 tấn sản phẩm/năm).
11. Nhà máy nhiệt điện (với công suất > 200 MW).
12. Nhà máy giấy và bột giấy (với năng suất trên 40.000 tấn bột giấy/1năm).
13. Nhà máy xi măng (với năng suất trên 1 triệu tấn/năm).
14. Khu du lịch và vui chơi giải trí (với diện tích>100 hecta).
15. Sân bay.

16. Cảng (với công suất tấn trên 1000 tấn DWT).
17. Đường sắt, đường tốc hành và đường cao tốc (thuộc cấp 1, 2, 3 theo quy định của TCVN 4054-85) (Với chiều dài trên 50 km).
18. Nhà máy thuỷ điện (với hồ chứa trên 100 triệu m³).
19. Công trình thuỷ lợi (tưới tiêu, thoát nước và ngăn mặn... với diện tích trên 10.000 hecta).
20. Công trình xử lý chất thải (nhà máy xử lý nước thải tập trung với công suất trên 100.000 m³/ngày; chôn rác thải rắn).
21. Nhà máy khai thác khoáng sản và vật liệu xây dựng (với lượng khoáng sản rắn, đất, đá khoảng 100.000m³/năm).
22. Lâm trường khai thác gỗ (mọi quy mô).
23. Trang trại nuôi trồng thuỷ sản (với diện tích trên 200 hecta).
24. Sản suất, kho chứa và sử dụng chất hoá học độc hại (mọi quy mô).
25. Lò phản ứng hạt nhân (mọi quy mô).

Nếu các dự án trên được đầu tư trong khu công nghiệp/khu chế xuất đã có quyết định phê duyệt các báo cáo ĐTM thì chủ đề xuất của các dự án đó chỉ cần chuẩn bị bản "Đăng ký đảm bảo tiêu chuẩn môi trường" trên cơ sở các số liệu và phân tích của các báo cáo ĐTM của chúng.

Phụ chương B: Các công cụ dùng xác định phạm vi dự án

B1- Ma trận tương tác

Ví dụ dưới đây là một ma trận tương tác dùng trong giai đoạn thi công xây lắp cho một nhà máy hoá chất. Các đặc điểm của dự án có thể tác động đến môi trường được liệt kê ở cột bên trái, và các đặc điểm môi trường bị tác động được liệt kê ở hàng đầu của bảng. Các ô có nền bôi màu là yếu tố có tác động tiêu cực hoặc tích cực có thể xảy ra.

	Tự nhiên	Sinh vật	Còn người
Thi công			
Hoạt động khởi thi công			
Khởi bối thi công			
Khi thi công từ ống xả của các phương tiện thiết bị			
Dòng chất lỏng/tố chảy ra biển			
Nước thải công trường			
Nước thải công nghiệp thải ra biển			
Nước thải sinh hoạt			
Bất và nước ngầm			
Gia cố công trình (chống xói mòn đất)			
Thiết bị tái chế/đóng trả nhiên liệu			
Các khu vực nước ngầm			
Quản lý chất thải			
Thải/rút sinh chất thải không độc hại			
Thải/rút sinh chất thải độc hại			
Ôn và đỗ dụng			
Thiết bị/hoạt động thi công			
Chỉnh đốn/đóng đất			
Lấy đất tạm thời			
Lấy đất lâu dài			
Giao thông/vận chuyển			
Vận chuyển đường biển			
Vận chuyển đường bộ			
Đi lại của công nhân			
Nguyên vật liệu			
Khai thác/tử nguồn tài nguyên			
Nội cung cấp vật liệu và thiết bị xây dựng			
Lao động			
Lao động tại công trường			
Nhà ở cho công nhân			
Khu giải trí			
Tiện nghi			
Tương tác (ánh hưởng tích cực)			
Tương tác (ánh hưởng tiêu cực)			
Không tương tác/không ảnh hưởng			
Hỗ trợ/đóng góp			
Tình liên kết và hợp tác			
Các bệnh xã hội			
Tổ chức cộng đồng			
Bí quyết/để chia tách giới			
Điều tra/điều tra			

B2- Ma trận đánh giá sơ bộ

Để tiến hành xác định phạm vi, Ma trận tương tác trên có thể được xây dựng bằng cách đánh giá nhanh mức độ ảnh hưởng có thể của mỗi tác động. Điều này được thực hiện thông qua đánh giá kỹ thuật nhanh và đặc biệt với sự giúp đỡ của những người liên quan có kinh nghiệm về khu vực dự án và có thể quyết định xem liệu môi trường sinh thái của địa phương có thật sự bị ảnh hưởng.

Hình B2 dưới đây trình bày một ví dụ về việc phá bỏ và xây mới một cầu cảng.

*Phụ chương C: Tóm tắt đánh giá tác động***C1- Tóm tắt về đánh giá tác động**

Dưới đây là ví dụ về tóm tắt đánh giá tác động trong giai đoạn thi công của một cầu cảng tại một khu vực cảng:

Tóm tắt các tác động trong quá trình thi công

Loại tác động	Tính chất	Phạm vi tác động	Thời gian	Mức độ
Chất lượng không khí	-	Cục bộ	Tạm thời	Thấp
Chất lượng nước	-	Cục bộ	Tạm thời	Thấp
Chất lượng nước (nạo vét)	-	Cục bộ	Tạm thời	Thấp
Dòng chảy bị thay đổi	-	Cục bộ	Dài hạn	Thấp
Tiếng ồn	-	Cục bộ	Tạm thời	Trung bình
Độ rung (tới con người)	-	Cục bộ	Tạm thời	
Ô nhiễm đất và nước ngầm	-	Cục bộ	Ngắn hạn	Thấp
	-	Cục bộ	Ngắn hạn	Thấp
Ô nhiễm môi trường biển	-	Cục bộ	Ngắn hạn	Thấp
Hệ sinh thái biển	-	Cục bộ	Ngắn hạn	Thấp
Ảnh hưởng tới người sử dụng/hoạt động trên đường	-	Cục bộ	Ngắn hạn	Thấp
Ảnh hưởng tới tàu thuyền/hoạt động trên biển	-	Cục bộ	Ngắn hạn	Trung bình
Ảnh hưởng tới những người sử dụng tài nguyên khác (ví dụ nhóm cộng đồng nghề cá)	-	Cục bộ	Tạm thời	Thấp
Xáo trộn cuộc sống cộng đồng địa phương/thay đổi cảnh quan	-	Cục bộ	Tạm thời	Thấp
An toàn & sức khỏe cộng đồng	-	Cục bộ - khu vực	Ngắn hạn	Nhẹ
Việc làm/kinh tế - xã hội	+	Cục bộ - khu vực	Ngắn hạn	Tích cực

Chú ý: Trong cột “Tính chất” các tác động được phân loại theo tác động tích cực (+) và tác động tiêu cực (-)

C2(a)- Các tác động tiềm tàng về môi trường của các dự án xây dựng cầu - đường bộ, cầu - đường xe lửa

Các tác động tiềm tàng về môi trường	Nguồn		
	Trước thi công xây lắp	Thi công xây lắp	Vận hành khai thác
(1) Môi trường và sự xói mòn đất	x	x	x
(2) Môi trường nước	x	x	x
(3) Chất lượng nước		x	x
(4) Hệ sinh thái (Hệ động vật và hệ thực vật)	x	x	
(5) Các điều kiện sống công cộng và hoạt động kinh tế	x		
(6) Giao đất và tái định cư	x		
(7) Đồng bào dân tộc thiểu số	x	x	
(8) Di sản lịch sử và văn hoá	x		
(9) Cảnh quan và thẩm mỹ	x	x	
(10) Tiếng ồn, độ rung		x	x
(11) Xử lý rác thải		x	x
(12) Rủi ro về môi trường và thiên tai	x	x	x

C2(b)- Các tác động tiềm tàng về môi trường của các dự án phát triển giao thông đường thuỷ, cảng và xây dựng cảng

Nguồn Các tác động tiềm tàng về môi trường	Trước thi công xây lắp	Thi công xây lắp	Vận hành Khai thác	
			Giao thông và chất thải từ tàu	Dịch vụ trên và gần bờ (biển) hoặc bên cạnh (sông)
(1) Môi trường nước	X	X	X	X
(2) Các kỹ thuật về thuỷ học và thuỷ văn học	X	X		
(3) Môi trường đất và trầm tích	X	X		X
(4) Các hệ sinh thái (Hệ động vật và hệ thực vật)	X	X	X	X
(5) Chất lượng không khí		X	X	X
(6) Tiếng ồn, độ rung		X		X
(7) Xử lý rác thải		X	X	X
(8) Chất lượng cảnh quan	X			X
(9) Văn hoá xã hội	X		X	X
(10) Rủi ro về môi trường và thiên tai	X	X	X	X

C3- Danh mục đánh giá của Dự án cấp nước vùng nông thôn

Tỉnh	
Dạng dự án	Cấp nước vùng nông thôn
Tên	
Huyện	
Ngày tháng	
Cán bộ của PPMU	

Vai trò của PPMU	Các quan trắc/Nhiệm vụ chính trong các giai đoạn của tiểu dự án	Đánh giá tác động				Ý kiến/Hành động/Kiến nghị
		Không có	Ít	Trung binh	Nhiều	
GIAI ĐOẠN TIỀN KHẢ THI						
SẮNG LỌC TẠI HIỆN TRƯỜNG	1 Nguy cơ ô nhiễm nghiêm trọng do đổ xả chất thải ở đầu nguồn 2 Xung đột trong sử dụng nước 3 Tái lập để điều hoà nguồn nước 4 Cấp không công bằng cho các hộ gia đình nghèo hơn 5 Hỗ trợ cộng đồng địa phương [giá tiền nước...] 6 Hư hại các khu vực văn hoá/lịch sử 7 Cân bằng nước thô, chỉ ra nhu cầu đã vượt công suất an toàn 8 Ngờ vực chất lượng nước [bị nhiễm mặn, ác-sen-níc...] 9 Các vấn đề khác					
	KẾT LUẬN CHÍNH					PEIA hoặc PEIA/EIA

Vai trò của PPMU	Các quan trắc/Nhiệm vụ chính trong các giai đoạn của tiểu dự án	Đánh giá tác động				Ý kiến/Hành động/Kiến nghị
		Không có	ít	Trung bình	Nhiều	
GIAI ĐOẠN KHẢ THI						
QUAN TRẮC ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MỚI TRƯỞNG SƠ BỘ [PEIA]	<p>1 Nghi ngờ chất lượng nước [nhiễm mặn, bị ác-sen-níc...]</p> <p>2 Bị vượt quá cân bằng nước nhằm đạt tới an toàn về công suất</p> <p>3 Bảo vệ đầu vào chưa đúng</p> <p>4 Ô nhiễm tầng ngầm nước</p> <p>5 Phát triển rong rêu ở hồ chứa nước</p> <p>6 Tăng lượng nước thải</p> <p>7 Tràn nước cống</p> <p>8 Không có thử nghiệm bơm [dữ liệu thiết kế không đúng]</p> <p>9 Các vấn đề do các đường dẫn nước</p> <p>10 Xung đột giữa thiết kế an toàn và mong muốn của cộng đồng</p> <p>11 Các vấn đề tái định cư</p> <p>12 Các vấn đề khác</p> <p>Phụ chương của PEIA vào Báo cáo Khả thi cho Tiểu dự án</p>					
KẾT LUẬN CHÍNH						
GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ						
GIÁM SÁT CÁC TƯ VẤN THIẾT KẾ	<p>1 Khẳng định là các kiến nghị là đúng đắn</p> <p>2 Đảm bảo các kiến nghị đã nằm trong thiết kế</p> <p>3 Đảm bảo các kiến nghị đã nằm trong tài liệu bổ thầu.</p> <p>4 Đảm bảo các kiến nghị được dự toán chính xác</p> <p>5 Chưa có ngân sách để kiểm nghiệm bản thiết kế</p>					Có cần ĐTM Có/Không

Vai trò của PPMU	Các quan trắc/Nhiệm vụ chính trong các giai đoạn của tiểu dự án	Đánh giá tác động				Ý kiến/Hành động/Kiến nghị
		Không có	ít	Trung bình	Nhiều	
GIAI ĐOẠN THI CÔNG XÂY LẮP						
QUAN TRẮC NHÀ THẦU	1 Sói lở bùn đất do hoạt động thi công					
	2 Thi công xây lắp ở nơi công cộng [an toàn/tiếng ồn/bụi]					
	3 Dọn sạch sau khi thi công					
	4 Ngăn dòng chảy					
	5 Hư hại các loại cá/sinh thái trong nước					
	6 Quan trắc trong thi công					
KHAI THÁC VÀ BẢO TRÌ (O&M)						
QUAN TRẮC CÁC HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC CỦA TIỂU DỰ ÁN	1 O&M không đúng dẫn đến làm nước kém an toàn					
	2 Khai thác quá dẫn đến suy giảm chất lượng nước					
	3 Nước kém an toàn dẫn đến người sử dụng kém tin tưởng					
	4 Chất lượng nước thấp dẫn đến các vấn đề về vệ sinh/sức khoẻ					
	5 Không có sự liên kết trong giáo dục về nước, vệ sinh và sức khoẻ					
	6 Xung đột trong cộng đồng					
	7 Ô nhiễm tăng do nguồn nước đầu nguồn					
	8 Các vấn đề khác					
	Gửi ý kiến phản hồi để rút kinh nghiệm cho tiểu dự án tới					

Phụ chương D: Nội dung của một kế hoạch tham vấn cộng đồng và công khai hóa thông tin

D- Ví dụ về nội dung cơ bản của một kế hoạch tham vấn cộng đồng và công khai hóa thông tin

A. Giới thiệu

B. Khu vực dự án

- Mô tả khu vực dự án, bao gồm các số liệu nền về các điều kiện và cơ sở kinh tế, xã hội, văn hóa và chính trị. Các rủi ro tiềm ẩn, những yếu tố nhạy cảm hoặc những vấn đề cần quan tâm phải được đề cập đến trong phần này.

C. Thiết kế dự án

- Mô tả dự án, mục đích và mục tiêu của dự án, cơ quan tài trợ và thực hiện dự án.

D. Khung pháp lý và cơ sở ra quyết định

- Mô tả khung pháp lý và cơ sở ra quyết định của dự án, bao gồm các văn bản pháp lý và thể chế trong nước, và các hiệp ước hoặc hiệp định quốc tế có liên quan. Khung này bao gồm các quy định pháp lý có liên quan đến sự tham gia cộng đồng, và một tóm tắt về trình tự, thời gian và vai trò của các thể chế khác nhau.

E. Quy trình ĐM

- Mô tả các hợp phần của quy trình ĐM và mối liên hệ giữa các hợp phần đó với hợp phần tham gia cộng đồng. Lập kế hoạch cho các hoạt động để quá trình tham gia cộng đồng khớp với quy trình ĐM.

F. Các bên liên quan chính

- Danh sách sơ bộ các bên liên quan cấp địa phương, tỉnh, quốc gia và quốc tế;
- Phân nhóm các bên liên quan.

G. Các mục tiêu của quá trình tham gia cộng đồng

- Trình bày các mục đích mà quá trình tham gia cộng đồng cần đạt được, và mức độ tham gia của cộng đồng. Những mục tiêu và cách thức xây dựng mục tiêu đó phải được điều chỉnh cho phù hợp với dự án.

H. Phương pháp luận và kỹ thuật

- Lựa chọn các phương pháp luận phù hợp để thực hiện những mục tiêu trên. Phần này phải nêu rõ bản chất của các phương pháp và kỹ thuật được lựa

chọn, ai là người được hưởng lợi và sử dụng các phương pháp đó, thời gian và chi phí cần thiết cho các phương pháp đó. Phần này cũng cần được cập nhật lại khi hoàn tất việc lựa chọn các phương pháp luận.

I. Các hoạt động then chốt và lịch trình cho các hoạt động

- Trên cơ sở các phương pháp luận đã được lựa chọn, có thể đưa ra một danh sách các hoạt động chính và lịch trình thực hiện các hoạt động đó. Ở giai đoạn này những vấn đề như điều kiện thời tiết, các ngày lễ quốc gia và lễ hội tôn giáo cần được cân nhắc đến trong quá trình lập kế hoạch. Ngoài ra, có thể cần tiến hành đào tạo cán bộ, dịch tài liệu và tiến hành thử nghiệm các phương pháp. Những vấn đề này có thể làm tăng đáng kể thời gian và chi phí cần thiết để thực hiện kế hoạch tham gia cộng đồng.

J. Vai trò và trách nhiệm

- Vai trò và trách nhiệm của các bên có liên quan đến quá trình tham gia cộng đồng - bao gồm nhóm người làm thực tế, người xây dựng dự án, các cơ quan nhà nước và các đối tác nước ngoài - phải được nêu rõ trong phần này.

K. Ngân sách

- Dự toán chi phí cho việc thực hiện kế hoạch, nêu cụ thể các chi phí thuê người làm và chuẩn bị tài liệu. Một ngân sách đầy đủ là yếu tố rất quan trọng đảm bảo sự thành công của quá trình tham gia cộng đồng.

L. Theo dõi và đánh giá

- Việc theo dõi và đánh giá quá trình tham gia cộng đồng cần được đưa vào trong kế hoạch nhằm đảm bảo rằng kế hoạch đó được cập nhật và điều chỉnh khi có những tiến triển và thông tin mới về dự án, và đảm bảo kế hoạch đang được thực hiện theo đúng yêu cầu đề ra.

M. Báo cáo

- Một bản đề cương về cấu trúc báo cáo có thể giúp định hướng vào mục đích chính của quá trình tham gia cộng đồng và đảm bảo mọi thông tin cần thiết đều được thu thập.

N. Giám sát sau khi ra quyết định

- Kế hoạch phải đảm bảo việc thông báo cho các bên liên quan các quyết định về dự án và giữ liên lạc khi cần thiết.

Phụ chương E: Hướng dẫn mẫu để lập điều khoản tham chiếu cho đánh giá môi trường

E- Điều khoản tham chiếu (TOR) cho công tác đánh giá môi trường

1. Giới thiệu. Phần này cần nêu được mục đích của các điều khoản tham chiếu, xác định dự án phát triển sẽ được đánh giá, và giải thích việc tổ chức thực hiện đánh giá môi trường.

2. Thông tin cơ sở. Bao gồm các thông tin chung cho các bên có thể thực hiện việc đánh giá môi trường, họ có thể là các nhà tư vấn hay các cơ quan nhà nước. Phần này sẽ mô tả vắn tắt các hợp phần chính của dự án đề xuất, tính cấp thiết của dự án, các mục tiêu cần đạt được, cơ quan thực hiện, lịch sử tóm tắt của dự án (bao gồm cả các phương án thay thế cần được xem xét), thực trạng hiện nay của dự án, lịch trình thực hiện và những điểm tương đồng của các dự án liên quan. Nếu tại khu vực dự án có các dự án khác đang được thực hiện hoặc đã được lên kế hoạch mà có thể cạnh tranh cùng các nguồn tài nguyên thì những dự án đó cũng cần phải xác định rõ ở phần này.

3. Các mục tiêu. Phần này sẽ tóm tắt phạm vi chung của hoạt động đánh giá môi trường và đề cập đến yếu tố thời gian trong các giai đoạn chuẩn bị, thiết kế và thực hiện dự án.

4. Các quy định về đánh giá môi trường. Phần này cần nêu rõ các quy định pháp lý và hướng dẫn để quản lý việc thực hiện đánh giá môi trường hay xác định cụ thể nội dung của báo cáo đánh giá. Các yêu cầu này có thể bao gồm bất kỳ hoặc tất cả các quy định sau:

- Chính sách tác nghiệp (OP) và Thủ tục Ngân hàng (BP) 4.01: "Đánh giá môi trường" và các chính sách và thủ tục khác có liên quan;
- Các luật và/hoặc các quy định của nhà nước về xem xét và đánh giá tác động môi trường;
- Các quy định về đánh giá môi trường của khu vực, tỉnh hoặc phường/xã;
- Các quy định về đánh giá môi trường của các tổ chức tài trợ khác tham gia vào dự án.

5. Khu vực nghiên cứu. Xác định cụ thể phạm vi của khu vực nghiên cứu đánh giá môi trường (ví dụ, hệ thống thu dân số). Xem xét các khu vực lân cận hoặc ở xa mà có thể chịu tác động của dự án.

6. Phạm vi công việc. Trong một số trường hợp, các nhiệm vụ do tư vấn thực hiện sẽ được hiểu đầy đủ thông qua các thông tin nêu trong điều khoản tham chiếu. Trong các trường hợp khác, cần hạn chế việc thiếu hụt thông tin hoặc cần tiến hành thêm các nghiên cứu thực địa hoặc mô hình hóa các hoạt động sẽ thực hiện để đánh

giá các tác động và chuyên gia tư vấn sẽ được yêu cầu xác định các nhiệm vụ cụ thể một cách chi tiết hơn để cơ quan chủ dự án xem xét và phê duyệt. Nhiệm vụ 4 trong phạm vi công việc là một ví dụ cho tình huống sau này.

7. Nhiệm vụ 1. Mô tả dự án đề xuất. Trình bày tóm tắt các phần có liên quan của dự án, sử dụng các bản đồ (với tỷ lệ thích hợp) khi cần thiết và phải bao gồm các thông tin sau: Vị trí, bố trí tổng thể, quy mô, công suất; các hoạt động chuẩn bị xây dựng; các hoạt động xây dựng, lịch trình thực hiện, bố trí cán bộ và nguồn lực hỗ trợ, các phương tiện và dịch vụ, hoạt động vận hành và bảo dưỡng, các đầu tư bổ sung ngoài khu vực dự án, chu kỳ dự án (Lưu ý: Có thể sẽ có các loại thông tin riêng phù hợp cho việc miêu tả nhóm dự án liên quan. Xin nêu ra cụ thể trong phần này).

8. Nhiệm vụ 2. Mô tả môi trường. Tập hợp, đánh giá và trình bày các số liệu nền về các đặc điểm môi trường có liên quan của khu vực nghiên cứu. Phần này bao gồm các thông tin về bất kỳ những thay đổi đã được dự báo trước khi bắt đầu dự án. (Chú thích hoặc điều chỉnh các danh sách dưới đây để thể hiện các thông tin quan trọng đối với nhóm dự án này, hoặc các thông tin không phù hợp với dự án. Đặc biệt cần phải tránh thu thập các số liệu không phù hợp).

(a) Môi trường vật lý: địa lý, địa hình, đất, khí hậu và khí tượng, chất lượng không khí xung quanh, nước mặt, nước ngầm, các thông số biển và bờ biển, các nguồn khí thải hiện tồn tại, các nguồn ô nhiễm nước và chất lượng nguồn nước nhận.

(b) Môi trường sinh học: Hệ động vật, hệ thực vật, các loài quý hiếm hoặc bị đe dọa tuyệt chủng, các môi trường sống tự nhiên nhạy cảm, bao gồm các công viên, các khu bảo tồn, các khu tự nhiên quan trọng, v.v... các loài có giá trị về mặt thương mại và các loài có tiềm năng trở thành các mối gây hại, vật truyền nhiễm, vật hại nguy hiểm.

(c) Môi trường văn hóa - xã hội (bao gồm cả môi trường ở thời điểm hiện tại và dự kiến trong tương lai, tùy theo khu vực): Dân số, việc sử dụng đất, các hoạt động phát triển đã quy hoạch, cấu trúc cộng đồng, việc làm, phân phối thu nhập, hàng hóa và dịch vụ, giải trí, y tế cộng đồng, tài sản văn hóa, các dân tộc, tập quán, nguyện vọng và thái độ.

9. Nhiệm vụ 3. Xem xét về quy định và luật pháp. Mô tả các quy định và tiêu chuẩn phù hợp về quản lý chất lượng môi trường, sức khoẻ và an toàn, bảo vệ các khu vực nhạy cảm, bảo vệ các loài bị đe dọa, lựa chọn địa điểm, quản lý sử dụng đất... ở các cấp địa phương, khu vực, quốc gia, quốc tế (Điều khoản tham chiếu phải nêu rõ các quy định và tiêu chuẩn thường được áp dụng và yêu cầu chuyên gia tư vấn phải tìm hiểu thêm các quy định và tiêu chuẩn khác).

10. Nhiệm vụ 4. Xác định các tác động tiềm năng của dự án đề xuất. Phần này sẽ phân tích và phân biệt các tác động tích cực và tiêu cực đáng kể, các tác động gián tiếp và trực tiếp, các tác động trước mắt và lâu dài. Nhận diện các tác động không thể tránh khỏi hoặc các tác động đa chiều. Nếu có thể, mô tả định lượng các

tác động về mặt chi phí và lợi ích môi trường. Quy về giá trị kinh tế nếu có thể. Mô tả mức độ và chất lượng của các số liệu sẵn có, giải thích việc thiếu hụt các thông tin quan trọng và các dự báo không chắc chắn về các tác động. Nếu có thể, xây dựng điều khoản tham chiếu cho các nghiên cứu nhằm thu thập thêm các thông tin còn thiếu (Xác định các loại nghiên cứu đặc biệt có thể cần thiết cho loại dự án này).

11. Nhiệm vụ 5. Phân tích các phương án thay thế cho dự án đề xuất. Mô tả các phương án thay thế đã được đánh giá trong khi triển khai dự án đề xuất và xác định các phương án thay thế khác có khả năng cùng đạt được các mục tiêu như vậy. Khái niệm các phương án thay thế bao gồm việc lựa chọn địa điểm, thiết kế, lựa chọn công nghệ, các kỹ thuật thi công, chia giai đoạn và các thủ tục vận hành và bảo dưỡng. So sánh các phương án thay thế về mặt các tác động môi trường tiềm ẩn; vốn và chi phí hoạt động, tính phù hợp trong điều kiện của địa phương, các yêu cầu về thể chế, đào tạo và giám sát. Khi mô tả các tác động, phải chỉ ra các tác động nào là không thể thay đổi được hoặc không thể tránh khỏi và tác động nào có thể giảm thiểu. Trong một chừng mực có thể, nên lượng hóa các chi phí và lợi ích của từng phương án thay thế, tổng hợp dự toán chi phí của các biện pháp giảm thiểu liên quan. Các phương án thay thế khi không xây dựng dự án cũng cần đưa vào nhằm thể hiện các điều kiện môi trường khi không thực hiện phương án đó.

12. Nhiệm vụ 6. Xây dựng kế hoạch quản lý môi trường (EMP), tập trung vào ba vấn đề chính: các biện pháp giảm thiểu, tăng cường năng lực thể chế và đào tạo, giám sát. Mức độ chú trọng cho mỗi vấn đề phụ thuộc vào các nhu cầu trong từng hoàn cảnh cụ thể của dự án, như đã được xác định trong chính báo cáo đánh giá môi trường.

Giảm thiểu tác động môi trường: Khuyến nghị các biện pháp khả thi và hiệu quả về mặt chi phí nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động tiêu cực đáng kể xuống mức độ có thể chấp nhận được. Dự báo các tác động và chi phí cho các biện pháp giảm thiểu. Đối với các tác động không thể giảm thiểu cần xem xét việc đền bù cho các bên bị ảnh hưởng. Nội dung của kế hoạch quản lý môi trường phải bao gồm dự kiến các chương trình thực hiện, dự toán ngân sách, tiến độ thực hiện, các yêu cầu về cung cấp và đào tạo cán bộ và các dịch vụ hỗ trợ cần thiết khác để thực hiện các biện pháp giảm thiểu.

Đào tạo và tăng cường năng lực thể chế: Xác định các nhu cầu về mặt thể chế để thực hiện các khuyến nghị về đánh giá môi trường. Xem xét chức năng và năng lực của các cơ quan cấp địa phương, tỉnh/khu vực và quốc gia đồng thời khuyến nghị các bước để tăng cường và mở rộng vai trò của các cơ quan đó nhằm thực hiện các kế hoạch quản lý và giám sát trong công tác đánh giá môi trường. Các khuyến nghị có thể dựa đến việc hình thành các quy định và điều luật mới, các cơ quan mới hoặc các chức năng mới của các cơ quan, các thỏa thuận giữa các ngành, các thủ tục quản lý, đào tạo và cung cấp cán bộ, đào tạo vận hành và bảo dưỡng, sử dụng ngân sách và hỗ trợ tài chính.

Giám sát: Chuẩn bị các thỏa thuận chi tiết để giám sát việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu và các tác động của dự án trong quá trình xây dựng và vận hành. Trong kế hoạch phải bao gồm dự toán vốn và các chi phí hoạt động, mô tả các hoạt động đầu vào khác cần thực hiện (như là đào tạo và tăng cường năng lực thể chế).

13. Nhiệm vụ 7. Hỗ trợ việc điều phối giữa các cơ quan liên ngành và việc tham gia của cộng đồng/các tổ chức phi chính phủ (NGO)

Hỗ trợ điều phối hoạt động đánh giá môi trường giữa các cơ quan nhà nước, hỗ trợ việc thu thập ý kiến của các nhóm bị ảnh hưởng và NGO địa phương, hỗ trợ lưu giữ các tài liệu ghi chép của các cuộc họp và các hoạt động khác, hỗ trợ truyền thông, đóng góp ý kiến và việc bố trí chức năng của các cơ quan đó (TOR cần nêu rõ được loại hoạt động; ví dụ, các chỉ dẫn liên ngành về xác định phạm vi môi trường cho các cán bộ dự án và các ủy ban liên ngành, hỗ trợ ban tư vấn môi trường, diễn đàn cộng đồng).

14. Báo cáo. Báo cáo đánh giá môi trường cần ngắn gọn, súc tích và tập trung vào những vấn đề môi trường quan trọng. Nội dung chính của báo cáo cần tập trung vào các phát hiện thu được, các kết luận và các hoạt động khuyến nghị được dẫn chứng bằng các bản tóm tắt các số liệu đã thu thập được và các trích dẫn cho các tài liệu tham khảo được sử dụng để giải thích các số liệu đó. Các số liệu chi tiết hoặc chưa được xử lý không nên đưa vào phần nội dung chính mà phải trình bày ở phần phụ lục hoặc một tài liệu tách riêng. Các tài liệu được sử dụng trong công tác đánh giá mà chưa được công bố cũng nên đưa vào trong một phụ lục. Trình bày báo cáo đánh giá môi trường theo đề cương sau:

Tóm tắt thực hiện

Khung chính sách, pháp lý, hành chính

Mô tả dự án đề xuất

Số liệu nền

Các tác động quan trọng về mặt môi trường

Phân tích các phương án thay thế

Kế hoạch quản lý môi trường

Phụ lục

Danh sách những người tham gia thực hiện đánh giá môi trường

Các ghi chép tham khảo về các cuộc họp tư vấn/giữa các cơ quan/các diễn đàn.

(Đây là mẫu đề xuất trong BP 4.01, phụ lục B; Điều khoản tham chiếu có thể định ra một mẫu khác nhằm đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước với điều kiện những chủ đề được yêu cầu trong hướng dẫn của Ngân hàng phải được đề cập đến).

15. *Nhóm tư vấn.* Công tác đánh giá môi trường đòi hỏi có sự phân tích đa ngành. Trong phần này phải xác định đối với từng loại dự án, chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên môn nào phải có trong nhóm tư vấn.

16. *Lịch trình thực hiện.* Nêu rõ ngày thực hiện đánh giá tiến độ, báo cáo giữa kỳ và báo cáo cuối cùng và các sự kiện quan trọng khác.

17. *Các thông tin khác.* Bao gồm danh sách các nguồn số liệu, các báo cáo và nghiên cứu tổng quan về dự án, các ấn phẩm liên quan và các loại thông tin khác mà chuyên gia tư vấn cần chú ý.

Phụ chương F: Các nội dung của một kế hoạch quản lý môi trường

F1- Nội dung của EMP đối với Dự án cải tạo nâng cấp cảng

ID.	Hoạt động/giải quyết rủi ro	Loại hoạt động	Mức độ tác động	Các biện pháp khắc phục/giảm thiểu	Thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian	Theo dõi/kiểm tra
10.3.1	Khai thác	Chỉ huy khai thác	(1) Biến đổi biến đổi khí tượng không khí	(1) Hưởng dân và tài sản công cộng (2) Thực hiện kế hoạch khẩn cấp	(1) STU4 (2) EPC, Nhà thầu	(1) Lập kế hoạch cho di án (2) Trong thời gian thi công	(2) Cảnh sát/kém ba hoa (đóng hạn như hàn, đúc gốp giày)	
10.3.2	Nạo vét	Đò nạo vét	(1) Biến đổi khí hậu và biến đổi khí hậu (2) Sử dụng máy móc và thiết bị phản ánh (3) Chuyển động biển và biến đổi khí hậu (4) Giảm thiểu do nạo vét	(1) Yêu cầu nhà thầu khẩn (2) Nâng cao khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu	(1) STU4 (2) HSSE5	(1) Lập kế hoạch cho di án (2) Trong quá trình nạo vét	(1) Cảnh sát/kém ba hoa (đóng hạn như hàn, đúc gốp giày)	(2) Cảnh sát/kém ba hoa (đóng hạn như hàn, đúc gốp giày)
10.3.3	Tái chế biến chất	Đò nạo vét	(1) Biến đổi khí hậu và biến đổi khí hậu (2) Sử dụng máy móc và thiết bị phản ánh (3) Chuyển động biển và biến đổi khí hậu (4) Giảm thiểu do nạo vét	(1) Hưởng dân và tài sản công cộng (2) Thực hiện kế hoạch khẩn cấp	(1) STU4 (2) EPC, Nhà thầu	(1) Lập kế hoạch cho di án (2) Trong quá trình thi công	(1) Cảnh sát/kém ba hoa (đóng hạn như hàn, đúc gốp giày)	(2) Cảnh sát/kém ba hoa (đóng hạn như hàn, đúc gốp giày)
10.3.5	Tái chế biến chất	Đò nạo vét	(1) Cảnh sát/kém ba hoa (đóng hạn như hàn, đúc gốp giày) (2) Chợ cây xanh và hoạt động khai thác kho báu ngay	(1) Hưởng dân và tài sản công cộng (2) Sử dụng thiết bị khai thác (3) Các nhân viên là lính và công nhân đang làm việc (4) Các nhân viên là lính và công nhân đang làm việc (5) Các nhân viên là lính và công nhân đang làm việc (6) Các nhân viên là lính và công nhân đang làm việc	(1) STU4 (2) EPC, Nhà thầu (3) Chủ đầu tư/đơn vị thi công (4) Thủ trưởng cơ quan nhà nước	(1) Lập kế hoạch cho di án (2) Trong quá trình thi công	(1) Cảnh sát/kém ba hoa (đóng hạn như hàn, đúc gốp giày)	(2) Cảnh sát/kém ba hoa (đóng hạn như hàn, đúc gốp giày)
10.3.11	Xây dựng Công trình nhà dân	Đò nạo vét	(1) Cảnh sát/kém ba hoa (đóng hạn như hàn, đúc gốp giày)	(1) Yêu cầu nhà thầu khẩn chỉnh sửa/cử nhân (2) Lấy mẫu và phân tích chất lượng bùn rác (3) Xử lý bùn rác theo quy định	(1) STU4 (2) HSSE5 (3) EPC, Nhà thầu	(1) Lập kế hoạch cho di án (2) Trong quá trình thi công	(1) Cảnh sát/kém ba hoa (đóng hạn như hàn, đúc gốp giày)	(2) Cảnh sát/kém ba hoa (đóng hạn như hàn, đúc gốp giày)
10.3.14	Đò nạo vét	Đò nạo vét	(1) Cảnh sát/kém ba hoa (đóng hạn như hàn, đúc gốp giày)	(1) Cảnh sát/kém ba hoa (đóng hạn như hàn, đúc gốp giày)	(1) STU4, HSSE5 (2) EPC, Nhà thầu (3) HSSE5	(1) Lập kế hoạch cho di án (2) Trong quá trình thi công	(1) Cảnh sát/kém ba hoa (đóng hạn như hàn, đúc gốp giày)	(2) Cảnh sát/kém ba hoa (đóng hạn như hàn, đúc gốp giày)

F2- Nội dung mẫu của EMP đối với dự án phát triển thuộc ngành Giao thông vận tải

Tất cả các quy định về môi trường trong giai đoạn thi công xây lắp cần được sử dụng và đưa vào các hợp đồng xây dựng như là một yêu cầu bắt buộc đối với Nhà thầu. Bảng sau đây nêu ra mẫu nhằm minh họa các tác động tiêu cực, các biện pháp giảm thiểu, địa điểm và các cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm đối với mỗi hành động giảm thiểu tác động đó.

Các tác động đối với môi trường và tài nguyên	Các biện pháp giảm thiểu tác động	Địa điểm	Người chịu trách nhiệm	Ghi chú
1. Chất lượng không khí				
- Bụi do các hoạt động xây dựng	Phun nước cho khu vực thi công để hạn chế bụi trong quá trình: (1) đào đất, vận chuyển đất, đá; (2) chuyên chở, bốc, dỡ nguyên vật liệu xây dựng; (3) xây dựng kho chứa nguyên vật liệu; (4) trộn bê tông. Dọn sạch mặt đường hàng ngày hoặc định kỳ.	Công trường và các khu vực lân cận	Nhà thầu	
	Sử dụng các phương pháp vận chuyển vật liệu xây dựng thích hợp như băng tải, tường tẩm ngăn quanh khu vực thi công.	Công trường và các khu vực lân cận	Nhà thầu	
	<ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt các hệ thống đèn và biển báo giao thông. - Quy định đường cho từng phương tiện tùy theo mục đích sử dụng. 	Công trường và các khu vực lân cận	Nhà thầu	
	Trong mọi trường hợp, khu vực công trường cần được dọn dẹp và tôn tạo trở lại như ban đầu sau khi kết thúc các hoạt động xây dựng.	Công trường và các khu vực lân cận	Nhà thầu	
- Ô nhiễm không khí do các hoạt động xây dựng	Không sử dụng các phương tiện và thiết bị đã cũ không đáp ứng tiêu chuẩn Việt Nam về mức phát thải cho phép.	Công trường	Nhà thầu	
	Không vận chuyển nguyên vật liệu và thiết bị vào giờ cao điểm có nhiều phương tiện giao thông trên đường.	Địa điểm dự án	Nhà thầu	

Các tác động đối với môi trường và tài nguyên	Các biện pháp giảm thiểu tác động	Địa điểm	Người chịu trách nhiệm	Ghi chú
	Xe chở nguyên vật liệu phải có bạt che để nguyên vật liệu không bị rơi vãi trên đường vận chuyển.	Địa điểm dự án	Nhà thầu	
	Áp dụng các kỹ thuật tiên tiến, hiện đại trong quá trình xây dựng.	Địa điểm dự án	Nhà thầu	
	Bố trí tuyến giao thông phục vụ việc vận chuyển nguyên vật liệu và di lại.	Địa điểm dự án	Nhà thầu và chính quyền địa phương	
	Tạo khoảng trống giữa khu vực thi công và khu dân cư thành vùng đệm nhằm giảm bớt các tác động do tiếng ồn.	Địa điểm dự án	Nhà thầu và chính quyền địa phương	
	Trong giờ làm việc, công nhân phải đeo mặt nạ và kính bảo vệ.	Địa điểm dự án	Nhà thầu	
	Lập kế hoạch và bố trí phân luồng giao thông đối với các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, tránh ùn tắc gây ô nhiễm không khí.	Công trường và các khu vực lân cận	Nhà thầu	

2. Mức ồn

- Ô nhiễm tiếng ồn do các hoạt động xây dựng	Nếu cần, nghiên cứu tài liệu về độ ồn của nhà máy, thiết bị và công cụ được sử dụng trong dự án, chuẩn bị kế hoạch giảm thiểu tiếng ồn theo yêu cầu.	Công trường và các khu vực lân cận	Nhà thầu	
	Điều chỉnh tốc độ của các phương tiện giao thông và thiết bị xây dựng chạy qua khu vực thi công và khu dân cư.	Công trường và các khu vực lân cận	Nhà thầu và chính quyền địa phương	
	Cấm các loại máy gây nhiều tiếng ồn và rung chấn hoạt động trong khoảng thời gian từ 0h – 5h.	Công trường	Nhà thầu	
	Giảm thiểu tác động ô nhiễm do tiếng ồn và rung chấn. Máy đóng cọc đặt cách xa khu dân cư ít nhất 50m.	Công trường	Nhà thầu	

Tác động môi trường	Các biện pháp giảm thiểu tác động	Địa điểm	Nguồn chịu trách nhiệm
	Lắp các bộ phận ngăn tiếng ồn cho các thiết bị xây dựng gây nhiều tiếng ồn tại khu vực thi công.	Công trường	Nhà thầu
	Bố trí các tuyến giao thông sao cho phù hợp với hoạt động chuyên chở và đi lại.	Công trường	Nhà thầu
	Không sử dụng các thiết bị xây dựng đã cũ, gây tiếng ồn.	Địa bàn dự án	Nhà thầu
	Thiết bị xây dựng được bảo dưỡng đầy đủ trong suốt quá trình thi công.	Công trường	Nhà thầu
	Sử dụng các thiết bị đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam TCVN 5948 - 1995.	Công trường	Nhà thầu
	Xây tường ngăn tạm thời giữa thiết bị xây dựng với khu dân cư.	Địa bàn dự án	Nhà thầu
	Vị trí đặt máy móc, thiết bị phải ở cách xa khu dân cư.	Địa bàn dự án	Nhà thầu
	Sắp xếp lịch làm việc phù hợp, giảm thời gian làm việc ban đêm, đặc biệt tại các khu vực nhạy cảm.	Công trường	Nhà thầu
	Công nhân phải đeo mũ bảo hộ trong thời gian làm việc.	Công trường	Nhà thầu
	Cần có các biện pháp duy trì kỷ luật lao động đối với các hoạt động phải dùng chất nổ.	Địa bàn dự án	Nhà thầu
	Lắp các bộ phận giảm ồn cho các thiết bị xây dựng gây nhiều tiếng ồn như các trạm bơm, máy phát điện và máy nén khí.	Công trường	Nhà thầu

I. Chất lượng nước

- Ô nhiễm nước nói chung	Nguyên nhiên vật liệu ở công trường phải được bảo quản theo quy định của Nhà nước.	Công trường	Nhà thầu
	Xây dựng một số công trình tạm thời như hệ thống thoát nước mưa và hệ thống xử lý nước thải để tận dụng trong xây dựng nếu cần thiết.	Công trường	Nhà thầu

	Các biện pháp giảm thiểu tác động	Địa điểm	
	Nếu cần, tạo bờ đê để đổ đất thải và xây dựng mương thoát nước tạm thời để tránh ô nhiễm nước do xói mòn đất gây ra.	Công trường	Nhà thầu
- Ô nhiễm nước do các hoạt động của con người	Quản lý và kiểm soát chất chẽ kho chứa xăng dầu và chất thải nhiên liệu của các phương tiện vận chuyển và thi công nhằm tránh ô nhiễm nguồn nước.	Công trường, khu vực kho	Nhà thầu
	Để ra các quy định về vệ sinh công cộng, bảo vệ môi trường đối với công nhân trong đó có các quy định về thường và phạt tiền.	Công trường	Nhà thầu
	Đào tạo và tập huấn cho công nhân về các quy định đề cập ở trên.	Công trường và khu lán trại công nhân	Nhà thầu
	Không để vật liệu xây dựng hoặc bố trí khu vực sản xuất ở các khu vực nhạy cảm (ví dụ như nơi có các nguồn nước sinh hoạt).	Địa bàn dự án	Nhà thầu
	Bố trí các hệ thống thoát nước phù hợp.	Địa bàn dự án	Nhà thầu
	Ngăn không cho nhiên liệu, dầu và hóa chất rò rỉ và chảy xuống sông, hồ, ao, v.v....	Địa bàn dự án	Nhà thầu
	Thu gom và đổ nước thải và rác thải sinh hoạt tại các địa điểm thích hợp.	Khu lán trại công nhân	Nhà thầu
	Xay dựng các trạm xử lý tạm thời như bể chứa tự hoại, bãi đổ rác để tránh ô nhiễm nước.	Công trường và khu lán trại công nhân	Nhà thầu
	Để tránh xói mòn đất cần thực hiện các công việc sau trong mùa khô: - San lấp - Đào đắp đá Xe tải dùng để chở vật liệu xây dựng cần tuân thủ quy định của của Sở giao thông công chính địa phương.	Công trường	Nhà thầu

Các tác động đối với môi trường và tài nguyên	Các biện pháp giảm thiểu tác động	Địa điểm	Người chịu trách nhiệm	Ghi chú
	Giảm thiểu diện tích cây trồng bị phá; trồng lại cây và khôi phục lại thảm thực vật; kiểm soát lưu lượng và tốc độ dòng chảy bằng cách xây dựng các hệ thống cống thoát ngầm hợp lý.	Địa bàn dự án	Nhà thầu	
	Để kiểm soát xói mòn đất và bồi lắng tại các vùng nước phải kiểm soát lưu lượng và tốc độ dòng chảy của các khu vực xung quanh đất trồng và con dốc. Áp dụng một số kỹ thuật để ngăn và thu dòng nước trước khi chúng chảy tới các khu vực trên; điều chỉnh hướng dòng nước để giảm lưu lượng.	Công trường	Nhà thầu	
	Trồng cây trên các vùng đất trồng và dốc để giảm xói mòn đất và giữ đất. Việc này cần thực hiện càng sớm càng tốt trong quá trình xây dựng và trước khi xảy ra tình trạng xói mòn nghiêm trọng.	Địa bàn dự án	Nhà thầu	
	Lựa chọn thời gian thích hợp cho các hoạt động xây dựng (tránh mùa mưa) nhằm hạn chế nguy cơ xói mòn đất.	Công trường	Nhà thầu	
	Hạn chế san lấp đất và loại bỏ lớp đất mặt trong quá trình thi công đường.	Công trường	Nhà thầu	
	Kiểm tra hệ thống cống thoát nước theo tuyến đường để tránh ngập lụt khi có mưa to.	Công trường	Nhà thầu	
	Xây dựng bờ dốc và bố trí hệ thống cống thoát tạm thời để tránh sạt lở và xói mòn đất.	Địa bàn dự án	Nhà thầu	
	Nghiên cứu hệ thống thoát nước dọc tuyến đường tại địa bàn triển khai dự án để tránh ngập lụt khi có mưa to.	Địa bàn dự án	Nhà thầu	
	Giảm sát kỹ thuật chặt chẽ trong quá trình xây dựng hệ thống cống thoát nước thải để tránh ô nhiễm đất do cống bị rò rỉ.	Địa bàn dự án	Nhà thầu	

Các tác động đối với môi trường và tài nguyên	Các biện pháp giảm thiểu tác động	Địa điểm	Người chịu trách nhiệm	Ghi chú
5. Bảo tồn tự nhiên và sinh thái				
	Hệ thực vật nằm ngoài phạm vi công trình đào đắp cần được đánh dấu và được xác định rõ bằng các hàng rào tạm thời hoặc đánh dấu.	Địa bàn dự án	Nhà thầu	
6. Các vấn đề kinh tế - xã hội				
- Lao động di cư	Yêu cầu có sự hợp tác giữa chính quyền địa phương, nhà thầu, ban quản lý dự án cấp tỉnh (PPMU). Thực hiện công tác giáo dục nâng cao nhận thức về HIV/AIDS, các bệnh lây truyền qua đường tình dục (STDs), ma túy và mại dâm nhằm thay đổi hành vi của công nhân, từ đó góp phần tăng cường sức khỏe cho công nhân và cộng đồng.	Địa bàn dự án	PPMU, nhà thầu và chính quyền địa phương	
- An toàn giao thông	Bố trí lại các tuyến đường phục vụ chuyên chở nguyên vật liệu dựa trên số lượng phương tiện chuyên chở hiện có.	Địa bàn dự án	PPMU, nhà thầu và chính quyền địa phương	
- An toàn lao động	Sắp xếp kế hoạch thi công và bố trí nhân công thích hợp khi vừa tiến hành thi công vừa san lấp tại khu vực công trường để tránh tình trạng chồng chéo công việc.	Địa bàn dự án	Nhà thầu	
	Phải tuân theo các quy định về an toàn lao động tại khu vực thi công như vị trí đặt thiết bị, máy móc xây dựng, đường dây điện, v.v... để tránh rủi ro trong xây dựng.	Địa bàn dự án	PPMU, Nhà thầu	
	Để vận hành an toàn, cần hướng dẫn và tập luyện cho công nhân cách vận hành, điều khiển máy móc và thiết bị. Có cơ chế thưởng, cấp chứng nhận cho những công nhân thực hiện tốt quy định về vận hành và bảo dưỡng thiết bị.	Địa bàn dự án	Nhà thầu	

Các tác động đối với môi trường và tài nguyên	Các biện pháp giảm thiểu tác động	Địa điểm	Người chịu trách nhiệm	Ghi chú
	Bố trí chỗ ở, cung cấp dịch vụ y tế cho công nhân.	Địa bàn dự án	Nhà thầu và chính quyền địa phương	
	Phải có tài liệu hướng dẫn vận hành đi kèm với các thiết bị, máy móc xây dựng. Thường xuyên kiểm tra các chi tiết kỹ thuật.	Công trường	Nhà thầu	
	Để nguyên vật liệu ở đúng nơi quy định, thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ và tai nạn theo quy định của UBND và ban quản lý dự án tỉnh.	Địa bàn dự án	Nhà thầu	
	Bố trí phân luồng giao thông phù hợp phục vụ cho việc di lại, chuyên chở nguyên vật liệu và thiết bị xây dựng.	Địa bàn dự án	PPMU, nhà thầu và chính quyền địa phương	
	Lắp đặt các hệ thống chiếu sáng tại công trường nếu phải làm việc vào ban đêm.	Công trường	Nhà thầu	
	Để đảm bảo an toàn trong trường hợp khẩn cấp, các thiết bị và phương tiện như tèc nước, bình cứu hỏa, v.v... phải được lắp đặt tại công trường.	Công trường	Nhà thầu	

Phụ chương G: Mẫu ví dụ về công cụ để thực hiện kế hoạch quản lý môi trường

G1- Các thông số môi trường và tài nguyên thiên nhiên cần được xem xét trong các dự án giao thông vận tải

TT	Môi trường và tài nguyên thiên nhiên	Các thông số	Các phương pháp điều tra và quan trắc
1. Điều kiện tự nhiên			
1.1	Vị trí địa lý	Tên địa điểm, thông tin và các điều kiện địa lý của khu vực dự án. Vị trí hành chính và giao thông đi lại.	Tài liệu dự án hoặc các bản đồ của quốc gia
1.2	Các đặc điểm địa hình và địa mạo	Mô tả chi tiết đặc điểm địa hình của khu vực dự án (núi, đồi, đồng bằng, v.v...)	Tài liệu dự án hoặc các tài liệu về địa lý và địa chất liên quan đến khu vực dự án
1.3	Đặc điểm thời tiết, khí tượng, thủy văn	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ - Lượng mưa, độ ẩm - Hướng gió - Các hiện tượng bất thường của thời tiết - Sông, suối, đầm phá, ao hồ (lưu lượng, cơ chế dòng chảy) 	Các tài liệu từ các trạm khí tượng thủy văn khu vực và dữ liệu quan trắc tại thực địa.
2. Các điều kiện kinh tế - xã hội			
2.1	Số dân lao động	Chú ý mức thu nhập của những người dân sống trong khu vực dự án và các khu vực chịu tác động của dự án.	Số liệu thống kê của khu vực và các tài liệu điều tra và thông tin từ câu hỏi phỏng vấn.
2.2	Điều kiện kinh tế	Phát triển các dự án liên quan đến quy hoạch phát triển kinh tế khu vực và của tỉnh.	
2.3	Điều kiện xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ y tế và sức khỏe của cộng đồng - Các bệnh đường hô hấp (đặc biệt là bệnh silicos) - Hệ thống giáo dục và mức độ phổ cập giáo dục - Việc làm và thất nghiệp 	Như 2.2
2.4	Văn hóa, lịch sử	<ul style="list-style-type: none"> - Các công trình văn hóa, lịch sử có giá trị và các khu du lịch đóng tại khu vực thực hiện dự án hoặc ngay sát khu vực dự án sẽ chịu tác động bởi dự án. - Tập quán truyền thống và thói quen của người dân bản xứ có thể ảnh hưởng tới việc thực hiện của dự án. 	

TT	Môi trường và tài nguyên thiên nhiên	Các thông số	Các phương pháp điều tra và quan trắc
3. Tài nguyên thiên nhiên			
3.1	Tài nguyên đất	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng diện tích tự nhiên và chất lượng đất - Tình trạng sử dụng đất (đất nông nghiệp, lâm nghiệp, đất sử dụng với mục đích đặc biệt, đất ở, các mục đích khác, và đất hoang). 	Như 2.2
3.2	Nước mặt	<ul style="list-style-type: none"> - Các đặc điểm của hệ thống thủy văn trong khu vực (sông, hồ, kênh, mương). - Tình hình sử dụng nguồn nước mặt ở khu vực. 	Thu thập thông tin và số liệu từ điều tra cơ bản trong khu vực và điều tra bổ sung.
3.3	Nguồn nước ngầm (và nước khoáng)	<ul style="list-style-type: none"> - Các đặc điểm địa chất và thủy văn của khu vực (tầng chứa nước, mức dự trữ, và chất lượng nước ngầm). - Tình trạng khai thác và sử dụng. 	
3.4	Hệ động vật và thực vật	Số liệu về động và thực vật tại khu vực dự án. Đặc biệt về các loài quý hiếm trong khu vực hoặc các loài có trong sách đỏ.	
4. Hệ thống cơ sở và dịch vụ			
4.1	Giao thông vận tải	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm của tuyến giao thông (cả đường thủy và đường bộ) ảnh hưởng đến hoạt động giao thông của dự án - Tai nạn và tình trạng ùn tắc giao thông 	Các tài liệu từ chính quyền và các cơ quan quản lý địa phương.
4.2	Dịch vụ	Tình hình và khả năng cung cấp dịch vụ và hoạt động thương mại	
5. Môi trường vật lý			
5.1	Chất lượng đất	<ul style="list-style-type: none"> - Hàm lượng chất hữu cơ - Tổng lượng nitơ - Tổng lượng photpho - Độ pH - Các kim loại nặng - Dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp chuẩn độ Mohrsau khi ôxi hóa bằng Kalibicromat. - Phương pháp Kjedahl - Phương pháp trắc quang - Đo pH - Đo quang phổ hấp thụ nguyên tử - Phương pháp đo sắc ký khí
5.2	Chất lượng nước bề mặt, nước ngầm	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ - Độ pH - Hàm lượng chất lơ lửng 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt kế - Máy đo pH với điện cực thủy tinh - Lọc, sấy ở nhiệt độ 105°C

TT	Môi trường và tài nguyên thiên nhiên	Các thông số	Các phương pháp điều tra và quan trắc
		<ul style="list-style-type: none"> - Độ đục - Độ dẫn điện - Tổng lượng khoáng chất - Oxy hòa tan (DO) - Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD5) - Nhu cầu ôxy hóa học (COD) - Lượng Amôniac (NH_4^+) - Nitơ rát (NO_3^-) - Nitơ rit (NO_2^-) - Phosphate (PO_4^{3-}) - Tổng lượng sắt (Fe) - Kim loại nặng (Pb, Fe, etc.) - Thuốc trừ sâu (Tổng lượng Clo hữu cơ) - Hàm lượng dầu - Lượng trực khuẩn 	<ul style="list-style-type: none"> - Máy đo độ đục - Máy đo độ dẫn điện - Máy đo độ khoáng chất - Winkle hoặc điện cực ôxy - Lượng tiêu thụ ôxy sau 5 ngày ở nhiệt độ 20°C - Ôxy hóa bằng $\text{K}_2\text{Cr}_2\text{O}_7$, Nessler/So màu (trắc quang) - Phương pháp giảm cát mì, Diazo hóa/so màu (trắc quang) - Thuỷ phân đến Oytho phốt phát - Đo màu với phương pháp đo quang phổ biến thiên - Đo quang phổ hấp thụ nguyên tử - Phương pháp sắc ký khí - Phương pháp sắc ký theo TCVN 5070-1995 - Lọc qua máy lọc và lấy hạt ở nhiệt độ 43°C
5.3	Chất lượng không khí	<ul style="list-style-type: none"> - CO - SO_2 - NO_2 - HC - Hơi dẫn và bụi - Tổng lượng hạt lơ lửng (TSP) - Các hạt lơ lửng có đường kính dưới 10 μm 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp sắc ký khí theo TCVN 5972-1995 hoặc Folin-Ciocalteu Test - Tetrachloromercurat (TCM/pararosanilin) theo TCVN 5972-1995 - Phương pháp Griss-Silmann theo ISO 6768/1995 - Phương pháp sắc ký khí - Đo quang phổ thu nguyên tử theo ISO 9855/1993 - Phương pháp đo khối lượng theo TCVN 5967-1995 - Máy đo PM10

TT	Môi trường và tài nguyên thiên nhiên	Các thông số	Các phương pháp điều tra và quan trắc
5.4	Độ ồn	<ul style="list-style-type: none"> - L50 - Leq - Lmax 	<ul style="list-style-type: none"> - Mức độ ồn ngang bằng với đồng hồ đo chung - Giống như trên - Giống như trên
5.5	Độ rung	<ul style="list-style-type: none"> - Độ mau - Tốc độ - Tần suất 	<ul style="list-style-type: none"> - Đồng hồ đo độ rung - Giống như trên - Giống như trên

G.2- Một số các bảng biểu mẫu dùng trong công tác thu thập các số liệu điều tra khảo sát, đặc biệt là đối với ngành giao thông vận tải

G.2.1- Đối với môi trường đất

Môi trường đất của khu vực thực hiện dự án đề xuất phải được đánh giá dựa vào các số liệu cơ bản liên quan đến hiện trạng sử dụng đất cho các mục đích phát triển kinh tế khu vực. Tất cả các số liệu cần được thể hiện một cách định lượng và được trình bày theo mẫu bảng đề xuất G.2 sau đây.

**Bảng G.2: HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT TẠI CÁC KHU VỰC DỰ ÁN
ĐỀ XUẤT**

TT	Loại đất	Diện tích (ha)				Ghi chú
		Tổng	I	II	III	
1	Đất nông nghiệp					
2	Đất lâm nghiệp					
3	Đất ở					
4	Loại khác					
					
	Tổng diện tích tự nhiên					

G.2.2- Đối với môi trường nước

Việc đánh giá chất lượng nước (bao gồm cả cho nguồn nước mặt và nước ngầm) đối với Dự án công trình giao thông cần căn cứ vào các kết quả đo đạc và phân tích mẫu nước tại các điểm lấy mẫu theo chỉ tiêu đã nêu. Kết quả phân tích chất lượng nước được thể hiện theo mẫu của Bảng G.3 và G.4 dưới đây.

Bảng G.3: CÁC THÔNG SỐ VÀ THUỘC TÍNH CỦA NƯỚC MẶT

Ngày lấy mẫu:

Khu vực lấy mẫu: Điểm W1

TT	Thông số	Đơn vị	Vị trí lấy mẫu		Phương pháp và dụng cụ lấy mẫu
			Số 1	Số 2	
1	Nhiệt độ	°C			
2	pH				
3	BOD5	mg/l			
4	COD	mg/l			
5	SS	mg/l			
6	DO	mg/l			
7	Độ đục	NTU			
8	Hàm lượng dầu	mg/l			
9	Trực khuẩn	MPN/100ml			
10	Một số kim loại nặng (đo dự án thả ra)				

Bảng G.4: CÁC THÔNG SỐ VÀ THUỘC TÍNH CỦA NƯỚC NGẦM

TT	Thông số	Đơn vị	Vị trí lấy mẫu		Phương pháp và dụng cụ lấy mẫu
			Số 1	Số 2	
1	pH				
2	Khoáng chất hóa (TDS)	mg/l			
3	Ôxi hóa KMnO ₄	mg/l			
4	Độ đục	mg/l			
5	Cl	mg/l			
6	PO ₄ ³⁻	mg/l			
7	NH ₄ ⁺	mg/l			
8	NO ₂ ⁻	mg/l			
9	SO ₄ ²⁻	mg/l			
10	Sắt	mg/l			
11	Hàm lượng SS	mg/l			
12	Tổng lượng alkali	mg/l			
13	Độ rắn	mg/l			
14	Trực khuẩn	MPN/100ml			

G.2.3- Đối với môi trường không khí

Dự án công trình giao thông có rất nhiều tiềm năng gây ô nhiễm môi trường không khí đặc biệt là bụi và khí độc. Do đó các thông số khảo sát, đo đạc cần phải được lựa chọn sao cho phản ánh được một cách chính xác và trung thực nhất về chất lượng môi trường không khí khu vực thực hiện dự án và khu vực lân cận (chứ những tác động trực tiếp hay gián tiếp của dự án). Số liệu về môi trường khí hậu được thể hiện theo mẫu trong Bảng G.5 và G.6 dưới đây.

Bảng G.5: SỐ LIỆU KHÍ TƯỢNG

Vị trí quan trắc:

Ngày quan trắc:

Thời gian và vị trí quan trắc	Hướng gió	Tốc độ gió	Nhiệt độ (C°)	Độ ẩm (%)	Áp suất không khí (mbar)	Phương pháp/ dụng cụ đo

Bảng G.6: CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

Địa điểm lấy mẫu:

Vị trí lấy mẫu:

Ngay lấy mẫu:

Thời gian/dịa diểm lấy mẫu	Nồng độ khí độc hại					Phương pháp/ dụng cụ lấy mẫu
	CO (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO ₂ (mg/m ³)	Hạt (mg/m ³)	
TCVN						

G.2.4- Đối với ô nhiễm ồn và rung

Đánh giá tiếng ồn là một hợp phần quan trọng của báo cáo ĐTM. Để đánh giá mức ồn, phải tiến hành lựa chọn địa điểm sao cho thật thích hợp để có thể xác định những nguồn gây ra tiếng ồn hiện có trong khu vực, đồng thời đánh giá được khả

năng lan truyền âm thanh. Để thuận lợi cho việc theo dõi và giám sát, vị trí các điểm đo đặc chất lượng môi trường không khí nói chung, tiếng ồn nói riêng phải được thể hiện trên một bản đồ ở tỷ lệ thích hợp.

Kết quả đo đặc tiếng ồn có thể được thể hiện theo mẫu Bảng G.7

Bảng G.7: ĐIỀU TRA MỨC ĐỘ ỒN.

Điểm đo: N1

Vị trí đo:

Ngày đo:

Thời gian/ địa điểm đo	Laeq (dBA)	Lamax (dBA)	L50 (dBA)	Phương pháp/dụng cụ đo
TCVN				

Đối với độ rung, cũng tiến hành tương tự như đối với độ ồn.

G.2.5- Đối với điều kiện kinh tế - xã hội

Vì các điều kiện kinh tế - xã hội tại khu vực thực hiện dự án và vùng lân cận sẽ chịu những ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp nhất định, do đó việc khảo sát và đánh giá hiện trạng các điều kiện kinh tế - xã hội của khu vực là một vấn đề cần thiết.

Nội dung điều tra hiện trạng kinh tế - xã hội tại khu vực thực hiện của dự án có thể tham khảo theo bảng mẫu G.8 dưới đây.

Bảng G.8: BẢNG CÂU HỎI ĐIỀU TRA TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Khu vực điều tra:

- Tên của khu vực điều tra:
- Số hộ Tổng dân số Số người trung bình trên hộ
- Tốc độ tăng dân số trung bình %

2. Sử dụng đất:

- Tổng diện tích đất tự nhiên (ha); trong đó diện tích đất nông nghiệp là (ha)
- Diện tích đất sử dụng cho công nghiệp..... (ha); và các mục đích khác(ha)

3. Điều kiện kinh tế

- Số hộ nông dân: (gia đình); số hộ không làm nông nghiệp: (gia đình)
- Số công nhân trong các ngành công nghiệp của địa phương (người)
- Thu nhập trung bình VND/tháng; Mức cao nhất VND/tháng
Mức thấp nhất VND/tháng
- Số hộ bị ảnh hưởng (gia đình); Số hộ nghèo (gia đình)

4. Hệ thống hạ tầng cơ sở và dịch vụ của địa phương:

- Cơ quan, trường học, viện nghiên cứu
- Nhà máy và các doanh nghiệp
- Bệnh viện và phòng khám đa khoa
- Chợ; Khu nghĩa trang
- Nhà văn hóa xã, nhà thờ, đền chùa
- Hệ thống giao thông:

+ Đường đất %	+ Đường đất và đường đá %
+ Đường bê tông %	+ Đường lát gạch %
- Trạm cung cấp điện và nước:

+ Số hộ có điện lưới (hộ gia đình)
+ Số hộ có nước sạch (hộ gia đình)

5. Y tế:

- Số người bị bệnh truyền nhiễm (bệnh nhân);
bệnh mãn tính (bệnh nhân); và bệnh nghề nghiệp (bệnh nhân)

6. Yêu cầu địa phương và các kiến nghị về vệ sinh môi trường:

.....
Thực hiện tại ngày tháng năm

Xác nhận của chính quyền địa phương

Chữ ký của đại diện chủ đầu tư

G.3- Mẫu yêu cầu trong hoạt động xây dựng (dùng cho các nhà thầu xây dựng có liên quan và là nội dung bắt buộc của EMP)

Hoạt động	Mục tiêu	Địa mạo					
THI CÔNG ĐƯỜNG, VẬT LIỆU XÂY DỰNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, ĐÀO ĐẮP, KHOAN THĂM ĐÒ, ĐÀO ĐƯỜNG HẦM, SAN LẤP VÀ KHỎI PHỤC MẶT BẰNG, TRẠI XÂY DỰNG, PHƯƠNG TIỆN VÀ THIẾT BỊ XÂY DỰNG, NỔ Mìn	QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ (KHÔNG KỀ CÁC CÔNG TRÌNH/CƠ SỞ KIÊN CỐ)	TẤT CẢ					
Tác động							
<ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình xây dựng, chất lượng không khí có thể bị suy giảm do bụi từ các hoạt động trên công trường, bãi tập kết vật liệu ngoài trời và từ các phương tiện thi công đi lại trên những đoạn đường dài không rải nhựa. - Khi thải từ các động cơ của các phương tiện và thiết bị thi công, bao gồm cả các máy phát điện có thể ảnh hưởng tới chất lượng không khí. - Khi thải do việc đốt không kiểm soát các loại cây và rác thải có thể làm suy giảm chất lượng không khí tại khu vực. - Việc rời các mảnh vụn từ hoạt động nổ mìn cũng có thể làm ô nhiễm không khí trong một thời gian ngắn. - Đốt các vật liệu lại đường ra vào khu vực xây dựng. 							
Giảm thiểu							
Các yêu cầu tối thiểu	Chỉ dẫn	AM/01/ALL/01					
Kiểm soát bụi:							
<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các hàng rào (chẳng hạn để giảm bụi từ các bãi tập kết vật liệu)... Khi đã tập kết, các bãi này không nên bị xáo trộn. - Ở những nơi có đủ nước cần phun nước định kỳ cho các con đường chưa rải nhựa và các bãi tập kết vật liệu. - Khỏi phục bề mặt bằng cách trống lớp thảm thực vật ngay sau khi tiến hành san lấp đất nhằm giảm nguy cơ gây bụi lâu dài. - Đặt biển giới hạn tốc độ 20 km/h cho các phương tiện thi công tại các con đường ra vào khu vực xây dựng. - Giảm thiểu phạm vi khu vực đào đắp bề mặt cũng như thời gian tồn tại các khu vực đó để giảm nguy cơ gây bụi, và - Ở những nơi có thể, cần áp dụng các phương pháp nổ mìn hiệu quả để giảm thiểu lượng bụi gây ra (ví dụ sử dụng mìn lượng mìn nổ hợp lý). 							
(Lưu ý: Ở địa phương cũng có những quy định riêng về ngăn bụi. Nhà thầu cần tham vấn với Chính quyền địa phương về các quy định cụ thể riêng ở địa phương trước khi tiến hành xây dựng).							
<ul style="list-style-type: none"> - Cần có được sự chấp thuận của cơ quan hữu quan/chính quyền địa phương trước khi đốt các rác thải (bao gồm cả rác thải thực vật) (đặc biệt là ở các lò đốt đã được chỉ định trước). Yêu cầu này được áp dụng đối với cả việc đốt cây giải phóng mặt bằng cho đường vào khu vực thi công. - Đảm bảo các biện pháp chống cháy được sẵn sàng để ngăn cản sự lan tỏa của ngọn lửa tới đường ra vào công trường và để kiểm soát quy mô và phạm vi của các đám cháy. - Đảm bảo việc thực hiện các hoạt động nổ mìn tuân thủ theo các quy định tương ứng. 							
Cây quyết định							
Các chỉ số thực hiện							
Không sử dụng							
Mức độ hành động: 1- Dừng công việc - báo cáo; 2- Khắc phục & Báo cáo ngay; 3- Khắc phục & Báo cáo cùng ngày; 4- Báo cáo tháng							
Thông số	Chỉ số	Đáp ứng	1	2	3	4	Định kỳ báo cáo chính
1	Đốt rác	Lấy giấy phép cần thiết Yêu cầu đăng ký duy tu	Có/không Có/không				1 tháng một lần
2	Hoạt động nổ mìn	Lấy giấy phép cần thiết	Có/không				1 tháng một lần

Phụ chương H: Phương pháp mẫu dùng để xem xét các phương án thay thế của dự án

H- Phương pháp để xem xét các phương án thay thế trong ngành Giao thông vận tải

Một trong những mục tiêu EA là phân tích các tác động môi trường tiềm tàng do việc thực hiện dự án để chọn một giải pháp tối ưu. Do đó, việc so sánh và lựa chọn dự án tối ưu là rất cần thiết.

Dự án tối ưu là dự án có khả năng tránh hoặc giảm được các tác động tiêu cực của dự án. Dự án này có thể được lựa chọn dựa theo quan điểm của các nhà kỹ thuật, các ý kiến của cộng đồng hay của nhóm tư vấn. Dự án tối ưu được chọn dựa trên các kết quả tính toán và so sánh một cách định lượng cho các dự án đề xuất. Các phương pháp chung thường được sử dụng đối với các dự án xây dựng cơ bản của ngành giao thông vận tải là: phân tích chi phí - lợi ích, ma trận định lượng và danh mục về điều kiện môi trường v.v...

Để tiện cho việc so sánh và lựa chọn dự án tối ưu, với từng giai đoạn của dự án cần phải có những vấn đề cần được ưu tiên để phân tích. Chẳng hạn, ở giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi thì các ưu tiên được chọn là lựa chọn tuyến đường hoặc khu vực tiến hành dự án. Nhưng trong giai đoạn nghiên cứu khả thi thì vấn đề ưu tiên lại là phương pháp thiết kế phục vụ thi công xây lắp.

Tuy vậy, trong quá trình so sánh, một số hạng mục không thể/hoặc rất khó định giá thành tiền. Do đó người ta yêu cầu dùng phương pháp Odum để có thể tiến hành so sánh được một cách định lượng theo các khía cạnh kỹ thuật, kinh tế và môi trường.

Phương pháp này nhằm quy đổi các hạng mục có các thứ nguyên khác nhau về cùng một thứ nguyên để dễ dàng đánh giá và so sánh. Từ đó, phương án được lựa chọn sẽ là phương án có tổng điểm của các chỉ số tác động là nhỏ nhất. Thông thường, để áp dụng phương pháp này cần tiến hành theo ba bước sau:

Bước 1: Chọn các hạng mục để so sánh

Các hạng mục dùng so sánh nói chung được phân chia theo các nhóm kỹ thuật, kinh tế và môi trường. Căn cứ theo từng phương án, chúng được liệt kê thông qua các hạng mục và định lượng chúng. Rồi tiến hành xây dựng thành một bảng để diễn các hạng mục đó cùng các giá trị đã xác định được. Cần lưu ý rằng việc liệt kê các hạng mục càng chi tiết bao nhiêu thì việc so sánh sau này sẽ càng thuận lợi bấy

nhiều. Ví dụ, trong một hành lang tuyến đường đã được chọn, người ta thiết lập được hai phương án. Các hạng mục dùng để so sánh được liệt kê trong Bảng H.1

Bảng H.1: LỰA CHỌN CÁC HẠNG MỤC ĐỂ SO SÁNH

Hạng mục	Đơn vị	Phương án	
		Số 1	Số 2
Theo khía cạnh kỹ thuật			
- Chiều dài tuyến	km	6	5
- Khối lượng đào đắp	m ³	500	600
- Chiều dài cầu	m	50	45
- Số lượng cống	cái	20	25
.....
Theo khía cạnh môi trường			
- Thu hồi đất định cư	ha	2	2,5
- Thu hồi đất định canh	ha	4,5	4,3
- Nhà cửa bị di chuyển	cái	29	35
- Chia cắt khu dân cư	km	1	1,2
- Chia cắt khu đất canh tác	km	2,8	2,5
- Diện tích rừng bị chặt phá	km ²	1,2	1,3
- Xáo trộn khu di tích	số lượng	2	1
.....

Bước 2: Lượng hoá các hạng mục

Trong bước này, người ta chuẩn hoá các số liệu trên về cùng một thứ nguyên. Người ta quy định rằng số 1 là đơn vị tính được gán cho thông số có giá trị cao nhất, và dựa vào đó để tính ra hệ số của các hạng mục còn lại. Ví dụ như trong Bảng H.2

Bảng H.2: CHUẨN HOÁ CÁC HẠNG MỤC ĐỂ SO SÁNH

Hạng mục	Phương án	
	Số 1	Số 2
Theo khía cạnh kỹ thuật		
- Chiều dài tuyến	1	0,83
- Khối lượng đào đắp	0,83	1
- Chiều dài cầu	1	0,9
- Số lượng cống	0,8	1
.....
Theo khía cạnh môi trường		
- Thu hồi đất định cư	0,8	1
- Thu hồi đất định canh	1	0,96
- Nhà cửa bị di chuyển	0,83	1
- Chia cắt khu dân cư	0,83	1
- Chia cắt khu đất canh tác	1	0,89
- Diện tích rừng bị chặt phá	0,92	1
- Xáo trộn khu di tích	1	0,5
.....

Bước 3: Chỉnh bình và tính tổng các chỉ số tác động

Bước này rất quan trọng bởi lẽ các giá trị quy cho từng hạng mục cũng như mức độ tác động để mang ý muốn chủ quan của người đánh giá. Do đó bước này phải cần những kiến thức chuyên sâu về mặt kỹ thuật, kinh tế cũng như những hiểu biết sâu sắc về giá trị thực tế của từng hạng mục môi trường thông qua những bài toán đánh giá hệ sinh thái hoặc dự báo những diễn biến của các hệ đó. Điều quan trọng nhất là những giá trị quy cho từng hạng mục thể hiện qua các mức điểm khác nhau phải có được sự thống nhất trong nhóm đánh giá và giữa nhóm đánh giá với các nhà kỹ thuật. Từ các mức điểm đã cho sẽ được đem nhân với từng giá trị đã được lượng hoá của mỗi một hạng mục của mỗi phương án. Phương án được chọn là phương án có tổng chỉ số tác động là thấp nhất. Xem Bảng H.3.

Bảng H.3: TỔNG CÁC CHỈ SỐ TÁC ĐỘNG

Hạng mục	Chỉ số bình	Phương án	
		Số 1	Số 2
Theo khía cạnh kỹ thuật			
- Chiều dài tuyến	4	4	3,32
- Khối lượng đào đắp	3	2,49	3
- Chiều dài cầu	4	4	3,6
- Số lượng cống	2	1,6	2
.....
Theo khía cạnh môi trường			
- Thu hồi đất định cư	4	3,2	4
- Thu hồi đất định canh	4	4	3,84
- Nhà cửa bị di chuyển	5	4,15	5
- Chia cắt khu dân cư	3	2,76	3
- Chia cắt khu đất canh tác	2	2	1,78
- Diện tích rừng bị chặt phá	3	2,76	3
- Xáo trộn khu di tích	2	2	1
.....
Tổng số điểm		32,96	33,54

*Phụ chương I: Chính sách tác nghiệp OP 4.01 về đánh giá
môi trường của Ngân hàng Thế giới*

1. Ngân hàng⁽¹⁾ yêu cầu các dự án xin tài trợ của Ngân hàng phải có Đánh giá Môi trường (EA) để đảm bảo rằng các dự án này bền vững, hợp lý về mặt môi trường và nhờ vậy giúp cải thiện quá trình ra quyết định.

2. EA là quá trình trong đó phạm vi, chiều sâu và loại hình phân tích phụ thuộc vào đặc tính, quy mô và tác động môi trường tiềm năng của dự án đề xuất. EA xem xét các rủi ro và tác động môi trường có thể xảy ra trong khu vực chịu ảnh hưởng của dự án;⁽²⁾ xem xét các phương án thay thế; xác định phương pháp nâng cao sự lựa chọn dự án, chọn địa điểm, lập kế hoạch, thiết kế và thực hiện thông qua ngăn ngừa, giảm thiểu, giảm bớt hoặc điều bù đắp với các tác động môi trường tiêu cực và tăng cường các tác động tích cực. EA bao gồm quá trình giảm nhẹ và quản lý các tác động môi trường tiêu cực trong suốt quá trình thực hiện dự án. Khi có thể được, Ngân hàng Thế giới luôn ủng hộ các biện pháp phòng ngừa bất kỳ khi nào có thể được hơn là các phương pháp giảm nhẹ hoặc điều bù.

3. EA xem xét môi trường tự nhiên (không khí, nước và đất); sức khoẻ và an toàn của con người; các khía cạnh xã hội (tài định cư bắt buộc, dân cư bản địa và tài sản văn hoá);⁽³⁾ và các vấn đề môi trường có tính xuyên quốc gia, toàn cầu.⁽⁴⁾ EA xem xét các khía cạnh xã hội và tự nhiên một cách tổng thể. EA còn xét đến các biến động của dự án và điều kiện của từng nước; các thông tin về nghiên cứu môi trường của từng nước; các kế hoạch hành động môi trường quốc gia; khung chính sách chung, luật pháp và năng lực thể chế liên quan đến các vấn đề môi trường và xã hội; và nghĩa vụ của quốc gia, trong khuôn khổ các hoạt động dự án, đối chiếu với các hiệp định và hiệp ước môi trường quốc tế. Ngân hàng Thế giới không tài trợ cho các dự án mà trong quá trình EA phát hiện thấy hoạt động dự án vi phạm các nghĩa vụ này. EA cần được tiến hành càng sớm càng tốt trong quá trình xem xét dự án và cần được kết hợp chặt chẽ với phân tích kỹ thuật, xã hội, thể chế, tài chính và kinh tế của dự án đề xuất.

4. Bên vay vốn có trách nhiệm thực hiện EA. Với những dự án loại A,⁽⁵⁾ bên vay thuê các chuyên gia EA độc lập, không liên quan đến dự án để thực hiện EA.⁽⁶⁾ Với dự án loại A có rủi ro cao hoặc có khả năng gây tranh cãi hoặc có thể gây những lo ngại về môi trường có tính phức tạp, đa chiều, tổ chức vay vốn thường phải thuê một hội đồng gồm các chuyên gia môi trường độc lập, được quốc tế công nhận, để tư vấn về tất cả các khía cạnh liên quan đến EA cho dự án.⁽⁷⁾ Vai trò của hội đồng tư vấn phụ thuộc vào mức độ chuẩn bị dự án, phạm vi và chất lượng của các công việc EA đã hoàn thành, tại thời điểm Ngân hàng Thế giới bắt đầu xem xét dự án.

5. Ngân hàng Thế giới sẽ thông báo cho tổ chức vay vốn về các quy định EA của Ngân hàng. Ngân hàng sẽ xem xét các thông tin và các khuyến nghị của EA nhằm xác định xem có đủ cơ sở để xem xét tài trợ các dự án không. Khi tổ chức vay vốn đã hoàn thành hoặc hoàn thành một phần EA trước khi Ngân hàng Thế giới tham

gia vào các dự án, Ngân hàng sẽ xem xét EA để đảm bảo rằng EA phù hợp với các chính sách của Ngân hàng. Nếu thích hợp, Ngân hàng sẽ yêu cầu tiến hành thêm một số công việc của EA, bao gồm công báo công khai và tham vấn công chúng.

6. Cuốn Sổ tay phòng chống ô nhiễm mô tả các biện pháp phòng chống ô nhiễm và giới thiệu các mức độ phát thải thường được Ngân hàng chấp nhận. Tuy nhiên, tính đến các điều kiện địa phương và luật pháp của quốc gia, EA có thể khuyến nghị mức độ phát thải khác, các biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm cho dự án. Báo cáo EA phải cung cấp một cách đầy đủ và chi tiết lý do lựa chọn về phạm vi và phương pháp cho từng dự án hoặc địa điểm cụ thể.

Các công cụ EA

7. Phụ thuộc vào từng dự án, có thể áp dụng một số công cụ để đáp ứng các yêu cầu về EA của Ngân hàng Thế giới, bao gồm: Đánh giá tác động môi trường (EIA), EA ngành hoặc vùng, Kiểm toán môi trường, đánh giá nguy cơ và rủi ro, và Kế hoạch quản lý môi trường (EMP).⁽⁸⁾ EA sử dụng một hoặc nhiều công cụ này hoặc sử dụng các thành phần của chúng, tuỳ từng điều kiện thích hợp. Sẽ cần có EA ngành hoặc vùng nếu dự án có khả năng gây ảnh hưởng cấp vùng hoặc ngành.⁽⁹⁾

Sàng lọc môi trường

8. Ngân hàng Thế giới tiến hành sàng lọc môi trường đối với mỗi dự án để xuất để xác định phạm vi và loại hình thích hợp của EA. Ngân hàng Thế giới phân các dự án thành 4 loại, phụ thuộc vào loại hình, vị trí, độ nhạy cảm, quy mô của dự án cũng như đặc tính và mức độ ảnh hưởng tiềm tàng đến môi trường.

(a) *Loại A:* Dự án để xuất được xếp loại A nếu dự án có thể có tác động môi trường tiêu cực đáng kể mang tính nhạy cảm⁽¹⁰⁾, đa dạng, hoặc chưa có tiền lệ. Các tác động này có thể vượt ra ngoài phạm vi dự án tùy thuộc tính chất công việc thi công. EA của dự án loại A sẽ xem xét các tác động môi trường tích cực và tiêu cực tiềm tàng, so sánh với các tác động của phương án thay thế (bao gồm cả tình huống nếu không có dự án), và khuyến nghị các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa, giảm thiểu, giảm nhẹ hoặc bù đắp những tác động tiêu cực và cải thiện tình trạng môi trường. Đối với dự án loại A, tổ chức vay vốn chịu trách nhiệm soạn thảo báo cáo, thông thường là EIA (hoặc một EA vùng hay ngành khá hoàn chỉnh). Báo cáo này bao gồm các yếu tố của các công cụ khác được đề cập ở mục 7.

(b) *Loại B:* Dự án được xếp loại B nếu các tác động môi trường tiềm tàng đến con người hoặc các khu vực có ý nghĩa quan trọng về mặt môi trường, bao gồm: vùng rừng, đồng cỏ, đất ngập nước và các nơi cư trú thiên nhiên, có ảnh hưởng tiêu cực ít hơn các dự án loại A. Các tác động này có tính chất đặc thù đối với từng địa điểm; rất ít (nếu có) trong số chúng là không thể phục hồi; và trong hầu hết các trường hợp, có thể tiến hành các biện pháp giảm nhẹ dễ dàng hơn dự án loại A. Phạm vi của EA cho dự án loại B có thể khác nhau tuỳ từng dự án, song đều hẹp hơn phạm vi EA dự án loại A. Giống như EA dự án loại A, EA dự án loại B xem xét các tác động môi trường tích cực và tiêu cực tiềm tàng

và khuyến nghị các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa, giảm thiểu, giảm nhẹ hoặc bù đắp những tác động tiêu cực và cải thiện các hoạt động môi trường. Các kết luận và kết quả của EA dự án loại B được mô tả ở phần hồ sơ dự án (Tài liệu thẩm định dự án và tài liệu thông tin dự án).⁽¹¹⁾

(c) **Loại C:** Dự án được xếp loại C nếu dự án có khả năng có rất ít hoặc không có tác động tiêu cực.

(d) **Loại FI:** Dự án được xếp loại FI nếu liên quan đến việc đầu tư vốn của Ngân hàng thông qua trung gian tài chính trong các tiểu dự án có thể tạo ra tác động môi trường tiêu cực.

EA cho các loại dự án đặc biệt

Cho vay vốn đầu tư ngành

9. Với những khoản vay đầu tư ngành (SILs),⁽¹²⁾ trong quá trình xây dựng dự án, các cơ quan thực hiện hoặc chủ thể điều phối dự án tiến hành EA thích hợp theo các yêu cầu của quốc gia và các yêu cầu của chính sách này.⁽¹³⁾ Ngân hàng Thế giới thẩm định và nếu cần thiết kết hợp cả các thành phần SILs để tăng cường năng lực của cơ quan điều phối hoặc cơ quan thực hiện để: (a) sàng lọc các tiểu dự án; (b) có chuyên môn để tiến hành EA; (c) xem xét các kết luận và kết quả của EA từng tiểu dự án; và (d) giám sát các điều kiện môi trường trong quá trình thực hiện dự án.⁽¹⁴⁾ Nếu Ngân hàng không chấp thuận năng lực hiện có để tiến hành EA, tất cả các tiểu dự án loại A, các tiểu dự án loại B (bao gồm các báo cáo EA) đều phải được Ngân hàng xem xét và thông qua trước.

Cho vay vốn điều chỉnh ngành

10. Các khoản vay điều chỉnh ngành (SECALs) phải tuân theo các yêu cầu của chính sách này. EA cho SECAL sẽ xem xét các tác động môi trường tiềm năng của các chính sách dự kiến, các hoạt động luật pháp và thể chế của khoản vay.⁽¹⁵⁾

Cho vay vốn qua trung gian tài chính

11. Với các hoạt động qua trung gian tài chính (FI), Ngân hàng yêu cầu các trung gian tài chính phải sàng lọc các tiểu dự án để xuất và đảm bảo rằng tổ chức vay lại vốn tiến hành các EA thích hợp cho các tiểu dự án. Trước khi thông qua một tiểu dự án, các trung gian tài chính (through qua các nhân viên của mình, các chuyên gia bên ngoài hoặc các cơ quan môi trường hiện hành) phải chứng minh được rằng các tiểu dự án đáp ứng được các quy định về môi trường thích hợp của chính quyền địa phương và nhà nước và các tiểu dự án phù hợp với Chính sách tác nghiệp và các chính sách về môi trường khác của Ngân hàng.

12. Trong quá trình thẩm định hoạt động FI, Ngân hàng xem xét tính đầy đủ của các quy định môi trường của quốc gia liên quan đến dự án và các hoạt động EA của các tiểu dự án, bao gồm các cơ chế và trách nhiệm sàng lọc môi trường và rà

diêu chỉnh cơ cấu sắp xuất bản) và các khoản nợ và hoạt động dịch vụ nợ, và cũng bao gồm các dự án thuộc các khoản vay vốn theo chương trình có diêu chỉnh (APL) và khoản cho vay nghiên cứu cải tiến (LIL) và dự án, thành phần dự án được Quỹ môi trường toàn cầu tài trợ. Dự án này được mô tả trong phần kế hoạch 2 của thỏa ước tín dụng/Vốn cho vay. Chính sách này áp dụng cho tất cả các nội dung của dự án, không tính đến nguồn tài chính.

- (2) Xem Phụ lục A để biết định nghĩa. Khu vực chịu ảnh hưởng của dự án của bất kỳ một dự án nào được xác định bằng cách lấy ý kiến của các chuyên gia môi trường và được nêu rõ ở phần điều khoản tham chiếu của EA.
- (3) Xem OP/BP 4.12, Tái định cư bắt buộc (sắp xuất bản); OD 4.20, Dân cư bản địa; và OP 4.11, Quản lý tài sản văn hóa trong các dự án do Ngân hàng tài trợ (sắp xuất bản).
- (4) Các vấn đề môi trường toàn cầu bao gồm thay đổi khí hậu, chất suy giảm tầng ôzôn, ô nhiễm vùng nước quốc tế và tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học.
- (5) Về sàng lọc, xem đoạn 8.
- (6) EA được kết hợp chặt chẽ với các phân tích kỹ thuật, xã hội, thể chế, tài chính và kinh tế của dự án để đảm bảo rằng: (a) các cân nhắc về môi trường được chú trọng trong các quyết định về thiết kế, địa điểm và lựa chọn dự án; (b) EA không làm trì hoãn quá trình xem xét dự án. Tuy nhiên, tổ chức vay vốn đảm bảo rằng các cá nhân, tổ chức tiến hành EA không có liên quan đến dự án. Ví dụ, nếu cần có một EA độc lập thì EA đó không được phép tiến hành bởi các chuyên gia tư vấn được thuê thiết kế kỹ thuật.
- (7) Hội đồng này (khác với hội đồng về các vấn đề an toàn của đập nước như yêu cầu trong OP/ BP 4.37, An toàn đập) tư vấn tổ chức vay vốn một cách cụ thể các vấn đề: (a) diêu khoản tham chiếu của EA; (b) các vấn đề và phương pháp quan trọng để lập EA; (c) các kết luận và khuyến nghị của EA; (d) thực hiện các khuyến nghị của EA; và (e) xây dựng năng lực quản lý môi trường.
- (8) Các thuật ngữ này được định nghĩa ở Phụ lục A. Phụ lục B và C để cập nội dung của báo cáo EA và EMP.
- (9) Hướng dẫn về sử dụng EA vùng và ngành nằm ở Sách nguồn về EA, bản cập nhật số 4 và 15.
- (10) Các tác động tiềm tàng được coi là “nhạy cảm” nếu không thể phục hồi được hoặc gây ra các vấn đề được đề cập ở phần OD 4.20, dân cư bản địa; OP 4.04, khu cư trú tự nhiên; OP 4.11, quản lý tài sản văn hóa trong các dự án do Ngân hàng tài trợ (sắp xuất bản); hay OP 4.12, tái định cư bắt buộc (sắp xuất bản).
- (11) Nếu quá trình sàng lọc xác định hoặc luật pháp quốc gia quy định rằng các vấn đề môi trường được xác định cần có sự quan tâm đặc biệt, các kết luận và kết quả của EA dự án loại B có thể được trình bày trong một báo cáo riêng. Phụ thuộc vào loại hình dự án cũng như đặc tính và mức độ ảnh hưởng, báo cáo này có thể bao gồm: một đánh giá tác động môi trường có giới hạn, một kế hoạch quản lý hoặc giảm thiểu môi trường, một chương trình kiểm toán môi trường hoặc một đánh giá rủi ro. Với các dự án loại B không nằm trong các khu vực nhạy cảm về môi trường và có các vấn đề có phạm vi hẹp, được biết đến và xác định rõ ràng, Ngân hàng có thể chấp thuận các phương án thay thế nhằm đáp ứng các yêu cầu về EA. Ví dụ, các tiêu chí thiết kế hợp lý về mặt

môi trường, các tiêu chí chọn địa điểm, hoặc các tiêu chuẩn về ô nhiễm đối với các nhà máy công nghiệp quy mô nhỏ hoặc các công trình giao thông; và tiêu chí chọn địa điểm hợp lý về mặt môi trường, các tiêu chuẩn xây dựng, hoặc quy trình thanh tra cho các dự án nhà cửa; hoặc các quy trình hoạt động hợp lý về mặt môi trường của các dự án cải tạo đường...

- (12) SILs thường bao gồm việc chuẩn bị và thực hiện các kế hoạch đầu tư hàng năm hoặc các tiêu dự án khi các hoạt động trong suốt quá trình thực hiện dự án được chia nhỏ thành từng giai đoạn.
- (13) Ngoài ra, nếu các vấn đề có tính chất ngành không thể giải quyết qua các EA của tiêu dự án (đặc biệt nếu SIL có khả năng bao gồm các tiêu dự án loại A), tổ chức vay vốn có thể phải tiến hành EA ngành trước khi Ngân hàng thẩm định SIL.
- (14) Theo quy định pháp lý hoặc các điều khoản hợp đồng được Ngân hàng chấp thuận, nếu một trong các chức năng rà soát được tiến hành bởi một chủ thể khác với cơ quan thực hiện hoặc điều phối, Ngân hàng sẽ thẩm định các phương án thay thế; tuy nhiên, các cơ quan thực hiện/điều phối/tổ chức vay vốn vẫn phải chịu trách nhiệm cuối cùng để đảm bảo rằng các tiêu dự án đáp ứng các yêu cầu của Ngân hàng.
- (15) Ví dụ của các hành động đòi hỏi các đánh giá như vậy bao gồm việc tư nhân hóa các doanh nghiệp nhạy cảm về môi trường, các thay đổi việc sử dụng đất ở khu vực có khu cư trú tự nhiên quan trọng.
- (16) Yêu cầu cho các hoạt động FI được xuất phát từ quá trình EA và phù hợp với các quy định trong đoạn 6 của OP này. Quá trình EA xem xét đến loại hình tài chính đang được cân nhắc, đặc tính và quy mô của các tiêu dự án dự kiến và các quy định về môi trường của địa phương nơi thực hiện tiêu dự án.
- (17) Bất cứ FI nào được kết hợp trong dự án sau khi thẩm định sẽ tuân thủ các quy định chung.
- (18) Các tiêu chí để rà soát các tiêu dự án loại B, (các tiêu chí này dựa trên các yếu tố như loại hình và quy mô của tiêu dự án và năng lực thực hiện EA của tổ chức trung gian tài chính), được xác định trong các thoả thuận pháp lý của dự án.
- (19) Với các cách tiếp cận với NGOs, xem GP 14.70, sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ trong các hoạt động do Ngân hàng tài trợ.
- (20) Với các dự án có các nội dung quan trọng về xã hội, các chính sách khác của Ngân hàng, ví dụ như OD 4.20, Dân cư bản địa, và OP/BP 4.12, Tái định cư bắt buộc (sáp xuất bản) cũng yêu cầu cần có các cuộc tham vấn.
- (21) Để thảo luận thêm về thủ tục thông báo công khai, xem các chính sách của Ngân hàng Thế giới về công khai hoá thông tin (tháng 3/1994) và BP 17.50, công bố thông tin tác nghiệp. Các yêu cầu cụ thể về công bố các kế hoạch về tái định cư và kế hoạch phát triển dân cư bản địa được trình bày trong OP/BP 4.12, tái định cư bắt buộc (sáp xuất bản), và OP/BP 4.10, phần chỉnh sửa sáp xuất bản OD 4.20, Dân cư bản địa.
- (22) Xem OP/BP 13.05, Giám sát dự án, (sáp xuất bản).

Phụ lục A: CÁC ĐỊNH NGHĨA

1. Kiểm toán môi trường: Công cụ để xác định đặc tính và phạm vi các lĩnh vực môi trường cần quan tâm của một cơ sở đang hoạt động. Quá trình kiểm toán xác định và chứng minh các biện pháp thích hợp để giảm nhẹ các mối lo ngại, ước tính chi phí cho các biện pháp và khuyến nghị lịch trình thực hiện. Với một số dự án nhất định, báo cáo EA có thể chỉ bao gồm kiểm toán môi trường. Trong các trường hợp khác, kiểm toán là một phần của EA.

2. Đánh giá tác động môi trường (EIA): Công cụ để xác định và đánh giá các tác động môi trường đến tiềm năng của các dự án, đánh giá các phương án thay thế, và thiết kế các biện pháp quan trắc, quản lý và giảm thiểu thích hợp. Các dự án và tiểu dự án cần có EIA để giải quyết các vấn đề quan trọng không được đề cập trong EA ngành và vùng.

3. Kế hoạch quản lý môi trường (EMP): Công cụ chi tiết hóa: (a) các biện pháp cần tiến hành trong quá trình triển khai và thực hiện dự án để xoá bỏ hoặc bù đắp các tác động môi trường tiêu cực, hoặc giảm tác động đến mức có thể chấp nhận được; và (b) các hành động cần thiết để thực hiện các biện pháp này. EMP là một phần của EA loại A (không tính đến các công cụ được sử dụng khác). Các EA của dự án loại B cũng có thể tạo ra một EMP.

4. Đánh giá nguy cơ: Công cụ xác định, phân tích và kiểm soát các nguy cơ liên quan đến sự có mặt của các điều kiện và vật liệu nguy hiểm tại khu vực thực hiện dự án. Ngân hàng yêu cầu cần có đánh giá về nguy cơ cho dự án liên quan đến các vật liệu độc hại, chất phóng xạ, chất nổ và dễ cháy khi chúng có mặt tại khu vực dự án với khối lượng cao hơn ngưỡng quy định. Với một số dự án, báo cáo EA có thể chỉ bao gồm đánh giá nguy cơ. Trong một số trường hợp khác, đánh giá nguy cơ là một phần của EA.

5. Khu vực ảnh hưởng của dự án: Các khu vực có khả năng chịu ảnh hưởng bởi dự án, bao gồm tất cả các vấn đề liên quan, như: hành lang tải điện, đường ống dẫn, kênh đào, đường hầm, nắn tuyến đường, các khu vực đổ thải và các lều lán xây dựng, cũng như các xây dựng phát sinh trong quá trình triển khai dự án (VD định cư tự do, chặt cây, hoặc chuyển đổi nông nghiệp dọc tuyến đường). Ví dụ, các khu vực chịu ảnh hưởng có thể bao gồm: (a) lưu hồ chứa nước có dự án; (b) vùng ven biển và cửa sông chịu ảnh hưởng; (c) các vùng di dân ngoài khu vực dự án hoặc các khu đèn bù; (d) các khu vực không khí (VD ô nhiễm không khí như khói bụi có thể xuất hiện hoặc mất đi trong khu vực chịu ảnh hưởng); (e) các tuyến di dân của con người, sinh vật hoang dã, cá, đặc biệt là ở những nơi ảnh hưởng đến sức khoẻ cộng đồng, các hoạt động kinh tế, hoặc việc bảo vệ môi trường; và (f) các khu vực dành cho các hoạt

động nuôi trồng (săn bắt, đánh cá, nuôi gia súc, nông nghiệp.v.v...) hoặc các mục đích tôn giáo nghi lễ có đặc tính phong tục tập quán.

6. *Đánh giá môi trường vùng*: Công cụ dùng để xem xét các vấn đề môi trường và các tác động có liên quan đến một chương trình, kế hoạch, chính sách hoặc chiến lược cụ thể, hoặc liên quan đến một chuỗi các dự án của một vùng nhất định (VD khu vực đô thị, lưu hồ chứa nước, hoặc vùng ven biển); đánh giá các khía cạnh thể chế và luật pháp liên quan đến các vấn đề và tác động này; và khuyến nghị các biện pháp cụ thể để tăng cường quản lý môi trường trong vùng. EA vùng đặc biệt quan tâm đến các tác động tích luỹ tiềm tàng của tất cả các hoạt động.

7. *Đánh giá rủi ro*: Công cụ để đánh giá xác suất có thể xảy ra nguy hại từ các điều kiện hoặc vật liệu nguy hiểm hoặc có tại khu vực tiến hành dự án. Các rủi ro thể hiện rằng khả năng và tầm quan trọng của nguy cơ tiềm tàng đang được nhận diện. Vì vậy, đánh giá nguy cơ thường được tiến hành trước đánh giá rủi ro, hoặc tiến hành đồng thời hai đánh giá này. Đánh giá rủi ro là một phương pháp phân tích linh hoạt, một cách tiếp cận hệ thống nhằm dàn xếp và phân tích các thông tin khoa học về các hoạt động có tính nguy hại tiềm tàng, hoặc về các chất có thể gây nguy cơ trong một số điều kiện nhất định. Ngân hàng luôn yêu cầu các dự án phải có đánh giá rủi ro, bao gồm việc xử lý, lưu giữ hoặc đỗ thải các vật liệu hoặc chất thải nguy hại, việc xây dựng các đập nước, hoặc các công trình xây dựng ở các vị trí dễ bị tác động của các hoạt động địa chấn hoặc các tổn hại thiên nhiên tiềm tàng khác. Đối với một số dự án, báo cáo EA có thể chỉ bao gồm đánh giá rủi ro. Đối với các dự án khác, đánh giá rủi ro là một phần của EA.

8. *Đánh giá môi trường ngành*: Công cụ xem xét các vấn đề và tác động môi trường liên quan đến các chương trình, kế hoạch, chính sách hoặc chiến lược, hoặc liên quan đến một loạt các dự án trong một ngành (VD năng lượng, giao thông hoặc nông nghiệp); đánh giá và so sánh các tác động của những phương án khác nhau; đánh giá các khía cạnh thể chế và pháp lý liên quan đến các vấn đề và tác động này và khuyến nghị các biện pháp tổng thể để tăng cường quản lý môi trường trong ngành. Đánh giá môi trường ngành đặc biệt quan tâm đến các tác động tích luỹ tiềm tàng của các hoạt động.

Phụ lục B: NỘI DUNG CỦA BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHO CÁC DỰ ÁN LOẠI A

1. Báo cáo đánh giá môi trường (EA) cho các dự án loại A tập trung vào các vấn đề môi trường quan trọng của dự án. Phạm vi và mức độ chi tiết của dự án cần tương xứng với các hoạt động tiềm tàng của dự án. Báo cáo trình nộp cho Ngân hàng bằng tiếng Anh, Pháp hoặc Tây Ban Nha. Phần tóm tắt nội dung bằng tiếng Anh.

2. Báo cáo EA cần bao gồm các phần sau đây (không nhất thiết phải theo thứ tự này):

a) *Tóm tắt tổng quan:* Tóm tắt một cách ngắn gọn các dữ liệu và khuyến nghị.

b) *Khung hành chính, pháp lý và chính sách:* Đề cập khung hành chính, pháp lý và chính sách của EA. Mô tả các quy định môi trường của các đồng tài trợ. Xác định các hiệp định môi trường quốc tế thích hợp và nước xin tài trợ tham gia.

c) *Mô tả dự án:* Đề cập ngắn gọn dự án xin tài trợ và bối cảnh về thời gian, xã hội, sinh thái và địa lý, bao gồm các đầu tư cần thiết (ví dụ, các đường ống, đường xá vào khu dự án, nhà máy điện, cung cấp nước, nhà kho, nguyên vật liệu và kho lưu giữ sản phẩm). Xác định nhu cầu kế hoạch tái định cư hoặc kế hoạch phát triển cho người dân địa phương (xem phần h, v dưới đây). Thông thường bao gồm bản đồ của địa điểm thực hiện dự án và khu vực chịu ảnh hưởng của dự án.

d) *Dữ liệu cơ sở:* Đánh giá các khía cạnh của khu vực nghiên cứu và mô tả các điều kiện kinh tế - xã hội, sinh học, vật lý liên quan, bao gồm các thay đổi dự tính trước khi dự án bắt đầu. Đồng thời tính đến các hoạt động phát triển hiện tại và dự kiến trong khu vực dự án nhưng không liên quan trực tiếp đến dự án. Dữ liệu cần phải thích hợp với các quyết định về vị trí, thiết kế, hoạt động dự án và các biện pháp giảm thiểu. Phần này cũng chỉ rõ tính chính xác, độ tin cậy và nguồn của các dữ liệu.

e) *Các hoạt động môi trường:* Dự báo và đánh giá ở mức độ có thể, định lượng các tác động tiêu cực và tích cực có thể xảy ra của dự án. Xác định các biện pháp giảm thiểu và các tác động tiêu cực không thể giảm thiểu được. Phát hiện các cơ hội để cải thiện môi trường. Xác định và ước tính các phạm vi và chất lượng của dữ liệu hiện có, các thiếu sót dữ liệu chính, và tính đến biến động của các dự báo, và xác định các vấn đề không phải xem xét thêm.

f) *Đánh giá các phương án thay thế:* So sánh một cách hệ thống các phương án thay thế của địa điểm dự án, công nghệ, thiết kế và hoạt động - bao gồm cả tính huống "nếu không có dự án" - so sánh về mặt tác động môi trường tiềm tàng; tính khả thi của việc giảm thiểu các tác động này; vốn và chi phí; tính thích hợp trong điều kiện địa phương; các quy định về quan trắc, đào tạo và thi chế. Với mỗi phương án

thay thế, định lượng hoá các tác động môi trường tới mức độ có thể được và kết hợp các giá trị kinh tế nếu có thể. Xác định cơ sở lựa chọn thiết kế dự án cụ thể và khuyến nghị mức độ phát thải và các biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm.

g) *Kế hoạch quản lý dự án (EMP)*: Bao gồm các biện pháp giảm thiểu, quan trắc và tăng cường thể chế, xem tóm tắt trong phần OP 4.01. Phụ lục C

h) Phụ lục

i) Danh sách những cá nhân và tổ chức thực hiện EA.

ii) Tài liệu tham khảo - tài liệu đã được công bố và chưa được công bố được dùng trong nghiên cứu.

iii) Hồ sơ về các cuộc tư vấn, bao gồm các cuộc tư vấn để lấy ý kiến của các tổ chức phi chính phủ (NGOs) và các nhóm người chịu ảnh hưởng. Hồ sơ này xác định các biện pháp khác với các biện pháp tư vấn (ví dụ như đi khảo sát) để lấy ý kiến của các nhóm chịu ảnh hưởng và các tổ chức phi chính phủ địa phương.

iv) Bảng biểu trình bày các dữ liệu thích hợp được đề cập hoặc tóm tắt trong phần báo cáo chính.

v) Danh sách các báo cáo đi kèm (ví dụ như kế hoạch tái định cư hoặc kế hoạch phát triển đối với dân cư bản địa).

Phụ lục C: KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

Kế hoạch quản lý môi trường (EMP) của dự án bao gồm tập hợp các biện pháp thể chế, quan trắc và giảm thiểu được tiến hành trong quá trình triển khai dự án nhằm loại bỏ các tác động xã hội và môi trường tiêu cực, khắc phục hoặc giảm tác động đến mức có thể chấp nhận được. Kế hoạch cũng bao gồm các hành động cần thiết để thực hiện các biện pháp này. Các kế hoạch quản lý là những yếu tố quan trọng của các báo cáo EA của dự án loại A. Với phần lớn các dự án loại B, EA có thể chỉ tạo ra một kế hoạch quản lý. Để soạn thảo kế hoạch quản lý, tổ chức vay vốn và nhóm thiết kế EA sẽ: (a) xác định tập hợp các ứng phó với tác động tiêu cực tiềm tàng; (b) xác định các yêu cầu để đảm bảo rằng các biện pháp ứng phó được thực hiện một cách hiệu quả và kịp thời; và (c) mô tả các cách thức để đáp ứng được các yêu cầu đó. Một cách cụ thể hơn, EMP bao gồm các thành phần sau đây:

Giảm thiểu

EMP nhận diện các biện pháp khả thi và ít tốn kém nhằm giảm đến mức có thể chấp nhận được các tác động môi trường tiêu cực tiềm tàng chủ yếu. Kế hoạch bao

gồm các biện pháp dồn bù nếu các biện pháp giảm thiểu không khả thi, không hiệu quả về kinh tế và không đầy đủ. Cụ thể EMP sẽ:

- a) Nhận diện và tóm tắt tất cả các tác động môi trường tiêu cực quan trọng có thể thấy trước được (bao gồm các tác động liên quan đến dân cư địa phương hoặc tái định cư bắt buộc);
- b) Mô tả chi tiết kỹ thuật các biện pháp giảm thiểu, bao gồm loại hình tác động có liên quan và các điều kiện cần thiết để thực hiện các biện pháp này (ví dụ, thực hiện liên tục hay trong trường hợp bất thường), cùng với thiết kế, mô tả thiết bị và quy trình hoạt động, nếu thích hợp;
- c) Ước tính các tác động môi trường tiềm tàng của các biện pháp này;
- d) Tạo ra mối liên hệ với các kế hoạch giảm thiểu khác cần thiết để tiến hành dự án (ví dụ như các giải pháp tái định cư bắt buộc, dân cư địa phương, hoặc tài sản văn hóa).

Quan trắc

Quan trắc môi trường trong quá trình triển khai dự án cung cấp thông tin về các vấn đề môi trường chủ yếu của dự án, đặc biệt là tác động môi trường của dự án và hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu. Các thông tin này giúp tổ chức vay vốn và Ngân hàng đánh giá thành công của việc giảm thiểu trong quá trình giám sát dự án, và cho phép tiến hành các biện pháp điều chỉnh cần thiết. Vì vậy, EMP xác định mục tiêu quan trắc và cụ thể hóa loại hình quan trắc, với mối liên quan đến các tác động đã được đánh giá trong báo cáo EA và biện pháp giảm thiểu được mô tả trong EMP. Một cách cụ thể, phần quan trắc của EMP cung cấp:

- a) Mô tả cụ thể các chi tiết kỹ thuật của các biện pháp quan trắc, bao gồm các thông số đo đạc, phương pháp sử dụng, vị trí lấy mẫu, tần xuất lấy mẫu, giới hạn phát hiện và định nghĩa của ngưỡng cần tiến hành biện pháp điều chỉnh.
- b) Quy trình quan trắc và báo cáo để: (i) đảm bảo phát hiện sớm các điều kiện cần tiến hành các biện pháp giảm thiểu cụ thể; và (ii) cung cấp thông tin về tiến trình và kết quả giảm thiểu.

Xây dựng năng lực và đào tạo

Để hỗ trợ kịp thời và hiệu quả việc thực hiện các thành phần dự án và các biện pháp giảm thiểu, EMP mô tả trong các đánh giá của EA về sự tồn tại, vai trò, và năng lực của các khu cư trú tự nhiên tại nơi thực hiện dự án hoặc mở rộng các đơn vị hiện có, đào tạo cán bộ, nhằm thực hiện các khuyến nghị của EA. Một cách cụ thể, EMP cung cấp mô tả cụ thể về cơ cấu tổ chức chịu trách nhiệm tiến hành các biện pháp quan trắc và giảm thiểu (VD hoạt động, theo dõi, cường chế, giám sát thực

hiện, các hành động khắc phục, tài chính, báo cáo và đào tạo cán bộ). Để tăng cường năng lực quản lý môi trường của các cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện, hầu hết các EMP còn bao gồm một hoặc nhiều chủ đề sau: (a) chương trình hỗ trợ kỹ thuật; (b) mua sắm trang thiết bị, và (c) các thay đổi về tổ chức.

Lịch triển khai và Dự toán

Với cả ba vấn đề (giảm thiểu, quan trắc và xây dựng năng lực), EMP cung cấp: (a) lịch triển khai các biện pháp phải được thực hiện, chỉ ra từng giai đoạn và sự điều phối với các kế hoạch triển khai dự án tổng thể; và (b) dự toán về vốn đầu tư và chi phí thường xuyên và nguồn vốn để thực hiện EMP. Các con số này cũng được lồng ghép vào bảng chi phí dự án tổng thể.

Lồng ghép của EMP vào dự án

Quyết định bắt đầu dự án của tổ chức vay vốn và quyết định ủng hộ dự án của Ngân hàng được thực hiện với giả định là EMP sẽ được thực hiện một cách hiệu quả. Kết quả là Ngân hàng đòi hỏi kế hoạch phải rất cụ thể trong việc mô tả các biện pháp quan trắc và giảm thiểu riêng biệt và các trách nhiệm của cơ quan quản lý. Kế hoạch phải lồng ghép vào quy hoạch, thiết kế, ngân sách và quá trình thực hiện của dự án tổng thể. Sự lồng ghép này được tiến hành thông qua việc thiết lập EMP trong dự án sao cho kế hoạch nhận được ngân sách và giám sát cùng với các thành phần khác.

*Phụ chương J: Chính sách OP 4.11 về tài sản văn hoá
của Ngân hàng Thế giới*

Quản lý các tài sản văn hoá trong các dự án do Ngân hàng tài trợ

Giới thiệu

1. Thuật ngữ của Liên hợp quốc “tài sản văn hoá” bao gồm các địa điểm có giá trị về khảo cổ học (thời tiền sử), cổ sinh vật, lịch sử, tôn giáo và giá trị tự nhiên độc nhất vô nhị. Do đó, tài sản văn hoá bao gồm cả những di vật do các tiền bối để lại (ví dụ rác, mồ mả và các bãi chiến trường) và cả các đặc tính môi trường tự nhiên độc nhất như các hẻm núi và các thác nước. Sự mất mát nhanh chóng các tài sản văn hoá ở nhiều nước là không thể tránh khỏi và thường là không cần thiết. Thông tin cơ bản chi tiết về tất cả mọi lĩnh vực này thuộc bản dẫn giải này có trong tài liệu kỹ thuật có cùng tên gọi, và có thể tìm thấy ở Văn phòng các vấn đề môi trường và khoa học, Ban chính sách dự án, là nơi sẵn sàng hỗ trợ khi có yêu cầu.

Hướng dẫn chính sách

2. Chính sách chung của Ngân hàng Thế giới về tài sản văn hoá là hỗ trợ trong công tác giữ gìn các tài sản văn hoá, tìm cách không tàn phá các tài sản văn hoá, đặc biệt là:

(a) Thông thường, Ngân hàng cắt giảm tài trợ cho các dự án sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho các tài sản văn hoá không thể thay thế được và chỉ tài trợ cho các dự án tại các địa điểm và được thiết kế để có thể phòng ngừa được các thiệt hại nói trên;

(b) Ngân hàng sẽ tài trợ cho việc bảo vệ và tôn tạo các tài sản văn hóa gấp phải trong các dự án do Ngân hàng tài trợ, mà không hỗ trợ cho các dự án bỏ qua việc bảo vệ đó. Trong một số trường hợp, dự án phải dịch chuyển địa điểm tối nhất để các địa điểm, công trình văn hóa được giữ gìn, nghiên cứu và phục hồi nguyên vẹn ngay tại chỗ. Trong một số trường hợp khác thì các công trình có thể được di chuyển, giữ gìn, nghiên cứu và phục hồi ở các địa điểm thay thế khác. Thường thì việc nghiên cứu khoa học, thu hồi chọn lọc và giữ gìn trong bảo tàng trước khi bị huỷ hoại đều rất cần thiết. Đa số các dự án này nên có cả hoạt động đào tạo và tăng cường năng lực thể chế cho các cơ quan được đưa trực tiếp vào nội dung của dự án chứ không nên trì hoãn và đưa vào một công việc về sau và các chi phí phải được tính gộp vào chi phí tổng thể của dự án.

(c) Những trường hợp không tuân thủ chính sách này có thể được xem xét chỉ ở những nơi các lợi ích dự kiến của các dự án là rất lớn, và việc mất mát hoặc huỷ hoại các tài sản văn hoá được các cơ quan có thẩm quyền đánh giá là không thể tránh khỏi, là thứ yếu hoặc nếu không thi cũng ở mức có thể chấp nhận được. Các chi tiết cụ thể biện giải cho những trường hợp không tuân thủ phải được thảo luận trong văn bản dự án.

(d) Chính sách này phù hợp cho tất cả các dự án mà Ngân hàng tham gia không cứ là nội dung dự án có khả năng gây tác động đối với tài sản văn hoá có do Ngân hàng tài trợ hay không.

Hướng dẫn thủ tục

3. Việc quản lý tài sản văn hoá của một quốc gia là trách nhiệm của phía Chính phủ. Tuy nhiên, trước khi tiến hành một dự án, thoảng thấy có nguy cơ gây thiệt hại cho các tài sản văn hoá (ví dụ bất kể một dự án nào có các hoạt động đào bới ở quy mô lớn, dịch chuyển đất, làm biến đổi hoặc phá huỷ môi trường) thì cán bộ Ngân hàng phải: (1) xác định những điểm đã biết về các khía cạnh liên quan đến tài sản văn hoá thuộc địa điểm dự kiến để xuất của dự án. Chính phủ nên tập trung chú ý một cách cụ thể vào các khía cạnh này và các cơ quan chính phủ, cần lấy ý kiến của các tổ chức phi chính phủ hoặc các trường đại học; (2) nếu có bất kỳ thắc mắc nào về tài sản văn hoá trong khu vực thực hiện dự án thì phải có một chuyên gia tiến hành khảo sát trước tại hiện trường.